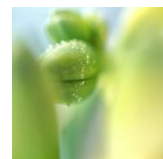


BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

**DỰ ÁN “NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH E-LONG (VIỆT NAM)
(NHÀ MÁY SẢN XUẤT CÁC SẢN PHẨM NHỰA VỚI QUY MÔ
100.000.000 SẢN PHẨM/NĂM TƯƠNG ĐƯƠNG 10.000 TẤN
SẢN PHẨM/NĂM)”**

**Lô 31 Cụm A3, KCN Đồng Xoài III, phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai,
Việt Nam**



CÔNG TY TNHH E-LONG (VIỆT NAM)



BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Của Dự án

**NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH E-LONG (VIỆT NAM)
(NHÀ MÁY SẢN XUẤT CÁC SẢN PHẨM NHỰA VỚI
QUY MÔ 100.000.000 SẢN PHẨM/NĂM TƯƠNG ĐƯƠNG
10.000 TẤN SẢN PHẨM/NĂM)**

Địa chỉ:

Lô 31 Cụm A3, KCN Đồng Xoài III, phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai,
Việt Nam



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Thu Hương



SO MAN

Đồng Nai, tháng 01 năm 2026

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
DANH MỤC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT.....	4
DANH MỤC BẢNG	5
DANH MỤC HÌNH	8
MỞ ĐẦU	9
Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN.....	13
1. Tên chủ dự án.....	13
2. Tên dự án đầu tư	13
2.1. Vị trí dự án	13
2.2. Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, môi trường:.....	16
2.3. Quy mô dự án (Phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công)	16
2.4. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:	16
2.5. Phân nhóm dự án đầu tư.....	16
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư:.....	17
3.1. Công suất sản xuất của dự án đầu tư.....	17
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án.....	17
3.3. Sản phẩm của dự án	20
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nhu cầu sử dụng nước.....	21
4.1. Nguyên, nhiên liệu, hóa chất.....	21
4.2. Nhu cầu sử dụng điện.....	24
4.3. Nhu cầu sử dụng nước.....	24
5. Các thông tin liên quan khác đến dự án.....	26
5.1. Máy móc, thiết bị	26
5.2. Các hạng mục công trình.....	27
5.3. Tiến độ thực hiện dự án.....	31
5.4. Vốn đầu tư.....	31
5.5. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án	31
5.6. Nguồn nhân lực	31
Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NẴNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	33
1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:	33
1.1. Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia.....	33
1.2. Nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch vùng	33
1.3. Nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch tỉnh.....	34

1.4.	Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch Khu công nghiệp	35
2.	Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải.....	36
Chương III. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ		38
1.	Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật	38
1.1.	Thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án: ..	38
1.2.	Các đối tượng nhạy cảm về môi trường bị tác động của dự án	38
2.	Môi trường tiếp nhận nước thải của dự án.....	39
2.1.	Đặc điểm tự nhiên khu vực nguồn nước tiếp nhận nước thải	39
2.2.	Chất lượng nguồn nước tiếp nhận	44
2.3.	Các hoạt động khai thác, sử dụng nước	44
2.4.	Hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải	44
2.5.	Hiện trạng của Khu công nghiệp Đồng Xoài III.....	44
2.6.	Đơn vị quản lý công trình thủy lợi trong trường hợp xả nước thải vào công trình thủy lợi: Không có.	47
3.	Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án:	47
3.1.	Kết quả đo đạc, lấy mẫu phân tích, đánh giá hiện trạng môi trường khu vực tiếp nhận	47
3.2.	Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường khu vực dự án trước khi triển khai xây dựng.....	47
Chương IV. ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG		49
1.	Đánh giá tác động tác động môi trường.....	49
1.1.	Đánh giá, dự báo các tác động trong giai đoạn triển khai, thi công xây dựng dự án đầu tư	49
1.2.	Đánh giá tác động giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị dự án đầu tư.....	49
1.3.	Đánh giá tác động trong giai đoạn dự án đi vào vận hành.....	58
2.	Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.....	74
2.1.	Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án	74
2.2.	Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị dự án	75
2.3.	Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào hoạt động	79
3.	Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	99
3.1.	Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư.....	99
3.2.	Kế hoạch xây lắp công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường.....	99
3.3.	Tóm tắt dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	100
3.4.	Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường ..	100

4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy chi tiết của những kết quả dự án về các tác động môi trường có khả năng xảy ra trong quá trình triển khai dự án đầu tư ...	100
Chương V. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	103
1. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với nước thải	103
1.1. Nội dung cấp phép xả nước thải.....	103
1.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải	103
1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:	104
2. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với khí thải	104
2.1. Nguồn phát sinh khí thải	104
2.2. Vị trí, lưu lượng khí thải	105
2.3. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải	106
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:	107
3.1. Nguồn phát sinh:	107
3.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	107
4. Quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường.....	108
4.1. Quản lý chất thải	108
4.2. Phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường	110
Chương VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	112
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	112
1.1. Thời gian dự án thực hiện vận hành thử nghiệm	112
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	112
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật	113
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	113
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	114
2.3. Chương trình quan trắc định kỳ khác.....	114
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.....	114
Chương VII. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	115
PHỤ LỤC BÁO CÁO	118

DANH MỤC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BCT	: Bộ công thương
BOD	: Nhu cầu oxy sinh học
BTNMT	: Bộ Tài nguyên và Môi trường
BYT	: Bộ Y tế
COD	: Nhu cầu oxy hóa học
CP	: Chính phủ
CTNH	: Chất thải nguy hại
CTRCNTT	: Chất thải rắn công nghiệp thông thường
DO	: Oxy hòa tan
ĐTM	: Đánh giá tác động môi trường
HTXLKT	: Hệ thống xử lý khí thải
HTXLNT	: Hệ thống xử lý nước thải
NĐ	: Nghị định
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
QĐ	: Quyết định
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
TT	: Thứ tự
UBND	: Ủy ban nhân dân
XLNT	: Xử lý nước thải

DANH MỤC BẢNG

Bảng I.1. Tọa độ địa lý giới hạn của dự án	14
Bảng I.2. Nhu cầu nguyên, nhiên liệu tại dự án	21
Bảng I.3. Nguyên, vật liệu phụ trợ giai đoạn ổn định	21
Bảng I.4. Tính chất hóa lý của các hóa chất sử dụng tại dự án	22
Bảng I.5. Bảng thống kê cân bằng vật chất nguyên, nhiên liệu sử dụng.....	23
Bảng I.6. Nhu cầu sử dụng điện tại dự án	24
Bảng I.7. Lượng nước sử dụng cho hoạt động tại dự án	25
Bảng I.8. Số lượng máy móc, thiết bị tại dự án.....	26
Bảng I.9. Bố trí mặt bằng nhà xưởng dự án hiện tại	27
Bảng I.10. Bảng tiến độ thực hiện dự án	31
Bảng I.11. Số lượng công, nhân viên tại dự án	31
Bảng III.1. Nhiệt độ không khí trung bình trong giai đoạn 2018 - 2022 (°C) (Trạm Đồng Xoài)	40
Bảng III.2. Lượng mưa trung bình qua các tháng trong giai đoạn 2018 - 2022 (mm) (Trạm Đồng Xoài)	40
Bảng III.3. Độ ẩm không khí trung bình trong giai đoạn 2018 - 2022 (%) (Trạm Đồng Xoài)	41
Bảng III.4. Số giờ nắng trong giai đoạn 2018 - 2022 (Giờ) (Trạm Đồng Xoài).....	42
Bảng III.5. Bảng tiêu chuẩn tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Đồng Xoài III .	46
Bảng IV.1. Tổng hợp các hoạt động và nguồn gây tác động môi trường trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị tại các giai đoạn	49
Bảng IV.2. Hệ số các chất ô nhiễm trong khói hàn.....	51
Bảng IV.3. Mức ồn của các thiết bị chuyên dùng tại khoảng cách 1,5 m.....	52
Bảng IV.4. Nồng độ và tải lượng nước thải sinh hoạt tại dự án.....	53
Bảng IV.5. Bảng tóm tắt các tác động môi trường trong quá trình vận hành sau khi điều chỉnh, cấp đi vào hoạt động ổn định.....	58
Bảng IV.6. Thành phần, tính chất nước mưa chảy tràn.....	59
Bảng IV.7. Nồng độ và tải lượng nước thải sinh hoạt tại dự án.....	60
Bảng IV.8. Tác động của các chất ô nhiễm trong nước thải	60
Bảng IV.9. Số lượng phương tiện vận chuyển ra vào nhà máy	61
Bảng IV.10. Khối lượng nhiên liệu tiêu thụ của nhà máy.....	62
Bảng IV.11. Tải lượng khí thải khi tiêu thụ 1 tấn nhiên liệu	62

Bảng IV.12. Tải lượng khí thải từ hoạt động giao thông vận chuyển hàng hóa	62
Bảng IV.13. Tải lượng các chất ô nhiễm của khí thải khi đốt trấu viên.....	64
Bảng IV.14. Nồng độ ô nhiễm khí thải phát thải tại dự án	64
Bảng IV.15. Thành phần và khối lượng CTRCNTT phát sinh tại nhà máy	67
Bảng IV.16. Thành phần và khối lượng CTNH phát sinh tại nhà máy	68
Bảng IV.17. Thông số kỹ thuật của bể tự hoại 5 ngăn tại dự án	81
Bảng IV.18. Thông kê HTXL bụi và khí thải tại dự án	84
Bảng IV.19. Vị trí và tọa độ xả khí thải tự dự án	84
Bảng IV.21. Khối lượng CTRCNTT phát sinh sau khi dự án đi vào hoạt động.....	87
Bảng IV.22. Khối lượng dự kiến chất thải nguy hại phát sinh tại dự án khi đi vào hoạt động	89
Bảng IV.23. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung tại dự án	91
Bảng IV.24. Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn.....	91
Bảng IV.25. Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với độ rung	91
Bảng IV.26. Bảng kê khai trang thiết bị, phương tiện sử dụng cháy nổ	97
Bảng IV.27. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.....	99
Bảng IV.28. Kế hoạch xây lắp công trình bảo vệ môi trường.....	99
Bảng IV.29. Danh mục và kinh phí chương trình quản lý môi trường	100
Bảng IV.30. Bảng bố trí nhân sự cho công tác bảo vệ môi trường	100
Bảng IV.31. Đánh giá độ tinh cậy của phương pháp lập báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường	101
Bảng V.1. Quy chuẩn kỹ thuật xả thải.....	105
Bảng V.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung tại dự án	107
Bảng V.3. Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn.....	107
Bảng V.4. Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với độ rung.....	107
Bảng V.5. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tự dự án.....	108
Bảng V.6. Khối lượng chất thải công nghiệp thông thường tại dự án	109
Bảng VI.1. Thời gian vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường.....	112

DANH MỤC HÌNH

Hình I.1. Vị trí dự án trong KCN Đồng Xoài III.....	15
Hình I.2. Quy trình sản xuất móc treo áo (từ hạt nhựa tái sinh).....	17
Hình I.3. Hình ảnh sản phẩm tại dự án.....	20
Hình I.4. Sơ đồ tổ chức quản lý dự án.....	31
Hình IV.1. Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa	79
Hình IV.2. Cấu tạo bể tự hoại.....	80
Hình IV.3. Quy trình xử lý bụi, khí thải phát sinh tại dự án	83
Hình IV.4. Sơ đồ quản lý rác thải sinh hoạt tại dự án	86
Hình IV.5. Sơ đồ quản lý CTRCNTT tại dự án	88
Hình IV.6. Sơ đồ quản lý CTNH tại dự án.....	90
Hình IV.7. Sơ đồ ứng cứu sự cố khi cháy nổ của Nhà máy	96

MỞ ĐẦU

A. Tóm tắt về xuất xứ, hoàn cảnh ra đời của dự án đầu tư

Công ty TNHH E-Long (Việt Nam) được Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên với mã số doanh nghiệp số 3801184403, đăng ký lần đầu ngày 19/09/2018 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 29/12/2025; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 8725437368 chứng nhận lần đầu ngày 14/09/2018 và chứng nhận thay đổi lần thứ năm ngày 17/10/2024 cấp bởi Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Bình Phước. Công ty đã được Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh theo mã số địa điểm kinh doanh: 00001 đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 09 năm 2025 và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 5418204170 chứng nhận lần đầu ngày 12/01/2026 bởi Ban Quản lý các khu công nghiệp, khu kinh tế tỉnh Đồng Nai tại Lô 31 cụm A3, KCN Đồng Xoài III, phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai.

Công ty TNHH E-Long (Việt Nam) đã được cấp Giấy phép môi trường số 11/GPM-UBND ngày 31/03/2025 bởi UBND tỉnh Bình Phước cho dự án “Nhà máy sản xuất, gia công hạt nhựa với quy mô 100.000 tấn sản phẩm/năm; các sản phẩm nhựa với quy mô 500.000.000 sản phẩm/năm; chế tạo và gia công khuôn bằng kim loại với quy mô 20 sản phẩm/năm” tại Lô A2-1, KCN Đồng Xoài III, xã Đồng Phú, tỉnh Đồng Nai. Hiện tại dự án đang trong quá trình hoàn thiện việc lắp đặt máy móc, thiết bị và các công trình xử lý môi trường theo Giấy phép môi trường đã được cấp và tiếp tục thực hiện hoạt động vận hành thử nghiệm theo đúng tiến độ.

Nhận thấy nhu cầu thị trường của ngành nghề nhựa ngày càng mở rộng, Công ty đã thực hiện mở rộng dự án sản xuất các sản phẩm từ hạt nhựa tại Lô 31 cụm A3, KCN Đồng Xoài III, Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai (Thuê lại nhà xưởng xây dựng sẵn của Công ty TNHH Jaycee) với tổng diện tích khoảng 10.617,2 m², quy mô đầu tư 100.000.000 sản phẩm/năm, tương đương 10.000 tấn sản phẩm/năm.

Tổng vốn đầu tư dự án: 52.300.000.000 VNĐ (Theo Giấy CNĐT số: 5418204170). Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; mục số 3, phần I phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 thì Dự án nhóm C được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về Luật đầu tư công số 58/2024/QH15 và không thuộc Danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

Căn cứ quy định khoản 1, Điều 39 của Luật Bảo vệ môi trường và khoản 1, Điều 26 của Nghị định số 131/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12/06/2025 Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước

của Bộ Nông nghiệp và Môi trường thì dự án thực hiện báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp GPMT cấp tỉnh (Ban Quản lý các khu công nghiệp, khu kinh tế tỉnh Đồng Nai) theo mẫu tại phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.

B. Căn cứ pháp lý

Các văn bản luật

- Luật Phòng cháy chữa cháy số 27/2001/QH10 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29/6/2001; Luật Phòng cháy và Chữa cháy số 40/2013/QH13 được Quốc Hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 22/11/2013.

- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 được Quốc Hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006.

- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 được Quốc Hội Nước CNXHCN Việt Nam thông qua ngày 21/11/2007.

- Luật Lao động số 10/2012/QH13, được Quốc Hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 18/06/2012.

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được Quốc Hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 18/06/2014.

- Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 được Quốc Hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 25/06/2015.

- Luật Bảo vệ môi trường Việt Nam số 72/2020/QH14 được Quốc Hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020.

Các Nghị định

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật An toàn lao động.

- Nghị định số 82/2018/NĐ – CP ngày 22/05/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

- Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

- Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/07/2022 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

Các Thông tư:

- Thông tư số 01/2021/TT – BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

- Thông tư số 10/2021/TT – BTNMT ngày 30/06/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường;

- Thông tư số 16/2021/TT – BXD ngày 20/12/2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 18:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn trong thi công xây dựng;

- Thông tư số 02/2022/TT – BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

- Thông tư số 07/2025/TT – BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT – BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

Liệt kê các tiêu chuẩn, quy chuẩn

- QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn khu vực công cộng và dân cư.

- QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

- QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

- QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức cho phép tiếp xúc tiếng ồn trong môi trường làm việc.

- QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép của vi khí hậu trong môi trường làm việc.

- QCVN 27:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung – giá trị cho phép của độ rung trong môi trường làm việc.

- QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng.

- QCVN 19:2024/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.

C. Các văn bản pháp luật liên quan đến Dự án

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên, mã số doanh nghiệp số 3801184403, đăng ký lần đầu ngày 19/09/2018 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 29/12/2025 của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai cấp.

- Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh mã số 00001 đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 09 năm 2025 cấp bởi Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 5418204170 chứng nhận lần đầu ngày 12/01/2026 bởi Ban Quản lý các khu công nghiệp, khu kinh tế tỉnh Đồng Nai.

- Hợp đồng thuê nhà xưởng ngày 08/07/2025 giữa Công ty TNHH E-Long (Việt Nam) và Công ty TNHH JAYCEE.

- Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của Công ty TNHH JAYCEE theo mã số AA 01679860 ngày 08/10/2025 cấp bởi Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai.

- Giấy phép xây dựng số 39/GPXD ngày 04/10/2024 của Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp cho Công ty TNHH JAYCEE.

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 127/TD-PCCC ngày 02/08/2024 của Công an tỉnh Bình Phước cấp.

- Thông báo số 87/TB-BQL ngày 26/06/2025 của Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng của Công ty TNHH JAYCEE.

Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên chủ dự án

CÔNG TY TNHH E-LONG (VIỆT NAM)

- Địa chỉ văn phòng: Lô A2-1, Khu công nghiệp Nam Đồng Phú, xã Đồng Phú, tỉnh Đồng Nai;
- Người đại diện: Ông. SO MAN; Chức vụ: Giám đốc;
- Hộ chiếu số: KJ 0170873; Ngày cấp: 27/05/2011; Nơi cấp: Bộ công an Hong Kong.
- Địa chỉ thường trú: Flat 309, 3/F, Hong Leong Industrial Complex, No4, Wang Kwong road, Kowloon Bay, Hong Kong.
- Địa chỉ liên lạc: Tòa nhà Sora Garden I, Lô C18 Đại Lộ Hùng Vương, Phường, Bình Dương, Tp.HCM.
- Điện thoại: 0902 807 999.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV, mã số doanh nghiệp số 3801184403, đăng ký lần đầu ngày 19/09/2018 và thay đổi lần thứ 3 ngày 29/12/2025 cấp bởi Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai.
- Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh mã số 00001 ngày 19/09/2025 cấp bởi Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai tại Lô 31 Cụm A3, KCN Đồng Xoài III, Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 5418204170 chứng nhận lần đầu ngày 12/01/2026 cấp bởi Ban Quản lý các khu công nghiệp, khu kinh tế tỉnh Đồng Nai.

2. Tên dự án đầu tư

Nhà máy Công ty TNHH E-Long (Việt Nam)

(Nhà máy sản xuất các sản phẩm nhựa với quy mô 100.000.000 sản phẩm/năm tương đương 10.000 tấn sản phẩm/năm)

2.1. Vị trí dự án

Địa điểm thực hiện dự án: Lô 31 Cụm A3, KCN Đồng Xoài III, Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Dự án có vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Đông giáp: Giáp với Công ty TNHH Jason Furniture Việt Nam (Nhà máy sản xuất nội thất từ gỗ).
- Phía Tây giáp: Đường số 5, đối diện là khu cây xanh (khu vực đệm của KCN với khu vực xung quanh).

- Phía Nam giáp: Công Ty TNHH Strategic Golden Crown Việt Nam (Nhà máy sản xuất mũ bảo hiểm).
- Phía Bắc giáp: Đường số 6, đối diện là khu cây xanh (khu vực đệm của KCN với khu vực xung quanh).

Tọa độ địa lý giới hạn của dự án:

Bảng I.1. Tọa độ địa lý giới hạn của dự án

Điểm	X (m)	Y (m)
1	1273044	704382
2	1273043	704439
3	1272894	704446
4	1272895	704338
5	1273008	704335
6	1273027	704345
7	1273039	704364

(Theo hệ tọa độ VN 2000, Kinh tuyến trực: 106°15' và múi chiếu: 3°)

Nguồn: Công ty TNHH E-Long (Việt Nam)



Nguồn: Google Earth - KCN Đồng Xoài III

Hình I.1. Vị trí dự án trong KCN Đồng Xoài III

2.2. Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, môi trường:

- Cơ quan thẩm duyệt thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của dự án đầu tư:
 - + Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai;
 - + Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai;
 - + Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Đồng Nai.

2.3. Quy mô dự án (Phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công)

Quy mô dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 5418204170 chứng nhận lần đầu ngày 12/01/2026 cấp bởi Ban Quản lý các khu công nghiệp, khu kinh tế tỉnh Đồng Nai, tổng vốn đầu tư của dự án là 52.300.000.000 đồng (Năm mươi hai tỷ, ba trăm triệu đồng), Dự án thuộc nhóm C theo tiêu chí phân loại theo quy định của Luật đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024 (Dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp có tổng mức đầu tư dưới 60 tỷ đồng).

2.4. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

Dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường theo Phụ lục II của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.

2.5. Phân nhóm dự án đầu tư

Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; mục số 3, phần I phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 thì Dự án nhóm C được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về Luật đầu tư công số 58/2024/QH15 và không thuộc Danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

Căn cứ quy định khoản 1, Điều 39 của Luật Bảo vệ môi trường và khoản 1, Điều 26 của Nghị định số 131/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12/06/2025 Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường thì dự án thực hiện báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp GPMT cấp tỉnh (Ban Quản lý các khu công nghiệp, khu kinh tế tỉnh Đồng Nai) theo mẫu tại phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.

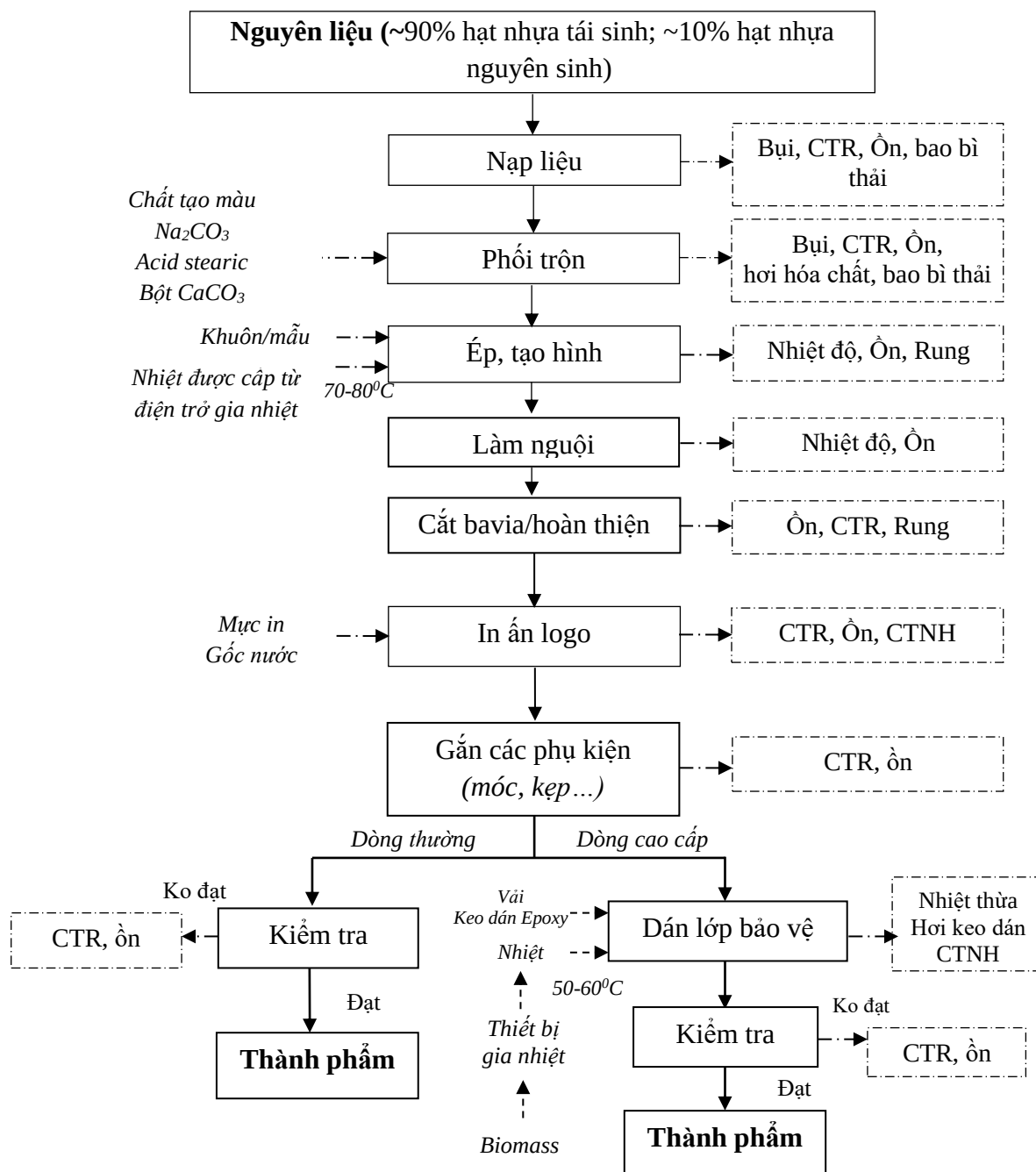
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư:

3.1. Công suất sản xuất của dự án đầu tư

100.000.000 sản phẩm/năm tương đương 10.000 tấn sản phẩm/năm.

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án

3.2.1 Quy trình sản xuất móc treo áo (từ hạt nhựa tái sinh)



Hình I.2. Quy trình sản xuất móc treo áo (từ hạt nhựa tái sinh)

Thuyết minh quy trình:

Nguồn nguyên liệu chính sử dụng cho quá trình sản xuất khoảng 90% hạt nhựa tái sinh và 10% hạt nhựa nguyên sinh.

Nguyên liệu hạt nhựa tái sinh được sử dụng từ Nhà máy của Công ty tại KCN Nam Đồng Phú làm nguyên liệu sản xuất.

Hạt nhựa nguyên sinh (chiếm khoảng 10%) được Công ty thu mua từ các đơn vị trong nước. Tùy theo yêu cầu của khách hàng về chất lượng sản phẩm, hạt nhựa nguyên sinh sẽ được bổ sung vào nhằm gia tăng chất lượng, tăng độ bền cho sản phẩm. Công đoạn này sẽ phát sinh bụi, tiếng ồn, chất thải rắn và mùi hóa chất nhưng không đáng kể.

a. Phối trộn

Hạt nhựa tái sinh tại nhà máy sẽ được cấp vào cyclo nạp liệu cho máy ép chi tiết nhựa, (trong hỗn hợp này có thể được cho thêm màu, phụ gia (Na_2CO_3 – Gia tăng độ cứng, Acid Stearic – Gia tăng đàn hồi, Bột CaCO_3 – Gia tăng độ cứng,...) tùy theo yêu cầu của loại sản phẩm được làm). Hỗn hợp này được trộn đều trong Cyclo vào được cấp vào thiết bị ép bằng băng tải trực vít. Quá trình nạp liệu được thực hiện tự động bằng hệ thống van hút vào bồn phối trộn.

b. Ép, tạo hình

Hỗn hợp nguyên liệu sau công đoạn phối trộn được nạp vào máy ép tự động (tại đây sẽ diễn ra quá trình gia nhiệt hóa dẻo nhựa ở nhiệt độ khoảng 70-80°C – không làm phát sinh VOCs, và được nén vào các khuôn mẫu), sau đó được tháo khuôn tự động. Quá trình được thực hiện tự động, khép kín. Công đoạn này sẽ phát sinh nhiệt thừa, tiếng ồn và độ rung.

c. Làm nguội

Quá trình làm nguội được làm nguội tự nhiên để làm giảm nhiệt độ sau khi ép, tạo hình. Thời gian làm nguội trong khoảng 10-15 phút sau đó được chuyển sang công đoạn tiếp theo. Công đoạn này sẽ phát sinh nhiệt thừa, tiếng ồn.

d. Cắt bavia/hoàn thiện và in ấn logo

Sau khi được làm nguội, các chi tiết nhựa được cắt gọt các phần thừa trên sản phẩm để hoàn thiện định hình sản phẩm, công nhân sẽ kiểm tra và thực hiện hoàn thiện sản phẩm. Công đoạn này sẽ phát sinh tiếng ồn và độ rung và chất thải rắn từ bavia thải. Sản phẩm được đưa qua công đoạn in ấn logo bằng mực in gốc nước Flexco, không gây mùi và độc hại trong quá trình sử dụng (không phát sinh hơi VOCs). Quá trình được thực hiện tự động, kín. Công đoạn này sẽ phát sinh chất thải rắn, tiếng ồn.

e. Gắn các phụ kiện (móc, kẹp,...)

Tại công đoạn này, phần thân móc nhựa sẽ được gắn phần móc kim loại, kẹp, ... bằng máy làm móc để gắn phần móc kim loại các các phụ kiện trang trí để hoàn thiện sản phẩm, quá trình thực hiện tự động.

Tại công đoạn này không phát sinh ô nhiễm về khí thải và nước thải chỉ phát sinh chất thải rắn từ móc, kẹp thải, sản phẩm không đạt chất lượng và tiếng ồn là chủ yếu.

f. Thành phẩm

Thành phẩm sau khi kiểm tra chất lượng đạt tiêu chuẩn thì được đóng gói, chuyển kho chứa thành phẩm và xuất hàng.

Sản phẩm không đạt sẽ được thu gom và tái sử dụng tại dây chuyền sản xuất hạt nhựa tái sinh.

- Đối với dòng sản phẩm thường

Dòng sản phẩm thường sẽ được kiểm tra và chuyển sang công đoạn đóng gói và vận chuyển.

- Đối với dòng sản phẩm cao cấp

g. Dán lớp bảo vệ

Đối với dòng sản phẩm cao cấp, sản phẩm sẽ được bọc lớp bảo vệ bằng vải và được sử dụng keo dán để cố định. Quá trình dán keo được hiện bởi hệ thống gia nhiệt, sử dụng nguyên liệu biomass (viên nén), gia nhiệt đến khoảng 50-60°C đảm bảo keo được kết dính tốt nhất. Keo dán sử dụng tại dự án keo Epoxy, nồng độ keo đã được pha sẵn, không độc hại trong quá trình sử dụng (theo phiếu MSDS cung cấp). Sau khi hoàn thiện, sản phẩm được kiểm tra và chuyển sang công đoạn đóng gói và vận chuyển.

Hơi keo, bụi vải từ quá trình bọc sản phẩm cao cấp sẽ được thu gom và sử dụng 04 hệ thống đốt bằng khí gas, sau đó được thu gom về 02 HTXL khí thải để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

Chất thải phát sinh tại công đoạn chủ yếu là mùi từ quá trình dán keo; bụi và khí thải từ quá trình đốt nhiên liệu cho hệ thống gia nhiệt (09 lò gia nhiệt sử dụng nguyên liệu biomass từ viên nén trấu).

Ghi chú: Dòng cao cấp được yêu cầu bởi khách hàng.

3.3. Sản phẩm của dự án

Sản phẩm của dự án là: các sản phẩm từ hạt nhựa – móc áo các loại với quy mô 100.000.000 sản phẩm/năm tương đương 10.000 tấn sản phẩm/năm.

Về chất lượng sản phẩm, công ty đảm bảo thực hiện đúng theo yêu cầu của khách hàng về chất lượng của đơn đặt hàng. Tùy vào thị trường và chiến lược kinh doanh, mẫu mã, thiết kế của khách hàng, chủ dự án sẽ cung ứng đầy đủ, cam kết về chất lượng sản phẩm trong từng đơn hàng.

Công ty sẽ Quản lý chất lượng sản phẩm theo ISO 9001:2015, tiêu chuẩn công cụ quản lý sản xuất theo ISO 18001:2015.



Hình 1.3. Hình ảnh sản phẩm tại dự án

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nhu cầu sử dụng nước

4.1. Nguyên, nhiên liệu, hóa chất

4.1.1 Nhu cầu về nguyên, nhiên liệu chính trong sản xuất

Nhu cầu sử dụng nguyên liệu tại dự án cụ thể như sau:

Bảng I.2. Nhu cầu nguyên, nhiên liệu tại dự án

STT	Nguyên vật liệu	Khối lượng (tấn/năm)	Trạng thái	Quy cách	Nguồn gốc
1	Hạt nhựa các loại (nhựa PS, PP, PVC, PE, PA, PET, HDPE, LDPE,...)	9.000	Rắn	200kg/bao	VN
2	Hạt nhựa nguyên sinh các loại (PS, PP, PVC, PE, PA, PET, HDPE, LDPE,...)	1.000	Rắn	50-200kg/bao	VN, TQ
3	Móc kim loại (các loại)	4	Rắn	50kg/bao	TQ
4	Kẹp kim loại (các loại)	8	Rắn	50kg/bao	TQ
5	Bao bì giấy carton các loại	50	Rắn	Thùng	TQ
6	Vải	7,5	Rắn	Cuộn	TQ
7	Keo Epoxy	5,0	Rắn	50kg/can, phuy	TQ

4.1.2 Nhu cầu về nguyên, nhiên, vật liệu phụ trợ

Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu phụ trợ tại dự án như sau:

Bảng I.3. Nguyên, vật liệu phụ trợ giai đoạn ổn định

Hóa chất, phụ gia	Đơn vị	Khối lượng (tấn/năm)	Nơi nhập	Trạng thái tồn tại	Mục đích sử dụng	Định mức hóa chất sử dụng
Nguyên, nhiên liệu phụ trợ cho quá trình sản xuất						
Na ₂ CO ₃	tấn/năm	4,0	Trung Quốc	Bột, rắn	Phụ gia tăng độ cứng	0,5 kg/1 tấn sp
Bột màu	tấn/năm	0,5	Đài Loan	Bột	Phụ gia tạo màu	0,05 kg/1 tấn sp
Mực in	tấn/năm	0,5	Trung Quốc	Lỏng	In logo	0,03 kg/1 tấn sp
Acid Stearic (C ₁₈ H ₃₆ O ₂)	tấn/năm	2,0	Trung Quốc	Bột, rắn	Phụ gia tăng độ giãn nở	0,4 kg/1 tấn sp
Hupet-Taical-Calpet (bột CaCO ₃)	tấn/năm	2,0	Trung Quốc	Bột, rắn	Phụ gia tăng độ cứng	0,4 kg/1 tấn sp
Biomass (viên nén)	tấn/năm	500	Việt Nam	Rắn	Gia nhiệt	-
Gas	Tấn/năm	100	Việt Nam	Khí	Đốt bụi từ công đoạn dán keo	-

Nguồn: Công ty TNHH E-Long (Việt Nam)

Tính chất một số hóa chất tại công ty

Bảng I.4. Tính chất hóa lý của các hóa chất sử dụng tại dự án

TT	Tên nguyên liệu	Tính chất hóa lý	Cảnh báo nguy hiểm và con đường tiếp xúc, triệu chứng
1	Na ₂ CO ₃	Chất bột màu trắng, hút ẩm và nóng chảy ở 851°C, nóng chảy không phân hủy tới 853°C, còn cao hơn nhiệt độ này thì bắt đầu phân	Gây hại đối với con người: Não: trì hoãn chức năng của não và ảnh hưởng đến 1 số quá trình hoạt động của hệ thần kinh. Tim: ảnh hưởng đến huyết áp, chức năng tim, chất béo và leptin. Phổi: làm tăng nguy cơ rối loạn tắc nghẽn phổi mạn tính và hen suyễn. Răng: Các axit trong soda sẽ bào mòn răng. Xương và gan: Soda sẽ khiến xương bị yếu và bị bệnh loãng xương.
2	Bột màu	Các chất màu có chứa nhóm –COOH, –SO ₃ H dễ tan trong nước. Có chứa nhóm –C=O, –OH có thể biến thành dạng tan được.	Ảnh hưởng con người và môi trường
3	Hupet-Taical-Calpet (bột CaCO ₃)	Dạng đá phấn, đá vôi, đá cẩm thạch, được sinh ra bởi quá trình trầm tích của vỏ nhỏ của sò, ốc và san hô qua hàng triệu năm. Mặc dù về mặt hóa học, cả ba hình thức là giống hệt nhau, chúng khác nhau ở nhiều khía cạnh khác, bao gồm cả độ tinh khiết, độ dày, độ trắng và độ đồng nhất.	* Tác động đến môi trường không khí: – Bụi, khí độc, tiếng ồn. – Chấn động, đá văng. * Tác động đến môi trường nước: – Ô nhiễm môi trường nước do nước mưa chảy tràn lẫn dầu mỡ, cặn lơ lửng bụi đất đá. * Tác động tới con người: – Gây nên các bệnh nghề nghiệp như bụi phổi (silico), tim mạch... – Khả năng gây tai nạn lao động.
4	Mực in flexo gốc nước (poly (methyl)-methacrylat) (C ₅ O ₂ H ₈) _n	- Độ bóng cao, độ bám tốt. - Bền ma sát và bền cào tốt. - Đóng rắn nhanh, in tốc độ cao. Không chứa các hóa chất độc hại, kim loại nặng theo tiêu chuẩn ASTM F963-96a 4.3.5 & 8.3 và EN 71-3:1994	Không chứa thành phần dung môi độc hại (% VOC ~ 0). An toàn cho sức khỏe con người và thân thiện môi trường.
5	Keo Epoxy	- Thành phần: Epoxy Risen và Acrylic Polymer. - Tính chất vật lý: Trong suốt, màu vàng sáng, trắng, trạng thái lỏng, đặc. - Keo Epoxy có nhiều ứng dụng trong ngành sơn, điện tử, nội thất, nhựa, chất kết dính. - Nhiệt độ sôi: >260°C.	Keo Epoxy đóng rắn là trơ và không có rủi ro cho sức khỏe. Tuy nhiên trong quá trình sử dụng cần đảm bảo tránh tiếp xúc với mắt, tiếp xúc lâu với da (đặc biệt người có da nhạy cảm). Vì thế trong quá trình sử dụng cần trang bị đồ bảo hộ lao động. Phản ứng Polymer hóa độc hại không diễn ra. (Nguồn: MSDS hóa chất)

TT	Tên nguyên liệu	Tính chất hóa lý	Cảnh báo nguy hiểm và con đường tiếp xúc, triệu chứng
6	Dầu DO (0,25% S)	Thành phần: Hỗn hợp hydrocarbon (C ₁₀ – C ₁₅). Trạng thái tồn tại: Dạng lỏng Tỷ trọng: 0,85 kg/lít	<i>Các nguy hiểm về cháy nổ:</i> Có thể bốc cháy và kích cháy nổ bởi nhiệt, tia sáng, lửa, hoặc các nguồn kích nổ khác. Điện tích tĩnh điện có thể xảy ra trong quá trình vận chuyển. <i>Các nguy hiểm về sức khỏe:</i> Nhiễm độc đau nhức da nghiêm trọng. Nguy hiểm nếu nuốt vào, có thể xâm nhập vào phổi và gây hủy hoại phổi. Tác động của việc tiếp xúc quá lâu có thể gây khó chịu cho mũi, họng, hệ tiêu hoá, có thể gây đau đầu và chóng mặt, gây mê và có thể ảnh hưởng đến hệ thần kinh trung ương. Ung thư: có khả năng gây ung thư da. <i>Nguy hiểm đối với môi trường:</i> Độc hại cho hệ sinh thái dưới nước. Có thể gây ảnh hưởng lâu dài cho môi trường nước.
7	Viên nén trấu Biomass	- Viên nén trấu được tạo từ 100% nguyên liệu vỏ trấu, dạng viên. - Độ ẩm khoảng 12%. - Độ tro khoảng 0,5 – 0,6%.	Không độc hại tới sức khỏe con người và môi trường. Tuy nhiên bụi phát sinh cần xem xét.

Nguồn: Công ty TNHH E-Long (Việt Nam)

Cân bằng vật chất:

Bảng I.5. Bảng thống kê cân bằng vật chất nguyên, nhiên liệu sử dụng

STT	Sản phẩm	Nguyên liệu (tấn/năm)	Chất thải (tấn/năm)	Thành phẩm (Tấn sp/năm)
1.1	Hạt nhựa tái sinh sản xuất tại dự án	9.000	- Phế phẩm (0,3%): 30 tấn/năm – tái sử dụng (tại dây chuyền sản xuất hạt nhựa tái sinh tại nhà xưởng ở KCN Nam Đồng Phú). - Nguyên liệu rơi vãi thải (0,03%): 3 tấn/năm – tái sử dụng - Phế phẩm không tái sử dụng (0,001%): 0,1 tấn/năm	10.000 tấn sản phẩm/năm
1.2	Hạt nhựa nguyên sinh	1.000		
1.3	Nguyên liệu khác:			
	Kẹp, móc	12	Kẹp, móc thải: 0,02 tấn/năm	
	Vải	7,5	Vải thải: 0,15 tấn/năm	
	Keo	5	Can thải: 0,05 tấn/năm	
	Hóa chất	9	Can thải, bao bì thải CTNH: 0,18 tấn/năm	
	Tổng cộng	10.033,5	33,5	

Nguồn: Định mức tiêu hao do Công ty TNHH E-Long (Việt Nam) dự kiến tối đa, 2025

Ghi chú:

Tỷ lệ hao hụt trong quá trình sản xuất được Công ty tham khảo từ Nhà máy hoạt động tại trụ sở chính (Hồng Kông), nhà máy sản xuất tại KCN Đồng Xoài III và theo kinh nghiệm sản xuất của Công ty đối với ngành nghề này. Ngoài ra, Công ty cũng tham khảo ý kiến của các đơn vị sản xuất tương tự trong nước và thống nhất đề xuất với Đơn vị tư vấn.

Các sản phẩm không đạt chất lượng, phế phẩm thải có khả năng tái sử dụng được Công ty thu gom và tái sử dụng tại dây chuyền sản xuất hạt nhựa tái sinh của Công ty tại KCN Nam Đồng Phú.

4.2. Nhu cầu sử dụng điện

Nguồn cung cấp điện cho hoạt động của Dự án là nguồn điện lấy từ mạng lưới điện quốc gia qua trạm hạ thế của KCN Đồng Xoài III.

Điện được sử dụng chủ yếu chạy thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất, thiết bị văn phòng và các thiết bị thắp sáng trong khu vực hoạt động. Nhu cầu sử dụng điện ước tính cụ thể:

Bảng I.6. Nhu cầu sử dụng điện tại dự án

TT	Mục đích sử dụng nước	Nhu cầu sử dụng điện (kWh/tháng)
1	Quá trình sản xuất	80.000
2	Thiết bị văn phòng và thắp sáng	5.000
3	Các mục đích khác (bảo vệ, sinh hoạt công nhân)	2.000
	Tổng	87.000

Nguồn: Công ty TNHH E-Long (Việt Nam)

4.3. Nhu cầu sử dụng nước

Các hoạt động sản xuất tại dự án hoàn toàn sử dụng nước thủy cục lấy từ nhà máy cấp nước lấy từ mạng lưới phân phối cấp nước của KCN Đồng Xoài III. Nhu cầu sử dụng nước cho quá trình sản xuất tại dự án được thể hiện như sau:

4.3.1 Nước cấp cho sinh hoạt của công nhân

Tiêu chuẩn dùng nước (Theo tiêu chuẩn xây dựng QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng) quy chuẩn sử dụng nước sinh hoạt là 80 lít/người/ca thì tổng lượng nước cấp mỗi ngày trong giai đoạn ổn định là:

$$Q_{sh} = 80 \text{ L/người} \times 30 \text{ người} = 2,4 \text{ m}^3/\text{ngày};$$

Trong đó: Tổng Số lao động làm việc trong 1 ca khi dự án đi vào hoạt động ổn định khoảng 30 người; Số ca làm việc: 1 ca/ngày; Số ngày làm việc: 300 ngày/năm.

4.3.2 Nước cấp cho hoạt động nhà ăn

Dự án không tổ chức nấu ăn tại nhà xưởng. Dự án sử dụng suất ăn công nghiệp từ đơn vị cung cấp. Suất ăn đảm bảo tiêu chuẩn An toàn vệ sinh thực phẩm theo đúng quy định.

4.3.3 Nước cấp cho hệ thống xử lý khí thải

Tại dự án sẽ lắp đặt 02 HTXLKT với công suất mỗi hệ thống: 18.000 m³/h bằng phương pháp hấp thụ nước. Nhu cầu nước cấp lần đầu cho 02 HTXLKT khoảng 6,0 m³. Nước cấp bổ sung định kỳ khoảng: 0,6 m³/ngày (~10% lượng nước cấp ban đầu) (Theo thiết kế kỹ thuật của hệ thống).

Nước sử dụng cho HTXLKT được tuần hoàn, lắng (xả cặn) và bổ sung định kỳ, không xả thải ra môi trường.

4.3.4 Nước sử dụng cho mục đích tưới cây, rửa đường:

✓ *Nước sử dụng cho mục đích tưới cây:*

Định mức sử dụng nước tưới cây theo QCVN 01:2021/BXD quy định là 3,0 L/m² đối với tưới vườn hoa, công viên là 3 l/m².ngày, với diện tích cây xanh khoảng 2.995m², lưu lượng nước cần cho tưới cây là:

$$2.129,6 \text{ m}^2 \times 3 \text{ l/m}^2.\text{ngày} = 6.389 \text{ l/ngày} \approx 6,4 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

✓ *Nước sử dụng cho mục đích rửa đường:*

Định mức sử dụng nước rửa đường theo QCVN 01:2021/BXD là 0,4 L/m².ngày, với diện tích đường nội bộ khoảng 1.641,6 m², lưu lượng nước cần cho rửa đường là:

$$1.611,6 \text{ m}^2 \times 0,4 \text{ lít/m}^2.\text{ngày} = 645 \text{ L/ngày} \sim 0,65 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

Lượng nước sử dụng tại dự án được ước tính tổng hợp tại Bảng sau:

Bảng I.7. Lượng nước sử dụng cho hoạt động tại dự án

TT	Mục đích sử dụng	Nước cấp cho ngày dùng nhiều nhất (m ³ /ngày)	Lưu lượng nước xả thải tối đa (m ³)
1	Nước sinh hoạt công nhân	2,4	2,4
2	Nước cấp lần đầu cho HTXLKT	6,0	-
3	Nước cấp bổ sung định kỳ cho HTXLKT	0,6	-
4	Nước tưới cây	6,4	-
5	Nước rửa đường	0,65	-
	Tổng cộng	15,4	2,4

Nguồn: Công ty TNHH E-Long (Việt Nam), 2025

4.3.5 Lượng nước dự kiến cho hoạt động phòng cháy chữa cháy (PCCC)

Lưu lượng nước cấp cho một đám cháy phải đảm bảo ≥ 20 l/s; số lượng đám cháy đồng thời cần được tính toán ≥ 2 (theo QCXD 06:2020/BXD).

Tính lượng nước cấp chữa cháy cho 3 đám cháy đồng thời xảy ra trong thời gian 3 giờ (180 phút) là:

$$Q_{cc} = 20 \text{ lít/giây} \cdot \text{đám cháy} \times 3 \text{ đám cháy} \times 180 \text{ phút} \times 60 \text{ giây/1.000} = 648 \text{ m}^3.$$

Khu vực nhà xưởng đã bố trí 01 bể chứa nước PCCC với diện tích 180m² và thể tích chứa tối đa: 819m³ hoàn toàn đủ khả năng đáp ứng và phòng ngừa về sự cố PCCC tại dự án. Nhà xưởng đã được cấp Giấy chứng nhận số 127/TD-PCCC của Công An tỉnh Bình Phước ngày 02/08/2024 về thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy; Văn bản số 142/NT-PCCC của Công An tỉnh Bình Phước ngày 14/06/2025 về việc nghiệm thu phòng cháy, chữa cháy.

5. Các thông tin liên quan khác đến dự án

5.1. Máy móc, thiết bị

Số lượng máy móc, thiết bị tại dự án cụ thể như sau:

Bảng I.8. Số lượng máy móc, thiết bị tại dự án

TT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Nước sản xuất	N.lượng tiêu thụ điện	Công suất	Năm sản xuất	Tình trạng	Đặc tính kỹ thuật
1	Máy ép nhựa – 380T	máy	30	TQ	7,5kw	380 Tấn	2025	Mới 100%	Tự động
2	Máy nén khí	máy	02	TQ	0,5kw	-	2025	Mới 100%	Tự động
3	Máy in di chuyển (máy in pad)	máy	02	TQ	2,5kw	2 tấn/ngày	2025	Mới 100%	Tự động
4	Máy in nóng	máy	03	TQ	2,5kw	3 tấn/ngày	2025	Mới 100%	Tự động
5	Máy làm móc	máy	12	TQ	1,5kw	2T/ngày	2025	Mới 100%	Tự động
6	Máy kẹp	máy	12	TQ	1,5kw	2T/ngày	2025	Mới 100%	Tự động
7	Máy trộn liệu	máy	02	TQ	0,5kW	5T/ngày	2025	Mới 100%	Tự động
8	Hệ thống keo dán	Máy	09	TQ	0,5kW	-	2025	Mới 100%	Tự động
9	Thiết bị gia nhiệt	Máy	09	TQ	3,5kW	-	2025	Mới 100%	Tự động
10	Thiết bị đốt bằng khí gas	Máy	04	TQ	2,5kW	-	2025	Mới 100%	Tự động
11	Băng tải đóng gói	Chuyên	04	TQ	0,2kW	-	2025	Mới 100%	
12	HTXLKT	HT	02	TQ	7,5Kw	18.000m ³ /h	2025	Mới 100%	-
13	Xe nâng	Chiếc	03	TQ	-	3 Tấn	2025	Mới 100%	-

Nguồn: Công ty TNHH E-Long (Việt Nam)

Ghi chú: HT: Hệ thống; TQ: Trung quốc; VN: Việt Nam.

5.2. Các hạng mục công trình

Dự án thực hiện tại : Lô 31 Cụm A3, KCN Đồng Xoài III, Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai với tổng diện tích 10.617,2m² thuê lại nhà xưởng của Công ty TNHH Jaycee theo hợp đồng số nguyên tác về cho thuê nhà xưởng ngày 08/07/2025 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AA 01679860 cấp ngày 08/10/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai). Diện tích các khu vực tại dự án hiện tại được thể hiện cụ thể như sau:

Bảng I.9. Bố trí mặt bằng nhà xưởng dự án hiện tại

TT	Hạng mục	Các hạng mục xây dựng, [m ²]	Tỷ lệ, [%]
1	Nhà xưởng	6.405,0	60,33
-	Khu vực chứa thành phẩm	2.000,0	-
-	Khu vực chứa nguyên liệu	2.875,6	-
-	Khu chứa hóa chất	30,0	-
-	Khu vực sản xuất	1.500,0	-
2	Văn phòng (3 tầng)	216,0	2,03
3	Nhà bảo vệ	18,0	0,21
4	Nhà xe	50,0	0,47
5	Nhà ăn	50,0	0,47
6	Nhà vệ sinh	21,0	0,20
7	Hồ PCCC (Xây dựng âm – 180m ²)	-	-
8	Nhà bơm	20,0	0,19
9	Trạm điện	16,0	0,15
10	Nhà rác (Nhà chứa CTR)	50,0	0,47
11	Khu vực HTXLKT (30m ²)	30,0	0,28
12	Đất cây xanh	2.129,6	20,06
13	Diện tích sân, đường nội bộ	1.611,6	15,18
	TỔNG CỘNG	10.617,2	100

Nguồn: Công ty TNHH E-Long (Việt Nam)

Nhà xưởng của Công ty TNHH Jaycee đã được hoàn thành theo Thông báo số 87/TB-BQL ngày 2/06/2025 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước về Kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng.

Kiến trúc chung hạng mục chính

Nhà xưởng chính: 01

- Loại, cấp công trình: Công trình công nghiệp, Cấp III.
- Số tầng: 01 tầng.
- Diện tích xây dựng: 105m x 61m = 6.405m².
- Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): - 0,200m.
- Chiều cao công trình (tính từ cốt sân): +12,4m.
- Giải pháp kết cấu: Móng cột, dầm bê tông cốt thép; khung kèo bằng thép hình hình tổ hợp + mái lợp tôn, tường xây gạch cao đến mái, trát vữa sơn nước hoàn thiện, nền bằng bê tông.

 Văn phòng: 01

- Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, Cấp III.
- Số tầng: 03 tầng.
- Diện tích xây dựng: $18\text{m} \times 12\text{m} = 216\text{m}^2$.
- Tổng diện tích xây dựng: $18\text{m} \times 12\text{m} \times 3 = 648\text{m}^2$.
- Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): - 0,450m.
- Chiều cao công trình (tính từ cốt sân): +15,25m.
- Giải pháp kết cấu: Móng cột, dầm, sàn, bằng bê tông cốt thép; tường gạch 200mm, trát xi măng, sơn nước hoàn hiện, mái bằng bê tông cốt thép.

 Nhà bảo vệ: 01

- Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, Cấp III.
- Số tầng: 01 tầng.
- Diện tích xây dựng: $4,5\text{m} \times 4\text{m} = 18\text{m}^2$.
- Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): - 0,200m.
- Chiều cao công trình (tính từ cốt sân): 3,7mm.
- Giải pháp kết cấu: Móng cột, dầm, sàn, bằng bê tông cốt thép; tường gạch 200mm, trát xi măng, sơn nước hoàn hiện.

 Nhà xe: 01

- Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật.
- Diện tích xây dựng: $10\text{m} \times 5\text{m} = 50\text{m}^2$.
- Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): - 0,100m.
- Chiều cao công trình (tính từ cốt sân): 3,2mm.
- Giải pháp kết cấu: Móng + nền bê tông cốt thép, cột thép, xà gỗ thép, mái tôn.

 Nhà ăn: 01

- Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, Cấp III.
- Số tầng: 01 tầng.
- Diện tích xây dựng: $10\text{m} \times 5\text{m} = 50\text{m}^2$.
- Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): - 0,200m.
- Chiều cao công trình (tính từ cốt sân): 3,4mm.
- Giải pháp kết cấu: Móng cột, dầm, bê tông cốt thép; khung kèo bằng thép hình hình tổ hợp + máy lợp tôn; tường xây gạch cao đến mái, trát vữa sơn nước hoàn thiện, nền bằng bê tông.

 Hồ PCCC: 01

- Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật.
- Diện tích xây dựng: $36\text{m} \times 5\text{m} = 180\text{m}^2$.
- Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): + 0,00m.
- Thể tích xây dựng: $36\text{m} \times 5\text{m} \times 4,55\text{mm} = 819\text{m}^3$.
- Giải pháp kết cấu: Đáy, vách, nắp bể bằng bê tông cốt thép.

 Nhà bơm: 01

- Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Số tầng: 01 tầng.
- Diện tích xây dựng: $4\text{m} \times 4\text{m} = 16\text{m}^2$.
- Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): - 0,20m.
- Chiều cao công trình (tính từ cốt sân): 2,0m.
- Giải pháp kết cấu: Nền bê tông cốt thép, cột thép, xà gỗ thép, mái tôn.

 Trạm điện: 01

- Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật.
- Số tầng: 01 tầng.
- Diện tích xây dựng: $5\text{m} \times 4\text{m} = 20\text{m}^2$.
- Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): - 0,20m.
- Chiều cao công trình (tính từ cốt sân): 3,4m.
- Giải pháp kết cấu: Nền bê tông cốt thép, lưới bao quanh B40.

 Nhà rác (nhà chứa chất thải rắn): 01 nhà

- Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, Cấp IV.
- Số tầng: 01 tầng.
- Diện tích xây dựng: $10\text{m} \times 5\text{m} = 50\text{m}^2$.
- Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): - 0,200m.
- Chiều cao công trình (tính từ cốt sân): 3,4mm.
- Giải pháp kết cấu: Móng cột, dầm, bằng bê tông cốt thép; tường gạch 200mm, trát xi măng, sơn nước hoàn thiện, cột, kèo thép, xà gỗ thép, mái tôn.

 Hệ thống thoát nước mưa, nước thải

Hệ thống thu gom và thoát nước mưa trong phạm vi nhà xưởng được Công ty TNHH Jaycee xây dựng hoàn thiện tách riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải. Hệ thống mương thoát nước mưa đều có các hố ga và nắp đan với tổng 12 hố ga, đường ống thu gom BTCT D300. Nước mưa này được dẫn vào hệ thống thoát nước mưa chung của KCN Đồng Xoài III tại 01 hố ga nằm ngoài hàng rào công ty (gc đường số 5 và số 6 của KCN).

Hệ thống thu gom và thoát nước thải của Công ty TNHH Jaycee được xây dựng hoàn thiện. Hệ thống thu gom nước thải được bố trí lắp đặt các hệ thống cống PVC Ø168 để thu gom nước thải tại các nhà vệ sinh sau bể tự hoại. Nước thải được dẫn về hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Đồng Xoài III tại 01 hố ga ngoài hàng rào của công ty (đường số 06).

Công ty TNHH Jaycee đã ký biên bản thảo thuận đầu nối hệ thống thoát nước mưa, nước thải vào hệ thống chung của KCN Đồng Xoài III.

 Hệ thống PCCC

Tại dự án bố trí bể chứa nước PCCC với diện tích 180m^2 âm dưới lòng đất $4,45\text{m}$ thể tích bể là 819m^3 . Nhà xưởng đã được hoàn thiện hệ thống PCCC. Nhà xưởng đã được cấp Giấy chứng nhận số 127/TD-PCCC của Công An tỉnh Bình Phước ngày 02/08/2024 về thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy; Văn bản số 142/NT-

PCCC của Công An tỉnh Bình Phước ngày 14/06/2025 về việc nghiệm thu phòng cháy, chữa cháy.

 Cây xanh

Dự án đã được xây dựng với diện tích 2.129,6m², chiếm 20,06% tổng diện tích đất nhằm tạo cảnh quan xanh, sạch đẹp và mát mẻ cho nhà máy. Việc trồng cây xanh được tiến hành với tiêu chí trồng những cây xanh thích hợp cho cảnh quan, tạo bóng mát và mặt khác giảm thiểu những tác động phát sinh từ nhà máy đến các khu vực lân cận.

(Ghi chú: Mặt bằng tổng thể bố trí của các nhà xưởng được đính kèm phụ lục)

5.3. Tiến độ thực hiện dự án

Tiến độ thực hiện dự án như sau:

Bảng I.10. Bảng tiến độ thực hiện dự án

Tháng	11/2025- 04/2026	04/2026 – 06/2026	06/2026 - 12/2026	01/2027
Thủ tục pháp lý				
Lắp đặt máy móc, thiết bị				
Vận hành thử nghiệm				
Vận hành chính thức				

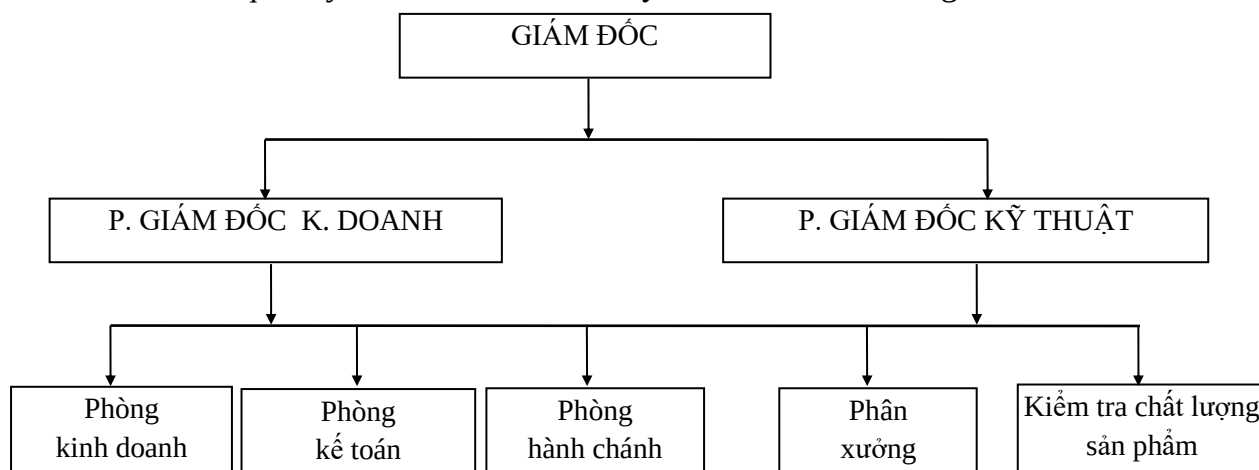
Nguồn: Công ty TNHH E-Long (Việt Nam)

5.4. Vốn đầu tư

Dựa trên cơ sở tính toán chi tiết chi phí đầu tư của dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến khoảng 52.300.000.000 (VNĐ) (Bằng chữ: Năm mươi hai tỷ ba trăm triệu đồng). Trong đó, chi phí để xử lý môi trường: 1.470.000.000 (VNĐ).

5.5. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án

Cơ cấu tổ chức quản lý, sản xuất của nhà máy được minh họa trong hình sau:



Hình I.4. Sơ đồ tổ chức quản lý dự án

5.6. Nguồn nhân lực

Số lượng công, nhân viên sau khi dự án đi vào hoạt động được thể hiện như sau:

Bảng I.11. Số lượng công, nhân viên tại dự án

TT	Nhu cầu lao động	Người lao động (người)	
		Người Việt Nam	Người nước ngoài
1	Lao động trực tiếp (công nhân)	15	0
2	Lao động gián tiếp	5	2

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường

TT	Nhu cầu lao động	Người lao động (người)	
		Người Việt Nam	Người nước ngoài
3	Quản lý	5	3
	Tổng Cộng	25	5
		30	

Nguồn: Công ty TNHH E-Long (Việt Nam)

Thời gian làm việc: Số ca làm việc 1 ca/ngày, 8 giờ/ca, 6 ngày/tuần, 300 ngày/năm.

Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:

1.1. Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia

Theo Quyết định số 611/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ban hành ngày 08/07/2024 về việc Phê duyệt chiến lược bảo vệ môi trường Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 thì tầm nhìn và mục tiêu cụ thể như sau:

+ Về mục tiêu năm 2021 - 2030: Chủ động phòng ngừa, kiểm soát được ô nhiễm và suy thoái môi trường; phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường; ngăn ngừa suy giảm và nâng cao chất lượng đa dạng sinh học, nhằm đảm bảo quyền được sống trong môi trường trong lành của Nhân dân trên cơ sở sắp xếp, định hướng phân bố hợp lý không gian, phân vùng quản lý chất lượng môi trường; định hướng thiết lập các khu bảo vệ, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; hình thành các khu xử lý chất thải tập trung cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh; định hướng xây dựng mạng lưới quan trắc và cảnh báo môi trường cấp quốc gia và cấp tỉnh; phát triển kinh tế - xã hội bền vững theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp, hài hòa với tự nhiên và thân thiện với môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu..

+ Về tầm nhìn đến năm 2050: Môi trường Việt Nam có chất lượng tốt, bảo đảm quyền được sống trong môi trường trong lành cho Nhân dân; bảo tồn hiệu quả đa dạng sinh học và duy trì được cân bằng sinh thái; chủ động ứng phó với các biến đổi khí hậu, xã hội phát triển hài hòa với thiên nhiên, đất nước phát triển theo hướng chuyển đổi xanh dựa trên nền kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế các-bon thấp nhằm hướng tới đưa phát thải ròng bằng “0” vào năm 2025; bảo đảm an ninh môi trường gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

1.2. Nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch vùng

Theo quyết định số 463/QĐ-TTg ngày 14/04/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kì 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2050 như sau:

- Mục tiêu lập quy hoạch:

- + Là vùng phát triển năng động, có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao. Tập trung phát triển mạnh khoa học, công nghệ và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, công nghiệp chế biến.

- Quan điểm quy hoạch:

- + Việc lập Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ phải bảo đảm phù hợp, thống nhất, đồng bộ với mục tiêu, định hướng của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đất nước thời kỳ 2021-2030.
- + Bảo đảm giảm thiểu các tác động tiêu cực do kinh tế - xã hội, môi trường gây ra đối với sinh kế của cộng đồng dân cư. Quá trình lập quy hoạch cần kết hợp với các chính sách khác thúc đẩy phát triển các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn và đảm bảo sinh kế bền vững của người dân.

1.3. Nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch tỉnh

Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 24/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc thông qua quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021 – 2023, tầm nhìn đến năm 2050 với nội dung chủ yếu sau:

- Phương án phát triển hệ thống khu công nghiệp: Huy động các nguồn lực để phát triển mạng lưới khu công nghiệp tại các địa phương trong vùng phía Nam và lân cận, gồm: Thành phố Đồng Xoài, thị xã Chơn Thành, huyện Đồng Phú, huyện Hớn Quản; Mở rộng và thành lập mới các khu công nghiệp khi được cấp có thẩm quyền giao bổ sung chỉ tiêu đất khu công nghiệp và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp. Phấn đấu đến năm 2030, quy mô phát triển khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh đạt 18.105ha

- Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên: Khoanh định 89 khu vực thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản. Tập trung khai thác, chế biến sâu các sản phẩm mà tỉnh có tiềm năng, lợi thế. Đối với nhu cầu sử dụng đất công trình phụ trợ mỏ, quy định mỏ thực hiện điều chỉnh để cấp phép theo thẩm quyền và quy định của pháp luật hiện hành; cấp phép khai thác, quản lý khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng phù hợp với các nhu cầu địa phương và quy định của pháp luật hiện hành; Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản bô-xít 04 khu vực mỏ với diện tích khoảng 76.000 ha và 04 khu vực dự trữ khoáng sản bô-xít với diện tích khoảng 14.000 ha theo quy định của pháp luật về quản lý khoáng sản tại các khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia. Khi có nhu cầu thực tế, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

- Sơ đồ, bản đồ quy hoạch: Danh mục sơ đồ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2025.

Do đó, việc thực hiện Dự án “**Nhà máy Công ty TNHH E-Long (Việt Nam) (Nhà máy sản xuất các sản phẩm nhựa với công suất 100.000.000 sản phẩm/năm tương đương 10.000 tấn sản phẩm/năm)**” của Công ty TNHH E-Long (Việt Nam) được triển khai tại Lô 31 Cụm A3, KCN Đồng Xoài III, Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai là hoàn toàn phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển của tỉnh.

1.4. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch Khu công nghiệp

- KCN Đồng Xoài III với diện tích 120,33ha đã được UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tại Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 14/01/2009 do Công ty Cổ phần đầu tư và kinh doanh Nhà Bình Phước làm chủ đầu tư hạ tầng.

- Năm 2021, KCN Đồng Xoài III đã được UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 1573/QĐ-UBND ngày 05/07/2021.

- KCN Đồng Xoài III đã được UBND Tỉnh Bình Phước cấp Giấy phép môi trường số 07/GPMT-UBND ngày 20/02/2025.

Danh mục ngành nghề tiếp nhận vào Khu công nghiệp Đồng Xoài III:

- Ngành nghề công nghiệp nhẹ:

Dệt, may, tơ, sợi (không nhuộm), thêu đan;

Giày, da (không thuộc da), phụ kiện ngành giày;

Sản phẩm điện tử, thiết bị tin học và linh kiện;

Sản phẩm điện gia dụng và công nghiệp vật tư phụ tùng ngành điện gia dụng và công nghiệp;

Thiết bị công nghệ thông tin và kỹ thuật cao, công nghệ sinh học;

Sản xuất giấy, bao bì, chế bản, in ấn;

Sản xuất vali, túi xách, dụng cụ thể dục thể thao, công nghệ sinh học;

Các ngành công nghiệp nhẹ khác ít ô nhiễm môi trường;

Thiết bị dụng cụ trường học và y tế.

- Ngành công nghiệp thực phẩm đồ uống

Bánh, kẹo, nước giải khát, thuốc lá;

Chế biến đông lạnh xuất khẩu;

Chế biến nông sản (trừ chế biến bột mì và mủ cao su);

Chế biến thức ăn chăn nuôi.

- Ngành công nghiệp hóa mỹ phẩm, hương liệu, dược phẩm: không sản xuất hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật.

- Ngành công nghiệp, cơ khí, chế tạo:

Cơ khí chế tạo máy động lực, máy móc thiết bị phụ tùng phục vụ nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng;

Công nghệ chế tạo ô tô, xe máy, xe đạp, phương tiện giao thông vận tải và các phụ tùng, linh kiện.

- Ngành công nghiệp vật liệu xây dựng cao cấp và trang trí nội ngoại thất.

- Sản xuất nhôm gia dụng và cao cấp.

- Sản xuất hàng công nghệ phẩm, đồ chơi trẻ em.

- **Sản xuất đồ nhựa, chế biến nhựa (sử dụng nguyên liệu sạch).**

- Sản phẩm hàng tiêu dùng, dụng cụ gia đình và thiết bị văn phòng.

- Mây, tre, đồ gỗ mỹ nghệ.
- Các ngành công nghiệp sành, sứ, thủy tinh.
- Sản xuất đồ kim hoàn, giả kim hoàn (không có công đoạn xi mạ trong quy trình sản xuất).
- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa.
- Sản xuất dầu thực vật.
- Xay xát và sản xuất bột ngô.
- Sản xuất nước đá.
- Sản xuất thú nhồi bông, sản xuất các loại dây bện và lưới (không có công đoạn nhuộm trong quy trình sản xuất).
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác: mica, nguyên liệu cách âm, cách nhiệt.
- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định lượng và điều khiển, đồng hồ.
- Sản xuất motor, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện.
- Sản xuất giường, tủ, bàn ghế.
- Sản xuất nhạc cụ.
- Sản xuất khác: thiết bị bảo vệ an toàn như quần áo chống cháy, dây bảo hiểm, phao cứu sinh, mũ nhựa cứng.
- Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị và sản phẩm kim loại đúc sẵn.
- Các ngành công nghiệp sạch.
- Mực in.

Dự án của Công ty TNHH E-Long (Việt Nam) là nhà máy **sản xuất các sản phẩm nhựa** hoàn toàn phù hợp với nhóm ngành nghề được phép đầu tư vào Khu công nghiệp Đồng Xoài III.

Vì thế, Dự án phù hợp và được phép tiếp nhận vào Khu công nghiệp Đồng Xoài III.

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải

Dự án được thực hiện tại Lô 31 Cụm A3, KCN Đồng Xoài III, Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai, đồng thời dự án không thuộc loại hình sản xuất, nhóm ngành nghề có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Hiện tại khu vực đã được quy hoạch hoàn thiện các hệ thống, công trình bảo vệ môi trường như hệ thống thu gom, thoát nước mưa; hệ thống thu gom, xử lý nước thải cùng với hệ thống đường giao thông và cây xanh cảnh quan đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- Về môi trường không khí: Khí thải từ các máy móc, thiết bị sản xuất của dự án được thu gom, dẫn về 05 hệ thống xử lý bụi, khí thải với công suất mỗi hệ thống 18.000 m³/giờ. Bên cạnh đó, hiện trạng chất lượng không khí xung quanh của KCN vẫn còn rất tốt. Các nhà máy hoạt động xung quanh dự án chưa có vi phạm vấn đề ô nhiễm không

khí. Do đó, hiện trạng môi trường không khí tại khu vực dự án vẫn có khả năng tiếp nhận khí thải từ dự án.

- Về môi trường đất: Dự án không xả chất thải rắn, chất thải nguy hại, nước thải trực tiếp ra môi trường đất, không có hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường đất.

- Về môi trường nước:

+ Đối với nước ngầm: Dự án sử dụng nguồn nước thủy cục thông qua mạng lưới cấp nước của KCN Đồng Xôi III, không sử dụng nước ngầm.

+ Đối với nước mặt: Dự án thực hiện tại KCN Đồng Xoài III, nước thải của dự án sau khi được xử lý sơ bộ sẽ được đầu nối về HTXLNT của KCN Đồng Xoài III để tiếp tục xử lý, nước thải từ dự án không xả trực tiếp ra nguồn tiếp nhận là sông, suối.

+ Đối với nước thải: Dự án chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt, không phát sinh nước thải từ quá trình sản xuất. Nước thải tại dự án sẽ được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 05 ngăn trước khi đầu nối và hệ thống thoát nước chung của KCN Đồng Xoài III.

Do đó, dự án phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường của môi trường đất, môi trường nước, môi trường không khí.

Chương III. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật

1.1. Thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án:

a. Các thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án

Dự án được thực hiện tại Lô 31 Cụm A3, KCN Đồng Xoài III, Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai. KCN có địa hình bằng phẳng, xa khu dân cư, đã được quy hoạch thành KCN. Vì thế, nước thải phát sinh từ dự án sẽ được KCN Đồng Xoài III tiếp nhận và xử lý theo đúng quy định.

b. Chất lượng của các thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án

Nước thải phát sinh từ các nhà máy sản xuất trong KCN được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường. Nước thải của các nhà máy, xí nghiệp phải được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của KCN Đồng Xoài III. KCN Đồng Xoài III chịu trách nhiệm xử lý nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, Cột A với các hệ số $K_q=0,9$ và $K_f=1,0$ trước khi thải ra suối Song Rinh.

c. Số liệu, thông tin về đa dạng sinh học có thể bị tác động bởi dự án

Nước thải phát sinh từ dự án được xử lý đạt Giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Đồng Xoài III (QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B). KCN Đồng Xoài III chịu trách nhiệm xử lý nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, Cột A với các hệ số $K_q=0,9$ và $K_f=1,0$ trước khi thải ra suối Song Rinh. Do đó, các tác động trực tiếp từ việc xả thải đến hệ sinh thái thủy sinh là không có.

1.2. Các đối tượng nhạy cảm về môi trường bị tác động của dự án

a. Các đối tượng nhạy cảm về môi trường gần nhất có thể bị tác động của dự án

Thực vật: Hiện trạng khu vực dự án thực vật chủ yếu là cây cỏ mọc hoang. Xung quanh dự án trồng cây lâu năm, bình bát, cây bụi...

Động vật: Qua quá trình khảo sát điều tra cho thấy trong khu vực không có các loài động vật quý hiếm cả trên cạn lẫn dưới nước.

Động vật trên cạn: Trong khu vực dự án chủ yếu là các vật nuôi trong gia đình. Dự án nằm trong khu đất quy hoạch phát triển sản xuất công nghiệp của địa phương nên đa dạng sinh học tại khu vực dự án khá nghèo nàn, không có loài động vật nào quý hiếm cần được bảo tồn. Các loài sinh vật sống ở đây chủ yếu là chuột, rắn, gián... và một số

loài chim nhurchim sẻ, chim sâu... Tuy nhiên việc xác định số lượng các loài động vật trong khu vực là rất khó vì sự thay đổi thường xuyên theo thời gian và không gian.

Sông suối trong khu vực dự án chủ yếu là các loại cá khá đơn điệu về loại và số lượng và sinh vật phù du.

b. Danh mục và hiện trạng các loài thực vật, động vật hoang dã

Dự án được đầu tư xây dựng trong KCN Đồng Xoài III đã có các thủ tục về môi trường, quy hoạch hoàn chỉnh, hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh, nguồn nước sử dụng của dự án là nước thủy cục của KCN, nước thải từ dự án được đầu nối với khu công nghiệp. Theo số liệu điều tra thực tế tháng 01/2024, thực vật xung quanh khu vực dự án đều thuộc loài thông thường, chủ yếu là cây cỏ mọc hoang, cây bình bát, cây bụi,... không nằm trong danh mục thuộc loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ.

Động vật trong khu vực dự án chủ yếu là các loài chim, sâu, sẻ, chích chòe, chào mào tự nhiên và một số loài lưỡng cư như chuột, rắn, ếch, nhái,... không nằm trong danh mục loài nguy cấp, quý hiếm, ưu tiên bảo vệ.

Căn cứ số liệu điều tra hiện trạng khu vực thực hiện dự án không có các yếu tố nhạy cảm về môi trường. Các loài thực vật, động vật hoang dã không thuộc danh mục loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ. Do đó việc thực hiện dự án khai thác đất san lấp mặt bằng không gây tác động tới các yếu tố này.

2. Môi trường tiếp nhận nước thải của dự án

Với tổng lượng nước thải của dự án phát sinh nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 2,4 m³/ngày. Nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Đồng Xoài III.

2.1. Đặc điểm tự nhiên khu vực nguồn nước tiếp nhận nước thải

2.1.1 Các yếu tố địa lý, địa hình, khí tượng khu vực tiếp nhận nước thải

a. Vị trí địa lý, địa hình

KCN Đồng Xoài III, Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai.

Khoảng cách đến một số khu vực như sau:

- Công ty TNHH Công nghệ Hao Si Bình Phước khoảng 50m về phía Đông Bắc.
- Dự án cách khu dân cư tập trung khoảng 1000m về phía Đông.
- Dự án cách Trạm XLNT tập trung KCN Đồng Xoài III khoảng 800m về phía Bắc;

Khu vực dự án có địa hình bằng phẳng, xung quanh khu vực dự án là các công ty, nhà máy, xí nghiệp có ngành nghề đầu tư phù hợp tiếp nhận của KCN.

b. Đặc điểm khí tượng

Khu vực thực hiện dự án mang những đặc điểm khí hậu của tỉnh Đồng Nai gồm hai mùa mưa, nắng rõ rệt. Mùa nắng (mùa khô) kéo dài từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau, mùa mưa kéo dài từ tháng 5 đến tháng 11.

Điều kiện khí hậu cực đoan của khu vực là nền nhiệt độ đã tăng cao, lượng mưa thiếu hụt. Đây là nguyên nhân dẫn đến tình trạng hạn hán, thiếu nước.

b.1 Nhiệt độ không khí

Nhiệt độ không khí ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình chuyển hóa và phát tán các chất ô nhiễm trong khí quyển. Nhiệt độ không khí càng cao thì tốc độ các phản ứng hóa học xảy ra càng nhanh và thời gian lưu tồn các chất ô nhiễm càng nhỏ. Sự biến thiên giá trị nhiệt độ sẽ ảnh hưởng đến quá trình phát tán bụi và khí thải, đến quá trình trao đổi nhiệt của cơ thể và sức khỏe người lao động. Theo “Niên giám thống kê tỉnh Bình Phước năm 2022”, nhiệt độ trung bình của tỉnh qua các tháng qua các năm (2018 – 2022) được trình bày trong bảng sau:

Bảng III.1. Nhiệt độ không khí trung bình trong giai đoạn 2018 - 2022 (°C) (Trạm Đồng Xoài)

Năm Tháng	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
1	26,5	27,1	26,7	27,2	25,5
2	26,7	26,4	27,7	27,0	26,3
3	27,8	28,0	28,4	28,7	28,7
4	27,8	28,7	29,3	28,7	28,5
5	28,0	28,1	28,8	29,8	28,6
6	27,9	27,3	28,2	27,5	28,4
7	27,0	27,0	27,2	27,9	27,3
8	27,3	26,7	26,9	27,3	27,4
9	27,6	26,5	26,4	27,1	27,1
10	26,9	27,5	27,3	26,4	26,6
11	26,6	27,1	26,8	26,4	26,8
12	26,1	27,4	26,2	26,1	26,0
Cả năm	27,2	27,3	27,5	27,5	27,3

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Bình Phước, năm 2022)

b.2 Lượng mưa

Lượng mưa trung bình trong giai đoạn từ năm 2018 - 2022 được trình bày như bảng sau:

Bảng III.2. Lượng mưa trung bình qua các tháng trong giai đoạn 2018 - 2022 (mm) (Trạm Đồng Xoài)

Năm Tháng	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
1	28,9	28	57,3	0,5	9,0
2	61,4	47,3	0,3	19,2	12,0
3	28,7	60,4	105,7	-	40,0

Năm Tháng	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
4	142,5	10,6	131	207,1	158,5
5	291,3	301,4	396,9	103,4	211,0
6	315,6	271,3	324	301,2	220,2
7	379,1	333,3	712,1	331,3	369,7
8	401,4	419,3	519,2	289,3	311,6
9	287,1	414,7	758,3	328,7	294,5
10	409,9	352,1	437,3	243,3	321,4
11	163,1	136,4	171,1	113,2	276,6
12	28,4	91,2	-	22,1	30,3
Cả năm	2.537,4	2.466,0	3.613,2	1.959,3	2.254,8

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Bình Phước, năm 2022)

Nhận xét: Lượng mưa thay đổi rõ rệt theo mùa, những cơn mưa thường không kéo dài. Dự án hoạt động trong nhà nhưng vấn đề mưa bão cũng ảnh hưởng lớn đến hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu thành phẩm của dự án.

b.3 Độ ẩm không khí

Theo “Niên giám thống kê tỉnh Bình Phước năm 2022” thì độ ẩm trung bình qua các năm được trình bày trong bảng sau:

Bảng III.3. Độ ẩm không khí trung bình trong giai đoạn 2018 - 2022 (%) (Trạm Đồng Xoài)

Năm Tháng	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
1	74,0	68,0	61,0	64,0	61,0
2	71,0	66,0	66,0	62,0	66,0
3	68,0	68,0	71,0	63,0	66,0
4	68,0	72,0	74,0	70,0	71,0
5	84,0	78,0	79,0	73,0	73,0
6	82,0	83,0	80,0	79,0	75,0
7	85,0	84,0	82,0	81,0	76,0
8	86,0	84,0	84,0	82,0	82,0
9	84,0	82,0	85,0	84,0	81,0
10	82,0	78,0	78,0	84,0	82,0
11	79,0	77,0	74,0	77,0	79,0
12	69,0	73,0	66,0	66,0	69,0
Cả năm	77,7	76,1	75,0	73,8	73,4

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Bình Phước, năm 2022)

Nhận xét: Với độ ẩm khu vực thực hiện dự án là lý tưởng, thuận lợi cho hoạt động dự án.

b.4 Số giờ nắng trong năm

Số giờ nắng trung bình qua các tháng và năm được trình bày trong bảng sau:

Bảng III.4. Số giờ nắng trong giai đoạn 2018 - 2022 (Giờ) (Trạm Đồng Xoài)

Năm Tháng	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
1	166	216	258	289	247
2	226	258	260	260	236
3	270	250	205	266	219
4	270	255	262	275	238
5	228	249	250	246	234
6	191	169	231	198	208
7	152	153	195	231	201
8	167	152	172	192	212
9	191	182	151	190	165
10	174	151	255	119	140
11	183	214	226	205	180
12	216	191	284	187	256
Cả năm	2.434	2.540	2.749	2.658	2.536

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Bình Phước, năm 2022)

b.5 Chế độ gió

Gió là một nhân tố quan trọng trong quá trình phát tán và lan truyền các chất ô nhiễm trong khí quyển. Khi vận tốc gió càng lớn, khả năng lan truyền bụi và các chất ô nhiễm càng xa, khả năng pha loãng với không khí sạch càng cao.

Bình Phước chịu ảnh hưởng của 3 hướng gió: chính Đông, Đông Bắc và Tây Nam theo 2 mùa. Tốc độ gió trung bình 1 – 1,5m/s.

Khu vực Bình Phước nói chung và vị trí dự án nói riêng với khí hậu nhiệt đới mang tính chất cận xích đạo, nền nhiệt độ cao quanh năm, ẩm độ cao và nguồn ánh sáng dồi dào. Khí hậu Bình Phước tương đối hiền hoà, ít thiên tai như bão, lụt... Chế độ gió tương đối ổn định, không chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão và áp thấp nhiệt đới.

b.6 Khả năng ngập lụt khu vực dự án

Nghiên cứu cho thấy trong khoảng 50 năm qua, nhiệt độ trung bình của cả nước tăng khoảng 0,5°C.

Khu vực dự án nằm cách xa biển nên hiếm chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các cơn

bão, thường chịu ảnh hưởng của hoàng lưu bão, áp thấp nhiệt đới do bão suy yếu khi vào đất liền, nên mức độ ảnh hưởng thấp, chủ yếu là mưa dông.

Hiện trạng khu vực dự án cũng không có tình trạng ngập lụt khi mưa lớn.

2.1.2 Hệ thống sông suối, kênh, rạch, hồ ao khu vực tiếp nhận nước thải

a. Nước mặt, hệ thống sông ngòi

Khu vực có nguồn nước mặt rất phong phú về mùa mưa, do điều kiện khí hậu và địa hình tạo ra nhiều sông suối chảy qua khu vực điều tra nên rất thuận lợi cho việc khai thác nguồn nước phục vụ công tác trồng rừng, trồng cây công nghiệp.

Nguồn tiếp nhận nước thải của KCN Đồng Xoài III là suối Song Rinh. Suối Song Rinh với lưu lượng $10\text{m}^3/\text{s}$ (vào mùa mưa), lưu lượng tối thiểu $3\text{m}^3/\text{s}$. Đặc điểm thủy văn của Suối Song Rinh như sau:

Mùa kiệt:

- + Diện tích mặt cắt (m^2): 9,50;
- + Lưu tốc mặt cắt (m/s): 0,191;
- + Lưu lượng (m^3/s): 1,72.

Giữa mùa kiệt và mùa mưa:

- + Diện tích mặt cắt (m^2): 21,08;
- + Lưu tốc mặt cắt (m/s): 0,396;
- + Lưu lượng (m^3/s): 8,35.

Mùa mưa:

- + Diện tích mặt cắt (m^2): 48,2;
- + Lưu tốc mặt cắt (m/s): 0,848;
- + Lưu lượng (m^3/s): 40,87.

(Nguồn: Báo cáo tổng hợp Dự án “Xây dựng quy định phân vùng xả thải vào nguồn tiếp nhận trên địa bàn tỉnh Bình Phước”)

b. Nước ngầm

Do cấu tạo của tầng địa chất giáp với nhiều sông, suối lớn nên mực nước ngầm trong khu vực rất phong phú, có trữ lượng lớn và dễ dàng khai thác phục vụ cho sản xuất. Các vùng thấp dọc theo các con suối có nguồn nước ngầm với trữ lượng và chất lượng đối tốt. Tầng chứa nước Bazal (QI-II) phân bố trên quy mô hơn 4.000km^2 , lưu lượng nước tương đối khá lớn $0,5\text{-}16\text{l/s}$. Tuy nhiên, do biến động lớn về tính thấm nên tỷ lệ khoan khai thác thành công không cao. Tầng chứa nước Pleitocen (QI-III), đây là tầng chứa nước có trữ lượng lớn, chất lượng nước tốt. Tầng chứa nước Plioxen (N2) lưu lượng $5\text{-}15\text{l/s}$, chất lượng nước tốt. Ngoài ra còn có tầng chứa nước Mezozol (M2) phân bố ở vùng đồi thấp (từ $100\text{-}250\text{m}$).

Trữ lượng khai thác tiềm năng nước dưới đất của tỉnh là $2.320.000\text{ m}^3/\text{ngày}$, trong đó:

Trữ lượng tính là $94.000\text{m}^3/\text{ngày}$.

Trữ lượng động tự nhiên là $2.326.000\text{m}^3/\text{ngày}$.

Ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên đến dự án:

- **Thuận lợi**

- Dự án được đầu tư trong khu công nghiệp đã có hệ thống hạ tầng đầy đủ, nằm cách xa khu dân cư tập trung nên hạn chế được ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường đến sức khỏe cộng đồng.

- Hệ thống hạ tầng khu vực dự án tương đối hoàn thiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất, sinh hoạt khu dự án vào hoạt động.

- **Khó khăn**

Dự án là một dự án công nghiệp nên điều kiện khí tượng hầu như không ảnh hưởng đến quá trình sản xuất của dự án. Tuy nhiên với những ngày thời tiết nắng nóng sẽ làm gia tăng bức xạ nhiệt từ các bức xạ mặt trời sẽ làm cho người lao động nhanh chóng mệt mỏi, khát nước, nhức đầu, chóng mặt,... từ đó dẫn đến hiện tượng giảm năng suất lao động và tăng cao khả năng gây tai nạn.

2.2. Chất lượng nguồn nước tiếp nhận

Nước thải của Dự án được xử lý đạt Tiêu chuẩn đầu nổi của KCN Đồng Xoài III và đầu nổi vào hệ thống nước thải của KCN để dẫn về HTLXNT tập trung của KCN Đồng Xoài III. Vì vậy, nội dung đánh giá chất lượng nước của nguồn tiếp nhận không thuộc phạm vi thực hiện của báo cáo.

Dự án sẽ hợp đồng xử lý nước thải với KCN Đồng Xoài III khi dự án đi vào hoạt động ổn định. Công ty sẽ chịu trách nhiệm chất lượng nước thải đạt Tiêu chuẩn đầu nổi của KCN Đồng Xoài III trước khi đầu nổi.

2.3. Các hoạt động khai thác, sử dụng nước

KCN Đồng Xoài III sử dụng nguồn nước cấp là nguồn nước thủy cục. Do đó, hoạt động khai thác, sử dụng nước tại khu vực tiếp nhận nước thải là không có.

2.4. Hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải

Nước thải phát sinh từ các nhà máy sản xuất trong KCN được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường. Nước thải của các nhà máy, xí nghiệp phải được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B trước khi đầu nổi vào hệ thống thoát nước thải chung của KCN Đồng Xoài III. KCN Đồng Xoài III chịu trách nhiệm xử lý nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, Cột A với các hệ số $K_q=0,9$ và $K_f=1,0$ trước khi thải ra suối Song Rinh.

2.5. Hiện trạng của Khu công nghiệp Đồng Xoài III

2.5.1 Tổng quan chung

KCN Đồng Xoài III có tổng diện tích 120,3 ha là cầu nối giữa miền Đông Nam Bộ với các tỉnh Tây Nguyên thông qua quốc lộ 14 và ĐT 714. Bên cạnh đó, trục đường

ĐT 714 nối các khu vực như cảng Sóng Thần, cảng Thạnh Phước, Tân Vạn, thành phố Biên Hòa,... sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân phối hàng hóa cũng như xuất khẩu.

KCN Đồng Xoài III được xây dựng theo tiêu chí KCN tập trung đa ngành, tiếp nhận các dự án đầu tư cơ sở sản xuất, kinh doanh không gây ô nhiễm môi trường.

2.5.2 Tình hình thu hút đầu tư

KCN Đồng Xoài III có tổng diện tích quy hoạch khoảng 120ha; trong đó diện tích đất công nghiệp có thể cho thuê là 77ha; Tổng số diện tích đất công nghiệp đã cho thuê là 72ha; Tỷ lệ lấp đầy đạt 98%.

Hiện trạng thu hút các nhà đầu tư thứ cấp trong KCN Đồng Xoài III như sau: Tổng số dự án đã chính thức thu hút đầu tư vào KCN: 36 dự án.

2.5.3 Cơ sở hạ tầng KCN

- Hệ thống giao thông:

+ Giao thông đối ngoại:

Tỉnh lộ 741 cách khu công nghiệp khoảng 500m về phía Đông.

Đường Hồ Chí Minh cách ranh phía Bắc KCN khoảng 400m về phía Bắc.

Đường dẫn vào KCN hướng Đông Tây từ Tỉnh lộ 741, cạnh ranh phía nam KCN, có lộ giới 36m.

+ Giao thông đối nội

Đường chính KCN: Đường số 3A là tuyến đường chính theo trục Bắc Nam, thẳng góc với đường dẫn vào KCN và cũng là trục cảnh quan của KCN. Lộ giới 35m; Đường số 3B nối tiếp tại ngã tư giao lộ đường số 3A và đường số 8 đi tiếp là hướng Bắc, kết nối với đường Hồ Chí Minh, lộ giới 31m; Đường số 1A song song với đường số 3 về phía Đông, từ đường dẫn vào Khu công nghiệp đến đường số 8. Lộ giới 28.

Đường bộ bộ: Gồm các đường số 1B, số 4, số 5°, số 6, số 8, lộ giới 24m; Các đường số 02, số 5B, số 7, lộ giới 18,5m

Trong khu công nghiệp bố trí 1 bãi xe: phục vụ và sửa chữa cho phương tiện giao thông, với quy mô diện tích 1,76ha.

- Hệ thống cấp điện: Nguồn cấp điện cho KCN là nguồn điện lưới quốc gia qua tuyến cao thế 110KV và trạm biến thế 110/22kV. Đầu nối trên tuyến 110KV Trị An – Đồng Xoài về cấp cho KCN Đồng Xoài III.

- Hệ thống cấp thoát nước: Sử dụng nguồn nước cấp cho KCN được lấy về từ hệ thống cấp nước chung của xã Đồng Xoài với đường ống cấp nước trên tỉnh lộ 741.

Đối với doanh nghiệp: Các nhà máy đầu tư trong KCN Đồng Xoài III sẽ xử lý nước thải sơ bộ tại nhà máy đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B. Sau đó, đầu nối nước thải vào hệ thống công thoát nước thải của KCN. Nước thải này được thu gom về hệ thống XLNT tập trung của KCN và tiếp tục xử lý bậc 2 đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A ($K_q=0,9$; $K_f=1,0$) và xả ra suối tiếp nhận (suối Song Rinh).

Đối với KCN: Theo quy hoạch thì HTXLNT tập trung của KCN có tổng công suất 4.000m³/ngày.đêm; hiện nay, hệ thống HTXL đã được xây dựng ở giai đoạn 1 với công suất 1.000m³/ngày.đêm, nước thải sẽ được xử lý đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT cột A (Kq=0,9; Kf=1,0) trước khi thải ra suối Song Rinh.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung:

Hệ thống xử lý nước thải của KCN Đồng Xoài III có tổng công suất 4.000m³/ngày.đêm, chia là 04 module, mỗi module công suất 1.000m³/ngày.đêm và có cùng quy mô công suất. Giai đoạn đầu, KCN xây dựng module 1 với công suất 1.000m³/ngày.đêm. Khi lượng nước thải bằng 85% công suất của module 01, Chủ đầu tư KCN sẽ tiến hành xây dựng module 2. Khi lượng nước thải bằng 85% công suất module 2, Chủ đầu tư KCN tiến hành xây dựng module 3 và tương tự đối với module 4.

Theo Công tác bảo vệ môi trường năm 2024, của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Bình Phước thì Trạm xử lý nước thải giai đoạn 1 của KCN Nam Đồng Xoài III hiện đang hoạt động với công suất khoảng 60-80% công suất xây dựng giai đoạn 1 (module 1) là 1.000m³/ngày.đêm. Với lưu lượng nước thải tại dự án phát sinh khoảng 2,4m³/ngày, trạm XLNT tập trung của KCN Đồng Xoài vẫn đảm bảo khả năng tiếp nhận lượng nước thải của dự án.

Quy trình xử lý nước thải của một module như sau: Nước thải → Hố thu (song chắn rác tinh) → Bể điều hòa → Thiết bị khuấy trộn tĩnh → Thiết bị phản ứng kết bông → Bể lắng → Bể vi sinh G.SBR1st → Bể khử trùng → Mương quan trắc → Nguồn tiếp nhận (Suối Song Rinh).

Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Đồng Xoài III được trình bày trong bảng sau:

Bảng III.5. Bảng tiêu chuẩn tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Đồng Xoài III

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị tiếp nhận
1	Nhiệt độ	°C	40
2	Màu	Pt/Co	150
3	pH	-	5,5 đến 9
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50
5	COD	mg/l	150
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100
7	Asen	mg/l	0,1
8	Thủy ngân	mg/l	0,01
9	Chì	mg/l	0,5
10	Cadimi	mg/l	0,1
11	Crom (VI)	mg/l	0,1
12	Crom (III)	mg/l	1
13	Đồng	mg/l	2
14	Kẽm	mg/l	3
15	Niken	mg/l	0,5
16	Mangan	mg/l	1
17	Sắt	mg/l	5
18	Tổng xianua	mg/l	0,1

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị tiếp nhận
19	Tổng phenol	mg/l	0,5
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
21	Sunfua	mg/l	0,5
22	Florua	mg/l	10
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
24	Tổng nitơ	mg/l	40
25	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	6
26	Clorua (không áp dụng khi xả vào nguồn nước mặn, nước lợ)	mg/l	1000
27	Clo dư	mg/l	2
28	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,1
29	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	1
30	Tổng PCB	mg/l	0,1
31	Coliform	Vi khuẩn/100ml	5.000
32	Tổng hoạt động phóng xạ α	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt động phóng xạ β	Bq/l	1

(Nguồn: Giấy phép môi trường KCN Đồng Xoài 2025)

2.6. Đơn vị quản lý công trình thủy lợi trong trường hợp xả nước thải vào công trình thủy lợi: Không có.

3. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án:

3.1. Kết quả đo đạc, lấy mẫu phân tích, đánh giá hiện trạng môi trường khu vực tiếp nhận

Căn cứ tại mục c, khoản 4, Điều 28 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP được chỉnh sửa bổ sung theo Nghị định 05/2025/NĐ-CP, mô tả hiện trạng môi trường nơi thực hiện dự án đầu tư (trừ dự án đầu tư trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp không phải thực hiện). Do đó, Công ty không tiến hành đánh giá chi tiết hiện trạng môi trường tại khu vực thực hiện dự án.

3.2. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường khu vực dự án trước khi triển khai xây dựng

Dự án thuê lại nhà xưởng của Công ty TNHH Jaycee theo hợp đồng số nguyên tắc về cho thuê nhà xưởng ngày 08/07/2025. Vì thế, dự án không thực hiện triển khai xây dựng.

Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của KCN

KCN Đồng Xoài III đã đầu tư và vận hành HTXL nước thải công suất thiết kế là 1.000 m³/ngày.đêm.

Với tổng lượng nước thải của dự án phát sinh nước thải sinh hoạt khoảng 2,4 m³/ngày, nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại trước khi đầu nối

vào hệ thống thu gom nước thải của KCN. Do đó, trạm xử lý nước thải của KCN đảm bảo đủ khả năng tiếp nhận nước thải của dự án khi dự án đi vào vận hành.

Chương IV. ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Đánh giá tác động tác động môi trường

1.1. Đánh giá, dự báo các tác động trong giai đoạn triển khai, thi công xây dựng dự án đầu tư

Dự án thuê lại nhà xưởng xây dựng sẵn của Công ty TNHH Jaycee theo hợp đồng nguyên tắc về cho thuê nhà xưởng ngày 08/07/2025. Hiện trạng nhà xưởng đã được xây dựng hoàn thiện và nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng theo Thông báo số 87/TB-BQL ngày 26/06/2025 của Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Bình Phước. Vì thế, dự án không đánh giá tác động trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án đầu tư.

1.2. Đánh giá tác động giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị dự án đầu tư

Nhà xưởng hiện tại đã được xây dựng hoàn thiện, đảm bảo hoạt động sản xuất của dự án khi đi vào hoạt động. Công ty sẽ tiến hành lắp đặt máy móc, thiết bị trong thời gian khoảng 30 ngày. Công nhân thực hiện khoảng 20 người. Các tác động trong quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị được thể hiện qua bảng sau:

Bảng IV.1. Tổng hợp các hoạt động và nguồn gây tác động môi trường trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị tại các giai đoạn

TT	Các hoạt động	Nguồn gây tác động	Chất thải phát sinh	Phạm vi tác động	Đối tượng bị tác động	Thời gian tác động
1	Vận chuyển máy móc, thiết bị	Xe chuyên chở máy móc, thiết bị cho Dự án	Bụi thải, tiếng ồn, độ rung	Dọc theo tuyến đường vận chuyển và khu vực Dự án	+ Môi trường không khí	Đã thực hiện
2	Hoạt động lắp đặt máy móc, thiết bị	+ Khí thải: phương tiện, máy móc thi công; máy hàn cắt kim loại. + Nước thải: nước mưa chảy tràn, nước thải sinh hoạt của công nhân. + Chất thải rắn: CTR sinh hoạt.	+ Khí thải: Bụi, SO ₂ , NO _x , ... + Nước thải: các hợp chất hữu cơ, chất rắn lơ lửng, dầu mỡ,.. + Chất thải rắn: CTR sinh hoạt như vỏ hộp	Khu vực Dự án	+ Môi trường không khí + Môi trường nước	1 tháng (lắp đặt máy móc, thiết bị)

TT	Các hoạt động	Nguồn gây tác động	Chất thải phát sinh	Phạm vi tác động	Đối tượng bị tác động	Thời gian tác động
		+ Chất thải nguy hại + Tiếng ồn, độ rung	cơm, các chất hữu cơ; + CTNH: giẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang thải,..			

Nguồn: Công ty TNHH E-Long (Việt Nam) và đơn vị tư vấn tổng hợp

1.2.1 Các nguồn tác động có liên quan đến chất thải

a. Bụi và khí thải phát sinh

a.1 Lượng bụi phát sinh từ quá trình vận chuyển của phương tiện:

Theo giáo trình thiết kế mở - Trường Đại học Mở địa chất Hà Nội, tải lượng bụi trong quá trình vận chuyển; tập kết vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị của Dự án được tính theo công thức:

$$L = 1,7 \times k \times \left(\frac{s}{12}\right) \times \left(\frac{S}{48}\right) \times \left(\frac{W}{2,7}\right)^{0,7} \times \left(\frac{w}{4}\right)^{0,5} \quad (3)$$

Trong đó:

L : Tải lượng bụi (kg/km/lượt xe/năm).

k : Kích thước hạt bụi, (k = 0,1).

s : % lượng đất trên đường, (s = 8,9).

S : Tốc độ trung bình của xe, (S = 40 km/h).

W : Trọng lượng có tải trung bình của xe, (W = 16 tấn).

w : Số bánh xe (w = 10 bánh).

- Thay các thông số vào công thức (3) ta tính được L = 0,57 (kg/km/lượt xe/năm). Nếu tính trong phạm vi ảnh hưởng là 20 km (khoảng cách trung bình từ các cửa hàng đơn vị cung cấp trên địa bàn xã Bình Phước đến khu vực Dự án) và số lượt xe vận chuyển trong ngày là 28 lượt xe/ngày. Tải lượng bụi trong quá trình vận chuyển trong ngày là:

$$0,57 \times 28 \text{ lượt xe} \times 20 \text{ km} = 316,2 \text{ kg/ngày} = 3.694 \text{ mg/s.}$$

a.2 Khối hàn do quá trình gia cố, lắp ráp máy móc và thiết bị

Trong quá trình hàn cắt kim loại: quá trình hàn điện sẽ sinh ra các chất ô nhiễm không khí như các oxit kim loại: Fe₂O₃, SiO₂, K₂O, CaO... tồn tại ở dạng khói bụi. Ngoài ra còn có các khí thải khác như: CO, NO₂... lượng bụi khói sinh ra có thể xác định thông qua các hệ số ô nhiễm được trình bày trong bảng dưới:

Bảng IV.2. Hệ số các chất ô nhiễm trong khói hàn

Chất ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm ứng với đường kính que hàn θ				
	2,5	3,25	4	5	6
Khói hàn (mg/que hàn)	285	508	706	1.100	1.578
CO (mg/que hàn)	10	15	25	35	50
NO _x (mg/que hàn)	12	20	30	45	70

Nguồn: Môi trường Không khí, Phạm Ngọc Đăng, 2000

Lượng que hàn sử dụng trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị ước tính khoảng 30 - 50 kg trong giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị, lượng khói hàn này phát sinh ước tính khoảng 22,8 mg – 157,8 mg. Lượng khói hàn phát sinh không nhiều nhưng trong khói hàn có chứa nhiều khí độc hại sẽ gây độc hại đến môi trường không khí và sức khỏe con người. Tuy vậy, tác động của loại ô nhiễm này thường không lớn do được phân tán trong môi trường rộng, thoáng và ít tác động đến sức khỏe công nhân vì công tác hàn sẽ được sử dụng máy hàn tự động để hàn, công nhân được trang bị các trang thiết bị bảo hộ lao động khi làm việc tại khu vực có nồng độ khói hàn cao.

Tác hại của các chất ô nhiễm từ khí thải

➤ Bụi:

- Đối với sức khỏe của công nhân và người dân xung quanh: bụi có kích thước từ 0,01 – 10 μm (bụi bay) thường gây tổn hại cho cơ quan hô hấp. Bụi có kích thước lớn hơn 10 μm thường gây hại cho mắt, gây nhiễm trùng và dị ứng.

- Đối với hệ sinh thái: Bụi góp phần chính vào ô nhiễm do các hạt lơ lửng và các sol khí, có tác dụng hấp phụ và khuếch tán ánh sáng mặt trời, làm giảm độ trong suốt của khí quyển và do đó làm giảm bớt tầm nhìn. Với nồng độ bụi khoảng 0,1 mg/m³, tầm nhìn xa chỉ còn 12 km (trong khi đó tầm nhìn xa lớn nhất là 36 km và nhỏ nhất là 6 km).

➤ SO₂, NO_x:

- Đối với sức khỏe của công nhân và người dân xung quanh: Các khí SO₂, NO_x là các chất khí kích thích khi tiếp xúc với niêm mạc ẩm ướt tạo thành các axit. SO₂, NO_x, vào cơ thể qua đường hô hấp, hoặc hòa tan vào máu tuần hoàn, kết hợp với bụi tạo thành các hạt bụi axit lơ lửng, nếu kích thước nhỏ hơn 2-3 μm , chúng sẽ vào tới phế nang, bị đại thực bào phá hủy hoặc đưa đến hệ thống bạch huyết.

- Đối với thực vật: Các khí SO₂, NO_x khi bị oxi hóa trong không khí kết hợp với nước mưa tạo thành mưa axit, gây ảnh hưởng đến sự phát triển thảm thực vật và cây trồng, thậm chí hủy diệt hệ sinh thái và thảm thực vật, ảnh hưởng xấu đến khí hậu, hệ sinh thái và tầng ôzôn. Khi nồng độ SO₂ trong không khí khoảng 1-2 ppm có thể gây ảnh hưởng đến lá cây sau vài giờ tiếp xúc. Các thực vật nhạy cảm, đặc biệt là thực vật bậc thấp có thể bị gây độc ở nồng độ 0,15-0,30 ppm.

- Đối với vật liệu: Sự có mặt của SO₂, NO_x trong không khí nóng ẩm làm tăng quá trình ăn mòn kim loại, phá hủy vật liệu trong các công trình.

➤ CO: liên kết với Hemoglobin tạo thành cacboxy-hemoglobin rất bền vững, dẫn đến sự giảm khả năng vận chuyển oxy của máu đến các tổ chức, các tế bào. Khi ngộ độc

CO sẽ xuất hiện các triệu chứng chóng mặt, đau đầu, ù tai và khi ngộ độc nặng có thể tử vong

➤ **Khói hàn:**

- *Đối với sức khỏe của công nhân và người dân xung quanh:* Khi tiếp xúc với khói hàn sẽ gây các triệu chứng cấp tính như kích ứng mắt, mũi họng, chóng mặt, buồn nôn,... Nếu tiếp xúc dài với khói hàn có thể gây ra tổn thương về hô hấp và các bệnh khác như ung thư phổi, ung thư thanh quản và các bệnh đường tiết niệu khác. Đặc biệt là khi hàn trong không gian kín, khí Carbon monoxit hình thành có thể gây tử vong cho người lao động.

Đối với hệ sinh thái: khói hàn sẽ lan toả vào môi trường không khí, phát tán ra xung quanh lân cận khu vực Dự án. Tác động này sẽ gây ảnh hưởng hệ hô hấp của các sinh vật và thực vật lân cận. Tác động lâu dài cho đi sâu vào hệ hô hấp, tế bào bên trong của động vật và hệ thực vật gây các chứng bệnh nặng nề và ảnh hưởng xấu đến cân bằng sinh thái của khu vực.

a.3 Ô nhiễm tiếng ồn phát sinh do quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị

Trong quá trình thi công lắp đặt, dự án phát sinh tiếng ồn, rung động. Các nguồn phát sinh tiếng ồn trong quá trình thi công phát sinh bao gồm:

- Sự di chuyển của phương tiện vận chuyển vật liệu cải tạo, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất;
- Hoạt động của các thiết bị máy móc như máy cắt, máy khoan, máy hàn;
- Hoạt động do thi công hệ thống xử lý nước thải, khí thải.

Độ ồn của các nguồn phát sinh này khi hoạt động độc lập có thể tham khảo trong bảng dưới.

Bảng IV.3. Mức ồn của các thiết bị chuyên dùng tại khoảng cách 1,5 m

Thiết bị	Mức ồn (dBA) cách nguồn 1,5 m	QCVN 26:2010/BTNMT Khu vực thông thường (từ 6 – 21h)
Xe tải	82,0	70
Máy hàn	85,0	
Máy cắt	82,0	
Máy khoan	85,0	

Nguồn: Ô nhiễm không khí, Đinh Xuân Thắng, 2007

Độ ồn phát sinh này sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân trong quá trình thi công giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị. Độc hại của tiếng ồn trước hết là nguyên nhân của bệnh thần kinh, đau đầu, tăng huyết áp và giảm trí nhớ.

Hoạt động lắp đặt máy móc thường tạo ra tiếng ồn và độ rung phát sinh trình lắp ráp các máy móc dây chuyền công nghệ nên tiếng ồn và độ rung từ các quá trình này không lớn và chỉ mang tính chất gián đoạn, tạm thời.

b. *Nguồn phát sinh nước thải*

b.1 Nước thải sinh hoạt

Sự tập trung của công nhân phục vụ lắp đặt máy móc thiết bị sẽ phát sinh nước thải sinh hoạt:

- Thành phần nước thải sinh hoạt chủ yếu bao gồm: Chất rắn lơ lửng (SS), các chất hữu cơ (COD, BOD₅), dinh dưỡng (N, P...), vi sinh vật (virus, vi khuẩn, nấm...).
- Số lượng công nhân làm việc trong quá trình lắp đặt máy móc khoảng 20 người. Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 1,6 m³/ngày.
- Nếu nước thải sinh hoạt không được thu gom và xử lý thích hợp thì chúng sẽ gây ô nhiễm môi trường nước mặt, đất, nước ngầm và là nguy cơ lan truyền bệnh cho con người và gia súc. Vì vậy, tác động này sẽ được giảm thiểu nhờ áp dụng các biện pháp giảm thiểu như được trình bày tại mục 2.2.

Nồng độ:

Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt được thể hiện tại bảng sau:

Bảng IV.4. Nồng độ và tải lượng nước thải sinh hoạt tại dự án

STT	Chất ô nhiễm	Nồng độ trung bình (mg/l)	Giới hạn đầu nối nước thải của KCN Đồng Xoài III
1	Chất rắn lơ lửng (SS)	220	100
2	BOD ₅	220	50
3	COD	500	150
4	Tổng Nitơ	40	40
5	Tổng Phospho	8	6
6	Coliform No/100	10 ⁷ – 10 ⁸	5.000

Nguồn: (Lâm Minh Triết, Nguyễn Thanh Hùng và Nguyễn Phước Dân, 2008)¹

Ghi chú:

$$(3) = (2) \times Q_{ht}/1000$$

$Q_{ht} = 1,6 \text{ m}^3/\text{ngày}$ là lưu lượng nước thải sinh hoạt tại dự án

Nhận xét: chất lượng nước thải sinh hoạt khi chưa xử lý có các thông số vượt quy định đầu nối của KCN Đồng Xoài III (trừ COD và tổng N). Do đó, Công ty sẽ có biện pháp giảm thiểu trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải của KCN Đồng Xoài III.

Tác hại của các chất ô nhiễm trong nước thải:

+ *Các chất hữu cơ:* Mức độ ô nhiễm chất hữu cơ trong nguồn nước được thể hiện thông qua thông số BOD₅, COD.

COD, BOD₅ cao làm giảm chất lượng nước của nguồn tiếp nhận. Sự có mặt của các chất ô nhiễm hữu cơ cao dẫn đến sự suy giảm nồng độ oxy hoà tan trong nước do vi sinh

¹ Lâm Minh Triết, Nguyễn Thanh Hùng và Nguyễn Phước Dân. (2008). *Xử lý nước thải đô thị và công nghiệp – Tính toán thiết kế công trình*. Đại học Quốc gia TP.HCM.

vật sử dụng lượng oxy này để phân huỷ các chất hữu cơ. Khi lượng oxy hòa tan giảm dưới mức 50% bão hòa sẽ gây tác hại nghiêm trọng đến tài nguyên thủy sinh.

Tiêu chuẩn chất lượng nuôi cá của FAO (Tổ chức Lương thực Thế giới) quy định nồng độ oxy hòa tan (DO) trong nước cao hơn 4 mg/l ở 25°C. Ở vùng nhiệt đới, giới hạn này vào khoảng 3,8 mg/l. Ngoài ra, nồng độ oxy hòa tan thấp còn ảnh hưởng đến khả năng tự làm sạch của dòng sông.

+ *Chất rắn lơ lửng*: Chất rắn lơ lửng là một trong những tác nhân tiêu cực gây ô nhiễm đến tài nguyên thủy sinh, đồng thời gây tác hại về mặt cảm quan, làm tăng độ đục nguồn nước và gây bồi lắng kênh rạch. Chất rắn lơ lửng nhiều có thể gây tắc nghẽn đường cống nếu không được xử lý thích hợp. Khi ra đến nguồn tiếp nhận, chất rắn lơ lửng lại làm tăng độ đục, ngăn cản oxy đi vào trong nước và ảnh hưởng đến quá trình quang hợp của thực vật cũng như đời sống của các sinh vật trong nước.

Các chất dinh dưỡng N, P: Nguồn nước có mức N, P vừa phải sẽ là điều kiện tốt cho rong tảo, thủy sinh vật phát triển và cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển thủy sản. Khi nồng độ các chất dinh dưỡng quá cao thì sẽ dẫn đến sự phát triển bùng nổ của rong, tảo gây hiện tượng phú dưỡng hóa. Hiện tượng này làm giảm sút chất lượng nước do gia tăng độ đục, tăng hàm lượng hữu cơ và có thể có độc tố do tảo tiết ra gây cản trở đời sống thủy sinh và ảnh hưởng tới nước cấp sinh hoạt.

b.2 Nước mưa chảy tràn

Nước mưa chảy tràn có thể cuốn trôi vật liệu, rác thải, dầu mỡ thải và các chất thải khác trên mặt đất nơi chúng chảy qua gây ô nhiễm môi trường nước mặt và tác động xấu đến hệ thủy sinh.

c. *Nguồn phát sinh chất thải rắn và chất thải nguy hại*

c.1 Chất thải rắn sinh hoạt

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tối đa 0,9 kg/người/ngày (QCVN 01:2021/BXD). Công nhân hoạt động trong thời gian lắp đặt máy móc, thiết bị tại dự án là 20 người. Vậy lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại dự án là 18 kg/ngày. Trong đó, thành phần hữu cơ (tính riêng cho chất thải thực phẩm) chiếm từ 60–70%. Các thành phần còn lại chủ yếu là vỏ hộp, bao bì đựng thức ăn...

Lượng chất thải này, chủ đầu tư sẽ thu gom, xử lý đúng theo quy định và được thể hiện tại mục 2.2 của báo cáo.

Chất thải rắn từ sinh hoạt hàng ngày của công nhân nếu không xử lý tốt sẽ gây ô nhiễm môi trường, tạo điều kiện cho các vi sinh vật gây bệnh phát triển, dễ lây lan dịch bệnh. Thức ăn dư thừa, giấy, ... khi thải vào môi trường làm tăng nồng độ các chất dinh dưỡng, tạo ra các hợp chất vô cơ, hữu cơ độc hại, ... trong nguồn nhận. Túi nilon làm tắc nghẽn các cống thoát nước, gây hại cho hệ vi sinh vật đất. Các loại chất thải rắn có thể phân huỷ tạo điều kiện cho vi khuẩn, ruồi muỗi phát triển và là nguyên nhân của các dịch bệnh, đồng thời gây ảnh hưởng đến cảnh quan khu vực. Ngoài ra sự phân huỷ chất thải rắn loại này còn gây mùi rất khó chịu, ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân xây dựng và dân cư khu vực xung quanh.

c.2 Chất thải rắn từ quá trình lắp ráp thiết bị

Chất thải rắn phát sinh từ quá trình lắp ráp thiết bị, máy móc chủ yếu là bao bì, thùng carton, dây cột, đóng gói máy móc. Khối lượng chất thải này phát sinh không nhiều, ước tính khoảng 5 kg/ngày.

Lượng chất thải này, chủ đầu tư sẽ thu gom, xử lý đúng theo quy định và được thể hiện tại mục 2.2 của báo cáo.

c.3 Chất thải nguy hại

Trong quá trình lắp đặt máy móc thiết bị sẽ phát sinh một lượng chất thải nguy hại như: giẻ lau, dầu mỡ thải, bao bì đựng hóa chất thải.... Đây cũng là một nguồn gây ô nhiễm cần được thu gom và xử lý hợp lý.

Lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình lắp đặt máy móc ước tính tối đa khoảng 10 kg/tháng.

Các chất thải này chứa các thành phần nguy hại có thể gây hại cho công nhân khi tiếp xúc ví dụ như viêm da, các bệnh về đường hô hấp, ... Ngoài ra, nếu như các chất thải này không được phân loại, lưu trữ và xử lý theo đúng quy định thì có thể bị tràn đổ ra môi trường, gây ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí

Do vậy, công ty sẽ bố trí khu vực chứa các loại chất thải này và gắn nhãn phân biệt từng loại chất thải, các biện pháp kiểm soát sẽ được thực hiện cụ thể mục 2.2.

Tác hại của các thành phần ô nhiễm trong chất thải rắn và CTNH.

- Các thành phần dễ phân hủy sinh học: Các thành phần dễ phân hủy sinh học có thể phân hủy sinh học tạo thành các chất gây mùi như mercaptan, H_2S , NH_3 , CH_4 ,... gây mùi hôi và ô nhiễm cục bộ môi trường không khí khu vực dự án. Khi bị lôi cuốn vào môi trường gây ô nhiễm hữu cơ đối với nguồn nước với các tác hại được phân tích ở phần trên.

- Các thành phần khó phân hủy sinh học: Nếu không được thu gom thích hợp, các thành phần khó phân hủy sinh học trong chất thải rắn và chất thải nguy hại sẽ tồn lưu trong môi trường gây mất mỹ quan khu vực và ô nhiễm môi trường đất. Một phần thành phần này đi vào chuỗi thức ăn bắt đầu từ thực vật hấp thụ các thành phần này từ môi trường đất.

Các thành phần gây độc sinh thái: Các thành phần gây độc sinh thái phát sinh từ chất thải nguy hại gây tác động tiêu cực lên hệ sinh thái. Các kim loại nặng trong bóng đèn huỳnh quang có thể gây các tác động lên hệ thần kinh, hô hấp, tiêu hóa lên sinh vật phơi nhiễm, gây ảnh hưởng đến sức khỏe và sự sống của sinh vật. Dầu mỡ một khi đi vào môi trường nước tạo thành lớp màng gây cản trở oxy xâm nhập vào nước, làm giảm lượng oxy hòa tan, gây ngạt đối với các sinh vật trong hệ thủy sinh.

1.2.2 *Đánh giá, dự báo tác động của các nguồn không liên quan đến chất thải*

a. *Sự cố cháy nổ*

Các nguyên nhân có thể gây ra sự cố cháy trong giai đoạn lắp đặt máy móc là:

- Chập điện.
- Hút thuốc và vứt tàn thuốc bừa bãi.
- Do bảo quản nhiên liệu không đúng cách.
- Lựa chọn thiết bị điện và dây điện không phù hợp với cường độ dòng điện, không trang bị các thiết bị chống quá tải.
- Hệ thống đường ống bị bít nghẹt trong quá trình lắp đặt (do các vật cứng lọt vào phần bên trong của đường ống dẫn) → nổ → cháy.

Các tác động đến môi trường bao gồm:

- Thiệt hại tài sản, tính mạng;
- Môi trường không khí bị ô nhiễm do các sản phẩm cháy;
- Ô nhiễm môi trường nước do lượng nước chữa cháy hoà tan các chất độc.

Nhận xét:

Các tác động trên chỉ xảy ra trong giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị, phạm vi nhỏ, mức độ tác động không cao nên các tác động này ngắn hạn, quy mô tác động ở mức trung bình - thấp. Các tác động này đều có thể được giảm thiểu và kiểm soát bằng các biện pháp đã đề xuất tại mục 2.2.

b. Tai nạn lao động

Tai nạn lao động và tai nạn giao thông có khả năng xảy ra tại khu vực dự án trong quá trình lắp đặt máy móc thiết bị:

- Nguyên nhân khách quan: do điều kiện thời tiết nóng bức hoặc mưa nhiều.
- Nguyên nhân chủ quan: do công nhân bất cẩn trong quá trình làm việc hoặc không tuân thủ các chương trình bảo hộ lao động,...
- Tai nạn lao động do hoạt động của xe nâng.

c. Tai nạn giao thông

Tai nạn giao thông có nguy cơ xảy ra trong quá trình thi công lắp đặt máy móc, thiết bị, gây thiệt hại về tài sản và tính mạng. Nguyên nhân có thể do phương tiện vận chuyển không đảm bảo kỹ thuật hoặc do người điều khiển không tuân thủ các nguyên tắc an toàn giao thông. Sự cố này, ngoại trừ các nguyên nhân khách quan, hoàn toàn phòng tránh được bằng cách kiểm tra tình trạng kỹ thuật các phương tiện vận tải, tuyên truyền nâng cao ý thức chấp hành luật lệ giao thông của người điều khiển phương tiện giao thông và cho công nhân.

d. Sự cố ngộ độc thực phẩm

- Ngộ độc thực phẩm do công nhân ăn uống phải thức ăn không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm do cơ sở cung cấp không đảm bảo (dự án sử dụng suất ăn công nghiệp).

- Ngộ độc do thực phẩm bị phơi nhiễm hóa chất trong quá trình vận chuyển đến dự án.

e. Tác động đến hệ thống giao thông địa phương và khu vực xung quanh

Hoạt động di chuyển của công nhân trải dài suốt giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị khoảng 20 - 25 ngày.

Số công nhân trong giai đoạn này ước tính 20 người, như vậy lúc tập trung cao nhất mỗi ngày sẽ gia tăng thêm 40 lượt xe máy ra vào dự án, chưa kể đến số lượt xe ô tô của cán bộ quản lý giám sát và ban chỉ huy công trình, chủ đầu tư trung bình khoảng 4-6 lượt/ngày.

Lượng phương tiện này cũng góp phần gia tăng tình trạng kẹt xe và ùn tắc giao thông khu vực trong những giờ cao điểm, khi công nhân của các nhà máy lân cận tan ca hoặc công nhân viên và người dân di chuyển ngoài tuyến đường.

Vì vậy, trong quá trình thi công, Chủ đầu tư và đơn vị thi công cần có sự phối hợp chặt chẽ và nhận chỉ đạo thường xuyên của các đơn vị trực tiếp quản lý đoạn đường giao thông liên quan, BQL KCN Đồng Xoài III, tránh xảy ra các tai nạn, ảnh hưởng đến môi trường, hệ sinh thái khu vực.

f. Mâu thuẫn giữa công nhân và người dân địa phương

Việc tập trung công nhân phục vụ cho dự án có thể dẫn đến các vấn đề xã hội/văn hóa nhất định do mâu thuẫn giữa công nhân đến từ nơi khác và người dân địa phương. Tuy nhiên, dự án sẽ tận dụng tối đa công nhân của địa phương và không cho phép công nhân ở lại công trường nên tác động này không đáng kể.

g. Tác động đến an toàn lao động, sức khỏe và bệnh nghề nghiệp:

Đối với vấn đề an toàn lao động: Bất kỳ quá trình sản xuất nào cũng tiềm ẩn những nguy cơ về tai nạn lao động. Mặc dù các công đoạn sản xuất không có nhiều nguy cơ rủi ro gây tác động đến con người, tài sản và môi trường, song cũng cần chú ý đến những yếu tố như vấn đề an toàn khi sử dụng điện, an toàn trong quá trình bốc dỡ nguyên vật liệu, quá trình sử dụng hóa chất, vận chuyển,... Đây là những nguồn có khả năng gây tác động lớn đến giá trị về tài sản, tính mạng con người và môi trường. Do vậy việc xây dựng quy trình an toàn cho từng công đoạn, thiết bị sản xuất là cần thiết; đồng thời cũng cần lên kế hoạch hướng dẫn quy trình thực hiện trước khi đi vào sản xuất và tiến hành giám sát việc thực hiện các quy định này.

1.3. Đánh giá tác động trong giai đoạn dự án đi vào vận hành

Bảng tổng hợp các tác động môi trường trong các giai đoạn của dự án đi vào vận hành được thể hiện chi tiết qua bảng sau:

Bảng IV.5. Bảng tóm tắt các tác động môi trường trong quá trình vận hành sau khi điều chỉnh, cấp đi vào hoạt động ổn định

STT	Đối tượng chịu tác động	Tác nhân	Quy mô tác động
1	Các đối tượng chịu tác động liên quan đến chất thải		
1.1.	Không khí	Bụi và khí thải từ quá trình sản xuất: - Bụi từ quá trình sản xuất. - Bụi, khí thải từ quá trình gia nhiệt, dán keo.	Có thể kiểm soát
		Bụi và khí thải từ phương tiện vận chuyển và từ khu vực bãi tập kết	Trung bình, ngắn hạn, không thể tránh khỏi
1.2	Nước thải	Nước thải sinh hoạt	Thấp, ngắn hạn, có thể kiểm soát
1.3	Chất thải rắn	Chất thải rắn sinh hoạt	Thấp, ngắn hạn, có thể kiểm soát
		Chất thải công nghiệp thông thường	Thấp, ngắn hạn, có thể kiểm soát
		Chất thải nguy hại (dầu mỡ thải, thùng đựng sơn, dầu nhớt thải,...)	Trung bình, ngắn hạn, có thể kiểm soát
1.4	Tiếng ồn, độ rung	Tiếng ồn độ rung từ quá trình vận chuyển	Trung bình, ngắn hạn, có thể kiểm soát
		Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động máy móc, thiết bị của dây chuyền sản xuất, HTXLKT	Trung bình, ngắn hạn, có thể kiểm soát
2	Các đối tượng chịu tác động không liên quan đến chất thải		
2.1	Nhân công tại công trường và hộ dân lân cận	Tiếng ồn từ hoạt động của máy móc thiết bị	Trung bình, ngắn hạn, có thể kiểm soát
		Tiếng ồn từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển	Trung bình, ngắn hạn, có thể kiểm soát
2.2	Kinh tế - xã hội của khu vực	Nước mưa gây ngập úng	Trung bình, ngắn hạn, có thể kiểm soát
		Cản trở giao thông đi lại của khu vực	Thấp, ngắn hạn, có thể kiểm soát
2.3	Sự cố môi trường	Tai nạn lao động Sự cố cháy nổ Sự cố hóa chất	Trung bình, ngắn hạn, có thể kiểm soát
		Hư hỏng máy móc, thiết bị trong quá trình hoạt động	Trung bình, ngắn hạn, có thể kiểm soát

STT	Đối tượng chịu tác động	Tác nhân	Quy mô tác động
		Hệ thống xử lý môi trường (HTXLKT, bể tự hoại)	Trung bình, ngắn hạn, có thể kiểm soát

Nguồn: Công ty TNHH E-Long (Việt Nam) và đơn vị tư vấn tổng hợp

1.3.1 Đánh giá, dự báo tác động của các nguồn phát sinh chất thải

a. Đối với nước thải

a.1 Đối với nước mưa chảy tràn

Nước mưa thu được từ 2 nguồn: nước mưa chảy trên mái được quy ước là nước sạch và nước mưa chảy tràn trong đường nội bộ nhà xưởng. Nước mưa chảy tràn có khả năng nhiễm bụi bẩn, chất rắn lơ lửng và các tạp chất khác có trong môi trường xung quanh khu vực dự án.

Bảng IV.6. Thành phần, tính chất nước mưa chảy tràn

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Nồng độ
1	Tổng Nitơ	mg/l	0,5 - 1,5
2	Tổng Photpho	mg/l	0,004 - 0,03
3	Nhu cầu oxy hoá học (COD)	mg/l	10 – 20
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	30 - 50

Nguồn: Giáo trình cấp thoát nước, Hoàng Huệ, 1993

Lưu lượng nước mưa lớn nhất chảy tràn từ khu vực dự án được xác định theo công thức thực nghiệm sau:

$$Q = C \cdot I \cdot A / 1000$$

Trong đó:

- + Q : Lưu lượng nước mưa chảy tràn cực đại (m³/ngày)
- + C : Hệ số chảy tràn
- + I : Lượng mưa lớn nhất theo ngày (mm/ngày)
- + A : Diện tích chảy tràn (m²).

Đối với khu vực có độ dốc < 2%, hệ số chảy tràn C = 0,25. Dự án nằm trên địa bàn tỉnh Bình Phước có lượng mưa trung bình khoảng 2.483,8 mm/năm (số liệu năm 2022), số ngày mưa trung bình trong năm khoảng 110-115 ngày nên lượng mưa trung bình khoảng 21,98 mm/ngày. Lượng nước mưa chảy tràn trung bình mỗi ngày ước tính trên toàn bộ diện tích của khu vực dự án được ước tính như sau:

$$Q = 0,25 \cdot 21,98 \cdot 10.614,2 / 1000 = 5,83 \text{ m}^3/\text{ngày} = 67,47 \text{ l/s}$$

Tổng lượng mưa trong toàn khu vực của Dự án là 67,47 l/s. Toàn bộ lượng nước mưa thu được tại nhà máy được quy ước là nguồn nước sạch, không cần phải xử lý. Chủ dự án sẽ hạn chế việc gây nhiễm bẩn khu vực để chất lượng nước mưa được tốt nhất.

a.2 Nước thải sinh hoạt

Nguồn phát sinh: từ các hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên của nhà máy.

Lưu lượng: 2,4m³/ngày.

Tính chất nước thải: Nước thải sinh hoạt có chứa chủ yếu các chất cặn bã, các chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅/COD), các hợp chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh khi thải ra môi trường sẽ gây ô nhiễm nguồn nước nếu không được xử lý.

Nồng độ:

Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt được thể hiện tại bảng sau:

Bảng IV.7. Nồng độ và tải lượng nước thải sinh hoạt tại dự án

STT	Chất ô nhiễm	Nồng độ trung bình (mg/l)	Giới hạn đầu nối nước thải của KCN Đồng Xoài III
1	Chất rắn lơ lửng (SS)	220	100
2	BOD ₅	220	50
3	COD	500	150
4	Tổng Nitơ	40	40
5	Tổng Phospho	8	6
6	Coliform No/100	10 ⁷ – 10 ⁸	5.000

Nguồn: (Lâm Minh Triết, Nguyễn Thanh Hùng và Nguyễn Phước Dân, 2008)²

Nhận xét: chất lượng nước thải sinh hoạt khi chưa xử lý có các thông số vượt quy định đầu nối của KCN Đồng Xoài III (trừ COD và tổng N). Do đó, Công ty sẽ có biện pháp giảm thiểu trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải của KCN Đồng Xoài III.

➤ **Tác động của nước thải**

Tác động của các chất ô nhiễm trong nước thải được thể hiện trong bảng sau:

Bảng IV.8. Tác động của các chất ô nhiễm trong nước thải

TT	Thông số	Tác động
1	Nhiệt độ	Chất lượng nước bị biến đổi, nồng độ oxy hòa tan trong nước tăng giảm thất thường, sự đa dạng sinh học thay đổi, tốc độ và dạng phân hủy các hợp chất hữu cơ trong nước
2	Các chất hữu cơ	Giảm nồng độ oxy hòa tan trong nước Tài nguyên thủy sinh giảm bớt
3	Chất rắn lơ lửng	Chất lượng nước, tài nguyên thủy sinh không đảm bảo để sử dụng hoặc sinh trưởng phát triển
4	Các chất dinh dưỡng (N, P)	Gây hiện tượng phú dưỡng, ảnh hưởng tới chất lượng nước, sự sống thủy sinh.

² Lâm Minh Triết, Nguyễn Thanh Hùng và Nguyễn Phước Dân. (2008). *Xử lý nước thải đô thị và công nghiệp – Tính toán thiết kế công trình*. Đại học Quốc gia TP.HCM.

TT	Thông số	Tác động
5	Các vi khuẩn	Nước có lẫn vi khuẩn gây bệnh là nguyên nhân của các dịch bệnh thương hàn, phó thương hàn, lỵ, tả. Coliform là nhóm vi khuẩn gây bệnh đường ruột
6	pH	Nước có tính axit quá thấp và quá cao cao sẽ gây ăn mòn và phá hủy đường ống và thiết bị

Nguồn: Công ty TNHH E-Long (Việt Nam) và đơn vị tư vấn tổng hợp

a.3 Nước thải từ HTXLKT

Nguồn phát sinh: Từ hoạt động của 02 HTXLKT với công suất mỗi hệ thống 18.000 m³/h.

Tính chất: Nước thải từ HTXLKT chủ yếu chứa cặn lắng lơ lửng từ quá trình hấp thụ khí thải từ hoạt động đốt viên Biomass tại công đoạn gia nhiệt của quy trình sản xuất và không chứa các thành phần nguy hại.

Nước từ HTXLKT được tuần hoàn tái sử dụng, định kỳ sẽ thu gom cặn lắng và thu gom cùng CTRCNTT tại dự án.

b. Đối với khí thải

b.1 Bụi và khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển

Nguồn phát sinh: từ hoạt động của phương tiện vận chuyển của công nhân viên, hoạt động xuất nhập hàng tại nhà máy.

Khí thải phát sinh: Bụi, SO₂, NO₂, CO...

Tải lượng: (công nhân viên hoạt động tại nhà máy khi ổn định khoảng 30 người).

Theo quy mô hoạt động của dự án, số lượng xe vận chuyển nguyên vật liệu đến khu vực dự án vào thời điểm cao điểm nhất khoảng 5-8 xe/ngày, thời điểm khác trung bình khoảng 2 – 5 xe /ngày. Tải trọng xe 10 - 18 tấn, thời gian hoạt động 1 – 2 giờ/ngày.

Vào thời điểm cao điểm, lượng nhiên liệu tiêu thụ khoảng: 101 – 415 lít/ngày. Thời điểm khác lượng nhiên liệu tiêu thụ khoảng 30 – 142 lít/ngày.

Theo nhu cầu sản xuất, số lượng phương tiện giao thông ra vào nhà máy như sau:

Bảng IV.9. Số lượng phương tiện vận chuyển ra vào nhà máy

STT	Loại phương tiện	Số lượt vận chuyển/ngày
1	Xe máy	60
2	Xe tải	12
3	Xe ô tô con	4

Nguồn: Công ty TNHH E-Long (Việt Nam), 2024

Khoảng cách di chuyển của phương tiện khoảng 40-50km/lượt vận chuyển, phương tiện di chuyển cá nhân khoảng 2-5km/lượt vận chuyển. Thời gian làm việc của mỗi phương tiện 2-3 giờ/ngày, định mức tiêu hao nhiên liệu cho xe chạy dầu diesel là 3,5 lít/giờ, xe chạy xăng là 0,9 lít/giờ.

Bảng IV.10. Khối lượng nhiên liệu tiêu thụ của nhà máy

Dầu diesel (kg/ngày)	Xăng (kg/ngày)
24	274

Nguồn: Công ty TNHH E-Long (Việt Nam), 2024

Ghi chú: Khối lượng riêng của xăng $\rho=760\text{kg/m}^3$, dầu $\rho=850\text{kg/m}^3$.

Tải lượng khí thải phát sinh từ các phương tiện vận tải khi tiêu thụ 1 tấn nhiên liệu:

Bảng IV.11. Tải lượng khí thải khi tiêu thụ 1 tấn nhiên liệu

Loại nhiên liệu	Tải lượng khí thải (kg/tấn nhiên liệu)				
	CO	NO _x	SO ₂	Adehyde	Hydrocacbon
Động cơ diesel	20,81	13,01	7,80	0,78	4,16
Máy nổ chạy xăng	465,59	15,83	1,86	0,93	23,28

Nguồn: (Trần Ngọc Chấn, 2002)³

Bảng IV.12. Tải lượng khí thải từ hoạt động giao thông vận chuyển hàng hóa

Chất ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm (g/km)	Tải lượng ô nhiễm tính toán (g)
Bụi	1,28	921,6
CO	0,69 – 2,57	496,8 – 21.850,4
NO _x	0,68 – 1,02	489,6 – 734,4
SO ₂	0,47	338,4
Hydrocacbon	0,14 – 2,07	100,8 – 1.490,4

Nguồn: Công ty TNHH E-Long (Việt Nam) và đơn vị tư vấn tổng hợp

Việc tham gia giao thông của các phương tiện vận tải trong quá trình hoạt động của dự án sẽ phát thải vào môi trường một lượng khí thải có thành phần ô nhiễm gồm bụi, CO, SO_x, NO_x, hydrocacbon.

Tác động:

Sunfua dioxyt (SO₂): Sunfua dioxyt sinh ra chủ yếu từ khói xe ô tô, xe máy... SO₂ tác động mạnh, gây tức ngực, đau đầu, khó thở... Độc tính chung của SO_x gây rối loạn chuyển hoá protein và đường, thiếu vitamin B và C, ức chế enzym. SO₂ bị oxy hóa ngoài không khí và phản ứng với nước mưa tạo thành axit sulfuric hay các muối sulfate gây hiện tượng mưa acid, ảnh hưởng xấu đến sự phát triển thực vật. Sự có mặt của SO₂ trong không khí nóng ẩm còn là tác nhân gây ăn mòn kim loại, bê tông và các công trình kiến trúc.

Nitơ oxyt (NO_x): Khí oxit nitơ sinh ra chủ yếu từ các nguồn đốt nhiên liệu dầu, khí đốt... Khí NO₂ với nồng độ 100ppm có thể làm chết người và động vật chỉ sau vài phút, với nồng độ 15 - 50ppm gây nguy hiểm cho phổi, tim, gan sau vài giờ tiếp xúc. Với nồng độ khoảng 0,06ppm cũng có thể gây bệnh phổi như phù phổi. NO₂ góp phần vào sự hình thành những hợp chất là tác nhân quang hóa và cũng là nguyên nhân gây mưa acid.

Khí Oxyt Carbon (CO): CO tạo ra do sự cháy không hoàn toàn của nhiên liệu hay vật liệu có chứa cacbon, có mặt trong khói thải của xe ô tô, xe máy, các bếp lò đốt dầu,

³ Trần Ngọc Chấn . (2002). Ô nhiễm không khí & xử lý khí thải. Khoa học và Kỹ Thuật.

than, gas... CO gây tổn thương, thoái hóa hệ thần kinh và gây các biến chứng viêm phổi, viêm phế quản, phù phổi. Người và động vật có thể chết đột ngột khi tiếp xúc hít thở khí CO, do nó tác dụng mạnh với hemoglobin (Hb), làm mất khả năng vận chuyển oxy của máu và gây ngạt. Ở nồng độ cao (100 – 10.000ppm) CO có khả năng gây rụng lá, lá bị xoắn quăn, diện tích lá bị thu hẹp, làm cây non chết. CO kiềm chế sự hô hấp của tế bào thực vật.

Các hợp chất hữu cơ bay hơi (VOCs): VOCs sinh ra từ các phương tiện vận chuyển. Các hợp chất hữu cơ bay hơi trong đó chủ yếu là cacbua hydro có hại cho sức khỏe: gây nhiễm độc, gây kích thích... và cũng là nguyên nhân gây nên ô nhiễm quang – oxy. Dưới ánh sáng mặt trời, các VOCs với NO_x tạo thành ozon hoặc những chất oxy hóa mạnh khác. Các chất này có hại cho sức khỏe như rối loạn hô hấp, đau đầu, nhức mắt..., gây hại cho cây cối và vật liệu.

b.2 Ô nhiễm không khí từ quá trình sản xuất

b.2.1 Bụi từ quá trình tập kết, bốc dỡ nguyên vật liệu, sản phẩm

Quá trình bốc dỡ nguyên liệu, sản phẩm tại nhà máy, lượng bụi phát sinh không đáng kể do:

- Hệ thống giao thông, sân đường nội bộ, kho chứa đã được bê tông hóa.
- Nguyên liệu nhập về nhà máy được đóng trong bao gói, thùng giấy kín.
- Sản phẩm của nhà máy được bao phủ túi nilon PE và đóng thùng giấy trước khi được lưu kho.

Do đó, quá trình vận chuyển, bốc xếp nguyên liệu, sản phẩm tại nhà máy sẽ phát sinh bụi khá thấp. Mức độ tác động không đáng kể đối với công nhân làm việc tại khu vực lưu chứa nguyên liệu và thành phẩm.

Nguyên liệu và thành phẩm của dự án được đóng gói trong bao bì, các bồn kín; vận chuyển bằng xe bồn thông qua hệ thống sân, đường nội bộ đã được bê tông nên hạn chế bụi phát sinh.

Thành phẩm chủ yếu là bụi có kích thước, trọng lượng bé, dễ phát tán ra môi trường xung quanh. Các bụi lơ lửng này tồn tại trong không khí khu vực sẽ gây ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân lao động trực tiếp tại khu vực sản xuất. Bụi lơ lửng trong không khí có thể được hít vào và đi sâu vào phổi, gây ra viêm phổi và các vấn đề về hô hấp. Bụi cũng có thể gây kích ứng mắt, gây ra nước mắt, đỏ mắt, viêm kết mạc,... Gây khó chịu, mắt tập trung và không thoải mái trong khi làm việc.

Tuy nhiên, để giảm thiểu tối đa tác động ảnh hưởng đến công nhân cũng như môi trường xung quanh chủ dự án cũng có đề ra một số biện pháp giảm thiểu nguồn ô nhiễm được thể hiện tại mục 3.2 của báo cáo.

b.2.2 Bụi từ quá trình sản xuất sản phẩm móc áo

✓ Khí thải từ công đoạn ép, tạo hình

Tại công đoạn này, Công ty chỉ thực hiện ép, tạo hình tại các máy ép móc, nhiệt độ sử dụng khoảng 70-80°C, với nhiệt độ này chỉ hóa dẻo nhựa về mặt vật lý, không làm

phát sinh hơi dung môi trong quá trình thực hiện. Tuy nhiên, để đảm bảo chất lượng môi trường lao động tại khu vực sản xuất, Công ty sẽ thực hiện một số biện pháp giảm thiểu cụ thể tại mục 3.2 của báo cáo.

✓ Bụi và khí thải từ công đoạn gọt bavia

Đối với công đoạn cắt bavia nhằm cắt bỏ những phần thừa của sản phẩm từ quá trình sản xuất, việc cắt gọt bavia được thực hiện hoàn toàn bằng máy, sau đó sẽ được công nhân kiểm tra, lượng bụi phát sinh không đáng kể.

Để giảm thiểu tối đa tác động ảnh hưởng đến công nhân cũng như môi trường xung quanh chủ dự án cũng có đề ra một số biện pháp giảm thiểu nguồn ô nhiễm được thể hiện tại mục 3.2 của báo cáo.

✓ Bụi và khí thải từ lò gia nhiệt

Nguồn thải: phát sinh chủ yếu từ quá trình gia nhiệt từ 8 lò gia nhiệt sử dụng nguyên liệu là viên trấu nén.

Tính chất: bụi, CO.

Nguồn nguyên liệu biomass (dạng trấu viên) là nguyên liệu sạch, quá trình đốt sẽ phát sinh bụi và CO là chủ yếu.

Tải lượng:

Theo phương pháp đánh giá nhanh của Tổ chức y tế thế giới (WHO) thì hệ số ô nhiễm của khí thải khi sử dụng nhiên liệu bằng trấu viên như sau:

Bảng IV.13. Tải lượng các chất ô nhiễm của khí thải khi đốt trấu viên

Chất ô nhiễm	Tải lượng ô nhiễm (kg/h)
Bụi	7,2
CO	26

(Nguồn: Assessment of Source of Air, Water, Land Pollution, WHO – 1993)

Khối lượng sử dụng: 500 tấn/năm;

Biết lượng nhiên liệu tiêu thụ có thể tính được lưu lượng và nồng độ khí thải: Lượng khí thải ở điều kiện chuẩn (1 at, 273°K) là 4,23 m³ không khí/kg trấu. Lượng khí thải tính ở điều kiện nhiệt độ 60°C (với hệ số không khí thừa là 1,4):

$$V = 4,23 \times 1,4 \times \frac{273 + 60}{273} = 10,26 \text{ m}^3 \text{ không khí/kg trấu.}$$

Vậy với nhiên liệu sử dụng thì lưu lượng khí thải đốt trấu: 208,3 kg/h x 10,26 m³ không khí/kg trấu = 2.137,16 m³/h.

Nồng độ:

Bảng IV.14. Nồng độ ô nhiễm khí thải phát thải tại dự án

	Lưu lượng (m ³ /h)	Nồng độ bụi (mg/m ³)	Nồng độ CO (mg/m ³)
Công đoạn gia nhiệt	2.137,16	3,37	12,169

	Lưu lượng (m ³ /h)	Nồng độ bụi (mg/m ³)	Nồng độ CO (mg/m ³)
QCVN 05:2013/BTNMT		0,3	30

Nguồn: Công ty TNHH E-Long (Việt Nam), 2025

Ghi chú: Thời gian làm việc 8 tiếng/ngày.

Nhận xét: Từ kết quả bảng trên cho thấy nồng độ khí thải từ lò đốt Biomass vượt tiêu chuẩn cho phép QCVN 05:2013/BTNMT. Vì thế, để hạn chế nguồn ô nhiễm tối đa, Công ty sẽ áp dụng một số biện pháp giảm thiểu tại mục 3.2 của báo cáo.

✓ Khí thải phát sinh từ quá trình dán keo

Nguồn thải: phát sinh chủ yếu từ quá trình dán keo.

Tính chất: Nhiệt, mùi keo (mùi đặc trưng).

Quá trình gia nhiệt keo khoảng 50-60°C để gia tăng độ kết dính của keo, không làm phát sinh hơi dung môi độc hại trong quá trình sản xuất. (Đính kèm MSDS phụ lục). Tuy nhiên, mùi keo đặc trưng sẽ ảnh hưởng đến môi trường lao động, vì thế để hạn chế nguồn ô nhiễm tối đa, Công ty sẽ áp dụng một số biện pháp giảm thiểu tại mục 3.2 của báo cáo.

✓ Công đoạn in logo:

Nguồn thải: Phát sinh từ các công đoạn in logo.

Tính chất: mùi.

Tải lượng và nồng độ:

Công đoạn in được thực hiện tại quy trình sản xuất móc treo, mực in sử dụng tại dự án là mực in gốc nước Flexco gốc nước, không mùi và không chứa các thành phần hơi dung môi, chất độc hại và kim loại nặng. Dự án nhập trực tiếp mực in từ nhà cung cấp, không pha chế tại nhà máy, quá trình nạp mực in và in ấn diễn ra tự động và kín. Vì vậy, quá trình này không phát sinh hơi dung môi và các khí độc hại khác.

b.2.3 Lưu chứa hóa chất

Nguồn thải: Phát sinh từ hoạt động lưu chứa hóa chất.

Tính chất: hơi hóa chất.

Tải lượng và nồng độ:

Nguồn gây ô nhiễm không khí tại khu vực này chủ yếu là mùi, hơi hóa chất từ các thùng và bao bì chứa không kín hoặc có thể do bị rò rỉ (chủ yếu là mùi và hơi hóa chất khi lưu chứa: Acid Stearic, NaCl, CaCO₃, keo dán...).

Tính chất các loại hóa chất sử dụng tại dự án không độc hại, là hóa chất thường dùng trong sản xuất công nghiệp nên tính chất ngộ độc, sự cố hóa chất không cao. Tuy nhiên, hóa chất được lưu giữ tại kho nếu không được bảo quản tốt sẽ gây ra các sự cố chất nổ, ngộ độc cấp tính, ảnh hưởng đến cơ thể do bị bắn, hít phải quá nhiều. Một số hóa chất dễ bốc cháy, phá hủy một số chất dẻo sinh ra các sản phẩm độc hại, gây nổ khi phản ứng với hóa chất khác, sinh nhiệt khi trộn với nước. Có tác dụng phá hủy dần các

dạng vật chất như: kết cấu xây dựng và máy móc, thiết bị, đường ống,... hủy hoại da và gây bỏng đối với người và súc vật. Điều này sẽ gây ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân tham gia vào quá trình hoạt động của dự án. Vì thế, để đảm bảo chất lượng môi trường lao động tại khu vực sản xuất, Công ty sẽ thực hiện một số biện pháp giảm thiểu cụ thể tại mục 3.2 của báo cáo.

Đánh giá ô nhiễm không khí

Dưới đây là tác động của một số thông số ô nhiễm có trong khí thải phát sinh từ các hoạt động của dự án:

- Tác động của bụi sản xuất nhựa:

Bụi tại hoạt động sản xuất các sản phẩm từ nhựa chủ yếu có tỷ khối thấp dễ phát tán trong môi trường không khí. Nếu không có biện pháp giảm thiểu sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của công nhân làm việc tại công đoạn này. Các hạt bụi có kích thước nhỏ thâm nhập vào cơ thể qua đường hô hấp, gây viêm nhiễm phế quản mãn tính, viêm giác mạc. Bụi vào phổi gây kích thích cơ học, xơ hóa phổi dẫn đến các bệnh về hô hấp như khó thở, ho và khạc đờm, ra máu, đau ngực... Bụi có thể gây những biến chứng thành lao, suy phổi mãn tính. Bụi còn có thể gây những tổn thương cho da, gây chấn thương mắt và gây bệnh ở đường tiêu hóa. Do vậy, việc giảm thiểu và xử lý bụi là cần thiết là không thể thiếu.

- Sunfua dioxyt (SO_2):

Sunfua dioxyt sinh ra chủ yếu từ khói xe ô tô, xe máy... SO_2 tác động mạnh, gây tức ngực, đau đầu, khó thở... Độc tính chung của SO_x gây rối loạn chuyển hoá protein và đường, thiếu vitamin B và C, ức chế enzym. SO_2 bị oxy hóa ngoài không khí và phản ứng với nước mưa tạo thành axit sulfuric hay các muối sulfate gây hiện tượng mưa acid, ảnh hưởng xấu đến sự phát triển thực vật. Sự có mặt của SO_2 trong không khí nóng ẩm còn là tác nhân gây ăn mòn kim loại, bê tông và các công trình kiến trúc.

- Nitơ oxyt (NO_x):

Khí oxit nitơ sinh ra chủ yếu từ các nguồn đốt nhiên liệu dầu, khí đốt... Khí NO_2 với nồng độ 100ppm có thể làm chết người và động vật chỉ sau vài phút, với nồng độ 15 - 50ppm gây nguy hiểm cho phổi, tim, gan sau vài giờ tiếp xúc. Với nồng độ khoảng 0,06ppm cũng có thể gây bệnh phổi như phù phổi. NO_2 góp phần vào sự hình thành những hợp chất là tác nhân quang hóa và cũng là nguyên nhân gây mưa acid.

- Oxyt carbon (CO):

CO tạo ra do sự cháy không hoàn toàn của nhiên liệu hay vật liệu có chứa cacbon, có mặt trong khói thải của xe ô tô, xe máy, các bếp lò đốt dầu, than, gas... CO gây tổn thương, thoái hóa hệ thần kinh và gây các biến chứng viêm phổi, viêm phế quản, phù phổi. Người và động vật có thể chết đột ngột khi tiếp xúc hít thở khí CO , do nó tác dụng mạnh với hemoglobin (Hb), làm mất khả năng vận chuyển oxy của máu và gây ngạt. Ở nồng độ cao (100 - 10.000ppm) CO có khả năng gây rụng lá, lá bị xoắn quăn, diện tích lá bị thu hẹp, làm cây non chết. CO kiềm chế sự hô hấp của tế bào thực vật.

- Các hợp chất hữu cơ bay hơi (VOC):

VOC sinh ra từ các phương tiện vận chuyển. Các hợp chất hữu cơ bay hơi trong đó chủ yếu là cacbua hydro có hại cho sức khỏe: gây nhiễm độc, gây kích thích... và cũng là nguyên nhân gây nên ô nhiễm quang - oxy. Dưới ánh sáng mặt trời, các VOC với NO_x tạo thành ozon hoặc những chất oxy hóa mạnh khác. Các chất này có hại cho sức khỏe như rối loạn hô hấp, đau đầu, nhức mắt..., gây hại cho cây cối và vật liệu.

c. Đối với chất thải rắn

c.1 Chất thải sinh hoạt

Nguồn phát sinh: chủ yếu là từ hoạt động sinh hoạt, văn phòng của công nhân viên làm việc trong nhà máy.

Khối lượng: (định mức phát thải 0,9kg/người.ngày theo QCVN 01:2021/BXD) 27 kg/ngày.

Thành phần: thành phần chất thải rắn sinh hoạt chủ yếu là túi nilon, giấy vụn, thức ăn thừa...

Tác động: Chất thải sinh hoạt có hàm lượng hữu cơ cao, dễ phân hủy nếu không được thu gom xử lý tốt, kịp thời gây tác động xấu cho môi trường không khí, nước và đất. Vì các chất hữu cơ bị phân hủy trong điều kiện tự nhiên tạo ra các hợp chất có mùi hôi như H_2S , mercaptan,... ảnh hưởng đến toàn khu vực. Các loại chất thải rắn là môi trường thuận lợi cho vi trùng phát triển, là nguồn phát sinh và lây lan các nguồn bệnh do côn trùng (ruồi, chuột, kiến, gián,...). Ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và sinh hoạt của con người và mỹ quan khu vực.

c.2 Chất thải rắn công nghiệp thông thường (CTRCNTT)

Nguồn phát sinh: từ hoạt động sản xuất của nhà máy.

Thành phần và khối lượng:

Bảng IV.15. Thành phần và khối lượng CTRCNTT phát sinh tại nhà máy

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	18 01 05	60	TT-R
2	Hộp chứa mực in (loại không có thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực như mực in văn phòng, sách báo) thải khác với loại trên	08 02 08	6	TT
3	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	18 01 06	200	TT-R
4	Sản phẩm vô cơ khác với các loại trên (Phế liệu nhựa không được tái sử dụng)	19 03 03	600	TT-R

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
5	Bùn thải từ các quá trình xử lý nước thải khác với các loại trên (Bùn thải từ quá trình nạo vét hệ thống nước mưa)	12 06 13	50	TT
6	Bùn thải từ hệ thống xử lý khí thải khác với các loại trên (Bùn thải từ bể tự hoại)	12 07 07	120	TT
7	Tro bay, xỉ, bụi lò sấy khác với các loại trên (tro đốt từ lò sấy và bụi thu gom từ HTXL Cyclon)	04 02 06	3.000	TT
8	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, vải bảo vệ thải khác với các loại trên (Cặn lắng xả thải của HTXLKT)	18 02 02	300	TT
TỔNG CỘNG			4.336	

Nguồn: Công ty TNHH E-Long (Việt Nam)

Ghi chú: * Nồng độ tro 0,6%.

**** Bùn thải từ hệ thống nước mưa chủ yếu là quá trình lắng đọng đất cát từ quá trình chảy tràn nước mưa từ khu vực nhà xưởng, vì thế bùn thải nạo vét từ hệ thống thu gom nước mưa tại dự án không chứa thành phần nguy hại, Công ty định kỳ sẽ nạo vét và thu gom CTRCNTT.**

Tác động: Phát tán CTRCNTT đến các khu vực xung quanh, bụi thu gom không được xử lý sẽ ảnh hưởng đến không khí, môi trường nước, ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân, gây mất mỹ quan khu vực sản xuất.

c.3 Chất thải nguy hại (CTNH)

Nguồn phát sinh: từ hoạt động văn phòng, thấp sáng, hoạt động bảo trì máy móc, thiết bị tại nhà máy,...

Thành phần và khối lượng:

Bảng IV.16. Thành phần và khối lượng CTNH phát sinh tại nhà máy

TT	Thành phần rác thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
1	Hộp mực in thải (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) (mực in dùng trong in ấn logo)	Rắn	6	08 02 04	KS
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau, bao tay dính dầu mỡ, thành phần nguy hại)	Rắn	10	18 02 01	KS

TT	Thành phần rác thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
3	Ắc quy, chì thải	Rắn	3	19 06 01	NH
4	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác (dầu nhớt thải)	Lỏng	20	17 02 04	NH
5	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	10	16 01 06	NH
6	Bao bì mềm (đã chứa chất khí thải ra CTNH) thải (bao bì chứa hóa chất)	Rắn	615	18 01 01	KS
7	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải	Rắn	150	18 01 03	KS
Tổng cộng			814		

Nguồn: Công ty TNHH E-Long (Việt Nam)

Tác động:

Chứa các thành phần nguy hại làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe cộng đồng cũng như môi trường đất, nước, không khí.

Ảnh hưởng đến môi trường nước: làm giảm diện tích ao hồ, giảm khả năng tự làm sạch của nước gây cản trở các dòng chảy, tắc cống rãnh thoát nước. Hậu quả dẫn đến hệ sinh thái nước trong các ao hồ bị huỷ diệt

Tạo điều kiện cho vi khuẩn có hại, ruồi muỗi phát triển là nguyên nhân của các dịch bệnh

Ảnh hưởng đến môi trường đất: những chất độc xâm nhập vào đất sẽ tiêu diệt nhiều loài sinh vật có ích cho đất như: giun, vi sinh vật, nhiều loài động vật không xương sống, ếch nhái,...làm cho môi trường đất bị giảm tính đa dạng sinh học và phát sinh nhiều sâu bọ phá hoại cây trồng. Hạn chế quá trình phân hủy, tổng hợp các chất dinh dưỡng, làm cho đất giảm độ phì nhiêu, đất bị chua và năng suất cây trồng giảm sút.

1.3.2 Đánh giá, dự báo tác động của các nguồn không liên quan đến chất thải

a. Đánh giá, dự báo tác động của tiếng ồn và độ rung

Nguồn phát sinh:

- Nguồn số 01: Từ các máy trộn;
- Nguồn số 02: Từ các máy ép định hình;
- Nguồn số 03: Từ các máy in;
- Nguồn số 04: Từ các máy làm móc;
- Nguồn số 05: Từ các máy keo dán;
- Nguồn số 06: Từ các máy gia nhiệt;
- Nguồn số 07: Từ khu vực đóng gói;
- Nguồn số 08: Từ khu vực HTXLKT.

Tác động:

Tiếng ồn có thể gây ra các tác động như sau:

Việc tiếp xúc thường xuyên với nguồn ồn cao làm ức chế thần kinh trung ương, gây trạng thái mệt mỏi khó chịu và làm giảm năng suất lao động, dễ dẫn đến tai nạn lao động. Khi làm việc ở các cơ sở sản xuất hoặc các khu vực có độ ồn cao (khu vực xưởng sản xuất) người công nhân thường được trang bị nút bịt tai để chống ồn.

Tiếng ồn tác động đến tai, sau đó tác động đến hệ thần kinh trung ương, rồi đến hệ tim mạch, dạ dày và các cơ quan khác, sau đó mới đến cơ quan thính giác.

Tác động của tiếng ồn phụ thuộc vào tần số và cường độ âm, tần số lặp lại của tiếng ồn.

Tác động đến cơ quan thính giác: tiếng ồn làm giảm độ nhạy cảm, tăng ngưỡng nghe, ảnh hưởng đến quá trình làm việc và an toàn.

Tác động đến các cơ quan khác:

- *Hệ thần kinh trung ương*: Tiếng ồn gây kích thích hệ thần kinh trung ương, ảnh hưởng đến bộ não gây đau đầu, chóng mặt, sợ hãi, giận dữ vô cớ.
- *Hệ tim mạch*: làm rối loạn nhịp tim, ảnh hưởng tới sự hoạt động bình thường của tuần hoàn máu, làm tăng huyết áp.
- *Dạ dày*: làm rối loạn quá trình tiết dịch, tăng axit trong dạ dày, làm rối loạn sự co bóp, gây viêm loét dạ dày

Tác động lâu dài của tiếng ồn đối với con người sẽ gây ra bệnh mất ngủ, suy nhược thần kinh, cũng như làm trầm trọng thêm các bệnh về tim mạch và huyết áp cao.

Độ rung có thể gây ra những tác động có hại:

Đối với các công trình xây dựng: độ rung có thể làm hư hỏng các công trình xây dựng: giảm độ bền vững của kết cấu, nền móng,...

Đối với con người: độ rung và tiếng ồn do rung có thể gây đau đầu, chóng mặt, buồn nôn giống trạng thái say tàu xe do thể đứng không vững, từ đó ảnh hưởng tới trực tiếp tới sức khỏe công nhân trực tiếp vận hành, hiệu suất làm việc cũng như lan truyền trên nền đất ra môi trường xung quanh.

b. *Đánh giá, dự báo tác động gây nên bởi các rủi ro, sự cố môi trường của dự án*

b.1 Sự cố rò rỉ hay vỡ đường ống thoát nước

Nguyên nhân:

- Phương tiện đi lại nhiều tại khu vực lắp đặt hệ thống thoát nước;
- Rơi, vãi dụng cụ có trọng lượng lớn trên đường ống thoát nước nổi trên mặt bằng nhà máy;
- Do quá trình lắp đặt đường ống không đúng kỹ thuật gây rò rỉ nước thải.

Tác động: sự cố rò rỉ, vỡ đường ống trên xảy ra sẽ dẫn đến toàn bộ các chất ô nhiễm và vi sinh vật trong nước thải phát thải toàn bộ vào môi trường với nồng độ chưa

đạt quy chuẩn quy định gây ô nhiễm môi trường. Nước thải chảy tràn trên mặt bằng nhà xưởng gây mất mỹ quan và tạo mùi hôi thối gây ảnh hưởng đến công nhân sản xuất.

b.2 Sự cố từ bể tự hoại

Nguyên nhân:

- Tắc nghẽn bồn cầu;
- Tắc đường ống dẫn do có rác kích thước lớn thải vào;
- Tắc đường ống dẫn khí;
- Bùn bể tự hoại đầy mà không tiến hành thu gom, xử lý.

Tác động:

- Phân, nước tiểu không tiêu thoát được gây ứ đọng.
- Gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu.
- Bùn bể tự hoại đầy gây ứ đọng và khó phân hủy dẫn đến tràn bùn qua ngăn lọc và ra hố ga thoát nước sau xử lý.

b.3 Sự cố từ hệ thống xử lý khí thải

Nguyên nhân:

- Các thiết bị như: hệ thống quạt, hệ thống lọc bụi túi vải, hệ thống hấp phụ - than hoạt tính bão hòa, dung dịch hấp thụ bão hòa.
- Rò rỉ đường ống dẫn.
- Cúp điện không vận hành được hệ thống xử lý khí thải.
- Túi vải bị tắc.
- Hoạt động quá tải dẫn đến bị chập mạch điện và gây ra các hiện tượng cháy nổ, đặc biệt là khu vực của bụi vải.

Tác động:

Bụi, khí thải không được thu hồi thoát ra ngoài môi trường gây ô nhiễm môi trường không khí. Hệ thống hư hỏng phải ngưng để sửa chữa gây ảnh hưởng đến quá trình sản xuất của nhà máy.

b.4 Sự cố từ kho chứa chất thải

Nguyên nhân:

- Chất thải nếu không được lưu trữ theo quy định sẽ phát sinh mùi hôi phát tán ra môi trường không khí xung quanh;
- Bị rò rỉ, tràn đổ hoặc bị cuốn theo nước mưa chảy tràn;
- Kho chứa không đảm bảo yêu cầu về phòng chống cháy nổ.
- Vị trí, khu vực có khả năng xảy ra sự cố: Nhà chứa CTNH và không nguy hại.

Tác động:

Gây ô nhiễm môi trường nước, đất và không khí cho nguồn tiếp nhận. Mặt khác, có thể xảy ra sự cố cháy nổ gây tác động rất lớn đến môi trường, con người và tài sản.

b.5 Sự cố cháy nổ

Nguyên nhân:

- Cháy do các sự cố về điện:
 - + Dùng điện quá tải: Khi sử dụng nhiều dụng cụ tiêu thụ điện khác nhau, điện phải cung cấp nhiều, cường độ của dây dẫn lên cao có thể gây hiện tượng quá tải.
 - + Cháy do chập mạch: Chập mạch là hiện tượng các pha chập vào nhau, dây nóng chạm vào dây nguội, dây nóng chạm đất làm điện trở mạch ngoài rất nhỏ, dòng điện trong mạch tăng rất lớn làm cháy lớp cách điện của dây dẫn và làm cháy thiết bị điện.
 - + Cháy do nối dây không tốt (lỏng, hở): ở mỗi nối lỏng, hở sẽ có hiện tượng phóng điện qua không khí. Hiện tượng tia lửa điện thường xuất hiện ở những vị trí có tiếp giáp không chặt như ở điểm nối dây, cầu chì, cầu dao, công tắc,... Tia lửa điện có nhiệt độ 1.500°C đến 2.000°C, điểm phát quang bị oxy hóa nhanh, thiết bị dễ bị hư hỏng. Các chất dễ cháy ở gần như xăng, dầu, ... có thể bị cháy.
 - + Cháy do tia lửa tĩnh điện: Tĩnh điện phát sinh ra do sự ma sát giữa các vật cách điện với nhau hoặc giữa các vật cách điện và vật dẫn điện, do va đập của các chất lỏng cách điện (xăng, dầu) hoặc va đập của chất lỏng cách điện với kim loại.
- Cháy do sét đánh: Sự cố do sét đánh là một trường hợp tự nhiên, nguy cơ sẽ xảy ra vào mùa mưa và cũng là một nguồn hiểm họa vô cùng.

Tác động

Khi sự cố cháy nổ xảy ra sẽ ảnh hưởng, thiệt hại rất nhiều đến tài sản của Công ty, tính mạng con người và gây ô nhiễm môi trường chẳng hạn như bụi, khói thải, nhiệt độ phát tán vào không khí gia tăng nguy cơ gây hiệu ứng nhà kính... Công ty đã được đơn vị cho thuê xưởng trang bị đầy đủ một số phương tiện PCCC như hệ thống báo cháy tự động, thiết bị PCCC cầm tay nhằm hạn chế đến mức thấp nhất xảy ra sự cố.

b.6 Sự cố tai nạn lao động

Nguyên nhân:

- Công nhân không tuân thủ nghiêm ngặt các nội quy về an toàn lao động.
- Không trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân.
- Không áp dụng thường xuyên các biện pháp tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức về an toàn lao động cho công nhân.
- Không thực hiện đầy đủ các quy định an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp do công ty đề ra.
- Không tuân thủ nghiêm ngặt các quy định khi vận hành các thiết bị máy móc trong quá trình sản xuất.

- Bất cẩn về điện dẫn đến sự cố điện giật.
- Bất cẩn trong quá trình bốc dỡ nguyên liệu, sản phẩm.
- Tình trạng sức khỏe của công nhân không tốt.

Xác suất xảy ra các sự cố này tùy thuộc vào việc chấp hành các nội quy và quy tắc an toàn trong lao động. Mức độ tác động có thể gây ra thương tật hay thiệt hại tính mạng cho người lao động.

Tai nạn do điện:

- Tai nạn điện xảy ra đều do dòng điện trực tiếp chạy qua cơ thể con người làm cho con người bị điện giật hoặc do dòng điện là tác nhân gây nên hiện tượng cháy nổ.
- Tai nạn điện rất nguy hiểm, khó đề phòng vì dòng điện không nhìn thấy, không có mùi vị, không âm thanh, không thể xác định được bằng tay.
- Tỷ lệ tử vong khi bị điện giật là rất cao, số người bị điện giật phần lớn bị chết. nếu cứu được sinh mệnh thì cũng sẽ mang di tật cả đời.
- Tai nạn do cơ cấu chuyển động, vật văng bắn, vật rơi.
- Người, tay, tóc bị kẹt do bị cuốn áo, quần vào dây xích, băng tải, trục quay của máy.
- Thân thể người va chạm với các bộ phận máy đang chuyển động.
- Rơi, đổ các vật từ trên cao.

Tai nạn do trơn trượt, vấp ngã

- Bước hụt, vấp ngã, trượt ngã xuống nền nhà xưởng, ngã vào vật liệu, thiết bị nằm lộn xộn khắp nơi.
- Dẫm phải vật sắc nhọn.

Tai nạn do ngã từ trên cao

- Leo trèo trên tường, trên các kết cấu lắp ráp...
- Đi trên đỉnh dầm, đỉnh tường, trèo qua cửa sổ...
- Thang bị đổ, sàn thao tác tạm bị đổ, gãy...
- Làm việc trên sàn, trên mái không có lan can an toàn...
- Không sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân...

Tai nạn lao động xảy ra sẽ gây thiệt hại về người và tài sản trong nhà máy. Chủ đầu tư sẽ đề ra các biện pháp an toàn lao động bắt buộc công nhân viên thực hiện nhằm hạn chế thấp nhất tai nạn có thể xảy ra.

b.7 Sự cố rò rỉ, chảy tràn hóa chất khu lưu chứa hóa chất trong kho chứa:

Tại dự án bố trí kho chứa với diện tích 60m². Khi lưu chứa hóa chất vào thời điểm cao nhất trong kho chứa thì khả năng gây tràn đổ và rò rỉ hóa chất xảy ra là lớn nhất. Do đó, Công ty sẽ có biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cụ thể đối với từng hóa chất cụ thể khi có sự cố xảy ra.

Tác động của các sự cố hóa chất: Trong quá trình bảo quản và vận chuyển hóa chất, nếu không có các biện pháp bảo đảm an toàn, công nhân có thể tiếp xúc với hóa chất độc hại qua các con đường:

- Thâm nhập qua da do sự đồ vỡ, bắn dính các hóa chất.
- Nhiễm độc qua đường hô hấp vì sự cố rò rỉ hóa chất, bay hơi các hóa chất ở dạng lỏng.
- Nhiễm độc qua đường ăn uống: sự bất cẩn của công nhân, sau quá trình bốc xếp, vận chuyển hóa chất.

Khi có sự cố xảy ra, tùy thuộc vào mức độ tiếp xúc giữa người và hóa chất, mức độ độc hại của hóa chất và các biện pháp sơ cấp cứu kịp thời mà mức độ ảnh hưởng của hóa chất đến sức khỏe, tính mạng của công nhân cao hay thấp.

Khi nhiễm độc cấp tính, công nhân thường sẽ có các triệu chứng như: chóng mặt, đau đầu, khó chịu cổ gây ho liên tục, gây dị ứng, phỏng dộp da, gây khó thở, nặng hơn có thể gây nôn mửa, hôn mê trong thời gian dài, và tử vong.

Đối với các công nhân làm việc trong thời gian dài tại công ty, tuy không gặp sự cố nhiễm độc hóa chất nhưng do tiếp xúc thường xuyên và liên tục trong các thao tác bốc dỡ, chất hàng hóa chất, có thể bị các bệnh mãn tính về đường hô hấp, tiêu hóa, da ...

Vì vậy, Công ty sẽ lưu ý để khắc phục, giảm thiểu tới mức thấp nhất nguy cơ xảy ra các sự cố này.

1.3.3 Đánh giá tác động từ việc phát sinh nước thải của dự án đối với Khu công nghiệp

Dự án Công ty TNHH E-Long (Việt Nam) hoạt động với ngành nghề sản xuất các sản phẩm nhựa, dự án chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt tối đa khoảng 2,4 m³/ngày.

Hiện tại, KCN Đồng Xoài III đã xây dựng Nhà máy XLNT tập trung với công suất thiết kế 1.000m³/ngày đêm, công suất hiện tại đang tiếp nhận khoảng 628,5 m³/ngày đêm từ các đơn vị thứ cấp. Do đó, hệ thống xử lý nước thải của KCN Đồng Xoài III hoàn toàn đủ khả năng đáp ứng 2,4 m³/ngày phát sinh của dự án (nước thải sản xuất được xử lý đạt Giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN).

2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

2.1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án

Dự án thuê lại nhà xưởng xây dựng sẵn của Công ty TNHH Jaycee theo hợp đồng nguyên tắc về cho thuê nhà xưởng ngày 08/07/2025. Hiện trạng nhà xưởng đã được xây dựng hoàn thiện và nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng theo Thông báo số 87/TB-BQL ngày 26/06/2025 của Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Bình Phước. Vì thế, dự án không đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án đầu tư.

2.2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị dự án

2.2.1 Biện pháp giảm thiểu tác động do ô nhiễm không khí

Chủ đầu tư thực hiện các biện pháp nhằm giảm thiểu các tác động ô nhiễm từ bụi và khí thải phát sinh trong quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị như sau:

a. Bụi và khí thải quá trình vận chuyển

- Không sử dụng các phương tiện vận tải quá cũ.
- Thực hiện nghiêm túc việc kiểm tra, đăng kiểm đối với các phương tiện vận chuyển.
- Khi chở vật liệu xây dựng, các xe vận tải sẽ được phủ kín bằng vải bạt, tránh tình trạng rơi vãi vật liệu trên đường vận chuyển.
- Không chuyên chở vật liệu, thiết bị phục vụ cho quá trình xây dựng dự án vượt quá trọng tải quy định.
- Vào thời kỳ mùa khô, đặc biệt khi có gió mạnh, tiến hành phun nước tại công trường nơi có mật độ xe vận chuyển trong khu vực dự án qua lại cao định kỳ 2 lần/ngày.

b. Tất cả các xe ra khỏi công trường đều được rửa bánh xe sạch sẽ. Giảm thiểu ô nhiễm khói hàn

Để hạn chế ảnh hưởng của khói hàn đến sức khỏe của công nhân đặc biệt là các công nhân làm việc trực tiếp tại khu vực hàn Chủ dự án thực hiện các biện pháp sau:

- Bố trí vị trí hàn trong khu vực riêng biệt, cách ly với các khu vực khác, có che chắn thích hợp, thông thoáng, có khả năng thông gió tốt, tránh xa khu vực chứa các chất có khả năng gây cháy nổ.
- Biện pháp phòng ngừa cơ bản được sử dụng là giảm thiểu tiếp xúc của công nhân hàn với khói hàn. Điều này được thực hiện thông qua các biện pháp: trang bị các thiết bị bảo hộ lao động khi làm việc: đeo mũ bảo vệ mắt, quần áo bảo hộ, khẩu trang chống độc,
- Công nhân hàn được đào tạo, trang bị đầy đủ kiến thức về nguyên tắc sử dụng, ảnh hưởng và mức độ tác hại của khí hàn.

2.2.2 Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt

Trong giai đoạn lắp đặt thiết bị, công nhân sử dụng nhà vệ sinh đã được Công ty xây dựng hoàn thiện.

Nước thải phát sinh được xử lý qua bể tự hoại và đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải và dẫn về HTXLNT tập trung của KCN Đồng Xoài III để xử lý đạt quy định.

Số lượng: 02 bể tự hoại (Kích thước bể 3 x 2,0 x 1,85m).

Công suất thiết kế: 10 m³/ngày.đêm.

2.2.3 Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn, chất thải nguy hại

a. Chất thải nguy hại

Để giảm thiểu ô nhiễm do chất thải nguy hại trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị, các biện pháp sau đây sẽ được thực hiện:

- Khu vực chứa chất thải nguy hại với diện tích 15 m² đã được bố trí tại Dự án, bố trí 6 thùng chứa PVC với dung tích từ 120-240 lít được dán nhãn, phân loại.
- Các thùng chứa dầu mỡ thải được dán nhãn chất thải nguy hại theo hướng dẫn tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

b. Chất thải rắn công nghiệp không nguy hại

Lượng chất thải rắn này phát sinh, Công ty đã bố trí khu chứa CTRCNTT với diện tích 35m² và bố trí 7 thùng chứa nhựa với dung tích 120 – 240 lít, 2 bao PP. Công ty sẽ lưu giữ, thu gom và xử lý với đơn vị chức năng theo đúng quy định. Chủ đầu tư cam kết sẽ tuân thủ theo đúng Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

c. Chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh sẽ được thu gom vào các thùng chứa thích hợp trong khu vực dự án với diện tích 3m², gần cổng ra vào dự án, trang bị thùng rác loại 660 lít. Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và vận chuyển xử lý theo quy định hiện hành.

Chủ đầu tư cam kết sẽ tuân thủ theo đúng Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.2.4 Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị

a. Biện pháp phòng chống cháy nổ

Để phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ, Công ty đề xuất một số biện pháp giảm thiểu như sau:

- Dây điện thi công lắp ráp được tính toán đủ công suất tiết diện hợp lý bố trí máy móc phù hợp.

- Lắp đặt các bảng nội quy PCCC, tiêu lệnh chữa cháy theo quy định.

- Trang thiết bị PCCC cho nhà máy theo đúng quy định, thực hiện kiểm tra về tình trạng và hiệu quả hoạt động của các các trang thiết bị phòng cháy định kỳ 1 tuần/lần.

- Trang bị hệ thống báo cháy tự động cho tất cả các xưởng sản xuất và kho chứa.

- Cần che chắn khi mài kim loại, không để trở thành nguồn phát nhiệt gây cháy nổ.

- Hồ chứa nước dự trữ cho chữa cháy với thể tích 180 m³.

- Bình khí Oxy, Acetylen được để thẳng đứng trong quá trình làm việc, cũng như khi vận chuyển, không để gần những vật liệu dễ cháy.

- Đường nội bộ của nhà máy đảm bảo cho phương tiện cứu hỏa có thể ra vào dễ dàng với chiều rộng mặt đường tối thiểu là 6 m.

- Tất cả xưởng sản xuất và kho chứa của nhà máy đều được lắp đặt nhiều cửa ra vào, đảm bảo an toàn thoát hiểm cho công nhân khi có sự cố cháy nổ xảy ra.

- Công nhân lắp đặt máy móc thiết bị phải luôn có mặt tại vị trí của mình và phải được đào tạo, huấn luyện về mặt kỹ thuật lắp ráp.

- Không sử dụng hoặc bảo quản các nhiên liệu, vật liệu dễ cháy nổ (như sơn, dầu) ở nơi tiến hành công việc hàn điện.

- Khu vực hàn điện được bố trí cách ly với các khu vực làm công việc khác. Có thể bố trí chỗ hàn cùng với khu vực làm việc khác nhưng giữa các vị trí được đặt tấm chắn bằng vật liệu không cháy.

- Không đốt các nguyên liệu tại khu vực Dự án.

- Không che chắn lối thoát hiểm.

- Hệ thống dây điện, các chỗ tiếp xúc, cầu dao điện có thể gây ra tia lửa điện phải bố trí thật an toàn.

b. Biện pháp giảm thiểu an toàn lao động

- Kiểm tra các thiết bị lắp đặt, máy móc cần được kiểm tra xem nguồn điện đấu nối đầu nối đã đạt chuẩn hay chưa.

- Trước khi bắt tay vào thực hiện công việc, người lao động phải được trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ. Những thiết bị đảm bảo an toàn trong quá thi công như: giày bảo hộ, kính, áo, dây đeo, dây căng an toàn,...

- Khi tiến hành làm việc, cần phải tuân thủ các khoảng cách an toàn. Đặc biệt là không được vi phạm hành lang an toàn lưới điện.

- Tổ chức tập huấn an toàn lao động cho công nhân nhằm nâng cao nhận thức, tránh các tình trạng không mong muốn trong quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị.

c. Biện pháp đảm bảo an toàn giao thông

- Tất cả các phương tiện vận tải phục vụ cho dự án phải đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường mới được phép lưu thông.

- Các phương tiện vận tải phục vụ dự án khi lưu thông phải tuân thủ Luật giao thông đường bộ: không chạy quá tốc độ, không chạy quá tải trọng cho phép...

- Bố trí khu nội trú cho công nhân, đây cũng là một trong những biện pháp hiệu quả giúp hạn chế ảnh hưởng đến giao thông khu vực. Trang bị xe đưa rước công nhân, phục vụ cho những đối tượng công nhân không nội trú.

- Các phương tiện vào nhà máy phải đăng ký với bảo vệ để đảm bảo vào đúng vị trí xếp dỡ, khi vận chuyển phải theo đúng tuyến, đỗ đúng chỗ nhằm hạn chế tối đa va chạm với các phương tiện vận chuyển khác đang hoạt động trong nhà máy gây kẹt xe, rối loạn giao thông trong khuôn viên nhà máy.

- Khi xảy ra tai nạn giao thông cần tiến hành ngay các biện pháp cứu người, tài sản, bảo vệ hiện trường đồng thời báo ngay cho Cảnh sát giao thông, cơ quan chủ quản biết để có giải pháp xử lý kịp thời.

d. Phòng chống ngộ độc thực phẩm

Biện pháp phòng chống ngộ độc thực phẩm

- Công nhân phải vệ sinh tay sạch sẽ trước khi ăn.

- Phải thường xuyên giữ nhà ăn sạch sẽ, giặt khăn lau tay và lau bàn ghế, sau khi sử dụng xong thì vệ sinh bàn ghế, sàn nhà ăn với xà bông.

Cách sơ cứu khi bị ngộ độc thực phẩm:

- Loại bỏ nhanh chóng hết các chất độc trong cơ thể bằng cách cho bệnh nhân uống nước, tiếp theo là kích thích cơ học vào cổ họng bằng ngón tay chặn xuống lưỡi cho đến khi nôn được.

Lưu ý: Chỉ gây nôn khi bệnh nhân còn tỉnh, khi nôn vị trí đầu nằm nghiêng, trường hợp cần thiết lưu giữ lại ít thứ đã nôn ra để xét nghiệm.

- Trong trường hợp không nôn được, cho người bệnh uống than hoạt tính. Tác dụng của than hoạt tính là hút các chất độc ngăn không cho chất độc thấm vào máu.

- Sau khi nôn hoặc đi ngoài nên cho bệnh nhân uống hết 1 lít nước pha với một gói orezol hoặc nếu không có sẵn gói orezol thì có thể pha 1/2 thìa cà phê muối cộng với 4 thìa cà phê đường trong 1 lít nước.

- Trường hợp bị tiêu chảy không nên uống thuốc hãm lại, nên để bệnh nhân càng đi hết càng tốt.

- Đối với bệnh nhân ngộ độc nhẹ sau khi nôn và đi ngoài thải hết chất độc sẽ bình phục, không nên ăn thức ăn cứng sau đó, mà nên cho ăn cháo nhẹ.

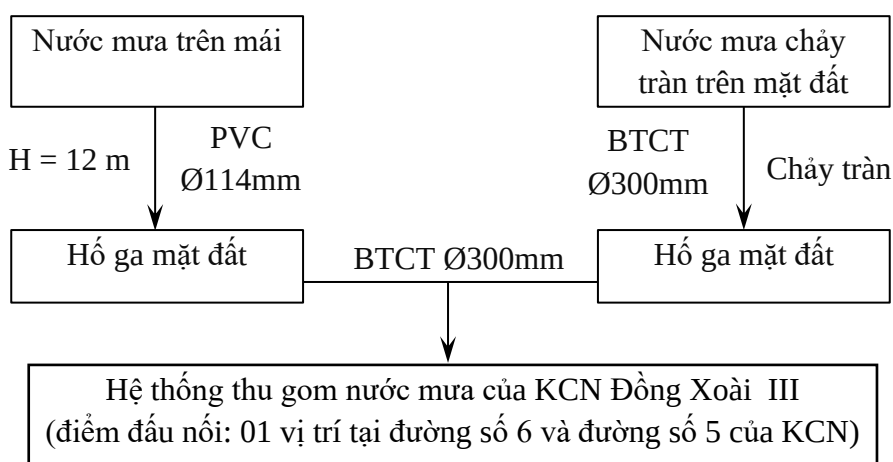
- Đối với trường hợp sau khi sơ cứu chưa bình phục ngay và có hiện tượng tím tái, khó thởcần nhanh chóng đưa bệnh nhân đến cơ sở y tế gần nhất để rửa ruột và có những điều trị cần thiết.

2.3. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào hoạt động

2.3.1 Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

a. Thu gom, thoát nước mưa

Hệ thống thoát nước mưa trong phạm vi nhà xưởng được nhà xưởng xây dựng tách riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải.



Hình IV.1. Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa

Nước mưa được quy ước là nước sạch. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa và nước thải tại dự án đã được Công ty xây dựng hoàn thiện.

Hệ thống thoát nước mưa nội bộ trong khu vực nhà xưởng được dẫn ra hệ thống thoát nước mưa của KCN, đảm bảo khả năng thoát nước trong những trận mưa lớn nhất theo điều kiện khí hậu tỉnh Đồng Nai, tránh tình trạng ngập úng gây ảnh hưởng tới môi trường, con người và quá trình sản xuất.

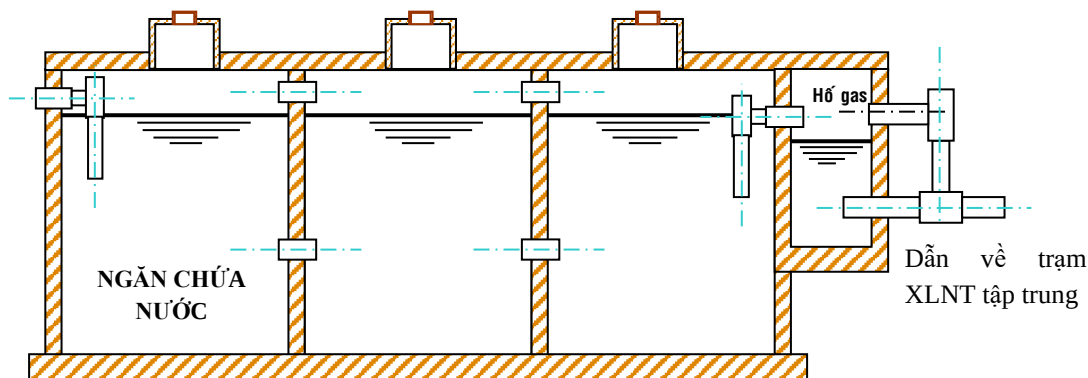
Hệ thống thu gom và thoát nước mưa được tách riêng biệt với hệ thống thu gom và thoát nước thải. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa của Nhà máy đã xây dựng hoàn chỉnh bởi Công ty TNHH Jaycee. Nước mưa trên mái nhà xưởng, khối văn phòng được thu gom bằng hệ thống máng thu bằng ống nhựa PVC có đường kính Ø114mm đặt sát vách tường các hạng mục công trình và được dẫn xuống hệ thống thu gom nước mưa bằng ống bê tông cốt thép chịu lực đường kính Ø300mm được lắp đặt bao quanh các nhà xưởng và lắp ngầm dưới lòng đất thông qua 12 hố ga có nắp đậy có độ dốc $i = 0,3\%$. Hệ thống thu gom nước mưa cục bộ dẫn nước mưa về hệ thống thoát nước mưa của KCN Đồng Xoài III thông qua 01 hố ga đầu nối tại góc đường số 5 và đường số 6 của KCN tại tọa độ : X(m): 1273040.38; Y(m): 704374.34 (theo hệ tọa độ VN 2000, Kinh tuyến trực: $106^{\circ}15'$ và múi chiếu: 3°).

(Ghi chú: Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa tại các nhà nhà xưởng, Thiết kế cống đầu nối được đính kèm phụ lục)

b. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

b.1 Nước thải sinh hoạt

- Quy trình xử lý nước thải: Nước thải sinh hoạt → Hồ thu gom nước thải → **Bể tự hoại 03 ngăn** → đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Đồng Xoài III.
- Số lượng: 02 bể tự hoại (Kích thước bể: 3 x 2, x 1,85m).
- Công suất thiết kế: 10 m³/bể.



Hình IV.2. Cấu tạo bể tự hoại

Thuyết minh kỹ thuật:

Bể tự hoại 3 ngăn có dạng hình chữ nhật, được xây bằng bê tông cốt thép, đáy bằng tấm đan. Nguyên tắc hoạt động của bể là lắng cặn và phân hủy kỵ khí cặn lắng, cặn lắng được giữ lại trong bể từ 6 - 8 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật, các chất hữu cơ bị phân giải, một phần tạo thành các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Hiệu quả xử lý của bể này theo chất lơ lửng đạt 65 - 70% và BOD₅ là 60 - 65%.

Ngăn đầu tiên của bể tự hoại có chức năng tách cặn ra khỏi nước thải. Cặn lắng ở dưới đáy bể bị phân hủy yếm khí khi đầy bể, khoảng 6 tháng sử dụng, cặn này được hút ra theo hợp đồng với đơn vị có chức năng để đưa đi xử lý.

Nước thải và cặn lơ lửng theo dòng chảy sang ngăn thứ hai. Ở ngăn này, cặn tiếp tục lắng xuống đáy, nước được vi sinh yếm khí phân hủy làm sạch các chất hữu cơ trong nước. Sau đó, nước chảy sang ngăn thứ ba rồi dẫn qua 2 ngăn lắng và lọc trước khi chảy ra hồ ga thu gom nước thải, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN.

Ưu điểm chủ yếu của bể tự hoại là có cấu tạo đơn giản, quản lý dễ dàng và có hiệu quả xử lý tương đối cao.

Bùn từ bể tự hoại được chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng để hút và vận chuyển đi xử lý đúng quy định. Định kỳ 3-6 tháng/lần.

Nước thải sau bể tự hoại 3 ngăn được thu gom bằng hệ thống ống dẫn PVC Ø168 về hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Đồng Xoài III. Nước thải được đầu nối tại 01 điểm trên đường số 6 của KCN tại tọa độ: X(m): 1273045.54; Y(m): 704422.37

(theo hệ tọa độ VN 2000, Kinh tuyến trực: 106°15' và múi chiều: 3°) thông qua hệ thống ống dẫn PVC Ø168.

Nhà xưởng đã ký biên bản thảo thuận đầu nối hệ thống thoát nước mưa, nước thải vào hệ thống chung của KCN Đồng Xoài III.

Khi dự án đi vào hoạt động, Công ty sẽ ký hợp đồng xử lý nước thải với KCN Đồng Xoài theo đúng quy định.

Thông số kỹ thuật bể tự hoại 5 ngăn:

Bảng IV.17. Thông số kỹ thuật của bể tự hoại 5 ngăn tại dự án

STT	Tên hạng mục	Số lượng	Kích thước xây dựng: LxBxH (m)	Thể tích (m ³)	Vật liệu
1	Bể tự hoại	02 bể	3,0 x 2,0 x 1,85	10	BTCT
Tổng cộng				20	

(Ghi chú: Sơ đồ thu gom và thoát nước thải tại các nhà nhà xưởng, Thiết kế cống đầu nối; Thiết kế bể tự hoại được đính kèm phụ lục)

2.3.2 Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

a. Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi

a.1 Giảm thiểu bụi từ công đoạn bốc dỡ, nhập liệu nguyên liệu

Theo tính toán tại mục 1.3 Chương IV của báo cáo, Công ty áp dụng các biện pháp giảm thiểu bụi từ công đoạn bốc dỡ, nhập liệu nguyên liệu như sau:

- Yêu cầu công nhân viên bốc dỡ, vận chuyển nguyên vật liệu tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu, tránh rơi vãi.
- Quá trình nhập kho và xuất kho nguyên vật liệu sử dụng xe nâng nên giảm ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe công nhân sản xuất.
- Hạn chế các nguồn dễ phát sinh cháy, nổ như lửa,...
- Xây dựng chương trình phòng cháy chữa cháy khi gặp sự cố xảy ra.
- Nhà xưởng phải luôn đảm bảo khô thoáng, sạch sẽ.
- Thường xuyên vệ sinh sàn tại kho chứa, tránh để nguyên liệu rơi vãi ra sàn.
- Bốc xếp nguyên liệu theo từng lô, gọn gàng.
- Theo dõi, giám sát kho chứa, nếu phát hiện nguyên liệu bị rơi, sự cố rách bao bì thì cần khắc phục để tránh gây bụi trong kho. Công nhân sẽ quét dọn, hút bụi ngay khu vực có bụi rơi vãi.
- Việc thực hiện những biện pháp giảm thiểu trên sẽ giúp cho nồng độ bụi ô nhiễm trong khí thải giảm từ 60 – 70%.

b. Công trình, biện pháp giảm thiểu khí thải

- Nguồn phát sinh:
 - + Nguồn số 01: Bụi từ công đoạn nạp liệu của dây chuyền sx móc áo;
 - + Nguồn số 02: Bụi từ công đoạn phối trộn của dây chuyền sx móc áo;
 - + Nguồn số 03: Bụi từ công đoạn cắt bavia của dây chuyền sx móc áo;

- + Nguồn số 04: Mùi từ công đoạn in logo của dây chuyền sx móc áo;
- + Nguồn số 05: Bụi và khí thải từ lò đốt của công đoạn gia nhiệt cho dây chuyền sản xuất móc áo;
- + Nguồn số 06: Bụi và khí thải từ lò đốt gas.
- + Nguồn số 07: Mùi từ công đoạn dán keo của dây chuyền sản xuất móc áo;
- Dòng thải số 1: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 18.000 m³/h.
- Dòng thải số 2: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 18.000 m³/h.

b.1 Công trình thu gom khí thải

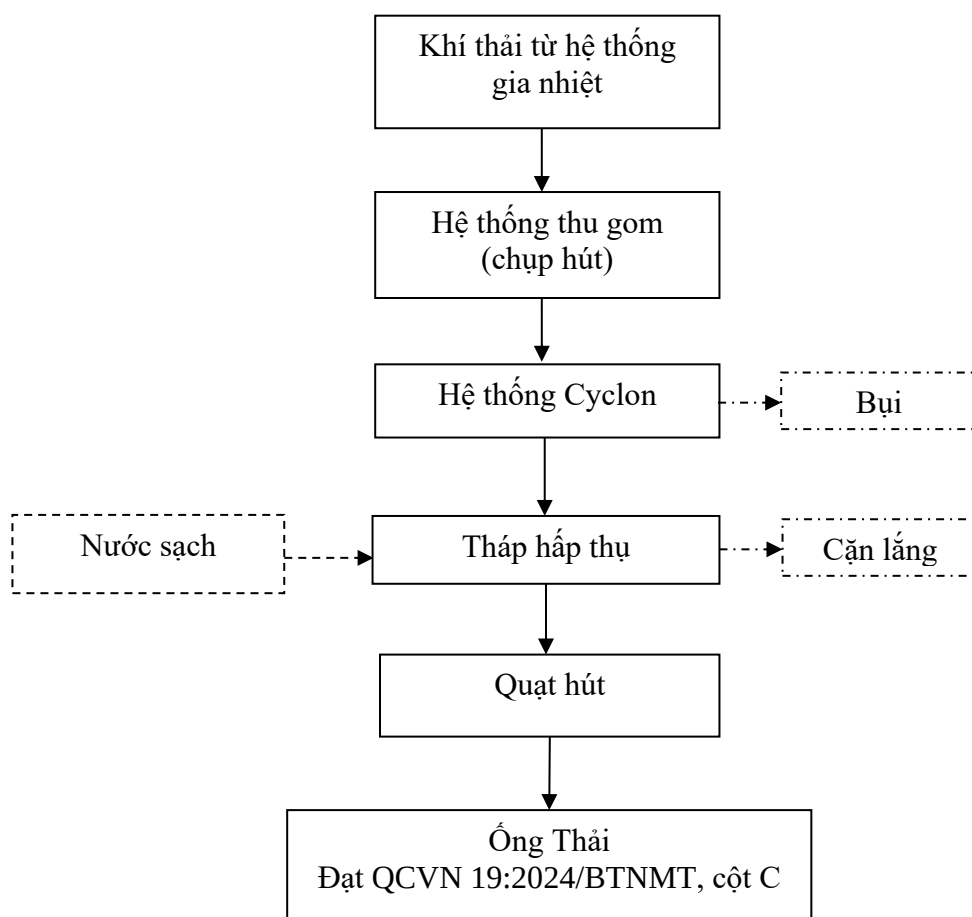
- Dòng thải số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ lò đốt (viên nén Biomass) của công đoạn gia nhiệt và hệ thống đốt gas (nguồn số 05 và 06) được thu gom và dẫn về HTXLKT số 1 thông qua 5 chụp hút với kích thước [0,5 x 0,3]m từ công đoạn gia nhiệt; 02 chụp hút với kích thước [0,5 x 0,3]m từ lò đốt gas; tổng chiều dài hệ thống thu gom 30m với đường ống Ø 250, 400; thu gom về HTXLKT số 1, công suất 18.000 m³/h.

- Dòng thải số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ lò đốt (viên nén Biomass) của công đoạn gia nhiệt và hệ thống đốt gas (nguồn số 05 và 06) được thu gom và dẫn về HTXLKT số 1 thông qua 4 chụp hút với kích thước [0,5 x 0,3]m từ công đoạn gia nhiệt; 02 chụp hút với kích thước [0,5 x 0,3]m từ lò đốt gas; tổng chiều dài hệ thống thu gom 30m với đường ống Ø 250, 400; thu gom về HTXLKT số 2, công suất 18.000 m³/h.

- Nguồn số 01, 02, 03, 04, và 07: Để giảm thiểu tác động của bụi phát sinh bụi từ công đoạn nạp liệu, phối trộn, cắt bavia và mùi từ công đoạn in logo của dây chuyền sản xuất móc áo. Chủ dự án thực hiện các biện pháp quản lý như: Thường xuyên vệ sinh nhà xưởng; sử dụng máy hút bụi; bố trí quạt thông gió, quạt hút để tăng lượng không khí sạch trao đổi trong khu vực sản xuất,...

b.2 Hệ thống xử lý bụi, khí thải

Các hệ thống xử lý bụi, khí thải tại dự án có cùng nguyên lý hoạt động và thiết kế kỹ thuật đồng bộ theo các dây chuyền sản xuất nhằm xử lý bụi phát sinh tại các khu vực sản xuất cụ thể như sau:



Hình IV.3. Quy trình xử lý bụi, khí thải phát sinh tại dự án

Thuyết minh quy trình:

Khí thải phát sinh từ lò đốt của hệ thống gia nhiệt được thu gom qua chụp hút và được dẫn qua 02 hệ thống cyclon để xử lý một phần bụi từ quá đốt viên trấu. Khí thải vào cyclon thực hiện chuyển động xoắn ốc, dịch chuyển xuống dưới và hình thành dòng xoáy ngoài, các hạt bụi dưới tác dụng của lực ly tâm văng vào thành cyclon, tiến đến gần đáy chóp, dòng khí quay ngược trở lại và chuyển động lên trên hình thành dòng xoắn trong. Các hạt bụi văng đến thành dịch chuyển xuống dưới nhờ lực đẩy của dòng xoáy và trọng lực từ đó ra khỏi cyclon qua ống dẫn. Khí thải sau khi qua thiết bị thu hồi bụi cyclon được dẫn qua tháp rửa khí với dung dịch rửa khí là nước sạch. Quá trình rửa khí theo nguyên lý tiếp xúc ngược dòng, không khí đi từ dưới lên trên sẽ tiếp xúc với nước từ trên xuống, bụi sẽ được giữ lại, qua tháp nước sẽ hấp thụ khí bụi, CO, SO₂, NO_x có trong khí thải, không khí sạch sẽ đi ra ngoài theo ống thải, phần dung dịch hấp thụ sẽ tiếp tục quay về bể chứa và được bơm tuần hoàn trở lại thiết bị tiếp tục cho quá trình xử lý khí thải. Ống khói được trang bị với mục đích phát thải, Công ty lắp đặt ống khói đường kính 0,4m, cao 10,5 m để phát thải khí. Khí thải sau xử lý đảm bảo đạt, QCVN 19:2024/BTNMT, cột C.

Hiệu suất xử lý khí thải đạt 95% (Theo Chuyên gia của đơn vị cung cấp máy móc, thiết bị và yêu cầu xử lý của Công ty đề xuất). Hiệu suất này được đánh giá từ các

dự án tương tự của dự án Hồng Kông, số liệu thực tế sẽ được công ty báo cáo khi dự án thực hiện Vận hành thử nghiệm và báo cáo đến cơ quan quản lý.

Nước sử dụng cho quá trình hấp thụ được tuần hoàn và bổ sung định kỳ. Cặn lắng từ HTXLKT được công ty định kỳ thu gom và xử lý cùng CTRCNTT tại dự án.

Bụi thu gom từ cyclon thu hồi bụi được công ty chứa vào bao PP đặt trong khu vực chứa chất thải tro bụi nằm trong khuôn viên lò đốt, định kỳ thu gom cùng CTRCNTT tại dự án.

Thông số kỹ thuật HTXL bụi, khí thải tại dự án được thể hiện cụ thể như sau:

Bảng IV.18. Thống kê HTXL bụi và khí thải tại dự án

TT	Thiết bị, hạng mục	Tính chất, công suất, xuất xứ	Số lượng
1	Chụp hút	Inox [0,5 x 0,3]m Xuất xứ: Việt Nam	13
2	Hệ thống đường ống	Inox, Ø250, 400 Xuất xứ: Việt Nam	60 m
3	Hệ thống đỡ	Thép CT3 Xuất xứ: Việt Nam	2
4	Cyclon	Thép CT3 DxH= 600x1.200 Vật liệu: Thép CT3 Xuất xứ: Việt Nam	4
5	Tháp hấp thụ	Vật liệu nhựa composite, Thép CT3 LxWxH=4,0 x 1,32 x 1,32m Xuất xứ: Trung Quốc	2
6	Quạt hút	Lưu lượng: 18.000 m ³ /h Công suất: 7,5 HP Xuất xứ: Trung Quốc	2 cái
7	Ống thải	Vật liệu: thép CT3, D=400mm, H = 10,5 m Xuất xứ: Việt Nam	2
8	Tủ điều khiển	400 × 600 × 300 Xuất xứ: Trung Quốc	2

Nguồn: Công ty TNHH E-Long (Việt Nam)

Vị trí xả khí thải được bố trí sẵn lỗ thu mẫu và sàn thao tác đáp ứng theo yêu cầu, kỹ thuật quy định tại khoản 6, Điều 17 Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/06/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Bảng IV.19. Vị trí và tọa độ xả khí thải tại dự án

STT	Vị trí	Tọa độ VN – 2000: Kinh tuyến trực Bình Phước: 106°15', Múi 3°
1.1.	Tại ống thải sau HTXLKT số 1	X(m): 1272902 - Y(m): 704367

Tại ống thải sau HTXLKT số 2	X(m): 1272904 - Y(m): 704393
------------------------------	------------------------------

Tính toán khả năng đáp ứng công suất hệ thống khu dự án đi vào hoạt động ổn định

Khi dự án đi vào hoạt động ổn định, Nhà máy dự kiến lắp đặt hoàn thiện hệ thống xử lý khí thải như sau:

- 07 chụp hút kích thước trung bình $0,5 \times 0,3$ m tại khu vực ép đùn. Tiết diện miệng của chụp hút: $S = 0,5 \times 0,3 = 0,15 \text{ m}^2$.

Chọn vận tốc của hỗn hợp khí theo tiết diện ngang của tháp là $v = 1,5 \text{ m/s}$ (Theo Giáo trình Kỹ thuật xử lý ô nhiễm không khí, PGS.TS Đinh Xuân Thắng, 2012).

Lưu lượng khí thải:

- Chụp hút: $q_1 = v \times S = 1,5 \text{ (m/s)} \times 0,15 \text{ (m}^2\text{)} = 0,225 \text{ m}^3/\text{s} = 810 \text{ m}^3/\text{h}$. Tại dự án có tổng 07 chụp hút sẽ được lắp được, vậy tổng lưu lượng qua các ống hút: $\approx 5.670 \text{ m}^3/\text{h}$. Để đảm bảo khả năng xử lý khí thải tại dự án, Công ty lựa chọn công suất cho HTXLKT là $18.000 \text{ m}^3/\text{h}$ (theo thiết kế đồng bộ của nhà cung cấp). HTXLKT tại dự án hoàn toàn đáp ứng khả năng xử lý khí thải phát sinh trước khi xả thải ra môi trường.

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 19:2024/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối.

Công ty cam kết việc bố trí hệ thống thu gom khí từ các nguồn phát sinh đảm bảo về an toàn Phòng cháy và chữa cháy theo đúng quy định.

Trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình bảo vệ môi trường khí thải, nếu công suất vượt hơn $18.000 \text{ m}^3/\text{h}$ theo đề xuất. Công ty hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc thực hiện lại hồ sơ môi trường theo đúng quy định và các yêu cầu khác theo Luật bảo vệ môi trường.

Cơ sở chọn chiều cao ống thải:

Chiều cao ống thải được xác định theo công thức của P.I. Andreep (Trần Ngọc Chấn, Ô Nhiễm Không Khí & Xử Lý Khí Thải, tập 3, 2004):

$$\Delta h = \frac{1,9 \times w \times D}{u} = \frac{1,9 \times 13 \times 0,65}{2,5} \approx 6,4$$

Trong đó:

- Δh : chiều cao ống khói (m)
- w : vận tốc của khói ở miệng ống khói ($w = 13 \text{ m/s}$)
- u : vận tốc gió thông thường tăng theo chiều cao, và thường được xác định từ tốc độ gió đo được ở cột khí tượng cao 10m. ($u_{10} = 2,5 \text{ m/s}$)
- D : đường kính ống khói ($D = 0,65 \text{ m}$)

Chiều cao tính toán tối thiểu của ống thải là 6,4m. Tuy nhiên, để đảm bảo khả năng phát tán của khí thải sau khi xử lý, Công ty lắp đặt ống thải với chiều cao khoảng 12m, cao hơn máy nhà xưởng khoảng 1,5m.

Để phòng ngừa ứng phó sự cố từ hoạt động HTXLKT, Công ty thực hiện một số biện pháp như sau:

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải.
- Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống như:
 - + Luôn trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý như quạt hút, than hoạt tính,...
 - + Trong trường hợp thiết bị gặp sự cố, nhanh chóng khắc phục sự cố và sử dụng thiết bị dự phòng cho hệ thống trong khi khắc phục sự cố.
 - + Giám sát hệ thống xử lý bụi, khí thải thường xuyên để kịp thời phát hiện sự cố có thể xảy ra.

+ Ngưng hoạt động nếu hệ thống xử lý khí thải không có khả năng xử lý khí thải đạt quy chuẩn môi trường cho phép. Trong trường hợp này, nhà máy phải điều chỉnh kế hoạch sản xuất, tạm ngừng sản xuất các dây chuyền phát sinh khí thải. Đồng thời, thực hiện kiểm tra, xác định nguyên nhân. Sau đó thực hiện bảo trì, bảo dưỡng, khắc phục sự cố liên quan đến HTXL khí thải. Sau khi khắc phục sự cố, ổn định hoạt động và ổn định chất lượng bụi, khí thải đầu ra sau HTXL khí thải mới tiến hành sản xuất bình thường.

2.3.3 Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

a. Chất thải rắn sinh hoạt

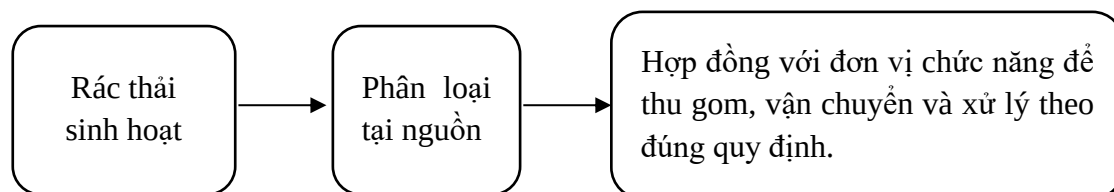
Khối lượng:

Khối lượng phát sinh chất thải sinh hoạt tại dự án là 27kg/ngày (tương đương 0,9 kg/người/ngày theo QCVN 01:2021/BXD).

Quy mô:

Công ty sẽ bố trí các thùng rác nhựa, rác thải sinh hoạt từ các thùng chứa sẽ được công nhân vận chuyển đến khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt bố trí tại khu vực cổng ra vào.

Quy trình vận hành:



Hình IV.4. Sơ đồ quản lý rác thải sinh hoạt tại dự án

Thuyết minh quy trình:

Rác thải sinh hoạt phát sinh tại nhà máy được thu gom và phân loại chứa tạm trong các thùng chứa rác tại khu nhà vệ sinh, văn phòng và nhà xưởng sản xuất, cuối ngày công nhân vận chuyển đến khu chứa rác sinh hoạt tập trung tại dự án.

 Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải sinh hoạt:

- Thiết bị:

Với khối lượng riêng của rác thải sinh hoạt khoảng 300 kg/m^3 , hệ số đầy của thùng 0,85 thì dung tích tối thiểu cần là:

$$\frac{100 \text{ kg}}{0,85 \times 300 \text{ kg/m}^3} = 0,392 \text{ m}^3 = 392 \text{ lít}$$

Để đảm bảo khả năng lưu chứa chất thải tại khu vực nhà máy, Công ty bố trí các thùng chứa rác thải sinh hoạt xung quanh nhà máy như sau:

- + Thùng 25 lít (6 thùng) đặt tại khu vực nhà vệ sinh;
- + Thùng 50 lít (1 thùng) đặt tại khu vực văn phòng;
- + Thùng 50 lít (2 thùng) đặt tại khu vực sản xuất;
- + Thùng 240 lít (2 thùng) đặt tại khu tập trung chất sinh hoạt của Dự án.

- Kho lưu chứa:

Kho lưu chứa chất thải sinh hoạt bố trí tại khu vực cổng ra vào với diện tích 3m^2 , bố trí nền bê tông, có mái che.

Công ty sẽ ký hợp đồng thu gom chất thải phát sinh với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

b. *Chất thải rắn công nghiệp thông thường*

 Khối lượng

Chất thải rắn công nghiệp thông thường tại dự án phát sinh chủ yếu từ hoạt động văn phòng, quá trình sản xuất. Khối lượng phát sinh tại dự án như sau:

Bảng IV.20. Khối lượng CTRCNTT phát sinh sau khi dự án đi vào hoạt động

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	18 01 05	60	TT-R
2	Hộp chứa mực in (loại không có thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực như mực in văn phòng, sách báo) thải khác với loại trên	08 02 08	6	TT
3	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	18 01 06	200	TT-R
4	Sản phẩm vô cơ khác với các loại trên (Phế liệu nhựa không được tái sử dụng)	19 03 03	600	TT-R

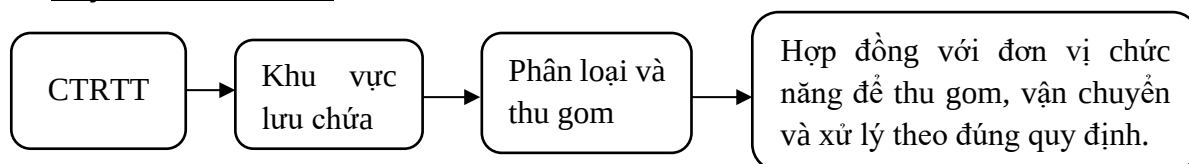
TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
5	Bùn thải từ các quá trình xử lý nước thải khác với các loại trên (Bùn thải từ quá trình nạo vét hệ thống nước mưa)	12 06 13	50	TT
6	Bùn thải từ hệ thống xử lý khí thải khác với các loại trên (Bùn thải từ bể tự hoại)	12 07 07	120	TT
7	Tro bay, xỉ, bụi lò sấy khác với các loại trên (tro đốt từ lò sấy và bụi thu gom từ HTXL Cyclon)	04 02 06	3.000	TT
8	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, vải bảo vệ thải khác với các loại trên (Cặn lắng xả thải của HTXLKT)	18 02 02	300	TT
TỔNG CỘNG			4.336	

Nguồn: Công ty TNHH E-Long (Việt Nam)

Quy mô:

Công ty bố trí các thùng rác nhựa loại 240 lít và các bao PP chống thấm trong khu vực chứa CTRCNTT.

Quy trình vận hành:



Hình IV.5. Sơ đồ quản lý CTRCNTT tại dự án

Thuyết minh quy trình:

CTRTT tại nhà máy được thu gom và phân loại chứa tạm trong các thùng chứa rác tại khu văn phòng và nhà xưởng sản xuất, cuối ngày công nhân vận chuyển đến khu chứa lưu chứa tập trung được nhà máy bố trí với diện tích 35m². Định kỳ 1 tháng, đơn vị có chức năng sẽ thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

- Thiết bị:

Chất thải rắn công nghiệp thông thường được chứa trong thùng nhựa PVC, phân loại, có nắp đậy thể tích từ 120 đến 240 lít, số lượng: 7 thùng và 02 bao PP chống thấm.

- Kho chứa:

Vách bao quanh, khu lưu giữ được cách biệt với khu lưu giữ chất thải nguy hại và có cửa ra vào, được gắn biển báo của kho chứa.

Diện tích kho: 35m².

Khả năng chịu tải của sàn được thiết kế: 1 tấn/m². Diện tích khu vực chứa là 35 m² thì khả năng chịu tải lớn nhất của sàn là 35 tấn = 35.000kg, với khối lượng CTRCNTT tại dự án tối đa khoảng 7.036 kg/năm tương đương 586,3 kg/tháng thì kho chứa CTRCNTT hoàn toàn đủ khả năng lưu chứa.

Công ty ký hợp đồng dịch vụ với đơn vị chức năng để thu gom chất thải công nghiệp tại nhà máy theo đúng quy định.

c. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Khối lượng

Chất thải nguy hại tại dự án phát sinh chủ yếu từ hoạt động văn phòng, quá trình sản xuất, hệ thống xử lý khí thải. Khối lượng phát sinh tại dự án như sau:

Bảng IV.21. Khối lượng dự kiến chất thải nguy hại phát sinh tại dự án khi đi vào hoạt động

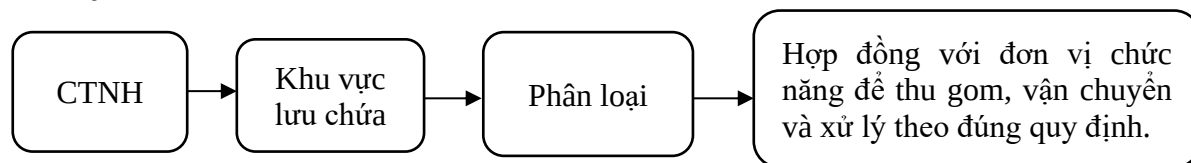
TT	Thành phần rác thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
1	Hộp mực in thải (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) (mực in dùng trong in ấn logo)	Rắn	6	08 02 04	KS
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau, bao tay dính dầu mỡ, thành phần nguy hại)	Rắn	10	18 02 01	KS
3	Ắc quy, chì thải	Rắn	3	19 06 01	NH
4	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác (dầu nhớt thải)	Lỏng	20	17 02 04	NH
5	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	10	16 01 06	NH
6	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra CTNH) thải (bao bì chứa hóa chất)	Rắn	615	18 01 01	KS
7	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải	Rắn	150	18 01 03	KS
Tổng cộng			814		

Nguồn: Công ty TNHH E-Long (Việt Nam)

Quy mô:

Công ty sẽ bố trí 10 thùng chứa HDPE loại 120 lít và 02 thùng loại 240 lít trong khu vực chứa CTNH tại nhà xưởng.

 Quy trình vận hành:



Hình IV.6. Sơ đồ quản lý CTNH tại dự án

Thuyết minh quy trình:

CTNH tại nhà máy được thu gom và phân loại, sau đó được chứa trong các thùng chứa có dán mã CTNH đúng theo quy định đặt tại khu vực chứa chất thải nguy hại được bố trí tại nhà máy. Công ty hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH theo đúng quy định, với tần suất thu gom 03 tháng/lần.

 Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa:

Chất thải rắn nguy hại được chứa trong thùng nhựa PVC, có dán mã số phân loại, có nắp đậy thể tích từ 120 đến 240 lít, số lượng: 6 thùng.

- Kho chứa:

Diện tích kho chứa: 15m².

Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Kho bố trí riêng biệt, tường bê tông có mái che, nền bê tông chống thấm, có cửa, biển báo; rãnh, hố thu gom chất thải dạng lỏng chảy tràn,... Kho CTNH được trang bị đầy đủ biển cảnh báo và thiết bị PCCC theo quy định đảm bảo đúng theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Khả năng chịu tải của sàn được thiết kế: 1tấn/m². Diện tích khu vực chứa là 15 m² thì khả năng chịu tải lớn nhất là 15 tấn = 15.000 kg, với khối lượng CTNH tại dự án phát sinh tối đa khoảng 814 kg/năm tương đương 67,8 kg/1 tháng thì kho chứa CTNH hoàn toàn đủ khả năng lưu chứa.

Công ty sẽ ký hợp đồng dịch vụ với đơn vị chức năng để thu gom chất thải công nghiệp tại nhà máy theo đúng quy định.

2.3.4 Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

Nguồn phát sinh:

- Nguồn số 01: Từ các máy trộn nguyên liệu;
- Nguồn số 02: Từ các máy ép định hình;
- Nguồn số 03: Từ các máy in;
- Nguồn số 04: Từ các máy làm móc;
- Nguồn số 05: Từ các máy keo dán;
- Nguồn số 06: Từ các máy gia nhiệt;

- Nguồn số 07: Từ khu vực đóng gói;
- Nguồn số 08: Từ khu vực HTXLKT.

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Bảng IV.22. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung tại dự án

TT	Vị trí phát sinh	Tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực Bình Phước: 106°15', múi chiều 3 ⁰)	
		X(m)	Y(m)
1	Các máy trộn nguyên liệu	1272954.81	704427.19
2	Các máy ép định hình	1273937.84	704405.75
3	Các máy in	1272957.17	704388.29
4	Các máy làm móc	1272941.19	704407.12
5	Các máy kéo dán	1272951.22	704439.27
6	Các máy gia nhiệt	1272976.72	704428.41
7	Khu vực đóng gói	1272962.61	704432.51
8	Khu vực HTXLKT 1	1272902.15	704367.69
9	Khu vực HTXLKT 2	1272904.74	704393.17

Nguồn: Công ty TNHH E-Long (Việt Nam)

- Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu các về bảo vệ môi trường và quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung: QCVN 24:2016/BYT, QCVN 27:2016/BYT, cụ thể như sau:

+ Tiếng ồn:

Bảng IV.23. Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	06 tháng/lần	Khu vực thông thường

Nguồn: QCVN 24:2016/BYT

+ Độ rung:

Bảng IV.24. Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với độ rung

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	06 tháng/lần	Khu vực thông thường

Nguồn: QCVN 27:2016/BYT

Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị; thường xuyên kiểm tra và bôi trơn các chi tiết chuyển động của máy móc, sửa chữa các mối hở của thiết bị hoặc thay mới các máy móc bộ phận hoặc thiết bị hư hỏng để đảm bảo an toàn và giảm bớt tiếng ồn trong các khu vực sản xuất. Thông thường, chu kỳ bảo dưỡng đối với thiết bị mới là 4–6 tháng/lần, các thiết bị cũ là 3 tháng/lần.

- Bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh trường hợp các máy gây ồn cao cùng hoạt động và trong cùng một khu vực sẽ gây cộng hưởng ồn, làm tăng độ ồn.
- Trang bị tai nghe chống ồn cho các công nhân làm việc tại các khu vực phát ra tiếng ồn lớn.
- Áp dụng biện pháp bốc dỡ nguyên liệu và sản phẩm hợp lý, dùng các biện pháp sử dụng xe nâng để bốc dỡ, hạn chế nhập nguyên liệu vào những thời điểm có nhiều công nhân hoạt động.
- Tất cả máy móc thiết bị sản xuất để đúc móng đủ khối lượng, tăng chiều sâu của móng, lắp đặt giá đỡ máy bằng cao su hoặc bê tông và lắp đặt hệ thống giảm ồn.
- Đảm bảo mật độ diện tích trồng cây xanh trong khu vực nhà máy đạt tối thiểu 20% tổng diện tích dự án để giảm lan truyền tiếng ồn.

2.3.5 *Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành*

a. *Đối với nước thải*

a.1 Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống thoát nước:

Không xây dựng các công trình trên đường ống dẫn nước, thường xuyên kiểm tra và bảo trì các mối van, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo an toàn và đạt độ bền, độ kín khít của tất cả các tuyến ống.

a.2 Phương án phòng ngừa ứng phó sự cố bể tự hoại

✚ Quy mô: Bể tự hoại có thể tích 10 m³, 2 bể.

✚ Công suất: Không có.

✚ Phương án:

- Tắc đường ống thoát khí bể tự hoại gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu. Trường hợp này phải tiến hành thông ống dẫn khí nhằm hạn chế mùi hôi cũng như đảm bảo an toàn cho nhà vệ sinh.
- Bể tự hoại đầy phải tiến hành hút hầm cầu.
- Dự án hoạt động trong KCN Đồng Xoài III. Nước thải phát sinh tại nhà máy sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn đầu nối của KCN Đồng Xoài III sẽ được đầu nối và dẫn về HTXLNT tập trung của KCN Đồng Xoài III để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A trước khi xả ra môi trường. Trong trường hợp xảy ra sự cố liên quan đến hoạt động xử lý nước thải của Công ty TNHH E-Long (Việt Nam) sẽ thông báo và phối hợp với KCN Đồng Xoài III để xử lý nước thải phát sinh, đảm bảo chất lượng nước thải đạt quy chuẩn trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

b. *Đối với khí thải*

✚ Quy mô: 02 HTXLKT

✚ Công suất: 18.000 m³/h.

 Phương án:

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải.
- Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống như:
 - + Luôn trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý như quạt hút, dung dịch hấp thụ,.....
 - + Trong trường hợp thiết bị gặp sự cố, nhanh chóng khắc phục sự cố và sử dụng thiết bị dự phòng cho hệ thống trong khi khắc phục sự cố.
 - + Giám sát hệ thống xử lý bụi, khí thải thường xuyên để kịp thời phát hiện sự cố có thể xảy ra.
 - + Ngưng hoạt động nếu hệ thống xử lý khí thải không có khả năng xử lý khí thải đạt quy chuẩn môi trường cho phép. Trong trường hợp này, nhà máy phải điều chỉnh kế hoạch sản xuất, tạm ngừng sản xuất các dây chuyền phát sinh khí thải. Đồng thời, thực hiện kiểm tra, xác định nguyên nhân. Sau đó thực hiện bảo trì, bảo dưỡng, khắc phục sự cố liên quan đến HTXL khí thải. Sau khi khắc phục sự cố, ổn định hoạt động và ổn định chất lượng bụi, khí thải đầu ra sau HTXL khí thải mới tiến hành sản xuất bình thường.

c. Đối với khu lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại:

 Quy mô: 01 khu chứa chất thải rắn thông thường có diện tích 35,0 m² và 01 khu chứa chất thải nguy hại có diện tích 15 m².

 Công suất: không có.

 Phương án:

Khu lưu giữ chất thải được chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo quy định.

CTNH trước tiên sẽ được thu gom, đóng gói và dán nhãn để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình vận chuyển xử lý. CTNH được lưu giữ tại dự án tại nhà chứa chất thải trong một thời gian ngắn trước khi được cơ quan chức năng vận chuyển đi xử lý đúng quy định. Trong thời gian tồn trữ tại dự án, Công ty thực hiện các biện pháp nhằm đảm bảo an toàn:

- Thu gom: Quá trình thu gom chất thải tại nguồn được thực hiện bởi các công nhân sản xuất tại dây chuyền sản xuất phát sinh CTNH. Thu gom và chuyển tới nhà lưu trữ CTNH ngay khi chất thải phát sinh. Lượng CTNH được thu gom theo tính chất của từng loại chất thải, tùy theo tính chất hóa học và trạng thái vật lý (rắn, lỏng) để có phương án thu gom thích hợp. Việc thu gom cần hết sức chú ý nhằm tránh tràn đổ, rò rỉ hay gây ra cháy nổ.

- Dán nhãn: Trên các thùng chứa, bao chứa CTNH được dán nhãn để đơn vị thu gom dễ dàng trong công tác vận chuyển và bảo quản, đồng thời ghi rõ các hiệu lệnh cảnh báo để tránh xảy ra các sự cố đáng tiếc do thiếu hiểu biết của công nhân hay những

người tiếp xúc. Mã số của chất thải và dấu hiệu cảnh báo phòng ngừa theo công ước Basel EPA và TCVN 6707-2000.

- *Trong công tác lưu giữ CTNH*

+ Vị trí khu vực lưu trữ: nằm ngay bên cạnh đường, tạo điều kiện thuận lợi cho xe ra vào vận chuyển chất thải đi xử lý. Các thùng chứa chất thải nguy hại đặt thẳng đứng, thùng có nắp đậy.

+ Bố trí chất thải trong kho: tuân thủ các quy định an toàn trong lưu trữ: có khoảng trống giữa tường với các thùng lưu giữ chất thải gần tường nhất và chừa lối đi lại bên trong để kiểm tra, chữa cháy. Chất thải sắp xếp sao cho không cản trở xe ra vào thu gom và các thiết bị ứng cứu sự cố khác, chiều cao khối lưu trữ không vượt quá 3m.

+ Không để rác thông thường trong khu vực lưu trữ CTNH.

Vận chuyển, thải bỏ và xử lý CTNH: Công tác vận chuyển, thải bỏ và xử lý CTNH được chuyển giao cho đơn vị chức năng theo định kỳ vận chuyển xử lý đúng quy định.

2.3.6 Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

a. *Biện pháp phòng ngừa cháy nổ*

Biện pháp giảm thiểu chung

Để phòng ngừa khả năng gây cháy nổ trong quá trình hoạt động sản xuất, các biện pháp áp dụng bao gồm:

– Các máy móc, thiết bị làm việc ở nhiệt độ, áp suất cao sẽ được quản lý thông qua các hồ sơ lý lịch được kiểm tra, đăng kiểm định kỳ tại các cơ quan chức năng nhà nước. Các thiết bị này sẽ được lắp đặt các đồng hồ đo nhiệt độ, áp suất, mức dung dịch trong thiết bị, ... nhằm giám sát các thông số kỹ thuật; Các công nhân vận hành máy móc sản xuất được huấn luyện cơ bản về quy trình kỹ thuật vận hành.

– Hệ thống cứu hỏa được kết hợp giữa khoảng cách của các phân xưởng lớn hơn 10m đủ điều kiện cho người và phương tiện di chuyển khi có cháy, giữ khoảng rộng cần thiết ngăn cách đám cháy lan rộng. Các họng lấy nước cứu hỏa bố trí đều khắp phạm vi các nhà máy, kết hợp các dụng cụ chữa cháy như bình CO₂, bình bột, ... trong từng bộ phận sản xuất và đặt ở những địa điểm thao tác thuận tiện. Hệ thống phun nước chữa cháy tự động theo giới hạn nhiệt độ 70°C bố trí đều trên mái xưởng kết hợp hệ thống bơm điều khiển bằng áp lực trong đường ống hoặc từ bể dự trữ nước trên cao;

– Các loại hóa chất và nhiên liệu dễ cháy sẽ được lưu trữ trong các kho cách ly riêng biệt, tránh xa các nguồn có khả năng phát lửa và tia lửa điện, các bồn chứa dung môi sẽ được lắp đặt các van an toàn, các thiết bị theo dõi nhiệt độ, các thiết bị báo cháy, chữa cháy tự động;

– Trong khu vực có thể gây cháy, công nhân không được hút thuốc, không mang bật lửa, diêm quẹt, các dụng cụ phát ra lửa do ma sát, tia lửa điện;

– Các loại chất thải có tính dễ bắt cháy giẻ lau dính hóa chất, dính dầu nhớt,... chủ đầu tư sẽ hợp đồng xử lý nhanh chóng không để tồn lưu số lượng lớn dễ gây cháy nổ tại Công ty.

– Trong các vị trí sản xuất thực hiện nghiêm ngặt quy phạm an toàn đối với từng công nhân trong suốt thời gian làm việc.

– Một vấn đề khác rất quan trọng là sẽ tổ chức ý thức phòng cháy chữa cháy tốt cho toàn bộ nhân viên trong nhà máy. Việc tổ chức này đặc biệt chú ý đến các nội dung sau:

- + Tổ chức học tập nghiệp vụ; tất cả các khu vực dễ cháy đều có tổ nhân viên kiêm nhiệm công tác phòng hỏa. Các nhân viên này được tuyển chọn, được huấn luyện, thường xuyên kiểm tra.
- + Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục ý thức phòng cháy chữa cháy cho cán bộ công nhân viên. Huấn luyện cho toàn thể cán bộ công nhân viên các biện pháp phòng cháy chữa cháy khi có sự cố xảy ra. Lắp đặt các tiêu lệnh PCCC tại những vị trí dễ nhìn.
- + Phối hợp với cơ quan PCCC để diễn tập nhằm nâng cao khả năng ứng phó khi có sự cố cháy nổ xảy ra.

– Công ty cam kết lập hồ sơ đề nghị thẩm duyệt PCCC cho Dự án.

 Biện pháp giảm thiểu cho từng khu vực

– Đối với khu vực lưu chứa nguyên liệu, thành phẩm:

- + Thường xuyên vệ sinh khu chứa, tránh để bụi tồn đọng trong xưởng.
- + Che chắn, bảo vệ cẩn thận các thiết bị điện tại khu vực chứa nguyên liệu, thành phẩm.
- + Đảm bảo tắt điện ngoài giờ làm việc.
- + Trang bị thiết bị PCCC tự động.
- + Đảm bảo khả năng thông thoáng nhà xưởng

– Đối với xưởng sản xuất:

- + Định kỳ kiểm tra các thiết bị điện sử dụng.
- + Vệ sinh hàng ngày khu vực sản xuất.
- + Đảm bảo khả năng thông thoáng nhà xưởng.

Luôn có một đội ngũ cán bộ nhân viên vận hành tại kho chứa. Do vậy, việc bảo vệ con người và thoát hiểm rất quan trọng khi đám cháy không được kiểm soát và loại trừ hoàn toàn.

Nhân viên vận hành cần nắm rõ:

- Quy trình vận hành hệ thống công nghệ và điều khiển.
- Thiết bị chữa cháy, an toàn.
- Công thoát hiểm.

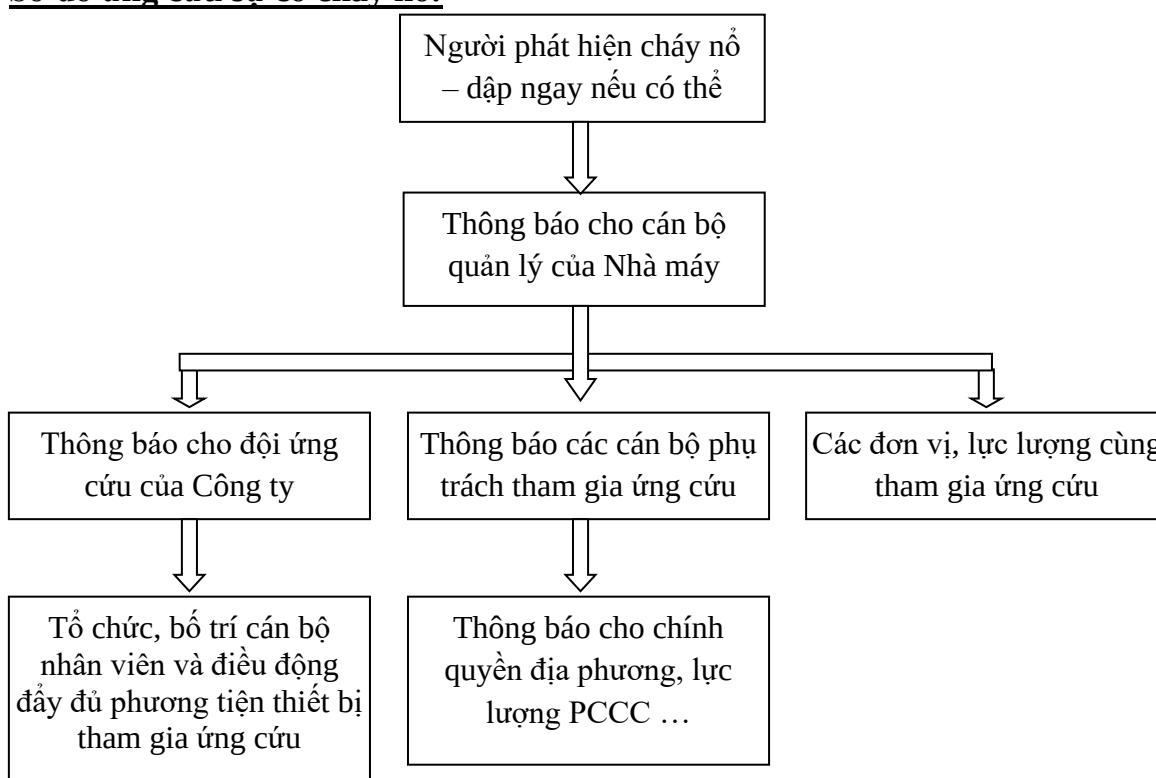
❖ **Quy trình chữa cháy:**

1. *Dập lửa:* Ngay từ khi phát hiện có cháy, lực lượng chữa cháy tại các công trường và các lực lượng khác cần tiến hành ngay các công tác dập lửa. Sử dụng các dụng cụ như: bình chữa cháy, nước để dập lửa.

2. *Dọn dẹp:* Sau khi ngọn lửa được dập tắt, điều động nhân công dọn dẹp sạch sẽ khu vực bị cháy, các chi tiết, thiết bị, máy móc bị hỏng cũng được tháo dỡ và vận chuyển ra khỏi khu vực.

3. *Báo cáo điều tra nguyên nhân và rút kinh nghiệm:* Ngay sau khi phát hiện cháy, cần báo cáo ngay với cơ quan hữu quan để phối hợp trong công tác chữa cháy. Sau đó Chủ dự án sẽ cùng với cơ quan hữu quan sẽ cùng tiến hành công tác điều tra xác định nguyên nhân và lập thành báo cáo gửi các bên có liên quan. Ngoài ra Chủ dự án sẽ tiến hành công tác đánh giá thiệt hại, xác định những hư hại và phần cần sửa chữa để có kế hoạch cụ thể khắc phục.

Sơ đồ ứng cứu sự cố cháy nổ:



Hình IV.7. Sơ đồ ứng cứu sự cố khi cháy nổ của Nhà máy

Nhà xưởng đã được Công An tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận Thẩm duyệt thiết kế về Phòng cháy và chữa cháy số 165/TD-PCCC ngày 05/07/2019 đối với các nhà xưởng. (Đính kèm phụ lục).

Công ty được trang bị đầy đủ các thiết bị kỹ thuật và sử dụng hạ tầng PCCC tại nhà máy để ứng phó sự cố phòng cháy nổ cụ thể như sau:

Bảng IV.25. Bảng kê khai trang thiết bị, phương tiện sử dụng cháy nổ

STT	Thiết bị, phương tiện	Nơi bố trí thiết bị, phương tiện	Số lượng	Đặc trưng kỹ thuật	Tình trạng sử dụng
1	Bình bột chữa cháy	Kho chứa hóa chất, nhà xưởng và văn phòng	10 bình	Khối lượng: 8kg Hiệu quả phun: 15s	Hoạt động tốt
2	Bình khí CO ₂	Trong và ngoài nhà xưởng	10 Bình	Khối lượng: 5kg Hiệu quả phun: 8s	Hoạt động tốt
3	Máy bơm bù áp	Trạm bơm	01 Bơm	Lưu lượng Q = 2,4-10,2 m ³ /h, cột áp H = 96,1-43m	Hoạt động tốt
4	Máy bơm Diesel	Trạm bơm	01 Bơm	Lưu lượng Q=96-225m ³ , H=80 – 58,5m	Hoạt động tốt
5	Máy bơm điện	Trạm bơm	01 Bơm	Lưu lượng Q=96-225m ³ , H=80 – 58,5m	Hoạt động tốt
6	Tủ chữa cháy	Lối ra vào	6 tủ	600×400×220 dày 0,9 ly và 800×600×250 dày 1,2 ly	Hoạt động tốt
7	Công tắc khẩn Hochiky	Phòng bảo vệ và trong nhà xưởng	07 Công tắc	-	Hoạt động tốt
8	Còi báo cháy 24V tự động	Trong nhà xưởng	07 còi	-	Hoạt động tốt
9	Đầu báo khói	Văn phòng và trong nhà xưởng	6 đầu	-	Hoạt động tốt
10	Kim thu sét LIVA LAP	Tại đỉnh mái nhà xưởng	01	Bán kính bảo vệ của kim thu sét là 73 m	Hoạt động tốt
11	Tủ thuốc cấp cứu	Trong văn phòng	1 tủ	-	Luôn thay mới
12	Vòi nước sơ cứu	Nhà văn phòng, nhà bảo vệ, khu nhà vệ sinh	06 vòi	-	Hoạt động tốt

Nguồn: Biên bản kiểm tra phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của Công ty TNHH E-Long (Việt Nam)

b. Biện pháp đảm bảo an toàn lao động cho công nhân

Để đảm bảo an toàn lao động cho công nhân tham gia sản xuất, công ty sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Cung cấp đầy đủ và đúng chủng loại các trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân, đặc biệt là các thiết bị bảo hộ lao động chuyên dùng dành cho công nhân làm việc, tiếp xúc trực tiếp với hóa chất như quần áo bảo hộ lao động, găng tay, khẩu trang, mắt kính bảo hộ, mặt nạ chống độc. Tăng cường kiểm tra, nhắc nhở công nhân sử dụng trang bị bảo hộ lao động khi làm việc. Kiên quyết đình chỉ công việc của công nhân khi thiếu trang bị bảo hộ lao động.

- Lắp đặt biển báo, đèn tín hiệu cảnh báo cho công nhân viên những nguy cơ có thể xảy ra tại khu vực đặt biển báo.
- Luôn chú ý cải thiện điều kiện làm việc của công nhân, đảm bảo các yếu tố vi khí hậu và điều kiện lao động đạt Tiêu chuẩn do Bộ Y tế ban hành để đảm bảo sức khỏe cho người lao động.
- Bố trí nhân viên chuyên trách về vệ sinh, môi trường và an toàn lao động. Nhân viên này có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn cho công nhân thực hiện các biện pháp vệ sinh và an toàn lao động. Thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở việc thực hiện các biện pháp an toàn lao động của công nhân.
- Tổ chức giáo dục tuyên truyền giúp công nhân viên có kiến thức về an toàn lao động, tự bảo vệ chính mình, tránh các trường hợp gây hậu quả nghiêm trọng do thiếu hiểu biết.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho công nhân theo quy định.
- Trong những trường hợp sự cố, công nhân vận hành phải được hướng dẫn và thực tập xử lý theo đúng quy tắc an toàn. Các dụng cụ và thiết bị cũng như những địa chỉ cần thiết liên hệ khi xảy ra sự cố cần được chỉ thị rõ ràng:
- Vòi nước xả rửa khi có sự cố, tủ thuốc, bình cung cấp oxy;
- Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: bệnh viện, cứu hỏa,...
- Hằng năm tổ chức đo đạc môi trường lao động và tổ chức khám bệnh nghề nghiệp cho người lao động làm việc tại các vị trí có độ ồn cao.

c. Biện pháp giảm thiểu sự cố hóa chất

- Hệ thống khu chứa dầu DO đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn Việt Nam về kỹ thuật, an toàn (hệ thống thông gió, chống sét, hệ thống cứu hỏa, ...).

- Khu vực chứa dầu DO đảm bảo các yêu cầu theo TCVN 5507:2002 về hóa chất nguy hiểm – quy phạm an toàn trong sản xuất kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển như:

- + Kho chứa hóa chất được bố trí bên trong nhà xưởng với diện tích 30m², kho chứa tuân thủ theo các quy định về cự ly an toàn, các cấp bậc chịu lửa, bố trí giao thông đi lại của người và phương tiện theo đúng các quy định tại TCVN 2622:1995. Tường, sàn kho chịu được lửa, nhiệt độ cao, không phản ứng hóa học và không thấm chất lỏng. Sàn nhà được thiết kế chỗ chứa hóa chất rò rỉ hoặc tràn đổ, bề mặt không gồ ghề để dễ dọn sạch. Tường bên ngoài chịu được lửa ít nhất là 30 phút; tất cả các bức tường đều không thấm nước; bề mặt bên ngoài của tường trơn nhẵn, có thể rửa một cách dễ dàng mà không bắt bụi.
- + Có lối đi ra, vào phù hợp với cửa chịu lửa được mở hướng ra ngoài. Cửa có kích cỡ tương xứng để cho phép vận chuyển một cách an toàn (lối đi chính rộng 2 m).

- + Kho luôn luôn được giữ khô và tránh sự gia tăng nhiệt độ, tuyệt đối cấm mọi nguồn lửa đối với kho chứa nhiên liệu.
- + Có hệ thống thông gió để làm loãng và hút khí độc sinh ra.
- + Có rãnh thu gom hóa chất trong trường hợp sự cố xảy ra.
 - Công ty sẽ xây dựng biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất theo quy định tại Nghị định số 113/2017/NĐ-CP, Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ trước khi đưa dự án đi vào hoạt động.
 - Kho chứa hóa chất đảm bảo đúng theo quy định tại QCVN 05A:2020/BCT.

3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

3.1. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án trình bày như sau:

Bảng IV.26. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

STT	Nguồn thải	Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Đơn vị	Số lượng
1	Nước thải	Hệ thống thoát nước mưa	Hệ thống	1
		Hệ thống thoát nước thải	Hệ thống	1
		Bể tự hoại 03 ngăn, tổng thể tích 20 m ³	Bể	2
2	Khí thải	Hệ thống xử lý bụi, khí thải, công suất 18.000 m ³ /h	Hệ thống	2
3	Chất thải rắn, chất thải nguy hại	Khu vực chứa CTSH, diện tích 3m ²	cái	1
		Khu vực chứa CTCNTT, diện tích 35m ²	cái	1
		Khu vực chứa CTNH, diện tích 15m ²	cái	1
		Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định	Toàn bộ	1

Nguồn: Công ty TNHH E-Long (Việt Nam)

3.2. Kế hoạch xây lắp công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường

Kế hoạch xây lắp công trình bảo vệ môi trường được Công ty đầu tư xây dựng mới cho dự án được trình bày chi tiết tại bảng sau:

Bảng IV.27. Kế hoạch xây lắp công trình bảo vệ môi trường

STT	Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện
1	Hệ thống thoát nước mưa	Từ tháng 03/2026 – 06/2026
	Hệ thống thoát nước thải	
	Bể tự hoại 03 ngăn, thể tích 20 m ³	
2	02 Hệ thống xử lý bụi, khí thải, công suất 18.000m ³ /h	
3	Khu vực chứa CTSH, diện tích 3m ²	
	Kho CTCNTT, diện tích 35m ²	
	Kho CTNH, diện tích 15m ²	
	Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định	

Nguồn: Công ty TNHH E-Long (Việt Nam)

3.3. Tóm tắt dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

Danh mục và kinh phí phục vụ cho các công trình xử lý, biện pháp bảo vệ môi trường được trình bày như sau:

Bảng IV.28. Danh mục và kinh phí chương trình quản lý môi trường

Tác động môi trường	Biện pháp giảm thiểu	Kinh phí (triệu đồng)
Bụi, khí thải	Hệ thống thông thoáng nhà xưởng, quạt, hệ thống xử lý khí thải	1.200
Tiếng ồn, rung	Lắp các đệm cao su chống ồn, rung	30
CTR sinh hoạt	Trang bị thùng rác, Thuê đơn vị thu gom, xử lý hàng ngày	20 20
CTR sản xuất không nguy hại	Kho chất thải rắn sản xuất Thuê đơn vị thu gom và xử lý	20 20
Chất thải nguy hại	Kho CTNH Thuê đơn vị có chức năng thu gom và xử lý	30 30
Nước mưa	Vệ sinh cống thoát nước mưa	20
Nước thải sinh hoạt	Bảo trì bể tự hoại 3 ngăn	-
Kiểm soát sự cố	Xây dựng các nội quy, đầu tư thiết bị PCCC	30
Kiểm soát môi trường	Quan trắc khí thải	50
Tổng cộng		1.470

Nguồn: Công ty TNHH E-Long (Việt Nam)

3.4. Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường

Bảng IV.29. Bảng bố trí nhân sự cho công tác bảo vệ môi trường

Bộ phận	Nhiệm vụ	Người chịu trách nhiệm chính
Ban giám đốc	Trực tiếp quản lý, chỉ đạo, bố trí nhân sự trong công tác vận hành các công trình môi trường.	Giám đốc
Bộ phận quản lý môi trường (phòng kỹ thuật)	Trực tiếp quản lý, chỉ đạo giám sát vận hành các công trình môi trường (hệ thống khí thải), công tác thu gom, lưu trữ, xử lý chất thải rắn...	Trưởng bộ phận (trưởng phòng kỹ thuật)
Công nhân vận hành	Vận hành các công trình môi trường: hệ thống thu gom chất thải rắn.	Công nhân trực tiếp vận hành hệ thống
Nhân viên vệ sinh	Vệ sinh và thu gom rác, chất thải rắn, chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại	Nhân viên trực tiếp làm việc

Nguồn: Công ty TNHH E-Long (Việt Nam)

4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy chi tiết của những kết quả dự án về các tác động môi trường có khả năng xảy ra trong quá trình triển khai dự án đầu tư

Báo cáo GPMT của dự án đã nêu được chi tiết và đánh giá đầy đủ các tác động môi trường, các rủi ro, sự cố môi trường có thể xảy ra trong quá trình hoạt động sản xuất của nhà máy.

Các nội dung đánh giá tác động môi trường về khí thải, nước thải, chất thải rắn phát sinh từ các hoạt động trong quá trình dự án đi vào vận hành là đầy đủ, có cơ sở khoa học và đáng tin cậy vì các nội dung của báo cáo được xây dựng dựa trên các cơ sở sau:

- Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, báo cáo gồm đầy đủ các chương, mục theo quy định. Nội dung các chương, mục được trình bày rõ ràng, chi tiết như hướng dẫn của Phụ lục IX ban hành Kèm theo Nghị định này;

- Phương pháp thống kê: Thu thập và xử lý các số liệu về điều kiện khí tượng, thủy văn, kinh tế xã hội và số liệu về hiện trạng môi trường tại khu vực dự án.

- Phương pháp quan trắc, lấy mẫu hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm: Xác định các thông số về hiện trạng vi khí hậu, chất lượng không khí, nước, độ ồn tại khu đất dự án và khu vực xung quanh.

- Phương pháp đánh giá nhanh theo hệ số ô nhiễm của Tổ chức y tế Thế giới thiết lập: Ước tính tải lượng chất ô nhiễm.

- Phương pháp so sánh: Đánh giá các tác động trên cơ sở so sánh các tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường Việt Nam.

Bảng IV.30. Đánh giá độ tin cậy của phương pháp lập báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường

STT	Các đánh giá	Mức độ chi tiết	Độ tin cậy	Ghi chú
1	Bụi, khí thải từ hoạt động giao thông	Định lượng tác động	Cao	Định lượng tải lượng khí thải Độ tin cậy cao do tham khảo số liệu của báo cáo “Nghiên cứu các biện pháp kiểm soát ô nhiễm không khí giao thông đường bộ tại TP.HCM”, sử dụng hệ số ô nhiễm của Tổ chức Y tế Thế giới và theo số liệu thực tế từ dự án tương tự
2	Bụi từ xử lý nguyên vật liệu, phối trộn,..	Định lượng tác động	Cao	Xác định nồng độ khí thải Độ tin cậy cao do tham khảo số liệu các dự án tương tự
3	Khí thải từ quá trình đun ép tạo sợi	Định lượng tác động	Cao	Định lượng tải lượng khí thải Độ tin cậy cao do sử dụng hệ số ô nhiễm của Tổ chức Y tế Thế giới
4	Mùi hôi	Định lượng tác động	Cao	Xác định thành phần mùi Độ tin cậy cao do tham khảo các dự án tương tự
5	Nước thải sinh hoạt	Định lượng tác động	Cao	Xác định đặc trưng, tải lượng và nồng độ ô nhiễm nước thải Độ tin cậy cao do sử dụng hệ số ô nhiễm của Tổ chức Y tế Thế giới
6	Nước thải sản xuất	Định lượng tác động	Cao	Xác định lưu lượng nước thải, thành phần chất ô nhiễm. Độ tin cậy cao do tham khảo số liệu thực tế từ các dự án tương tự

STT	Các đánh giá	Mức độ chi tiết	Độ tin cậy	Ghi chú
7	Nước mưa chảy tràn	Định lượng tác động	Cao	Đặc trưng nước mưa chảy tràn Độ tin cậy cao do sử dụng hệ số ô nhiễm của Tổ chức Y tế Thế giới
8	Chất thải rắn sinh hoạt	Định lượng tác động	Cao	Xác định khối lượng chất thải rắn sinh hoạt Độ tin cậy cao do sử dụng định mức phát thải theo qui định quy hoạch chung của khu vực dự án.
9	Chất thải nguy hại	Định lượng tác động	Cao	Xác định thành phần và khối lượng chất thải nguy hại Độ tin cậy cao do sử dụng các số liệu theo Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia, 2016
10	Đánh giá áp lực lên hạ tầng cơ sở của khu vực	Định lượng tác động	Cao	Xác định được đối tượng bị tác động Độ tin cậy cao do sử dụng các thông tin pháp lý và hiện trạng thực tế tại khu vực dự án.
11	Tiếng ồn	Định lượng tác động	Cao	Xác định nguồn phát sinh và độ ồn Độ tin cậy cao do tham khảo số liệu các dự án tương tự và định mức theo Phạm Đức Nguyên Âm học kiến trúc - Âm học đô thị, NXB Xây dựng, 2010
12	Tác động đến kinh tế - xã hội	Định tính tác động	Trung bình	

Nguồn: Công ty TNHH E-Long (Việt Nam)

Đây là các phương pháp được sử dụng phổ biến trong và ngoài nước, có mức độ tin cậy cao, đánh giá và nhận dạng chi tiết được các nguồn phát thải và mức độ ảnh hưởng của các tác động này đến môi trường, dựa trên cơ sở:

- Với việc lựa chọn sử dụng các phương pháp thường được dùng trong lập báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường và có độ chính xác khá cao nên các dự báo, đánh giá đưa ra là đáng tin cậy. Tuy nhiên, trong phần đánh giá tác động này, các kết quả tính toán tải lượng phát thải chỉ có ý nghĩa dự báo do các phương pháp tính toán ở mức độ tổng quát, ước tính theo thống kê, kinh nghiệm và khi áp dụng vào thực tiễn từng dự án thì chỉ cho kết quả gần đúng.

- Trong quá trình thực hiện giám sát môi trường của dự án ở từng giai đoạn, dự án tiếp tục xác định cụ thể và chi tiết các tác động xấu, đồng thời áp dụng các biện pháp giảm thiểu thích hợp các tác động này.

Chương V. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với nước thải

1.1. Nội dung cấp phép xả nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án sau xử lý phải đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B sau đó được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Đồng Xoài III để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn theo quy định, không xả trực tiếp ra môi trường.

Công ty TNHH Jaycee đã thỏa thuận đầu nối nước thải phát sinh từ dự án vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Đồng Xoài III theo biên bản thỏa thuận đầu nối; Công ty sẽ ký hợp đồng xử lý nước thải với KCN theo đúng quy định.

1.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.2.1 Mạng lưới thu gom nước mưa

Nước mưa từ trên mái nhà xưởng, nhà kho, khối văn phòng hoàn chỉnh được thu gom bằng hệ thống máng thu bằng ống PVC Ø114mm đặt sát vách tường các hạng mục công trình và được dẫn xuống hệ thống thu gom nước thu gom bằng ống bê tông cốt thép chịu lực.

Nước mưa trên các khu vực sân bãi và đường nội bộ sẽ chảy vào các hố thu nước mưa xây dựng dọc theo lề đường, hệ thống thu gom và thoát nước mưa tại khu vực nhà xưởng bao gồm 12 hố ga, đường cống BTCT Ø300mm.

Tại các hố thu nước mưa sẽ có chắn rác trước khi vào hệ thống cống và thoát ra hệ thống thoát nước mưa của Khu công nghiệp Đồng Xoài III thông qua 01 hố ga đầu nối tại góc đường số 5 và đường số 6 của KCN tại tọa độ: X(m): 1273040.38; Y(m): 704422.37 (theo hệ tọa độ VN 2000, Kinh tuyến trực: 106°15' và múi chiếu: 3°).

1.2.2 Mạng lưới thu gom nước thải

Nguồn số 01: Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại dự án (2,4 m³/ngày) được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 05 ngăn. Nước thải sinh hoạt phát sinh sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải dẫn vào nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Đồng Xoài III để tiếp tục xử lý.

Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại dự án sau khi xử lý phải đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải dẫn vào nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Đồng Xoài III tại 01 điểm trên đường số 6 của KCN Đồng Xoài III. Tọa độ điểm đầu nối nước thải: X(m): 1273045.54; Y(m): 704422.37 (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 106°15', múi chiếu 3°).

Phương thức xả thải: tự chảy vào hệ thống thu gom nước thải của KCN, liên tục khi nhà máy hoạt động. Để phòng trường hợp nước thải từ hệ thống thoát nước chung

KCN xâm nhập ngược vào nhà máy thông qua hồ ga, Công ty đã bố trí 01 van khóa để đảm bảo.

1.2.3 Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 03 ngăn → Đầu nối với hệ thống thu gom nước thải dẫn vào nhà máy xử lý nước thải của KCN Đồng Xoài III.

- Tổng dung tích thiết kế: 02 bể tự hoại tổng thể tích 20 m^3 ($10 \text{ m}^3/\text{bể}$).
- Hóa chất sử dụng: không.
- Chế độ vận hành: Liên tục.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh sau khi xử lý phải đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải dẫn vào nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Đồng Xoài III tại 01 điểm trên đường số 6 của KCN Đồng Xoài III. Tọa độ điểm đầu nối nước thải: X(m): 1273045.54; Y(m): 704422.37 (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $106^{\circ}15'$, vĩ độ 3°).

- Trang bị phương tiện, thiết bị dự phòng cho hệ thống để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải. Trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, tiến hành điều chỉnh công suất vận hành để giảm lượng nước thải phát sinh. Trường hợp thời gian sửa chữa kéo dài hơn 01 ngày, dừng hoạt động sản xuất để khắc phục. Chỉ tiến hành sản xuất trở lại sau khi hệ thống xử lý nước thải hoạt động trở lại bình thường.

- Bố trí đồng hồ đo lưu lượng nước tái sử dụng tại hệ thống xử lý nước thải tại dự án để kiểm soát, đảm bảo đúng mục đích và các yêu cầu bảo vệ môi trường.

- Định kỳ thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải.

- Tăng cường biện pháp kiểm tra, giám sát hệ thống thu nước, cống thoát nước tránh tình trạng tắc cống. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với bể tự hoại.

- Phối hợp với Chủ đầu tư hạ tầng KCN Đồng Xoài III để giám sát các thông số nước thải của nhà máy trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải, nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Đồng Xoài III.

2. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với khí thải

2.1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Bụi từ công đoạn nạp liệu của dây chuyền sx móc áo;
- Nguồn số 02: Bụi từ công đoạn phối trộn của dây chuyền sx móc áo;
- Nguồn số 03: Bụi từ công đoạn cắt bavia của dây chuyền sx móc áo;
- Nguồn số 04: Mùi từ công đoạn in logo của dây chuyền sx móc áo;
- Nguồn số 05: Bụi và khí thải từ lò đốt của công đoạn gia nhiệt cho dây chuyền sản xuất móc áo;
- Nguồn số 06: Bụi và khí thải từ lò đốt gas.
- Nguồn số 07: Mùi từ công đoạn dán keo của dây chuyền sản xuất móc áo.

2.2. Vị trí, lưu lượng khí thải

2.2.1 Vị trí xả khí thải

STT	Dòng khí thải	Vị trí xả thải	Tọa độ VN2000: Kinh tuyến: 106°15', múi chiều 3 ⁰	
			X(m)	Y(m)
1	Dòng khí thải số 01	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải 1 (nguồn số 05 và 06)	1272902.15	704367.69
2	Dòng khí thải số 02	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải 2 (nguồn số 05 và 06)	1272904.74	704393.17

Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của Công ty TNHH E-Long (Việt Nam), địa chỉ lô Lô 31 Cụm A3, KCN Đồng Xoài III, phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai.

2.2.2 Lưu lượng xả khí thải tối đa: 36.000 m³/h.

- Dòng thải số 01 : Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 18.000 m³/giờ.

- Dòng thải số 02 : Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 18.000 m³/giờ.

Phương thức xả khí thải: Khí thải được xả ra môi trường qua 02 ống thải (chiều cao 10 m tính từ mặt đất, đường kính 400 mm), xả liên tục khi hoạt động.

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường: QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (Cột C), cụ thể như sau:

Bảng V.1. Quy chuẩn kỹ thuật xả thải

TT	Vị trí	Các chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 19:2009/BTNMT, cột C)	Tần suất quan trắc định kỳ; quan trắc tự động, liên tục
1	Dòng khí thải số 01, 02	Bụi	mg/Nm ³	200	- Tần suất quan trắc định kỳ: 06 tháng/lần. - Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được chỉnh sửa bổ sung theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.
		CO	mg/Nm ³	1000	
		NO _x	mg/Nm ³	10	
		SO ₂	mg/Nm ³	200	

Đối với các nguồn thải phát sinh không có dòng khí thải (nguồn số 01, 02, 03, 04 và 07), phải đảm bảo môi trường không khí khu vực sản xuất đạt các quy chuẩn của pháp luật hiện hành.

2.3. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải

2.3.1 Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Dòng thải số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ lò đốt (viên nén Biomass) của công đoạn gia nhiệt và hệ thống đốt gas (nguồn số 05 và 06) được thu gom và dẫn về HTXLKT số 1 thông qua 5 chụp hút với kích thước [0,5 x 0,3]m từ công đoạn gia nhiệt; 02 chụp hút với kích thước [0,5 x 0,3]m từ lò đốt gas; tổng chiều dài hệ thống thu gom 30m với đường ống Ø 250, 400; thu gom về HTXLKT số 1, công suất 18.000 m³/h.

- Dòng thải số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ lò đốt (viên nén Biomass) của công đoạn gia nhiệt và hệ thống đốt gas (nguồn số 05 và 06) được thu gom và dẫn về HTXLKT số 1 thông qua 4 chụp hút với kích thước [0,5 x 0,3]m từ công đoạn gia nhiệt; 02 chụp hút với kích thước [0,5 x 0,3]m từ lò đốt gas; tổng chiều dài hệ thống thu gom 30m với đường ống Ø 250, 400; thu gom về HTXLKT số 2, công suất 18.000 m³/h.

- Nguồn số 01, 02, 03, 04, và 07: Để giảm thiểu tác động của bụi phát sinh bụi từ công đoạn nạp liệu, phối trộn, cắt bavia và mùi từ công đoạn in logo của dây chuyền sản xuất móc áo. Chủ dự án thực hiện các biện pháp quản lý như: Thường xuyên vệ sinh nhà xưởng; sử dụng máy hút bụi; bố trí quạt thông gió, quạt hút để tăng lượng không khí sạch trao đổi trong khu vực sản xuất,...

2.3.2 Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ của hệ thống xử lý bụi, khí thải 1 của Dự án (HTXLKT số 1 và số 2 có quy trình, công nghệ, công suất tương tự nhau):

Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sử dụng lò sấy để gia nhiệt cho hoạt động của dây chuyền sản xuất móc áo → Chụp hút → Cyclone → Tháp hấp thụ → Quạt hút → Ống thải.

- Số lượng hệ thống xử lý: 02 hệ thống.
- Công suất thiết kế: 18.000 m³/giờ/hệ thống.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: nước sạch.

2.3.3 Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Kiểm tra thường xuyên hệ thống xử lý bụi, khí thải và định kỳ bổ sung/thay thế vật liệu sử dụng nhằm đảm bảo hiệu quả xử lý.

- Khi có sự cố, tạm dừng hoạt động sản xuất để kiểm tra, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong, hoạt động sản xuất tiếp tục khi hệ thống xử lý bụi, khí thải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:

3.1. Nguồn phát sinh:

Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung tại Lô 31 Cụm A3, KCN Đồng Xoài III, Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam:

Bảng V.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung tại dự án

TT	Vị trí phát sinh	Tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực Bình Phước: 106°15', múi chiều 3°)	
		X(m)	Y(m)
1	Các máy trộn nguyên liệu	1272954.81	704427.19
2	Các máy ép định hình	1273937.84	704405.75
3	Các máy in	1272957.17	704388.29
4	Các máy làm móc	1272941.19	704407.12
5	Các máy kéo dán	1272951.22	704439.27
6	Các máy gia nhiệt	1272976.72	704428.41
7	Khu vực đóng gói	1272962.61	704432.51
8	Khu vực HTXLKT 1	1272902.15	704367.69
9	Khu vực HTXLKT 1	1272904.74	704393.17

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu các về bảo vệ môi trường, QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

+ Tiếng ồn:

Bảng V.3. Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

+ Độ rung:

Bảng V.4. Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với độ rung

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

3.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Khu vực sản xuất được cách ly riêng với khu vực xung quanh.

- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị ; thường xuyên kiểm tra và bôi trơn các chi tiết chuyển động của máy móc, sửa chữa các mối hở của thiết bị hoặc thay mới các máy móc bộ phận hoặc thiết bị hư hỏng để đảm bảo an toàn và giảm bớt tiếng ồn trong các khu vực sản xuất. Thông thường, chu kỳ bảo dưỡng đối với thiết bị là 4-6 tháng/lần.

- Bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh trường hợp các máy gây ồn cao cùng hoạt động và trong cùng một khu vực sẽ gây cộng hưởng ồn, làm tăng độ ồn.

- Trang bị tai nghe chống ồn cho các công nhân làm việc tại các khu vực phát ra tiếng ồn lớn.

- Áp dụng biện pháp bốc dỡ nguyên liệu và sản phẩm hợp lý, dùng các biện pháp sử dụng xe nâng để bốc dỡ, hạn chế nhập nguyên liệu vào những thời điểm có nhiều công nhân hoạt động.

4. Quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.1. Quản lý chất thải

4.1.1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh

a. Khối lượng, chứng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Bảng V.5. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh từ dự án

TT	Thành phần rác thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
1	Hộp mực in thải (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) (mực in dùng trong in ấn logo)	Rắn	6	08 02 04	KS
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau, bao tay dính dầu mỡ, thành phần nguy hại)	Rắn	10	18 02 01	KS
3	Ắc quy, chì thải	Rắn	3	19 06 01	NH
4	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác (dầu nhớt thải)	Lỏng	20	17 02 04	NH
5	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	10	16 01 06	NH
6	Bao bì mềm (đã chứa chất khí thải ra CTNH) thải (bao bì chứa hóa chất)	Rắn	615	18 01 01	KS
7	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải	Rắn	150	18 01 03	KS
Tổng cộng			814		

b. Khối lượng, chứng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

Chất thải rắn công nghiệp thông thường tại dự án phát sinh chủ yếu như sau:

Bảng V.6. Khối lượng chất thải công nghiệp thông thường tại dự án

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	18 01 05	60	TT-R
2	Hộp chứa mực in (loại không có thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực như mực in văn phòng, sách báo) thải khác với loại trên	08 02 08	6	TT
3	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	18 01 06	200	TT-R
4	Sản phẩm vô cơ khác với các loại trên (Phế liệu nhựa không được tái sử dụng)	19 03 03	600	TT-R
5	Bùn thải từ các quá trình xử lý nước thải khác với các loại trên (Bùn thải từ quá trình nạo vét hệ thống nước mưa)	12 06 13	50	TT
6	Bùn thải từ hệ thống xử lý khí thải khác với các loại trên (Bùn thải từ bể tự hoại)	12 07 07	120	TT
7	Tro bay, xỉ, bụi lò sấy khác với các loại trên (tro đốt từ lò sấy và bụi thu gom từ HTXL Cyclon)	04 02 06	3.000	TT
8	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, vải bảo vệ thải khác với các loại trên (Cặn lắng xả thải của HTXLKT)	18 02 02	300	TT
TỔNG CỘNG			4.336	

c. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Mã chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
Rác thải sinh hoạt	27,0

4.1.2 Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

a. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

❖ Thiết bị lưu chứa

- Các thùng chứa, bao bì chuyên dụng.

❖ Khu vực lưu chứa

- Kho bố trí riêng biệt, tường bê tông có mái che, nền bê tông chống thấm, có cửa, biển báo; rãnh, hố thu gom chất thải dạng lỏng chảy tràn,...

- Diện tích kho: 15 m².

b. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

❖ *Thiết bị lưu chứa*

- Các thùng chứa, bao bì chuyên dụng.

❖ *Khu vực lưu chứa*

Diện tích: 35 m² (bên trong nhà xưởng).

Thiết kế, cấu tạo của khu lưu chứa: có mái che, nền bê-tông. Khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường được gắn biển nhận biết.

c. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

❖ *Thiết bị lưu chứa*

- Các thùng chứa, bao bì chuyên dụng.

❖ *Khu vực lưu chứa*

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Khu lưu chứa được bố trí gần cổng ra vào để thuận tiện thu gom, vận chuyển xử lý hàng ngày.

- Diện tích khu vực lưu chứa: 3 m² (bố trí tại khu vực gần cổng ra vào).

4.2. Phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, 124, 125, 126 Luật Bảo vệ môi trường

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố bể tự hoại: thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, bể tự hoại đầy phải tiến hành hút hầm cầu.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố các hệ thống xử lý bụi: Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý bụi, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại: Khu lưu giữ chất thải được chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo quy định.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống thoát nước: Không xây dựng các công trình trên đường ống dẫn nước, thường xuyên kiểm tra và bảo trì các mối van, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo an toàn và đạt độ bền, độ kín khít của tất cả các tuyến ống.

- Công tác phòng cháy và chữa cháy: Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Nhà máy, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định 08/2022/NĐ-CO ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường

được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định 08/2022/NĐ-CO ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Chương VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Căn cứ quy định về quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm tại Điều 31 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 - Nghị định chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Công ty TNHH E-Long (Việt Nam) đề xuất kế hoạch quan trắc chất thải và đánh giá hiệu quả của công trình xử lý chất thải như sau:

1.1. Thời gian dự án thực hiện vận hành thử nghiệm

Các công trình xử lý chất thải dự kiến đưa vào vận hành thử nghiệm gồm:

- 02 Hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh từ lò đốt của công đoạn gia nhiệt công suất thiết kế 18.000 m³/giờ/hệ thống.

Danh mục chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của Dự án, công suất dự kiến đạt được của Dự án tại thời điểm kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm. Cụ thể như sau:

Bảng VI.1. Thời gian vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường

Công trình xử lý chất thải	Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	Công suất dự kiến đạt được
02 Hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh từ lò đốt của công đoạn gia nhiệt công suất thiết kế 18.000 m ³ /giờ/hệ thống.	06/2026-12/2026	≥ 50% công suất sản phẩm đã đăng ký

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

a. Quan trắc đối với công trình xử lý nước thải

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo điểm c và i Khoản 1, Điều 31 của Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

b. Quan trắc đối với công trình xử lý khí thải

Theo Khoản 5, Điều 21 của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án, cơ sở thì việc quan trắc chất thải trong quá trình

vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải do chủ đầu tư tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

- Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường được cấp.

- Vị trí lấy mẫu:

- + Tại vị trí đầu ra (ống thải) của hệ thống HTXLKT 1, tọa độ vị trí xả khí thải: X(m): 1272902.15 - Y(m): 704367.69.

- + Tại vị trí đầu ra (ống thải) của hệ thống HTXLKT 2, tọa độ vị trí xả khí thải: X(m): 1272904.74 - Y(m): 704393.17.

(Theo hệ tọa độ 2000, Kinh tuyến trực Bình Phước: 106°15', Múi 3°).

- Tần suất lấy mẫu: 03 mẫu/03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định (03 mẫu đơn đầu ra).

- Thông số: Lưu lượng, Bụi, CO, NO_x, SO₂.

- Quy định áp dụng: QCVN 19:2024/BTNMT (Cột C).

Thông tin cụ thể đơn vị thực hiện đo đạc và lấy mẫu phân tích:

Đơn vị lấy, đo đạc và kiểm nghiệm, phân tích mẫu khí thải đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số hiệu Vimcerts 009 và được Bộ Khoa học Công nghệ Văn phòng công nhận chất lượng đạt ISO/IEC 17025:2017 mã số: VLAT-1.0108 (Giấy chứng nhận đính kèm Phụ lục).

- Tên đơn vị lấy mẫu: Viện Công nghệ nhiệt đới.
- Địa chỉ: 57A, Trương Quốc Dung, Phường Phú Nhuận, TP.HCM.
- Điện thoại: 028.8446262-5.
- Email: vienndmt@gmail.com

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Theo quy định tại Điều 97 và Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường dự án không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ nước thải và khí thải nhưng để đảm bảo hoạt động các công trình bảo vệ môi trường ổn định và chất lượng môi trường nên Công ty đề xuất các chương trình quan trắc định kỳ thực hiện tại dự án như sau:

2.1.1 Quan trắc khí thải

- Vị trí quan trắc:

- + Tại vị trí đầu ra (ống thải) của hệ thống HTXLKT 1, tọa độ vị trí xả khí thải: X(m): 1272902.15 - Y(m): 704367.69.

- + Tại vị trí đầu ra (ống thải) của hệ thống HTXLKT 2, tọa độ vị trí xả khí thải: X(m): 1272904.74 - Y(m): 704393.17.

(Theo hệ tọa độ 2000, Kinh tuyến trục Bình Phước: 106°15', Múi 3°).

- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần.
- Thông số quan trắc: Lưu lượng, Bụi, CO, NO_x, SO₂.
- Tiêu chuẩn so sánh: : QCVN 19:2024/BTNMT (Cột C).
- Kinh phí quan trắc: 20.000.000 VNĐ/lần.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục.

2.3. Chương trình quan trắc định kỳ khác

Để đảm bảo chất lượng môi trường trong nhà xưởng, Công ty đề xuất các chương trình quan trắc định kỳ khác được thực hiện như sau:

2.3.1 Quan trắc chất thải rắn

a. Chất thải sinh hoạt

- Vị trí quan trắc: 01 vị trí tại khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt.
- Thông số quan trắc: khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.
- Tần suất quan trắc: thường xuyên.
- Văn bản áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.
- Kinh phí quan trắc: 2.000.000VNĐ/năm.

b. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Vị trí quan trắc: 01 vị trí tại khu vực tập kết chất thải rắn công nghiệp thông thường.
- Thông số quan trắc: khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.
- Tần suất quan trắc: thường xuyên.
- Kinh phí quan trắc: 3.000.000VNĐ/năm.

c. Chất thải nguy hại

- Vị trí quan trắc: 01 vị trí tại khu vực tập kết chất thải nguy hại.
- Thông số quan trắc: khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.
- Tần suất quan trắc: thường xuyên.
- Kinh phí quan trắc: 5.000.000VNĐ/năm.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Kinh phí thực hiện quan trắc dự kiến: 50.000.000 đồng/năm.

Chương VII. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Trong quá trình hoạt động sản xuất, dự án sẽ gây ra một số ô nhiễm môi trường, tuy nhiên theo phân tích ở trên thì khả năng ô nhiễm này không đáng kể và có thể khắc phục được. Nhận thức được tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường, mối quan hệ nhân quả giữa phát triển sản xuất và giữ gìn trong sạch môi trường sống. Công ty sẽ có nhiều cố gắng trong nghiên cứu và thực hiện các bước yêu cầu của công tác bảo vệ môi trường.

Công ty cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

Công ty cam kết không nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất, Công ty chỉ sử dụng phế liệu và hạt nhựa tái sinh đã được làm sạch tạp chất, hóa chất và phụ gia trong nước cho quá trình sản xuất với các đơn vị đủ chức năng cung cấp nguyên liệu.

Công ty cam kết đảm bảo xử lý các chất thải đạt tiêu chuẩn sau:

- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

- Cam kết xây dựng các công trình xử lý môi trường trước khi dự án đi vào hoạt động và chịu trách nhiệm hoàn thành các hạng mục công trình của hệ thống xử lý bụi, khí thải trước khi đi vào hoạt động, vận hành hệ thống xử lý nước thải đạt QCVN theo quy định, trực tiếp tổ chức quản lý và vận hành các công trình bảo vệ môi trường.

- Cam kết thực hiện các công trình xử lý môi trường theo đúng tiến độ đề ra.

- Cam kết thu gom xử lý toàn bộ chất thải phát sinh, không để phát tán ra môi trường.

- Đối với nước thải đảm bảo xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Đồng Xoài III.

- Cam kết nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải đúng quy định.

- Đối với chất thải rắn phát sinh từ quá trình sản xuất, chủ đầu tư cam kết thực hiện các biện pháp xử lý như đề xuất đã nêu trong báo cáo, xử lý đúng quy định về bảo vệ môi trường.

- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan:

- + Thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm, xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải KCN Đồng Xoài III trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải chung của khu công nghiệp.

+ Thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm, xử lý khí thải đạt QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp trước khi thải ra bên ngoài.

+ Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại được quản lý tuân thủ theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính Phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng đến thời điểm trước khi dự án đi vào vận hành chính thức như:

- + Giảm thiểu tác động của bụi, khí thải;
- + Giảm thiểu tác động của nước thải;
- + Giảm thiểu tác động của tiếng ồn, độ rung;
- + Giảm thiểu tác động do chất thải sinh hoạt
- + Giảm thiểu tác động của chất thải nguy hại;
- + Thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó với các rủi ro, sự cố.

- Cam kết thực hiện đầy đủ các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn từ khi dự án đi vào vận hành chính thức cho đến khi kết thúc dự án như:

+ Xây dựng, lắp đặt và tiếp tục vận hành các công trình xử lý môi trường (như hệ thống xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn) đã được đề xuất cụ thể trong chương 4 của báo cáo.

- + Hệ thống thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thu gom nước thải.

- Cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu sự cố môi trường

- + Thực hiện các biện pháp phòng chống cháy nổ;
- + Thực hiện các biện pháp phòng chống sét;
- + Vận hành hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

- + Thực hiện các biện pháp an toàn về điện;
- + Thực hiện các biện pháp kiểm soát khác như trong báo cáo đề trình bày.

- Cam kết khác:

+ Cam kết thu gom xử lý toàn bộ chất thải phát sinh, không để phát tán ra môi trường.

+ Cam kết về đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra đi vào hoạt động. Cam kết xử lý các sự cố về môi trường, sự cố của hệ thống xử lý nước thải tập trung khi dự án đi vào hoạt động.

+ Trong quá trình đi vào hoạt động, chủ dự án cam kết chấp hành nghiêm chỉnh công tác bảo vệ môi trường và có phương án bảo vệ môi trường theo quy định, nếu để xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường thì Công ty phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về Môi trường.

- Cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính Phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Chủ Dự án cam kết chịu trách nhiệm trước Pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các công ước Quốc tế, các tiêu chuẩn Việt Nam và nếu để xảy ra các sự cố gây ô nhiễm môi trường, thu gom xử lý tất cả chất thải phát sinh theo đúng quy định, không xả thải trực tiếp vào môi trường.

Chúng tôi cam kết về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Kiến nghị Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Đồng Nai, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai và các cơ quan chức năng liên quan thẩm định, cấp giấy phép môi trường để dự án sớm đi vào hoạt động và đảm bảo tiến độ đầu tư dự án, góp phần mang lại những lợi ích thiết thực về phát triển kinh tế - xã hội./.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- 1- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Hợp đồng thuê nhà xưởng,.....;
- 2- Bản sao các pháp lý về nhà xưởng của đơn vị cho thuê xưởng;
- 3- Bản vẽ thiết kế cơ sở, bản vẽ bố trí mặt bằng, bản vẽ thi công các công trình bảo vệ môi trường,...;
- 4- Các pháp lý liên quan khác.

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3801184403

Đăng ký lần đầu: ngày 19 tháng 09 năm 2018

Đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 29 tháng 12 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH E-LONG (VIỆT NAM)

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: E-LONG (VIET NAM) COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: E-LONG (VIET NAM) CO.,LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô A2-1, KCN Nam Đồng Phú, Xã Đồng Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0902 807 999

Số Fax:

Thư điện tử: lawrence@e-longasia.com

Website:

3. Vốn điều lệ : 52.617.297.430 đồng.

Bằng chữ: Năm mươi hai tỷ sáu trăm mười bảy triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn bốn trăm ba mươi đồng

Tương đương 2.300.000 USD (Hai triệu, ba trăm đô la Mỹ)

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: MEGA WISDOM ENTERPRISE LIMITED

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 1432292

Ngày cấp: 18/03/2010 Nơi cấp: Cơ quan đăng ký doanh nghiệp Hồng Kông

Địa chỉ trụ sở chính: Flat/RM 18 5/F, Kinetic Industrial Centre, No.7 Wang Kwong Road, Kowloon Bay Kowloon, Hong Kong, Trung Quốc

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: SO MAN

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 31/10/1961

Quốc tịch: Việt Nam

Hộ chiếu nước ngoài: HJ2030817

Ngày cấp: 17/09/2019

Nơi cấp: Hong Kong, Trung Quốc

Chức danh: Giám đốc

Địa chỉ liên lạc: *Lô A2-1, KCN Nam Đồng Phú, Xã Đồng Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam*



SỞ TÀI CHÍNH TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 29 tháng 12 năm 2025

Số:



135708/25

GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH: Tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ trụ sở: 108 đường Hà Huy Giáp, Phường Trảng Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0948.344.768/0251.885.0777
0251 394 1718

Số Fax:

Thư điện tử: dkkd.skhdtd@dongnai.gov.vn

Website:

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH E-LONG (VIỆT NAM)

Mã số doanh nghiệp: 3801184403

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến cơ quan đăng ký kinh doanh.

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:



Người đại diện theo ủy quyền

STT	Chủ sở hữu/Cổ đông là tổ chức nước ngoài	Tên người đại diện theo ủy quyền	Quốc tịch của người đại diện theo ủy quyền	Địa chỉ liên lạc	Số định danh cá nhân/Số Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài	Vốn được ủy quyền		
						Tổng giá trị vốn được đại diện (VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm đại diện phản vốn
1	MEGA WISDOM ENTERPRISE LIMITED	SO MAN	Trung Quốc	Lô A2-1, KCN Nam Đồng Phú, Xã Đồng Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	HJ2030817	52617297430	100,000%	10/05/2021

Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): SO MAN Điện thoại: 0911707360
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: LÊ THỊ NHƯ THUY Điện thoại: 0964285697
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế: Lô A2-1, KCN Nam Đồng Phú, Xã Đồng Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam Điện thoại: 0911707360 Fax: Email: lawrence@e-longasia.com
4	Hình thức hạch toán: Hạch toán độc lập
5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày 1/1 đến ngày 31/12
6	Tổng số lao động: 200
7	Phương pháp tính thuế GTGT: Khấu trừ

Thông tin chủ sở hữu hưởng lợi

STT	Họ và Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy tờ pháp lý của cá nhân	Quốc tịch	Dân tộc	Địa chỉ liên lạc	Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp	
								Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ	Quyền chi phối
1	ISO MAN	31/10/1961	Nam	HJ2030817	Trung Quốc		Lô A2-1, KCN Nam Đồng Phú, Xã Đồng Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam		Bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng thành viên; người đại diện theo pháp luật, giám đốc hoặc tổng giám đốc của doanh nghiệp; Sửa đổi, bổ sung điều lệ của doanh nghiệp; Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; Tổ chức lại, giải thể công ty

Nơi nhận:

-CÔNG TY TNHH E-LONG (VIỆT NAM). Địa chỉ:Lô A2-1, KCN Nam Đồng Phú, Xã Đồng Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

-.....;

- Lưu: Nguyễn Thị Thúy Hằng.....

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Duy Hải

Đồng Nai, ngày 19 tháng 09 năm 2025

Số:



89254/25

THÔNG BÁO

Về cơ quan thuế quản lý trực tiếp

Kính gửi: **ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH SẢN XUẤT CÔNG TY TNHH E-LONG (VIỆT NAM)**

Địa chỉ: *Lô 31 Cụm A3, Khu Công nghiệp Đồng Xoài III, phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam*

Mã số: 00001

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH: Tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ trụ sở: 108 đường Hà Huy Giáp, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0251 885 0777

Số Fax: 0251 394 1718

Thư điện tử:
dkkd.skhdt@dongnai.gov.vn

Website:

Căn cứ thông tin do cơ quan thuế cung cấp, PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH xin thông báo cho doanh nghiệp biết thông tin về Cơ quan thuế quản lý trực tiếp như sau:

Tên cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị: **THUẾ TỈNH ĐỒNG NAI**

Đề nghị doanh nghiệp liên hệ với cơ quan thuế quản lý trực tiếp để kê khai, nộp thuế theo quy định.

Nơi nhận:

- ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH SẢN XUẤT CÔNG TY TNHH E-LONG (VIỆT NAM). Địa chỉ: Lô 31 Cụm A3, Khu Công nghiệp Đồng Xoài III, Phường Bình Phước, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

-.....;

- Lưu:

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Duy Hải

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH

Mã số địa điểm kinh doanh: 00001

Đăng ký lần đầu, ngày 19 tháng 09 năm 2025

1. Tên địa điểm kinh doanh: ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH SẢN XUẤT CÔNG TY TNHH E-LONG (VIỆT NAM)

Tên địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên địa điểm kinh doanh viết tắt:

2. Địa chỉ:

Lô 31 Cụm A3, Khu Công nghiệp Đồng Xoài III, Phường Bình Phước, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0902 807 999

Số Fax:

Thư điện tử: *lawrence@e-longasia.com*

Website:

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ, chữ đệm và tên: SO MAN

Giới tính: *Nam*

Ngày, tháng, năm sinh: *31/10/1961*

Quốc tịch: *Trung Quốc*

Số Hộ chiếu, Hộ chiếu nước ngoài, giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài: *HJ2030817*

Ngày cấp: *17/09/2019*

Nơi cấp: *Hồng Kông (Trung Quốc)*

Địa chỉ liên lạc: *Lô A2-1, KCN Nam Đồng Phú, Xã Đồng Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam*

4. Thông tin về doanh nghiệp/chi nhánh chủ quản:

Tên doanh nghiệp/chi nhánh: CÔNG TY TNHH E-LONG (VIỆT NAM)

Mã số doanh nghiệp/chi nhánh: 3801184403

Địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp/chi nhánh: *Lô A2-1, KCN Nam Đồng Phú, Xã Đồng Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Duy Hải

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 5418204170

Chứng nhận lần đầu: ngày 12 tháng 01 năm 2026

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 239/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1486/QĐ-TTg ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 23/2025/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do CÔNG TY TNHH E-LONG (VIỆT NAM) nộp ngày 29 tháng 12 năm 2025,

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP, KHU KINH TẾ TỈNH ĐỒNG NAI

Chứng nhận Nhà đầu tư đồng thời là Tổ chức kinh tế thực hiện dự án:

CÔNG TY TNHH E-LONG (VIỆT NAM); Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3801184403 đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 9 năm 2018, thay đổi lần thứ hai ngày 11 tháng 9 năm 2025 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai cấp.

Địa chỉ trụ sở: Lô A2-1, Khu công nghiệp Nam Đồng Phú, xã Đồng Phú, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại: 0902807999 Thư điện tử: lawrence@e-longasia.com.

Người đại diện: Ông SO MAN; sinh ngày 31 tháng 10 năm 1961; quốc tịch: Trung Quốc; hộ chiếu số: HJ2030817 cấp ngày 17 tháng 9 năm 2021 tại Trung Quốc; địa chỉ thường trú: Flat 309, 3/F, Hong Leong Industrial Complex, No.4 Wang Kwong Road, Kowloon Bay, Kowloon Hong Kong, China; chức danh: Giám đốc; điện thoại: 0902807999; thư điện tử: lawrence@e-longasia.com.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư:

- Tên dự án đầu tư: **NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH E-LONG (VIỆT NAM).**
- Mục tiêu và quy mô dự án:

STT	Mục tiêu	Quy mô	Mã ngành VSIC
01	Sản xuất các sản phẩm từ hạt nhựa.	100.000.000 sản phẩm/năm, tương đương 10.000 tấn sản phẩm/năm.	2220

Lưu ý: Sử dụng nguyên liệu sạch (theo Giấy phép môi trường của Khu công nghiệp Đồng Xoài III đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt).

3. Địa điểm thực hiện dự án: Thuê nhà xưởng với diện tích 6.405 m² của Công ty TNHH Jaycee tại Lô 31 cụm A3, Khu công nghiệp Đồng Xoài III, phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai.

4. Tổng vốn đầu tư của dự án: 52.300.000.000 (năm mươi hai tỷ, ba trăm triệu) đồng, tương đương 2.000.000 (hai triệu) đô la Mỹ, trong đó:

- Vốn góp để thực hiện dự án: 5.230.000.000 (năm tỷ, hai trăm ba mươi triệu) đồng, tương đương 200.000 (hai trăm nghìn) đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ 10% tổng vốn đầu tư.

Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau:

STT	Nhà đầu tư	Số vốn góp (đô la Mỹ)	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
01	CÔNG TY TNHH E-LONG (VIỆT NAM)	200.000	100	Bằng tiền	Góp đủ trong vòng 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

- Vốn huy động: 47.070.000.000 (bốn mươi bảy tỷ, không trăm bảy mươi triệu) đồng, tương đương 1.800.000 (một triệu, tám trăm nghìn) đô la Mỹ.

6. Thời hạn hoạt động của dự án: Đến hết ngày 04 tháng 8 năm 2066.

7. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

a) Tiến độ góp vốn và dự kiến huy động các nguồn vốn:

- Vốn góp: Nhà đầu tư CÔNG TY TNHH E-LONG (VIỆT NAM) dự kiến góp đủ 5.230.000.000 (năm tỷ, hai trăm ba mươi triệu) đồng, tương đương 200.000 (hai trăm nghìn) đô la Mỹ trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

- Vốn huy động: 47.070.000.000 (bốn mươi bảy tỷ, không trăm bảy mươi triệu) đồng, tương đương 1.800.000 (một triệu, tám trăm nghìn) đô la Mỹ dự kiến huy động đến quý IV năm 2026.

b) Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động chủ yếu của dự án đầu tư: Dự kiến đi vào hoạt động từ tháng 6 năm 2026.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư:

1. Thuế thu nhập doanh nghiệp: Theo quy định về Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

2. Thuế nhập khẩu và các loại thuế khác: Theo quy định tại thời điểm nộp thuế.

Điều 3: Các quy định đối với Nhà đầu tư; Tổ chức kinh tế thực hiện dự án:

1. Thực hiện thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng và báo cáo định kỳ trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Triển khai dự án đầu tư theo mục tiêu, nội dung, tiến độ cam kết và tuân thủ các quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, các quy định pháp luật về

đầu tư, quy hoạch, đất đai, môi trường, xây dựng, lao động và pháp luật liên quan trong quá trình triển khai dự án.

3. Trường hợp thay đổi địa điểm thực hiện dự án, doanh nghiệp cần thông báo và phải được sự chấp thuận, ghi nhận trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; Nhà đầu tư CÔNG TY TNHH E-LONG (VIỆT NAM) được cấp 01 (một) bản và 01 (một) bản lưu tại Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, ĐT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Minh Chiến

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

越南社会主义共和国

独立-自由-幸福

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC 原则性合同

V/v: Cho thuê nhà xưởng

关于：厂房租赁

Số 编号:

- Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;
根据 2005 年 6 月 14 日颁布的民法；
- Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;
根据 2013 年 11 月 29 日颁布的土地法；
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;
根据 2014 年 11 月 26 日颁布的企业法；
- Căn cứ Quyết Định số 82/QĐ-BXD ngày 14/01/2009 của Bộ Xây dựng về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết khu công nghiệp Đồng Xoài III
根据建设部 2009 年 01 月 14 日颁布关于批准同帅工业区 III 详细规划的第 82/QĐ-BXD 号决定；

- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên:
基于双方的能力和需求：

Hôm nay, Ngày 8 tháng 7 năm 2025 Chúng tôi gồm:

今日，2025 年 7 月 8 日，我们包括：

I. BÊN CHO THUÊ NHÀ XƯỞNG (Gọi tắt là Bên A)

厂房出租方（简称甲方）

Bên A: CÔNG TY TNHH JAYCEE

甲方：俊兴责任有限公司

Địa chỉ: Lô 31Cụm A3, KCN Đồng Xoài III, Xã Tiến Hưng, Thành Phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước.

地址：平福省同帅市进兴社同帅 III 工业园 A3 区 31 号。

Điện thoại 电话: 0963682508

Mã số thuế 税号: 3801269350

Số tài khoản 银行账号: 28188668 ACB-PGD TÂN UYÊN

Người đại diện: YANG QIAN EN

Chức vụ: Giám đốc.

代表: 杨乾恩

职务: 经理

Quốc tịch: TRUNG QUỐC

国籍: 中国

Số hộ chiếu: E99826035

护照号: E99826035

Nơi cấp: TRUNG QUỐC

签发机构: 中华人民共和国

Ngày cấp: 05/07/2017

签发日期: 2017 年 7 月 5 日

II. BÊN THUÊ NHÀ XƯỞNG (Gọi tắt là Bên B)

厂房承租方 (简称乙方)

Bên B: CÔNG TY TNHH E - LONG (VIỆT NAM)

甲方: 怡隆(越南)有限公司

Địa chỉ: Lô A2-1, KCN Nam Đồng Phú, Xã Tân Lập, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

地址: 越南平福省同富县新立社南同富工业区 A2-1 号

Điện thoại 电话: 0902 807 999

Mã số thuế 税号: 3801237366

Người đại diện: (Ông) SO MAN

Chức vụ: Giám Đốc

代表: SO MAN 先生

职务: 经理

Quốc Tịch: HONG KONG, TRUNG QUỐC

国籍: 中国, 香港

Số hộ chiếu: HJ2030817

Ngày cấp: 17/9/2019

护照号: HJ2030817

签发日期: 2019 年 9 月 17 日

Nơi cấp: Chính quyền Đặc Khu Hành Chính Hồng Kông (HongKong Sar)

签发机构: 香港特别行政区政府

Sau khi bàn bạc hai bên cùng thỏa thuận ký hợp đồng cho thuê nhà xưởng và các công trình phụ với các điều khoản và điều kiện quy định như sau:

经双方协商, 双方同意签订厂房及附属工程租赁合同, 条款及条件如下:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG

第一条: 内容

1.1 Bên B đồng ý thuê nhà xưởng xây sẵn và các công trình phụ liên quan từ Bên A và Bên A cũng đồng ý cho Bên B thuê nhà xưởng xây dựng sẵn và các công trình phụ với các đặc điểm như sau:

乙方同意从甲方处租赁现成厂房及相关附属工程, 甲方亦同意向乙方出租具有以下特点的现成厂房及附属工程:

1.1.1 Tổng diện tích nhà xưởng là: 10,617.20 m² (Mười ngàn sáu trăm mười bảy phẩy hai mét vuông). Trong đó diện tích sàn xưởng xây dựng là 6,405 m², Diện tích văn phòng sàn xây dựng là 648 m², nhà ăn, nhà để xe, bảo vệ là 118m²...

1.1.2 Địa điểm: 地点: : Lô 31Cụm A3, KCN Đồng Xoài III, Xã Tiến Hưng, Thành Phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước.

1.1.3 平福省同帅市进兴社同帅 III 工业园 A3 区 31 号。

1.1.4 Nhà xưởng được xây sẵn bao gồm các hạng mục phụ khác như: hệ thống cung cấp nước sạch và hệ thống phòng cháy chữa cháy xung quanh nhà xưởng theo tiêu chuẩn đã được cơ quan tỉnh Bình Phước cấp phép. Hệ thống thoát nước mưa và nước thải, hệ thống đường giao thông nội bộ và cây xanh theo hiện trạng chung của KCN Đồng Xoài III kèm các hạng mục chức năng khác.

现成厂房包括其他辅助项目, 如: 符合平福省有关机构批准的标准的厂房周围的清洁供水系统和消防系统。根据同帅 III 工业区一般状况的雨水和污水排放系统、内部道路系统和树木以及其他功能项目。

1.1.5 Mục đích Bên B thuê nhà xưởng của Bên A là để phục vụ cho việc hoạt động sản xuất mang tính chất ngành công nghiệp ít ô nhiễm theo phân khu chức năng là đất dành cho khu công nghiệp ít ô nhiễm của bản quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt cho KCN Đồng Xoài III.

乙方从甲方承租厂房的目的是为低污染产业的生产活动服务，基于经批准的统帅工业区详细规划的低污染产业用地的功能分区。

1.2 Thời hạn cho thuê: Bên A cho Bên B thuê nhà xưởng, các công trình phụ nêu trên trong thời hạn 5 (năm) năm từ ngày tháng năm 2025 đến ngày tháng năm . Do bên A vẫn chưa hoàn tất các giấy tờ, tạm thời xác định thời gian bắt đầu thuê là ngày 1 tháng 9 năm 2025. Bên A cung cấp 1 tháng miễn tiền thuê nhà xưởng, một tháng kể từ khi bắt đầu thuê. Nếu Bên A chậm trễ trong việc xin và cung cấp đủ các giấy chứng nhận và giấy phép, thời hạn thuê sẽ được hoãn lại cho đến ngày cung cấp đủ các giấy chứng nhận và giấy phép. Khi hết thời hạn thuê, Bên B phải có trách nhiệm hoàn trả lại toàn bộ nhà xưởng cho Bên A theo nguyên trạng ban đầu.

租赁期限：甲方将上述厂房及附属工程出租给乙方，租赁期限为 5（五）年，自 2025 年 月 日 至 年 月 日。由于甲方仍未办齐证照，暂定起租期为 2025 年 9 月 1 日，甲方提供 1 个月免租期，由起租期开始计算一个月，若甲方办理及提供证照时间推迟，起租期顺延至提供齐全证照时间为准。租赁期满，乙方需将厂房内的设备全部搬出，因乙方承租厂房后，对厂房部分建筑进行改造后其添附于厂房表面的物体（例如瓷砖、墙面的漆体等附着于厂房面表面的凝固物体）在乙方搬移后，无需将其复原至甲方承租给乙方最初的状态。乙方仅需将厂房内的设备全部搬移，有破损的地方，由乙方将其修缮，修缮的材料费用按照当地市场统一物价标准进行修缮或购买修缮物。乙方修缮恢复后，甲方允许修缮后的状态同修缮前的状态有所差异，只要不影响使用即可。

1.3 Nếu Bên B có nhu cầu gia hạn Hợp đồng thuê, Bên B phải thông báo bằng văn bản cho Bên A ít nhất 03 (ba) tháng trước ngày kết thúc Hợp đồng, Bên A sẽ xem xét việc tiếp tục cho Bên B thuê theo giá mới do hai bên thỏa thuận.

如果乙方希望延长租赁合同，乙方必须在合同到期前至少 03（三）个月以书面形式通知甲方，乙方有无条件续租权，如乙方需要继续续租的，甲方必须无理由同意，如乙方在续租前、续租期间、或在租期到期前的 3 个月内同意继续续租的，甲方不得将房租出租给第三人或售卖至第三人，如甲方违反本条约定，甲方应当向乙方承担本合同百分之八十的违约金，因甲方的此项行为导致乙方不能继续生产，导致乙方向第三方履行不能，产生的各项违约金以及赔偿金，费用由甲方承担。乙方搬移生产线的费用包括设备货物的运输费用等均由甲方承担。

1.4 Vào ngày hết hạn thuê nhà xưởng và các công trình phụ, Bên B phải di chuyển và tháo dỡ toàn bộ các trang thiết bị mà Bên B đã lắp đặt bên trong nhà xưởng để trả lại cho Bên A. Khi đó nếu nhà xưởng, các công trình phụ và các công trình xung quanh nhà xưởng cho thuê đã bị hư hại mà lỗi do Bên B gây ra, Bên A có quyền đòi Bên B bồi thường thiệt hại và yêu cầu Bên B sửa chữa lại các vị trí mà Bên B làm hư. Nếu Bên B không bồi thường hoặc không sửa chữa các hạng mục đã bị hư hại do Bên B gây ra thì Bên A sẽ trừ vào tiền đặt cọc.

在厂房及附属工程租赁期满之日，乙方须将乙方在厂房内安装的所有设备搬迁和拆除，以及将厂房归还给甲方。届时，若因乙方的过错造成厂房、附属工程及厂房周边的工程发生损坏的，由乙方负责修缮，若乙方不赔偿或不修复因乙方的过错造成损坏的工程项目，则甲方将从押金中扣除此款项，扣除的费用按照市场标准修缮价格以及修缮所需要购得的物件价格按照厂房内原物件的价格标准购买，如厂房内原物件的物体费无法评估，按照市场标准价格进行购买。

2693

ÔNG
TNH
AYC

XOÀI

ĐỒNG XOÀI

1.5 Các hạng mục trong nhà xưởng sẽ do Bên B tự mua sắm và lắp đặt, trước khi lắp đặt hoặc chỉnh sửa bất kỳ hạng mục nào bên trong nhà xưởng mà Bên B đã thuê, Bên B phải thông báo cho Bên A biết và phải được sự đồng ý của Bên A bằng văn bản

厂房内的各项设施将由乙方自行采购并安装。在安装或改造乙方所租赁厂房内的任何设施之前，乙方必须通知甲方，并须获得甲方的书面同意。

1.6 Trường hợp vì lý do nào đó mà Bên B muốn chấm dứt hợp đồng thuê nhà xưởng trước thời hạn thì khi đó Bên B phải chịu mất 100% (một trăm phần trăm) số tiền đã đặt cọc cho Bên A.

如乙方因故想要提前解除厂房租赁合同，则乙方须损失 100%（百分之百）的定金给甲方。

1.7 Khi Bên B bị giải thể, phá sản trước thời hạn hoặc Hợp đồng bị Bên A chấm dứt theo Điều 1.6 thì Bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường các thiệt hại đã gây ra cho Bên A. Trong trường hợp này Bên A không phải trả lại cho Bên B số tiền đặt cọc đã nêu tại Điều 3.2.1

在合同有效期内，若乙方解散、破产或甲方根据本合同第 1.6 条的规定解除合同，乙方负责赔偿其给甲方造成的损失。在此情况下，甲方不必向乙方返还第 3.2.1 条所述的押金。

ĐIỀU 2: GIÁ THUÊ

第二条：租赁价格

2.1 Giá thuê nhà xưởng hàng tháng: Giá trị của khoản tiền thuê trả hàng tháng trong hai năm đầu được tính với giá trị tương đương là 2.5 USD (Bằng chữ: Hai phẩy năm đô la Mỹ) nhân cho tổng số mét vuông nhà xưởng đã thuê. Công thêm giá trị tương đương 3.5 USD (Bằng chữ: Ba phẩy năm đô la Mỹ) nhân cho tổng diện tích xây dựng sàn văn phòng. Cụ thể như sau:

$(2.5 \text{ USD/m}^2/\text{tháng} \times 6,405 \text{ m}^2) + (3.5 \text{ USD/m}^2/\text{tháng} \times 648 \text{ m}^2) = 18,280.5 \text{ USD/tháng}$

每月厂房租金：前两年的月租金价值等于 2.5 美元（大写：二点五美元）乘以所租用厂房的总平方米数，加上 3.5 美元（大写：三点五美元）乘以文房的总面积。具体如下：

$2.5 \text{ 美元/平方米/月} \times 6,405 \text{ 平方米} + 3.5 \text{ 美元/平方米/月} \times 648 \text{ 平方米} = 18,280.5 \text{ 美元/月}$

Giá này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT) 10%.

此价格不包含 10% 的增值税 (VAT)。

Tổng giá trị giá thuê nhà xưởng mỗi tháng được quy đổi theo tỷ giá ngoại hối (tỷ giá bán ra) của Ngân hàng VIETCOMBANK tại thời điểm thanh toán.

每月厂房租金总价值按照付款时越南外贸股份商业银行 (VIETCOMBANK) 的外汇汇率（卖出价）进行换算。

2.3 Giá thuê này được giữ nguyên trong hai năm đầu. Bắt đầu từ năm thứ ba kể từ ngày ký hợp đồng giá thuê sẽ được tính là 2.75 USD (Bằng chữ: Hai phẩy bảy mươi lăm) cho mỗi tháng nhân cho tổng số mét vuông nhà xưởng đã thuê Công thêm giá trị tương đương 3.85 USD (Bằng chữ: Ba phẩy tám mươi lăm) nhân cho tổng diện tích sàn của văn phòng.

此租金在头两年维持不变。自签订租约之日起的第三年开始，租金将按每月 2.75 美元

（大写：二点七五美元）乘以出租房屋的总平方米计算 加上相当于 3.85 美元（大写：三点八五美元）乘以文房总面积。

2.4 Bên B phải mua bảo hiểm nhà xưởng, trong đó bên thụ hưởng cuối cùng là Bên đã tài trợ vốn cho bên A thực hiện dự án (Ngân hàng cho vay):

甲方必须为厂房购买保险，最终受益人为赞助甲方实施项目的一方。

2.5 Phí cơ sở hạ tầng (Phí quản lý Khu Công nghiệp) do Bên B chịu trách nhiệm thanh toán theo thông báo của Ban quản lý Khu công nghiệp Đồng Xoài.

基础设施费(工业区管理费)由乙方根据同帅工业园区管理委员会的通知缴纳。

2.6 Tiền điện, nước cấp, viễn thông và xử lý rác thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp định kỳ sẽ

được Bên B thanh toán cho các đơn vị liên quan trong việc cung cấp các dịch vụ này. Đây được xem là dịch vụ khác ngoài giá tiền thuê nhà xưởng.

对于电费、供水费、通讯费、生活垃圾和工业废水处理费，由乙方定期向提供这些服务的相关单位付款。这被视为厂房租金以外的服务。

2.7 Trong thời gian thuê bên B có nghĩa vụ phân công người có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, bảo trì hệ thống phòng cháy chữa cháy đảm bảo cho hệ thống luôn trong trạng thái sẵn sàng hoạt động.

租赁期间，乙方有义务指派专人定期对消防系统进行检查、维护，确保系统始终处于运行就绪状态。

ĐIỀU 3: THANH TOÁN

第三条：付款

3.1 Tất cả những thanh toán hay tiền hoàn trả sẽ được thực hiện với giá trị tương đương bằng tiền Việt Nam Đồng được quy đổi theo tỷ giá ngoại hối (tỷ giá bán ra) của Ngân hàng người nhận tại mỗi thời điểm thanh toán. Phí chuyển tiền sẽ do người chuyển tự thanh toán.

所有付款或退款将在每次付款时按收款银行的外汇汇率（卖出汇率）折算成等值的越南盾。汇款费用由汇款人支付。

3.2 Bên B phải trả tiền thuê nhà xưởng cho Bên A như sau:

乙方必须按如下方式向甲方支付厂房租金：

3.2.1 Tiền đặt cọc: Bên B phải thanh toán cho Bên A theo lộ trình như sau:

押金：乙方须按以下进度向甲方支付：

Bên B phải thanh toán tiền đặt cọc cho Bên A 06 (sáu) tháng tiền thuê nhà xưởng với số tiền được tính như sau:

乙方必须向甲方支付等于厂房 06（六）个月的押金，金额计算如下：

Tiền cọc được tính giá trị tương đương 2.5USD (Hai phẩy năm đô la Mỹ) cho mỗi mét vuông nhà xưởng thuê cộng thêm giá trị tương đương 3.5USD (ba phẩy năm đô la Mỹ) nhân tổng diện tích sàn của văn phòng trong vòng 6 tháng. Cụ thể như sau:

押金按租用厂房每平方米为 2.5 USD（二点五美元）加上 3.5 USD（三点五美元）乘以文房总面积（6 个月）计算，具体如下：

【(2.5 USD/m²/tháng x 6,405m²) + (3.5USD/m²/tháng x 648 m²)】 x 6 tháng = 109,683 USD

【(2.5 美元/平方米/月 x 6,405 平方米 + 3.5 美元/平方米/月 x 648 平方米)】 x 6 个月 =

109,683 美元

Tổng giá trị tiền đặt cọc:

押金总额：

Số tiền này được quy đổi thành tiền Việt Nam Đồng theo tỷ giá ngoại hối (tỷ giá bán ra) của Ngân hàng VIETCOMBANK tại thời điểm thanh toán.

该金额按付款时越南外商银行（VIETCOMBANK）的外汇汇率（卖出汇率）换算成越南盾。

Số tiền cọc trên được chia ra làm 2 đợt thanh toán:

押金分成两期付款：

-Đợt 1 : Trong quá trình Bên B làm thủ tục xin giấy chứng nhận đầu tư , giấy phép kinh doanh chưa được phê duyệt chấp thuận , Bên B sẽ cọc trước 40% của số tiền cọc 6 tháng là 43,873.2 USD bằng tiền mặt.

第一期：在乙方办理投资证书申请手续期间，诺营业执照尚未获得批准同意，乙方将预先

支付 6 个月押金总额的 40% 为 43,873.2 美金以现金支付。

-Đợt 2 :Sau khi tất cả giấy tờ đã được phê duyệt chấp thuận , Bên B sẽ cọc 60% số tiền cọc 6 tháng còn lại là 56,809.8 USD bằng tiền mặt.

第二期：在所有文件获得审批通过后，乙方将支付剩余 6 个月押金总额的 60% 为 56,809.8 美金以现金支付。

Sau khi bên B thanh toán số tiền cọc đợt 1 cho Bên A , Bên A sẽ bàn giao nhà xưởng cho Bên B cũng như tạo điều kiện cho Bên B tiến hành vận chuyển lắp ráp thiết bị máy móc vào trong nhà xưởng

在乙方支付第一期押金给甲方后，甲方将把厂交接给乙方，乙方进行装修安装设备。

Bên B phải thanh toán số tiền cọc trong 7 ngày sau khi hợp đồng được ký, thanh toán bằng tiền mặt. Đây được coi như là tiền bảo đảm thực hiện lợp đồng và sẽ được trả lại cho Bên B sau 15 ngày khi hai bên thanh lý hợp đồng.

乙方必须在合同签订后 7 天内支付此押金。以现金支付。此款项作为合同履约保证金，并在双方解除合同后的 15 日内退还给乙方。

Vì Bên A vẫn chưa có tất cả các giấy chứng nhận và giấy phép, Bên A đồng ý rằng Bên B sẽ thanh toán 40% tiền đặt cọc trước, cho Bên B vào sửa chữa, lắp đặt. Sau khi có tất cả các giấy chứng nhận và giấy phép, Bên B sẽ thanh toán số tiền đặt cọc còn lại và xác nhận thời hạn thuê. 由于甲方仍然来办齐证照,甲方同意乙方先付 40%押金，让乙方可以先进入场地装修。等证照办齐后,乙方支付押金余款，并确定起日期。

3.2.2 Thời gian thanh toán: Tiền thuê sẽ được thanh toán trong thời gian 10 ngày cho mỗi kỳ thanh toán, từ ngày 1 tới ngày 10 hàng tháng, nếu Bên B thanh toán chậm trễ quá 30 ngày, Bên A sẽ buộc Bên B tạm ngưng sản xuất trên diện tích nhà xưởng và các công trình phụ cho tới khi Bên B thanh toán đầy đủ.

付款时间：租金付款时间为每个付款周期的 1 日至 10 日，如乙方逾期付款 30 天以上，甲方将强制乙方暂停在厂房及附属工程的生产，直至乙方全额付款。

3.2.3 Quá thời hạn thanh toán, Bên B chịu phạt với mức lãi suất là 0,8%/Tháng (không phẩy tám phần trăm cho một tháng) trên tổng số tiền quá hạn. Ngoài ra khi các khoản nợ do Bên B chưa thanh toán tiền thuê nhà xưởng cho Bên A vượt quá 50% (năm mươi phần trăm) số tiền mà Bên B đã đặt cọc cho Bên A thì Hợp đồng này xem như được thanh lý và trong thời hạn 30 ngày Bên B phải di chuyển toàn bộ thiết bị máy móc ra khỏi nhà xưởng của Bên A. Trong trường hợp Bên B vì bất cứ lý do nào mà không di chuyển máy móc thiết bị để trả lại nhà xưởng cho Bên A, gây thiệt hại tới lợi ích của bên A thì Bên A có quyền mời một bên Thứ Ba có các chức năng được pháp luật Việt Nam cho phép để thẩm định và bán đấu giá các tài sản của Bên B để bù vào thiệt hại của Bên B gây ra kể cả trường hợp không có sự hợp tác của Bên B. Nếu sau khi bán đấu giá mà số tiền còn dư Bên A sẽ hoàn trả lại cho Bên B. Nếu số tiền bán đấu giá không đủ bồi thường thiệt hại của Bên A thì bên A có quyền khởi kiện Bên B ra tòa.

若逾期付款的，乙方必须按逾期付款总额的 0.8%/月（一个月百分之零点八）的利率承担罚款。此外，当乙方未支付的厂房租金超过乙方已支付的押金的 50%（百分之五十）时，则本合同被视为清算，并在 30 天内，乙方必须将承租厂房内所有设备机械乙方必须将承租厂房内所有设备机械搬走。如乙方因任何原因不搬走机械设备以将厂房归还给甲方，造成甲方利益受损，则甲方有权委托具有越南法律允许的职能的第三方进行评估和拍卖乙方的资产，以补偿乙方造成的损失，即使乙方没有配合。如果拍卖和还债后还剩下一笔金额，甲方将把剩余的款项退还给乙方。如拍卖金额不足以赔偿甲方的损失，甲方有权将乙方告

上法庭。

3.3 Mười ngày làm việc trước khi ngày kết thúc hợp đồng thuê nhà xưởng và các công trình phụ chính thức kết thúc, cả hai bên sẽ cùng ngồi lại với nhau để thương thảo kế hoạch cho thuê nhà xưởng, văn phòng và các khoản nợ cần phải chi trả giữa các bên theo hợp đồng này.
厂房及附属工程租赁期满以及合同正式结束前十个工作日，双方将共同商定厂房、办公室的租赁方案以及双方在本合同项下应付的必要债务。

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CÁC BÊN

第四条：各方的责任

4.1 Trách nhiệm của Bên A:

甲方责任：

4.1.1 Bên A cam kết bàn giao nhà xưởng đúng thời hạn, bảo đảm quyền sử dụng nhà xưởng hợp pháp và tạo mọi điều kiện để Bên B sử dụng hiệu quả.

甲方承诺按时移交厂房，确保厂房的合法使用权，并为乙方有效使用厂房创造一切条件。

4.1.2 Tuân theo các điều khoản quy định trong hợp đồng này.

遵守本合同约定的条款。

4.1.3 Sửa chữa các hạng mục bị hư hỏng tự nhiên khi Bên B thông báo, nếu chậm trễ Bên B có quyền tạm ngưng thanh toán khi đến hạn.

在乙方通知的情况下对自然损坏的工程项目进行维修，如有延误，乙方有权在到期时暂停付款。

4.2 Trách nhiệm của Bên B

乙方的责任

4.2.1 Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho các khoản tiền như đã nêu trong hợp đồng này.

按时足额支付本合同约定的款项。

4.2.2 Tuân thủ các điều khoản quy định trong hợp đồng này.

遵守本合同约定的条款。

4.2.4 Cam kết thuê nhà xưởng và sử dụng đúng theo quy định đảm bảo ngành nghề phù hợp với quy hoạch và phát triển của khu công nghiệp Đồng Xoài III, không gây ô nhiễm môi trường chung quanh.

承诺按正确的用途租用厂房和使用，保证产业符合同帅工业园区 III 的规划发展，不对周边环境造成污染。

ĐIỀU 5: THỜI GIAN HỢP ĐỒNG

第五条：合同的有效期

5.1 Thời gian thuê nhà xưởng là 5 (năm) năm, tính từ ngày 1 tháng 8 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2030.

厂房租赁期为 5（五）年，自 2025 年 8 月 1 日至 2030 年 7 月 31 日止

Tiền thuê nhà xưởng sẽ được tính từ ngày 01 tháng 9 năm 2025.

厂房租金将从 2025 年 9 月 1 日开始计算。

5.2 Ngày hiệu lực của hợp đồng này là ngày ký hợp đồng như đã ghi ở trên.

本合同的生效日期为上述合同签订之日。

ĐIỀU 6: SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG

第六条：不可抗力

6.1. Việc không thực hiện hay chậm trễ thực hiện các nghĩa vụ của một Bên trong hợp đồng sẽ không bị xem là vi phạm hợp đồng và được miễn trừ trách nhiệm nếu xảy ra do các sự kiện bất khả kháng theo quy định của pháp luật. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách



quan mà mỗi Bên hoặc các Bên trong hợp đồng này không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Các trường hợp sau được xem là sự kiện bất khả kháng:

一方未能履行或延迟履行本合同项下的义务，不视为违约，如因法律规定的不可抗力事件造成，则该方应免除责任。不可抗力是指客观发生的，本合同任何一方或多方均不能预见的，并且尽管采取一切必要和可能的措施仍无法克服的事件。以下情况被视为不可抗力事件：

a.Do chiến tranh hoặc do thiên tai, hỏa hoạn, bạo động, đình công, dịch bệnh hoặc bất kỳ sự kiện nào khác nằm ngoài phạm vi kiểm soát của con người.

由于战争或自然灾害，火灾，暴乱，罢工，流行病或其他任何非人力可控制的事件。

b.Do quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ảnh hưởng đến việc thực hiện Hợp đồng. 由于国家主管部门的决定影响了合同的履行。

c.Những trường hợp Bên B không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép hoạt động tại nhà xưởng cho thuê (bao gồm: Giấy phép PCCC, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy phép môi trường) mà không do lỗi của Bên A hoặc Bên B được coi là trường hợp bất khả kháng và các bên thống nhất chấm dứt Hợp đồng kể từ ngày Bên B xác định được việc không được cấp phép và các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận.

如果非因甲方或乙方的过错，导致乙方未获得国家主管部门颁发的在租赁工厂经营的许可证（包括：消防许可证，投资登记证，营业登记证，环境许可证），则视为不可抗力，双方同意自乙方认定未颁发许可证之日起解除合同，并相互退还已获得的款项。

d.Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

法律规定的其他情形。

6.2.Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, Bên gặp sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ thông báo cho Bên kia bằng văn bản hoặc thông báo trực tiếp trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng và phải đồng thời cung cấp các văn kiện chứng nhận thực tế, xác nhận các chi tiết của sự cố gặp phải và nêu lý do trì hoãn của việc thực hiện hợp đồng.

发生不可抗力事件时，遭遇不可抗力事件的一方有义务在不可抗力事件发生之日起3个工作日内以书面形式或直接通知另一方，并同时提供证明事实的文件，确认所遭遇事件的细节，并说明延迟履行合同的原因。

6.3.Việc thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng của các Bên sẽ được tạm dừng trong thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng. Các Bên sẽ tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình sau khi sự kiện bất khả kháng chấm dứt.

发生不可抗力事件时，双方合同义务的履行应当暂停。不可抗力事件结束后，双方仍应继续履行其义务

ĐIỀU 7: CAM KẾT CHUNG

第六条：一般承诺

7.1 Việc giao kết hợp đồng này là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không ép buộc.

本合同的订立时各方纯属自愿，非受骗，非被迫。

7.2 Tính cách vô hiệu của một điều khoản bất kỳ nào của hợp đồng này sẽ không ảnh hưởng tới hiệu lực của những điều khoản khác trong hợp đồng.

本合同任何条款的无效将不影响本合同其他条款的效力。

7.3 Tính hiệu lực, việc suy diễn đến thực thi hợp đồng này cùng những phụ lục đính kèm của hợp đồng này sẽ được chi phối bởi những điều luật được xuất bản và phổ biến rộng rãi của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

本合同及其附录的有效性和推论性受越南社会主义共和国公布和广泛流通的法律法规的管辖。

7.4 Mọi văn bản hay liên lạc bằng văn bản mà một bên phải gửi cho bên kia thể hiện theo quy định của hợp đồng này, bao gồm bất kỳ những lời đề nghị, văn kiện hay thông báo sẽ được soạn bằng tiếng Việt và gửi đi bằng thư đảm bảo theo địa chỉ bên kia, hay bằng fax có biên nhận, hoặc bằng thư tay có biên nhận, ngày nhận thông báo gửi đảm bảo sẽ được tính theo dấu bưu điện. Những địa chỉ được sử dụng để gửi là những địa chỉ nêu trên của hợp đồng này.

一方必须根据本合同的规定发送给另一方的所有书面文件或信件，包括任何建议、文件或通知，均应以越南语编制并通过挂号信寄往另一方的地址，或通过传真（附收据）或手写邮寄（附收据），收到挂号信的日期以邮戳为准。送达的地址是本合同上述的地址。

7.5 Mọi thay đổi hoặc sửa đổi trong hợp đồng này nếu có sẽ chỉ có hiệu lực khi thể hiện bằng văn bản mang chữ ký của đại diện hai bên.

本合同的任何变更或修改（如有）只有在经双方代表签字并以书面形式作出后方能生效。

7.6 Trong trường hợp có tranh chấp xuất phát hay liên quan tới hiệu lực, việc suy diễn hay thực thi hợp đồng này, trước mắt các bên sẽ giải quyết các tranh chấp đó thông qua những cuộc tham khảo hữu nghị. Nếu vẫn không thể giải quyết được thì vụ việc sẽ được chuyển đến Tòa Án Nhân Dân Tỉnh Bình Phước để giải quyết theo quy định của pháp luật. Kết luận cuối cùng của Tòa Án sẽ có hiệu lực chung đối với hai bên, bên thua kiện sẽ phải chi trả chi phí có liên quan tới việc kiện tụng.

如因本合同的效力、推论或履行发生任何争议，双方应立即友好协商解决。如仍不能解决，案件将移送平福省人民法院依法处理。法院的最终裁决对双方均有约束力，败诉方须支付与诉讼相关的费用。

7.7 Hợp đồng này được lập thành 04(bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản, có giá trị pháp lý như nhau.

本合同越南文一式 04（四）份，双方各执 02（二）份，具有同等法律效力。

ĐẠI DIỆN BÊN A

甲方代表

(ký, ghi rõ họ tên)



yang qian en

ĐẠI DIỆN BÊN B

乙方代表

(ký, ghi rõ họ tên)



SO MAN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất:

Công ty TNHH Jaycee

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 3801269350, do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp đăng ký lần đầu ngày 22/02/2022

2. Thông tin thửa đất:

a. Thửa đất số: 31 ; tờ bản đồ số: 274 b. Diện tích: 10617,2 m²

c. Loại đất: Đất khu công nghiệp

d. Thời hạn sử dụng: Đến ngày 04/08/2066

đ. Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

e. Địa chỉ: phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai

3. Thông tin tài sản gắn liền với đất:

Tên tài sản: Nhà máy sản xuất

Thông tin chi tiết của các tài sản được thể hiện tại mã QR của Giấy chứng nhận 

Đồng Nai, ngày 08 tháng 12 năm 2025

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH ĐỒNG NAI
GIÁM ĐỐC

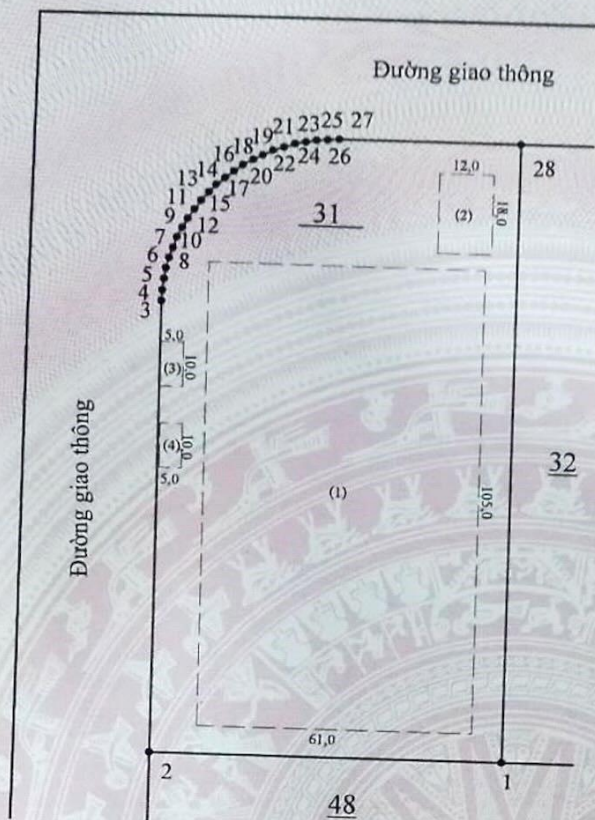


AA 01679860

Lê Thanh Tuấn

Thông tin chi tiết được thể hiện tại mã QR.

4. Sơ đồ thửa đất, tài sản gắn liền với đất:



Số hiệu đỉnh thửa	Chiều dài (m)
1	78,29
2	102,13
3	2,47
4	2,48
5	2,47
6	2,47
7	2,47
8	2,48
9	2,47
10	2,47
11	2,47
12	2,48
13	2,47
14	2,48
15	2,47
16	2,48
17	2,47
18	2,47
19	2,47
20	2,47
21	2,48
22	2,48
23	2,47
24	2,47
25	2,47
26	2,47
27	2,47
28	39,97
1	139,79

5. Ghi chú:

6. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận:

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Ngày 08 tháng 10 năm 2025: Chuyển nội dung đăng ký thế chấp từ Giấy chứng nhận số DE856156 ngày 31/05/2022 như sau: Đã đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Bình Phước, theo hồ sơ số 001445.TC.002./.	GIẤY CHỨNG NHẬN VÀ MÔI TRƯỜNG VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI IVN Lê Thanh Tuấn

Số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: VP.604.....

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

Bình Phước, ngày 4 tháng 10 năm 2024

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số : .39../GPXD

1. Cấp cho Công ty TNHH Jaycee.

- Địa chỉ: Lô 31 Cụm A3, Khu công nghiệp Đồng Xoài III, xã Tiên Hưng, thành phố Đồng Xoài tỉnh Bình Phước.

2. Được phép xây dựng các công trình thuộc dự án: “Nhà máy Công ty TNHH Jaycee”.

- Theo bản vẽ thiết kế xây dựng đã được Công ty TNHH Jaycee phê duyệt tại Quyết định số 03/2024/QĐ ngày 27/09/2024 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình dự án Nhà máy của máy Công ty TNHH Jaycee

2.1. Nhà thầu khảo sát địa chất: Công ty TNHH Công nghệ Kỹ thuật Xây dựng Sài Gòn, chứng chỉ năng lực hoạt động số DON-00055065 do Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai cấp ngày 31/05/2021;

Chủ trì khảo sát địa chất: KS. Phạm Văn Quân, chứng chỉ hàng nghề hoạt động xây dựng số: BXD-00074699 do Cục quản lý hoạt động Xây dựng Bộ Xây dựng ngày cấp 16/10/2019

2.2. Đơn vị thiết kế: Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Dehouse, Chứng chỉ năng lực hoạt động số BDG-00026515 do Sở Xây dựng Bình Dương cấp ngày 23/5/2019;

- Chủ trì thiết kế kiến trúc: KTS Trần Minh Đức, chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số HCM-00000434 do Sở Quy hoạch Kiến trúc tp. HCM cấp ngày 12/7/2022;

- Chủ trì thiết kế kết cấu: KS. Nguyễn Ngọc Dũng, chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số HCM-00080654 do Sở Xây dựng thành phố HCM cấp ngày 25/12/2019;

- Chủ trì thiết kế cấp thoát nước: KS. Đỗ Văn Giáp, chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số HAD-00084374 do Sở Xây dựng tỉnh Hải Dương cấp ngày 05/02/2020.

- Chủ trì thiết kế điện: KS. Lê Trọng Đức, chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số HAD-00103644 do Sở Xây dựng tỉnh Hải Dương cấp ngày 17/09/2020.

2.3. Đơn vị thẩm tra: Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng Công ty TNHH TV-TK-XD Việt Trung Tiến, chứng chỉ năng lực hoạt động số: BDG -00047720 do Sở Xây dựng Bình Dương cấp ngày 29/10/2020;

- Chủ trì kiến trúc: KTS. Võ Doãn Đức, chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số: HCM-00001659 do Sở Quy hoạch Kiến trúc thành phố HCM cấp ngày 16/5/2023;

- Chủ trì kết cấu: KS Nguyễn Văn Xịn, chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số HCM-00181512 do Sở Xây dựng TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 06/01/2021;

- Vị trí xây dựng: Lô 31 Cụm A3, Khu công nghiệp Đồng Xoài III, xã Tiên Hưng, thành phố Đồng Xoài tỉnh Bình Phước.

- Chỉ giới xây dựng:

- + Cách 17m tính từ tim đường số 5.
- + Cách 17m tính từ tim đường số 6.
- + Tổng số công trình: 10 hạng mục công trình.

3. Quy mô công trình:

3.1 Nhà xưởng: 01 nhà

- Loại, cấp công trình: Công trình công nghiệp, cấp III.
- Số tầng: 01 tầng
- Diện tích xây dựng: $105\text{m} \times 61\text{m} = 6.405\text{m}^2$.
- Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): - 0,20m.
- Chiều cao công trình (tính từ cốt sân): +12,4m.
- Giải pháp kết cấu: Móng cột, dầm bê tông cốt thép. Khung kèo bằng thép hình hình tổ hợp + mái lợp tôn. Tường xây gạch cao đến mái, trát vữa sơn nước hoàn thiện, nền bằng bê tông.

3.2 Nhà văn phòng: 01 nhà

- Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.
- Số tầng: 03 tầng
- Diện tích xây dựng: $18\text{m} \times 12\text{m} = 216\text{m}^2$.
- Tổng diện tích sàn xây dựng: $18\text{m} \times 12\text{m} \times 3 \text{ tầng} = 648\text{m}^2$.
- Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): -0,45m.
- Chiều cao công trình (tính từ cốt sân): +15,25m.
- Giải pháp kết cấu: Móng, cột, dầm, sàn, bằng bê tông cốt thép, tường gạch 200mm, trát xi măng, sơn nước hoàn thiện, mái bằng bê tông cốt thép.

3.3 Nhà bảo vệ: 01 nhà

- Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.
- Số tầng: 01 tầng.
- Diện tích xây dựng: $4,5\text{m} \times 5\text{m} = 22,5\text{m}^2$.
- Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): -0,20m.

- Chiều cao công trình (tính từ cốt sàn): 3,7m.
- Giải pháp kết cấu: Móng, cột, dầm, sàn bằng bê tông cốt thép, tường gạch 200mm, trát xi măng, sơn nước hoàn thiện.

3.4 Nhà xe: 01 nhà

- Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng.
- Diện tích xây dựng: $10\text{m} \times 5\text{m} = 50\text{m}^2$.
- Cốt nền công trình (tính từ cốt sàn): - 0,10m.
- Chiều cao công trình (tính từ cốt sàn): 3,2m.
- Giải pháp kết cấu: Móng + Nền bê tông cốt thép, cột thép, xà gồ thép, mái tôn.

3.5 Nhà ăn: 01 nhà

- Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.
- Số tầng: 01 tầng
- Diện tích xây dựng: $5\text{m} \times 10\text{m} = 50\text{m}^2$.
- Cốt nền công trình (tính từ cốt sàn): - 0,20m.
- Chiều cao công trình (tính từ cốt sàn): 3,4m.
- Giải pháp kết cấu: Móng cột, dầm bê tông cốt thép. Khung kèo bằng thép hình hình tổ hợp + mái lợp tôn. Tường xây gạch cao đến mái, trát vữa sơn nước hoàn thiện, nền bằng bê tông.

3.6 Hồ PCCC: 01 công trình

- Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật
- Diện tích xây dựng: $36\text{m} \times 5\text{m} = 180\text{m}^2$.
- Cốt nền công trình (tính từ cốt sàn): +0,0m.
- Thể tích xây dựng: $36\text{m} \times 5\text{m} \times 4,55\text{m} = 819\text{m}^3$
- Giải pháp kết cấu: Đáy, vách, nắp bể bằng bê tông cốt thép.

3.7 Nhà bơm: 01 nhà

- Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật
- Số tầng: 01 tầng
- Diện tích xây dựng: $5\text{m} \times 4\text{m} = 20\text{m}^2$.
- Chiều cao công trình (tính từ cốt sàn): 3,4m
- Cốt nền công trình (tính từ cốt sàn): -0,20m.
- Giải pháp kết cấu: Nền bê tông cốt thép, cột thép, xà gồ thép, mái tôn.

3.8 Trạm điện: 01 công trình

- Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật.
- Số tầng: 01 tầng.

- Diện tích xây dựng: $4\text{m} \times 4\text{m} = 16\text{m}^2$.
- Chiều cao công trình: 2m
- Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): 0,20m.
- Giải pháp kết cấu: Nền bê tông cốt thép, lưới bao quanh B40.

3.9 Nhà rác (Nhà chứa chất thải rắn): 01 nhà

- Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp IV.
- Số tầng: 01 tầng.
- Diện tích xây dựng: $10\text{m} \times 5\text{m} = 50\text{m}^2$.
- Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): -0,20m
- Chiều cao công trình (tính từ cốt sân): 3,4m
- Giải pháp kết cấu: Móng, cột, dầm, bằng bê tông cốt thép, tường gạch 200mm, trát xi măng, sơn nước hoàn thiện, cột, kèo thép, xà gồ thép, mái tôn.

3.10 Nhà vệ sinh: 01 nhà

- Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp IV.
- Số tầng: 01 tầng.
- Diện tích xây dựng: $3\text{m} \times 7\text{m} = 21\text{m}^2$.
- Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): -0,20m
- Chiều cao công trình (tính từ cốt sân): 3,4m
- Giải pháp kết cấu: Móng, cột, dầm, bằng bê tông cốt thép, tường gạch 200mm, trát xi măng, sơn nước hoàn thiện, cột, kèo thép, xà gồ thép, mái tôn.

* Ngoài ra công trình còn có các hạng mục: Hệ thống cấp điện; hệ thống cấp thoát nước; hệ thống chống sét; hệ thống PCCC; sân đường nội bộ; hàng rào và cây xanh.

4. Giấy tờ về quyền sử dụng đất và các hồ sơ khác:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Công ty TNHH Jaycee số CT 40140 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh cấp ngày 31/5/2022.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Jaycee số 3801269350 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp đăng ký thay đổi lần đầu ngày 22 tháng 02 năm 2022.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 81703187764 do Ban Quản lý Khu kinh tế cấp chứng nhận lần đầu ngày 24 tháng 01 năm 2022, chứng nhận điều chỉnh lần thứ nhất ngày 05 tháng 09 năm 2023.

- Quyết định số 120/QĐ-BQL ngày 13/08/2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết theo quy trình rút gọn (*Quy hoạch tổng mặt bằng*) dự án: Dự án của Công ty TNHH Jaycee tại Lô 31 Cụm A3, Khu công nghiệp Đồng Xoài III, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình

Phước, Việt Nam.

- Công văn số 1719/BQL-QHXDTNMT ngày 26/9/2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi ĐTXD xây dựng: “Dự án của Công ty TNHH Jaycee” tại KCN Đồng Xoài III.

- Công văn số 127/TP-PCCC ngày 02/8/2024 thẩm duyệt của Phòng cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và Cứu nạn, cứu hộ - Công an tỉnh cấp cho dự án Nhà máy Công ty TNHH Jaycee của Công ty TNHH Jaycee

- Thông báo số 1330/UBND-MT ngày 19/9/2024 do UBND xã Tiên Hưng về việc tiếp nhận đăng ký môi trường dự án: “Xây dựng nhà xưởng cho thuê giai đoạn I - Công ty TNHH Jaycee”;

- Báo cáo số 18/BCTT ngày 27/9/2024 kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng của Công Ty TNHH TV-TK-XD Việt Trung Tiên về việc thẩm tra thiết kế xây dựng công trình Nhà máy Công ty TNHH Jaycee.

- Quyết định số 03/2024/QĐ ngày 27/9/2024 của Công ty TNHH Jaycee về việc phê duyệt đầu tư xây dựng hạng mục công trình dự án Nhà máy Công ty TNHH Jaycee.

- Công văn thỏa thuận đầu nối hạ tầng kỹ thuật giữa Đồng Xoài III và Công ty TNHH Jaycee.

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng ngày 27/9/2024 của Công ty TNHH Jaycee về việc xây dựng các công trình thuộc dự án: Nhà máy Công ty TNHH Jaycee kèm theo hồ sơ, bản vẽ nộp.

5. Ghi nhận các công trình đã khởi công: Không

6. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên Công ty TNHH Jaycee phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

Nơi nhận :

- Công ty TNHH Jaycee;
- KCN Đồng Xoài III;
- Thanh tra SXD;
- Lưu VT; PQHXDTNMT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Huy Hoàng

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Thực hiện thông báo khởi công xây dựng công trình theo quy định.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh/gia hạn:

.....

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

.....

..., ngày... tháng ...năm ...

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



THÔNG BÁO
KẾT QUẢ KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU HOÀN THÀNH
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Kính gửi: Công ty TNHH Jaycee.

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 06/1/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 17/02/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 21/2024/QĐ-UBND ngày 21/8/2024 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Điều 3 của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 17/02/2023 của UBND tỉnh;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Jaycee số 3801269350 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 02 năm 2022 cho Công ty TNHH Jaycee.

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6554148551 do Ban Quản lý Khu kinh tế cấp chứng nhận lần đầu ngày 24 tháng 01 năm 2022, chứng nhận điều chỉnh lần thứ hai ngày 16 tháng 09 năm 2024 cho Công ty TNHH Jaycee.

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Công ty TNHH Jaycee số DE 856156 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh cấp ngày 31/5/2022 cho Công ty TNHH Jaycee;

Căn cứ Giấy phép xây dựng số 39/GPXD ngày 04/10/2024 do Ban Quản lý Khu kinh tế cấp cho Công ty TNHH Jaycee;

Căn cứ Công văn tiếp nhận hồ sơ đăng ký môi trường số 1330/UBND-MT ngày 19/9/2024 do Ủy ban Nhân dân xã Tiến Hưng phê duyệt;

Căn cứ Công văn số 142/NT-PCCC ngày 14/06/2025 của Phòng cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Bình Phước về việc chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của công trình Nhà máy Công ty TNHH Jaycee.

Căn cứ Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng số 1706/TN ngày 17/06/2025 của Công ty TNHH Jaycee;

Theo Kết quả kiểm tra hiện trạng và đối chiếu hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng ngày 24/6/2025 giữa Ban Quản lý Khu kinh tế và Công ty TNHH Jaycee;

Ban Quản lý Khu kinh tế chấp thuận kết quả nghiệm thu hoàn thành công trình của Công ty TNHH Jaycee để đưa vào sử dụng đối với công trình như sau:

1. Thông tin về công trình:

Tên dự án: “Nhà máy Công ty TNHH Jaycee”.

Địa điểm xây dựng: Lô 31 cụm A3 KCN Đồng Xoài III, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Loại và cấp công trình chính: Công trình công nghiệp, cấp III.

Mô tả các thông số chính của công trình:

1.1. Nhà xưởng: 01 nhà

- Loại, cấp công trình: Công trình công nghiệp, cấp III.
- Số tầng: 01 tầng
- Diện tích xây dựng: $105\text{m} \times 61\text{m} = 6.405\text{m}^2$.
- Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): - 0,200m.
- Chiều cao công trình (tính từ cốt sân): +12,4m.
- Giải pháp kết cấu: Móng cột, dầm bê tông cốt thép; khung kèo bằng thép hình hình tô hợp + mái lợp tôn; tường xây gạch cao đến mái, trát vữa sơn nước hoàn thiện, nền bằng bê tông.
- Năm xây dựng: 2024

1.2. Nhà văn phòng: 01 nhà

- Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.
- Số tầng: 03 tầng
- Diện tích xây dựng: $18\text{m} \times 12\text{m} = 216\text{m}^2$.
- Tổng diện tích sàn xây dựng: $18\text{m} \times 12\text{m} \times 3 \text{ tầng} = 648\text{m}^2$.
- Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): -0,450m.
- Chiều cao công trình (tính từ cốt sân): +15,25m.
- Giải pháp kết cấu: Móng, cột, dầm, sàn, bằng bê tông cốt thép, tường gạch 200mm, trát xi măng, sơn nước hoàn thiện, mái bằng bê tông cốt thép.
- Năm xây dựng: 2024

1.3. Nhà bảo vệ: 01 nhà

- Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.
- Số tầng: 01 tầng.
- Diện tích xây dựng: $4,5\text{m} \times 5\text{m} = 22,5\text{m}^2$.
- Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): -0,200m.

- Chiều cao công trình (tính từ cốt sân): 3,7m.
- Giải pháp kết cấu: Móng, cột, dầm, sàn bằng bê tông cốt thép, tường gạch 200mm, trát xi măng, sơn nước hoàn thiện.

- Năm xây dựng: 2024

1.4. Nhà xe: 01 nhà

- Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật.
- Diện tích xây dựng: $10\text{m} \times 5\text{m} = 50\text{m}^2$.
- Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): $-0,100\text{m}$.
- Chiều cao công trình (tính từ cốt sân): 3,2m.
- Giải pháp kết cấu: Móng + Nền bê tông cốt thép, cột thép, xà gỗ thép, mái tôn.
- Năm xây dựng: 2024

1.5. Nhà ăn: 01 nhà

- Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.
- Số tầng: 01 tầng
- Diện tích xây dựng: $5\text{m} \times 10\text{m} = 50\text{m}^2$.
- Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): $-0,200\text{m}$.
- Chiều cao công trình (tính từ cốt sân): 3,4m.
- Giải pháp kết cấu: Móng cột, dầm bê tông cốt thép; khung kèo bằng thép hình hình tổ hợp + mái lợp tôn; tường xây gạch cao đến mái, trát vữa sơn nước hoàn thiện, nền bằng bê tông.

- Năm xây dựng: 2024

1.6. Hồ PCCC: 01 công trình

- Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật
- Diện tích xây dựng: $36\text{m} \times 5\text{m} = 180\text{m}^2$.
- Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): $+0,00\text{m}$.
- Thể tích xây dựng: $36\text{m} \times 5\text{m} \times 4,55\text{m} = 819\text{m}^3$
- Giải pháp kết cấu: Đáy, vách, nắp bể bằng bê tông cốt thép.
- Năm xây dựng: 2024

1.7. Nhà bơm: 01 nhà

- Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật
- Số tầng: 01 tầng
- Diện tích xây dựng: $5\text{m} \times 4\text{m} = 20\text{m}^2$.
- Chiều cao công trình (tính từ cốt sân): 3,4m
- Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): $-0,20\text{m}$.



- Giải pháp kết cấu: Nền bê tông cốt thép, cột thép, xà gỗ thép, mái tôn.
- Năm xây dựng: 2024

1.8. Trạm điện: 01 công trình

- Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật.
- Số tầng: 01 tầng.
- Diện tích xây dựng: $4m \times 4m = 16m^2$.
- Chiều cao công trình : 2m
- Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): 0,200m.
- Giải pháp kết cấu: Nền bê tông cốt thép, lưới bao quanh B40.
- Năm xây dựng: 2024

1.9. Nhà rác (Nhà chứa chất thải rắn) : 01 nhà

- Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp IV.
- Số tầng: 01 tầng.
- Diện tích xây dựng: $10m \times 5m = 50m^2$.
- Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): -0,200m
- Chiều cao công trình (tính từ cốt sân): 3,4m
- Giải pháp kết cấu: Móng, cột, dầm, bằng bê tông cốt thép, tường gạch 200mm, trát xi măng, sơn nước hoàn thiện, cột, kèo thép, xà gỗ thép, mái tôn.
- Năm xây dựng: 2024

* Các công trình hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống giao thông nội bộ; hệ thống cảnh quan, sân vườn, cây xanh cách ly; hệ thống cấp điện, chiếu sáng; hệ thống cấp, thoát nước; hệ thống chống sét và phòng cháy chữa cháy; cổng, hàng rào

3. Yêu cầu đối với chủ đầu tư:

- Rà soát, tập hợp và lưu trữ hồ sơ công trình theo quy định. Chủ đầu tư và nhà thầu tham gia xây dựng công trình chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, phù hợp của hồ sơ thiết kế so với các quý chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn thiết kế, bản vẽ hoàn công so với hồ sơ thiết kế được phê duyệt, hồ sơ hoàn thành công trình so với các quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về kết quả nghiệm thu chất lượng công trình. Việc kiểm tra công tác nghiệm thu của Cơ quan quản lý nhà nước không làm giảm trách nhiệm của các đơn vị trong công tác quản lý chất lượng công trình theo quy định.

- Trong quá trình quản lý, khai thác, sử dụng: Chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình chịu trách nhiệm về việc quản lý, sử dụng hạng mục công trình, công trình xây dựng theo đúng công năng trong hồ sơ thiết kế được thẩm định, giấy phép xây dựng được cấp, tuân thủ theo các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và tiếp tục duy trì các điều kiện an toàn về PCCC của công trình đã được nghiệm thu trong suốt quá trình vận hành, khai

thác, sử dụng. Tổ chức bảo trì công trình theo quy trình bảo trì công trình đã được phê duyệt.

- Trong suốt quá trình vận hành, khai thác, sử dụng công trình, nếu có điều chỉnh thay đổi thiết kế khác so với Giấy phép xây dựng yêu cầu chủ đầu tư phải thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy phép xây dựng theo đúng quy định.

- Chủ đầu tư có trách nhiệm trồng, chăm sóc và duy trì tỷ lệ cây xanh theo đúng tỷ lệ hồ sơ quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Đề nghị Chủ đầu tư lưu trữ hồ sơ, thực hiện công tác bảo trì công trình xây dựng theo đúng quy định tại Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 21/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TB, các PTB;
- Lưu: VT, P.QHXDTNMT.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



Nguyễn Huy Hoàng



Số: 142 /NT-PCCC

Bình Phước, ngày 14 tháng 6 năm 2025

V/v nghiệm thu về phòng cháy, chữa cháy

Kính gửi: Công ty TNHH Jaycee.

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính Phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy và chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy; Nghị định 50/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ.

- Căn cứ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 127/TD-PCCC&CNCH ngày 02 tháng 8 năm 2024 của Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC và CNCH) – Công an tỉnh Bình Phước.

- Theo hồ sơ số G01.889.307.000-250611-00003, ngày 11/6/2025 của Công ty TNHH Jaycee về việc kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với hạng mục nhà xưởng 1F, nhà văn phòng 3F, nhà bảo vệ, nhà bơm, nhà ăn, nhà để xe hai bánh, nhà rác và các hạng mục phụ trợ thuộc dự án nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ nội thất.

Người đại diện theo pháp luật là ông: YANG QIAN EN – Tổng Giám đốc.

- Căn cứ biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy ngày 13/6/2025 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Bình Phước.

Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Bình Phước chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy với các nội dung sau:

1. Thông tin chung về công trình

- Tên công trình: Dự án nhà máy sản xuất gia công đồ gỗ nội thất thuộc Công ty TNHH Jaycee.

- Địa điểm xây dựng: Lô 31, Cụm A3, KCN Đồng Xoài III, xã Tiên Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Jaycee.

- Đơn vị thi công hệ thống PCCC: Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Liên Phát.

- Đơn vị giám sát thi công PCCC: Công ty TNHH PCCC Hải Nam Phát.

- Đơn vị thi công xây dựng: Công ty TNHH xây dựng thương mại dịch vụ Anh Tuấn Quang.

- Đơn vị giám sát thi công xây dựng: Công ty TNHH Đầu tư phát triển xây dựng Quang Phát.



2. Quy mô công trình

Diện tích khu đất: 10.617,2m², gồm các hạng mục:

- Nhà xưởng 1F: Công trình công nghiệp, cấp III, diện tích xây dựng 6.405m², 01 tầng, chiều cao tới đỉnh mái 12,2m; công năng làm nhà xưởng lắp ráp đồ gỗ (không có các quy trình như chà nhám, bào gỗ), hạng sản xuất C; kết cấu chính: Móng, cột bê tông cốt thép, xà gồ, kèo thép, mái lợp tôn, tường xây gạch cao tới mái, nền bằng bê tông cốt thép, bậc chịu lửa IV, cấp nguy hiểm cháy kết cấu S0; số người dự kiến làm việc 25 người.

- Nhà văn phòng 3F: Diện tích xây dựng 216m², 03 tầng, chiều cao tới đỉnh mái 14,8m; công năng làm nhà văn phòng; Kết cấu chính: Móng, cột, dầm, sàn, mái bê tông cốt thép, tường xây gạch cao đến mái, trát vữa sơn nước hoàn thiện, nền bằng bê tông, bậc chịu lửa I, cấp nguy hiểm cháy kết cấu S0; số người dự kiến làm việc 30 người.

- Nhà bảo vệ: Diện tích xây dựng 18m², 01 tầng, chiều cao 4m (tính từ cos nền nhà tới đỉnh mái). Kết cấu chính: Móng, cột, đà, sàn bê tông cốt thép, mái bằng bê tông cốt thép, tường xây gạch, sơn nước, nền lát gạch, cửa nhôm kính, bậc chịu lửa II.

- Nhà bơm PCCC: Diện tích xây dựng 20m², 01 tầng, cốt nền công trình (tính từ cốt sân) +0,20m, tổng chiều cao công trình (tính từ cốt sân) 3,0m; kết cấu chính: Nền bê tông cốt thép, cột, xà gồ thép, mái tôn.

- Các hạng mục khác: Nhà để xe hai bánh, nhà ăn, sân đường nội bộ, bể nước dự trữ chữa cháy, trạm điện, nhà rác, bể xử lý nước thải, cống, hàng rào, hệ thống cấp điện, cấp thoát nước...

3. Các hệ thống, giải pháp phòng cháy và chữa cháy

3.1. Hệ thống báo cháy tự động:

Hệ thống báo cháy tự động lắp đặt cho công trình loại thường gồm: 01 tủ trung tâm báo cháy 10 kênh (đặt tại phòng bảo vệ), 56 đầu báo khói loại thường, 02 đầu báo cháy nhiệt loại thường, 26 đầu báo cháy tia chiếu, 17 chuông báo cháy, 17 nút nhấn báo cháy, 14 đèn báo phòng và các bộ phận, thiết bị liên kết...

3.2. Hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường, ngoài nhà, họng tiếp nước xe chữa cháy, chữa cháy tự động Sprinkler:

- Trạm bơm chữa cháy lắp đặt tại công trình gồm:

+ 01 máy bơm chữa cháy động cơ Diesel: Công suất P=150kW, lưu lượng Q=330-550m³/h, cột áp H=96-72m.

+ 01 máy bơm chữa cháy động cơ điện có: Công suất P=132kW, lưu lượng Q=330-550m³/h, cột áp H=96-72m.

+ 01 máy bơm bù áp động cơ điện có: Công suất P=4kW, lưu lượng Q=2,4-10,2m³/h, cột áp H=123,8-61m.

+ Các thiết bị phụ trợ cho trạm bơm như tủ điều khiển bơm, van báo động, bình tích áp, van khóa... của hệ thống dùng để cung cấp nước chữa cháy cho hệ thống Sprinkler, họng nước chữa cháy trong nhà.

- Bể nước ngầm: đặt tại vị trí phòng bơm chữa cháy, bể âm có thể tích chứa nước $V=800m^3$.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy trong nhà, ngoài nhà, họng tiếp nước cho xe chữa cháy, chữa cháy tự động Sprinkler gồm: 02 họng chờ tiếp nước chữa cháy loại 2 cửa DN65, lắp đặt 598 đầu phun Sprinkler K8.0 hướng lên loại $68^{\circ}C$, DN20 (dự phòng 10 đầu phun), 13 tủ chữa cháy vách tường (đầy đủ van góc, lăng, vòi chữa cháy), 04 trụ chữa cháy ngoài nhà loại 3 cửa.

- Các đường ống sắt tráng kẽm: DN200, DN150, DN125, DN100, DN80, DN50, DN40, DN32, DN25 cùng các vật tư, phụ kiện kèm theo: co, tê, măng xông, van...

3.3. Dụng cụ phá dỡ thô sơ, phương tiện chữa cháy ban đầu:

Các hạng mục công trình trang bị 60 bình bột ABC loại 8kg, 60 bình chữa cháy khí CO_2 loại 3kg, 01 bộ dụng cụ phá dỡ thông thường (01 kìm cộng lực, 01 búa tạ, 01 rìu, 01 xà beng).

3.4. Hệ thống chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn lối thoát nạn, sơ đồ chỉ dẫn thoát nạn:

Các cửa thoát nạn, đường, lối thoát nạn các hạng mục công trình lắp đặt 30 đèn chiếu sáng sự cố, 45 đèn chỉ dẫn thoát nạn, 14 sơ đồ chỉ dẫn thoát nạn.

3.5. Hệ thống hút khói cưỡng bức, giải pháp thoát khói tự nhiên, cấp khí bù:

Nhà xưởng 1F lắp đặt 12 quạt hút khói gắn trên mái của nhà xưởng, công suất mỗi quạt $P=2,2kW$, lưu lượng $Q=35.000m^3/h$, áp suất 300Pa, động cơ chịu nhiệt $300^{\circ}C$ trong 02 giờ, các quạt hút khói được kết nối liên động với hệ thống báo cháy tự động; lắp đặt 07 ô cửa thường mở có kích thước (0,8m x 4,0m), bố trí phân tán trên tường ngoài cấp bù khí cho hệ thống hút khói cưỡng bức.

3.6. Hệ thống điện cho PCCC:

- Nguồn điện cấp cho hệ thống đèn chỉ dẫn thoát nạn, hệ thống báo cháy tự động được cấp điện từ nguồn ưu tiên, độc lập với điện sản xuất gồm điện lưới và ác quy dự phòng.

- Nguồn điện cho hệ thống cấp nước chữa cháy, hệ thống hút khói cưỡng bức gồm: 01 nguồn ưu tiên từ điện lưới (điện xoay chiều lấy từ trạm biến áp), nguồn điện của máy phát điện (01 máy phát điện 100KvA) hoạt động trong trường hợp có sự cố cháy, nổ, khi mất nguồn điện ưu tiên thì sau 30 giây ATS tự động kích hoạt máy phát điện chạy.

4. Nội dung được nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy

- Bậc chịu lửa; giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan; đường, lối thoát nạn.

- Khoảng cách an toàn PCCC; đường giao thông phục vụ chữa cháy.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường, chữa cháy tự động (Sprinkler), ngoài nhà, họng tiếp nước xe chữa cháy.
- Hệ thống hút khói cưỡng bức, cấp khí bù.
- Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn, sơ đồ thoát nạn.
- Hệ thống báo cháy tự động.
- Hệ thống điện cho PCCC.
- Trang bị dụng cụ phá dỡ thô sơ, phương tiện chữa cháy ban đầu.

5. Các yêu cầu kèm theo

- Thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan.

- Duy trì liên tục chế độ hoạt động của hệ thống, thiết bị phòng cháy chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan đã được lắp đặt theo đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng.

- Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về phòng cháy chữa cháy đối với cơ sở trước khi đưa vào hoạt động theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ, đồng thời liên hệ với Công an tỉnh Bình Phước để được hướng dẫn, lập hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động phòng cháy chữa cháy.

- Khi công trình xây dựng mới hoặc khi cải tạo, thay đổi tính chất sử dụng dẫn đến một trong các trường hợp làm tăng quy mô về số tầng hoặc diện tích khoang cháy, thay đổi chủng loại, vị trí thang bộ thoát nạn, giảm số lượng lối thoát nạn của tầng, khoang cháy, lắp mới hoặc thay thế hệ thống báo cháy, lắp mới hoặc thay thế hệ thống chữa cháy, thay đổi công năng làm nâng cao các yêu cầu an toàn cháy đối với tầng nhà, khoang cháy và công trình thì phải được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ.

Văn bản này là một trong những căn cứ để Chủ đầu tư đề nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét cấp văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng. /*Th*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: PCCC&CNCH.



TRƯỞNG PHÒNG

Thượng tá Nguyễn Thọ Bài

CÔNG AN TỈNH BÌNH PHƯỚC
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCHCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 127 /TD-PCCC

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy; Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy ngày 24 tháng 7 năm 2024 của: Công ty TNHH JAYCEE.

Người đại diện theo pháp luật là ông: Yang Qian En; Chức vụ: Giám đốc.

**PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH CÔNG AN TỈNH BÌNH PHƯỚC
CHỨNG NHẬN**

Tên công trình: Nhà máy của công ty TNHH JAYCEE.

Địa điểm xây dựng: Thửa đất số 31, khu công nghiệp Đồng Xoài III, xã Tiên Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH JAYCEE.

Cơ quan tư vấn thiết kế: Công ty TNHH tư vấn thiết kế xây dựng DEHOUSE, Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Liên Phát.

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

1. Bậc chịu lửa, bố trí công năng của hạng mục công trình liên quan đến phòng cháy và chữa cháy;
2. Đường giao thông cho xe chữa cháy; khoảng cách an toàn PCCC; giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan;
3. Đường, lối thoát nạn; phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn;
4. Hệ thống báo cháy tự động; hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà, hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà, hệ thống chữa cháy tự động bằng nước; hệ thống hút khói cưỡng bức; dụng cụ phá dỡ thô sơ, phương tiện chữa cháy ban đầu; giải pháp cấp điện cho PCCC;

Quy mô công trình và danh mục các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy ghi tại trang 2, 3./.

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư;
- Lưu: PCCC&CNCH.

Bình Phước, ngày 02 tháng 8 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG



Thượng tá Nguyễn Thọ Bài

QUY MÔ DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH/PHƯƠNG TIỆN VÀ DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

(Kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về Phòng cháy và chữa cháy số 127/TD-PCCC, ngày 02/8/2024 của Phòng CS. PCCC và CNCH - Công an tỉnh Bình Phước).

TT	NỘI DUNG	GHI CHÚ
I	QUY MÔ CÔNG TRÌNH	
1	Công trình xây dựng tại thửa đất số 31, khu công nghiệp Đồng Xoài III, xã Tiến Hưng, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, có diện tích 10.617,2m ² . Bao gồm các hạng mục:	
2	Nhà xưởng: diện tích xây dựng 6.405m ² (61m x 105m), 01 tầng, chiều cao đỉnh mái 12,2m, khối tích khoảng 60.207m ³ . Kết cấu chính: móng, cột, đà kiềng, cột bằng bê tông cốt thép, kèo thép hình, tường xây gạch cao đến mái, xà gồ thép, mái lợp tôn. Công năng: sản xuất, gia công các sản phẩm nội thất (không có quy trình sản xuất chế biến gỗ), bậc chịu lửa IV, hạng nguy hiểm cháy nổ C.	
3	Nhà văn phòng: diện tích xây dựng 216m ² (12m x 18m), 03 tầng, chiều cao đỉnh mái: 14,8m. Kết cấu chính: cột, dầm bê tông cốt thép, nền bê tông cốt thép, tường xây gạch cao đến mái, sơn nước hoàn thiện, mái bê tông cốt thép, bậc chịu lửa II. Công năng: văn phòng làm việc.	
4	Các hạng mục khác: nhà bảo vệ 18m ² (4m x 4,5m), nhà xe gắn máy 50m ² (5m x 10m), nhà ăn 50m ² (5m x 10m), nhà bơm, bể nước PCCC khối tích 800m ³ , trạm điện 16,0m ² (4mx4m), nhà vệ sinh 21m ² (3m x 7m), nhà rác 50m ² (5mx10m), hàng rào...	
II	DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ THIẾT KẾ	
1	Thuyết minh kiến trúc, kết cấu: 1 bộ.	
2	Thuyết minh PCCC: 1 bộ.	
3	Bản vẽ mặt bằng tổng thể: TT-1 đến TT-10	
4	Bản vẽ kiến trúc: A-NX-1 đến A-NX-5 (nhà xưởng 1F), A-OFF-1 đến A-OFF-14 (nhà văn phòng 3F), NBV (nhà bảo vệ), NXM (nhà xe máy), NA (nhà ăn), NVS (nhà vệ sinh), NR (nhà rác), NB (nhà bơm), TĐ (trạm điện), BN-01 đến BN-03 (bể nước ngầm).	
5	Bản vẽ kết cấu: S-NX-1 đến S-NX-9 (nhà xưởng 1F), S-OFF-1 đến S-OFF-7 (nhà văn phòng 3F).	
6	Bản vẽ thuyết minh các hệ thống PCCC: TM-01 đến TM-03	
7	Bản vẽ hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà, hệ thống chữa cháy tự động bằng nước (sprinkler), hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà, trạm bơm chữa cháy: CC-01 đến CC-13,	

8	Bản vẽ phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn, trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu: EX01 đến EX-04.	
9	Bản vẽ hệ thống báo cháy tự động: BC-01 đến BC-09.	
10	Bản vẽ hệ thống bảo vệ chống tụ khói cưỡng bức: HK-01 đến HK-05	
11	Bản vẽ hệ thống chống sét: CS-01 và CS-02.	

Lưu ý: Thông tin tại Giấy chứng nhận này chỉ xác nhận đảm bảo các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy, không có giá trị về quyền sử dụng đất và các tiêu chuẩn về quy hoạch, xây dựng./.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---o0o---

**BIÊN BẢN THỎA THUẬN ĐẦU NỐI
HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA, THOÁT NƯỚC THẢI
VÀO HỆ THỐNG CHUNG CỦA KCN ĐỒNG XOÀI III**

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty TNHH JAYCEE;

Căn cứ bản vẽ đầu nối hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt từ hệ thống thoát nước mưa và nước thải của KCN Đồng Xoài III.

Hôm nay, ngày tháng năm 2024, tại Văn phòng Công ty cổ phần Đầu tư Kinh Doanh Nhà Bình Phước, chúng tôi bao gồm:

1. Đại diện Công ty cổ phần Đầu tư Kinh Doanh Nhà Bình Phước

Ông: **Phạm Ngọc Thanh**

Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Ông:

Chức vụ:

2. Đại diện Công ty TNHH JAYCEE

Ông: **YANG QIAN EN**

Chức vụ: **Giám đốc**

Hai bên thống nhất với những nội dung như sau:

1. Điểm đầu nối của Công ty TNHH JAYCEE như sau:

Điểm đầu nối thoát nước mưa:

+ Số lượng: 01

+ Vị trí: (Đính kèm bản vẽ, đã xác nhận)

Điểm đầu nối thoát nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt

+ Số lượng: 01

+ Vị trí: (Đính kèm bản vẽ, đã xác nhận)

Điểm đầu nối lối ra vào cổng:

+ Số lượng: 01

+ Vị trí: (Đính kèm bản vẽ, đã xác nhận)

2. Tại vị trí đầu nối hệ thống thoát nước mưa, Công ty TNHH JAYCEE xây dựng hố ga riêng biệt nằm bên ngoài hàng rào của Công ty trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa chung của KCN Đồng Xoài III; Hố ga có kết cấu bằng bê tông, nắp hố ga bằng lưới thép để dễ dàng mở khi kiểm tra.

3. Tại vị trí đầu nối hệ thống thoát nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt Công ty TNHH JAYCEE, xây dựng hố ga riêng biệt nằm bên ngoài hàng rào của Công ty trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của KCN Đồng Xoài III; Hố ga có kết cấu bằng bê tông, nắp hố ga bằng lưới thép và lắp đặt van khóa đóng mở. Đồng thời Công ty



TNHH JAYCEE phải lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải, là loại đồng hồ cơ, chuyên dụng cho nước thải đã được kiểm định của cơ quan chức năng, và lắp đặt tại hố ga riêng biệt này để thuận lợi cho việc kiểm tra.

4. Bên B phải có hệ thống xử lý, nước thải theo báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án bên B đã được phê duyệt. Đồng thời Hệ thống xử lý nước thải nội bộ của Quý Công ty phải được cơ quan chức năng nghiệm thu phê duyệt mới được đấu nối vào hệ thống chung của KCN Đồng Xoài III. Quý công ty liên hệ với Chi cục bảo vệ môi trường - Sở tài nguyên Môi trường tỉnh Bình Phước để được hướng dẫn thủ tục nghiệm thu hệ thống xử lý nước thải nội bộ nêu trên.

5. Trong quá trình vận hành, lượng nước thải thải ra được tính bằng 80% lượng nước cấp vào

6. Công ty TNHH JAYCEE phải đấu nối các hệ thống hạ tầng theo đúng biên bản thỏa thuận. Nếu có sự thay đổi hoặc phát sinh các điểm đấu nối thì phía Công ty cổ phần Đầu tư Kinh doanh Nhà Bình Phước và phải được Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Nhà Bình Phước chấp thuận bằng văn bản, và chi trả mọi chi phí cho sự thay đổi hoặc phát sinh này.

7. Nếu lỗi ra vào theo thiết kế của Công ty TNHH JAYCEE vướng vào các hố ga thoát nước mưa và thoát nước thải có sẵn theo quy hoạch đã được duyệt của KCN Đồng Xoài III, Công ty TNHH JAYCEE chịu trách nhiệm thi công và chi trả mọi chi phí di dời bổ sung các hố ga thoát nước mưa và thoát nước thải nói trên.

8. Tuyệt đối không cho đấu nối chung hệ thống thoát nước thải vào hệ thống thoát nước mưa. Trong quá trình hoạt động, nếu Công ty TNHH JAYCEE mà xả nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt vào vị trí đầu nối thoát nước mưa của KCN Đồng Xoài III thì công ty Cổ phần Đầu tư Kinh Doanh nhà Bình Phước sẽ thông báo cáo Cơ quan quản lý Nhà nước để xử lý theo quy định.

9. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản nêu trên và chịu trách nhiệm về các nội dung được cam kết

Biên bản được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau.

Công ty TNHH JAYCEE

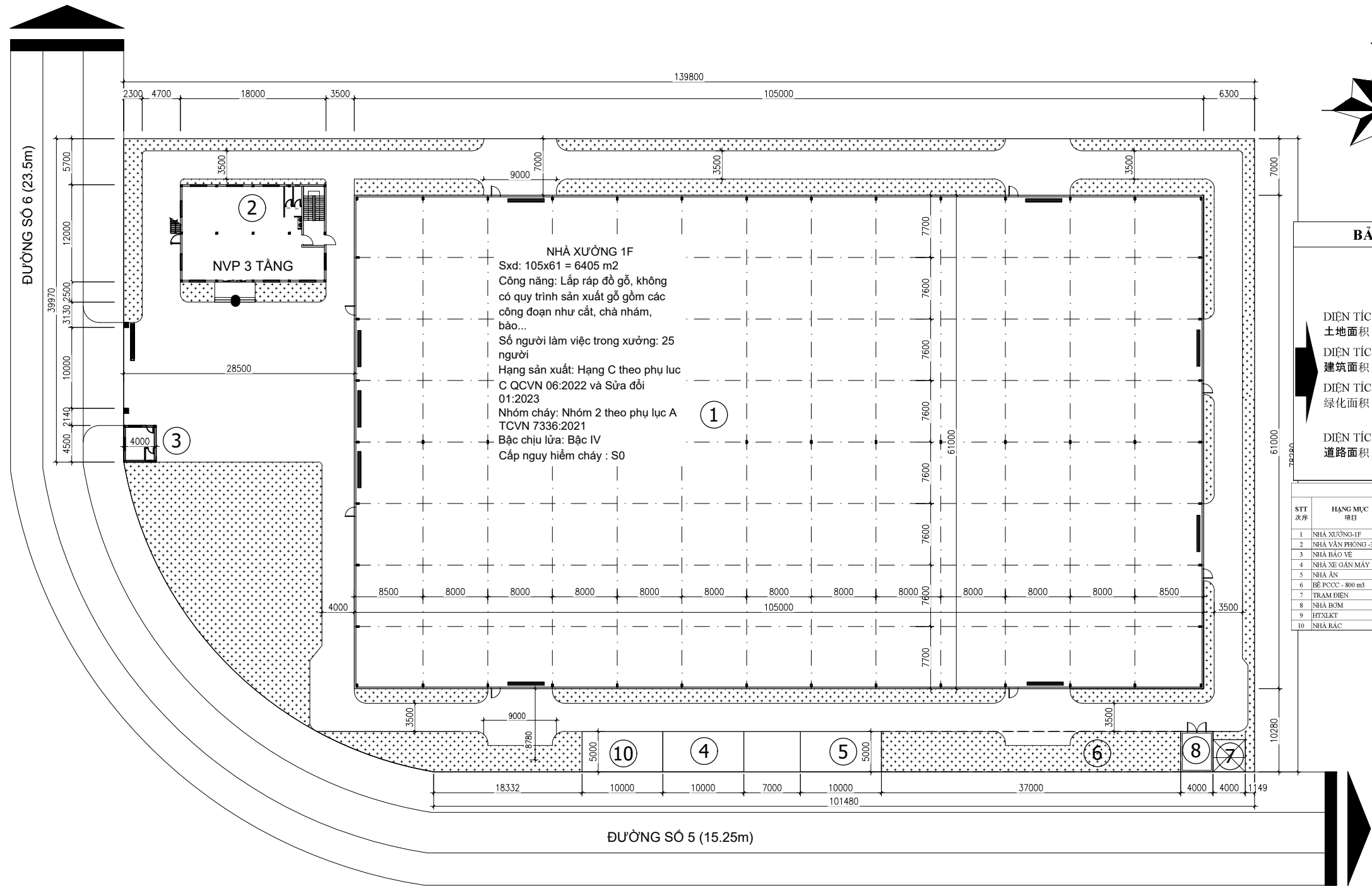


yang qian en

Công Ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh

Nhà Bình Phước


Phạm Ngọc Thanh



BẢNG CÂN BẰNG ĐẤT ĐAI			
DIỆN TÍCH KHU ĐẤT (m2): 土地面积 (m2)	10,617.2	100.0%	
DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m2): 建筑面积 (m2)	6,846.0	64.48%	
DIỆN TÍCH CÂY XANH (m2): 绿化面积 (m2)	2,129.6	20.06%	
DIỆN TÍCH GIAO THÔNG (m2): 道路面积 (m2)	1,641.6	15.46%	

GHI CHÚ/備註					
STT 次序	HẠNG MỤC 項目	項目	KÍCH THƯỚC, m 尺寸, m	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG, m2 建筑面积, m2	DIỆN TÍCH SÀN, m2 地板面积, m2
1	NHÀ XƯỞNG-1F	厂房-1F	105.00 61.00	6405.00	6405.00
2	NHÀ VÂN PHÒNG-3F	办公室-3F	18.00 12.00	216.00	648.00
3	NHÀ BẢO VỆ	警卫室	4.50 4.00	18.00	18.00
4	NHÀ XE GẮN MÁY	摩托车库	10.00 5.00	50.00	50.00
5	NHÀ ẨM	食堂	10.00 5.00	50.00	50.00
6	BỂ PCCC - 800 m3	消防水池		800m3	
7	TRẠM ĐIỆN	电站	4.00 4.00	16.00	16.00
8	NHÀ BOM	泵站	5.00 4.00	20.00	20.00
9	HTXLKT			30.00	28.00
10	NHÀ RÁC	垃圾房	10.00 5.00	50.00	50.00

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

总体平面

BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH LỖ MỠ KHÔNG ĐƯỢC BẢO VỆ CHỐNG CHÁY CỦA TƯỜNG NGOÀI VÀ GHCL TƯƠNG ỨNG CỦA PHÂN TƯỜNG NGOÀI PHẢI BẢO VỆ CHỐNG CHÁY											
STT	TÊN HẠNG MỤC	NHÀ THUỘC NHÓM NGUY HIỂM CHÁY THEO CÔNG NĂNG	VỊ TRÍ TƯỜNG NGOÀI	GIỚI HẠN CHỊU LỬA CỦA TƯỜNG NGOÀI			DIỆN TÍCH LỖ MỠ KHÔNG ĐƯỢC BẢO VỆ CHỐNG CHÁY				
				KHOẢNG CÁCH PHÒNG CHÁY CHỐNG CHÁY THEO ĐƯỜNG RANH GIỚI (m)	GIỚI HẠN CHỊU LỬA		% DIỆN TÍCH LỖ MỠ Xác định theo bảng E-3 phụ lục E-QCVN/06/2022/BXD	DIỆN TÍCH LỖ MỠ Xác định theo bảng E-4a phụ lục E-QCVN/06/2022/BXD		KẾT LUẬN	
					THEO YÊU CẦU	GIỚI HẠN CHỊU LỬA		CẤU TẠO			
									YÊU CẦU m ²		THIẾT KẾ m ²
01	Nhà rác	Nhà phụ trợ công trình F5, Hạng C	Tường ngoài giáp đường ranh giới	0	E60	EI90	Tường xây gạch đất sét nung có chiều dày 100mm, Trát vữa xamãng chiều dày 13mm	0	0	0	Đạt yêu cầu
02	Nhà xe	Nhà phụ trợ công trình F5, Hạng C	Tường rào ngoài giáp đường ranh giới	0	E60	EI180	Tường xây gạch Block có chiều dày 200mm, Trát vữa xamãng chiều dày 13mm	0	0	0	Đạt yêu cầu
03	Nhà vệ sinh	Nhà phụ trợ công trình F5, Hạng C	Tường ngoài giáp đường ranh giới	0	E60	EI90	Tường xây gạch đất sét nung có chiều dày 100mm, Trát vữa xamãng chiều dày 13mm	0	0	0	Đạt yêu cầu
04	Nhà ăn	Nhà phụ trợ công trình F5, Hạng C	Tường ngoài giáp đường ranh giới	0	E60	EI90	Tường xây gạch đất sét nung có chiều dày 100mm, Trát vữa xamãng chiều dày 13mm	0	0	0	Đạt yêu cầu
05	Nhà bom	Nhà phụ trợ công trình F5, Hạng C	Tường ngoài giáp đường ranh giới	0	E60	EI180	Tường xây gạch đất sét nung có chiều dày 200mm, Trát vữa xamãng chiều dày 13mm	0	0	0	Đạt yêu cầu

BẢNG TÍNH TOÁN KHOẢNG CÁCH PHÒNG CHÁY CHỐNG CHÁY GIỮA CÁC NHÀ TRONG MỘT CƠ SỞ CÔNG NGHIỆP						
STT	TÊN HẠNG MỤC	NHÀ THUỘC NHÓM NGUY HIỂM CHÁY THEO CÔNG NĂNG	BẬC CHỊU LỬA CỦA NHÀ VÀ CẤP NGUY HIỂM CHÁY CỦA KẾT CẤU	KHOẢNG CÁCH PHÒNG CHÁY CHỐNG CHÁY m	GHI CHÚ	DIỄN GIẢI THIẾT KẾ
1	Nhà xưởng 1F	Nhóm F5 hạng C	BẬC IV CẤP S0	Không quy định	Chú thích 2, Bảng E2 QCVN 06/2022/BXD Không quy định khoảng cách giữa các nhà nhóm F5 trong những trường hợp tường của nhà, công trình cao hơn hoặc rộng hơn quay về phía một công trình khác là tường ngăn cháy loại 1.	- Tường nhà xưởng phần tiếp giáp với nhà văn phòng 3F là tường ngăn cháy loại 1 có GHCL REI150 (Tường xây gạch đất sét nung dày 200 xây cao đến mái) - khoảng cách tường nhà xưởng 1F đến nhà văn phòng 3F đảm bảo yêu cầu khoảng cách về phục vụ chữa cháy và cứu hộ cứu nạn
	Nhà văn phòng 3F	Nhóm F4.3	BẬC I CẤP S0			
2	Nhà xưởng 1F	Nhóm F5 hạng C	BẬC IV CẤP S0	Không quy định	Chú thích 2, Bảng E2 QCVN 06/2022/BXD Không quy định khoảng cách giữa các nhà nhóm F5 trong những trường hợp tường của nhà, công trình cao hơn hoặc rộng hơn quay về phía một công trình khác là tường ngăn cháy loại 1.	- Tường nhà xưởng phần tiếp giáp với Nhà rác, nhà xe gắn máy, nhà ăn, nhà bom, nhà vệ sinh là tường ngăn cháy loại 1 có GHCL REI150 (Tường xây gạch đất sét nung dày 200 xây cao đến mái) - khoảng cách tường nhà xưởng 1F đến nhà văn phòng 3F đảm bảo yêu cầu khoảng cách về phục vụ chữa cháy và cứu hộ cứu nạn
	Nhà rác, nhà xe gắn máy, nhà ăn, nhà bom, nhà vệ sinh	Nhà phụ trợ	BẬC III, IV CẤP S0			

* NOTE:
- Dimension in the drawings to be checked before construction
- Kích thước trên bản vẽ phải được kiểm tra và đối chiếu trước khi thi công

HIỆU CHỈNH VÀ HOÀN THÀNH
(REVISION AND COMPLETION DATE)

0	/ 2023
.....	
.....	

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH
(ISSUED FOR)

TRÌNH DUYỆT	☒ FOR APPROVAL
THẨM KẾ	☐ FOR INSPECTION
THI CÔNG	☐ FOR CONSTRUCTION
BẢO GIÁ	☐ FOR ESTIMATE
HOÀN CÔNG	☐ AS - BUILT

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT
(APPROVAL)

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR :

CÔNG TY TNHH JAYCEE
JAYCEE 责任有限公司

TỔNG GIÁM ĐỐC - GENERAL DIRECTOR:

THIẾT KẾ KIẾN TRÚC - MAIN ARCHITECT :
C.TY TNHH
TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG DEHOUSE
DEHOUSE CONSULTANT DESIGN CONSTRUCTION COMPANY LIMITED

ĐC: Đường số 3, KDC Phú Chánh, Thủ Đức MEI, Bình Dương

P. GIÁM ĐỐC - GENERAL DIRECTOR :

NGUYỄN ĐẮC VŨ

CHỦ NHIỆM
PROJECT MANAGER

KS. NGUYỄN NGỌC DŨNG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ CẦU
PRESIDED BY

KS. NGUYỄN NGỌC DŨNG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KIẾN TRÚC
PRESIDED BY

KTS. TRẦN MINH ĐỨC

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN
PRESIDED BY

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ NƯỚC
PRESIDED BY

VỀ
DRAWING

KS. NGUYỄN KHAI

VỀ
DRAWING

KTS. HUỖNH CƯỜNG

CÔNG TRÌNH - PROJECT :

CÔNG TRÌNH - PROJECT :

NHÀ MÁY CỦA CÔNG TY TNHH JAYCEE

ĐỊA ĐIỂM (B3): LÔ 31, CỤM A3, KDC ĐÔNG NGÔI III, X. TIỀN HUNG, TX. ĐÔNG NGÔI, T. BÌNH PHƯỚC, VIỆT NAM

HẠNG MỤC - BUILDING ITEM :

TỔNG THỂ

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE :

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

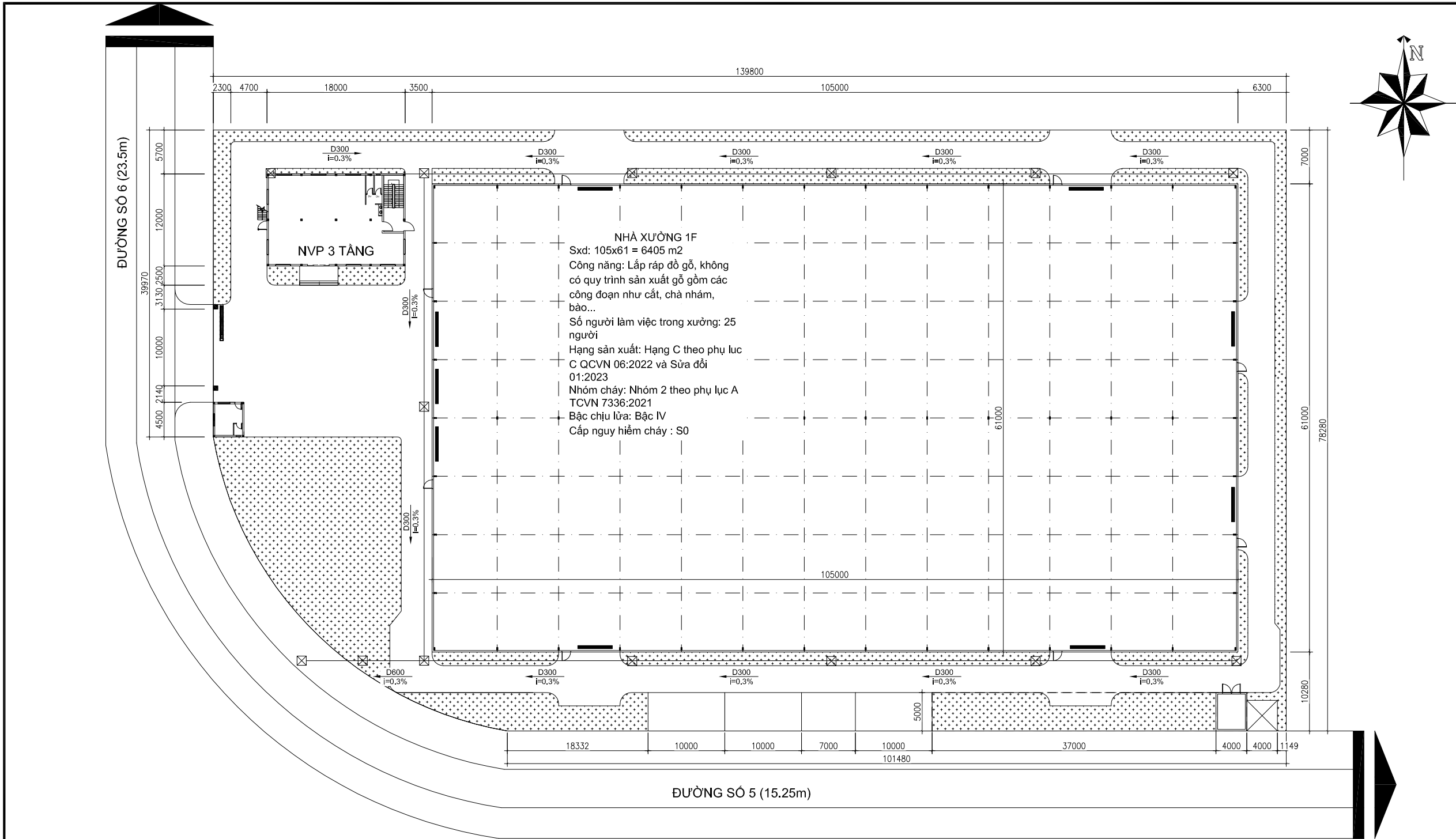
TỶ LỆ - SCALE :

LOẠI HỒ SƠ - ISSUED FOR :
T.K.T.C
CONSTRUCTION DESIGN

SỐ HIỆU BẢN VẼ
DRAWING NO.

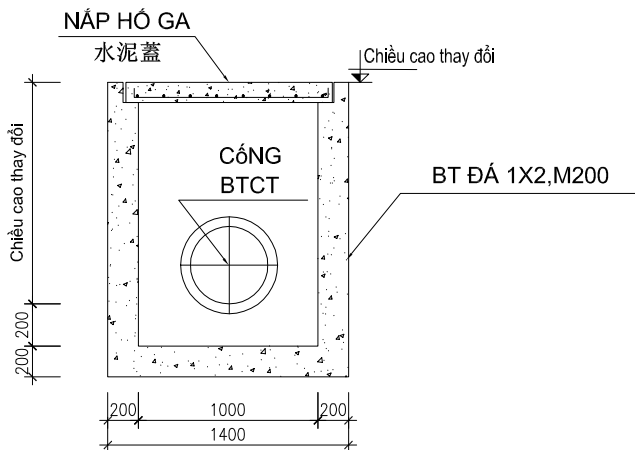
TT- 2

NGÀY - DATE : 05/2024

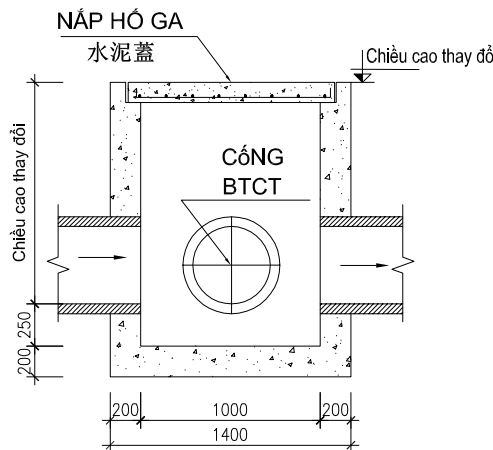


MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA

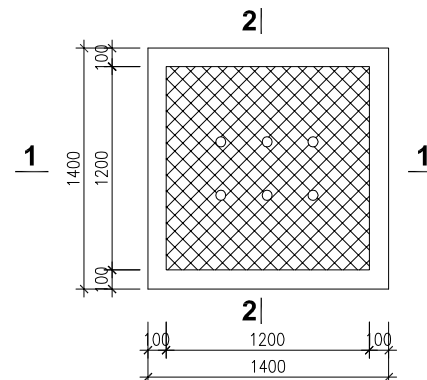
排水水平面



MẶT CẮT 1-1 剖面



MẶT CẮT 2-2 剖面



CHI TIẾT HỐ GA 陰井詳圖

* NOTE:
- Dimension in the drawings to be checked before construction
- Kích thước trên bản vẽ phải được kiểm tra và đối chiếu trước khi thi công

HIỆU CHỈNH VÀ HOÀN THÀNH
(REVISION AND COMPLETION DATE)

0 / 2023

.....

.....

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH
(ISSUED FOR)

TRÌNH DUYỆT ☒ FOR APPROVAL

THẨM KẾ ☐ FOR INSPECTION

THI CÔNG ☐ FOR CONSTRUCTION

BÁO GIÁ ☐ FOR ESTIMATE

HOÀN CÔNG ☐ AS - BUILT

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT
(APPROVAL)

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR :

CÔNG TY TNHH JAYCEE
JAYCEE 责任有限公司

TỔNG GIÁM ĐỐC - GENERAL DIRECTOR :

THIẾT KẾ KIẾN TRÚC - MAIN ARCHITECT :

C.TY TNHH
TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG DEHOUSE
DEHOUSE CONSULTANT DESIGN CONSTRUCTION COMPANY LIMITED



ĐC: Đường số 3, KDC Phú Chính, Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

P. GIÁM ĐỐC - GENERAL DIRECTOR :

NGUYỄN ĐẮC VŨ

CHỦ NHIỆM
PROJECT MANAGER

KS. NGUYỄN NGỌC DỪNG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ CẤU
PRESIDED BY

KS. NGUYỄN NGỌC DỪNG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KIẾN TRÚC
PRESIDED BY

KTS. TRẦN MINH ĐỨC

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ BIÊN
PRESIDED BY

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ NƯỚC
PRESIDED BY

VẼ
DRAWING

KS. NGUYỄN KHAI

VẼ
DRAWING

KTS. HUỖNH CƯỜNG

CÔNG TRÌNH - PROJECT :

One

CÔNG TRÌNH - PROJECT :

NHÀ MÁY CỦA CÔNG TY TNHH JAYCEE

ĐỊA ĐIỂM DỰ ÁN: LÔ 31, CỤM A3, KCN ĐÔNG XÁI B, X. TÂN HƯNG, TX. ĐÔNG XÁI, T. BÌNH PHƯỚC, VIỆT NAM

HẠNG MỤC - BUILDING ITEM :

TỔNG THỂ

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE :

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA 排水水平面

TỶ LỆ - SCALE :

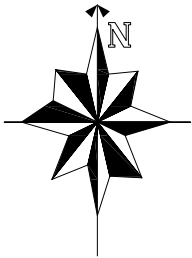
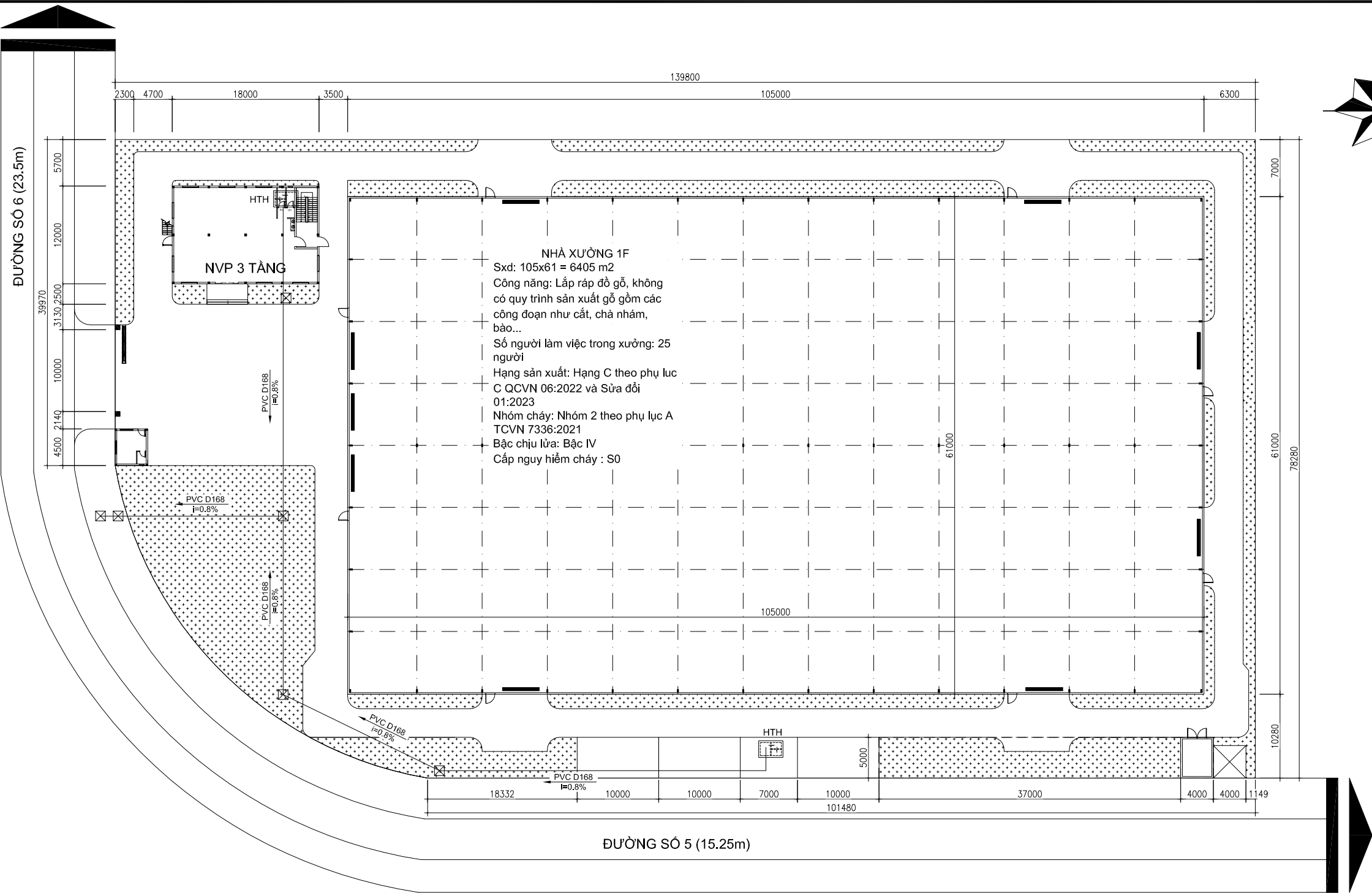
SỐ HIỆU BẢN VẼ
DRAWING NO.

LOẠI HỒ SƠ - ISSUED FOR :

T.K.T.C
CONSTRUCTION DESIGN

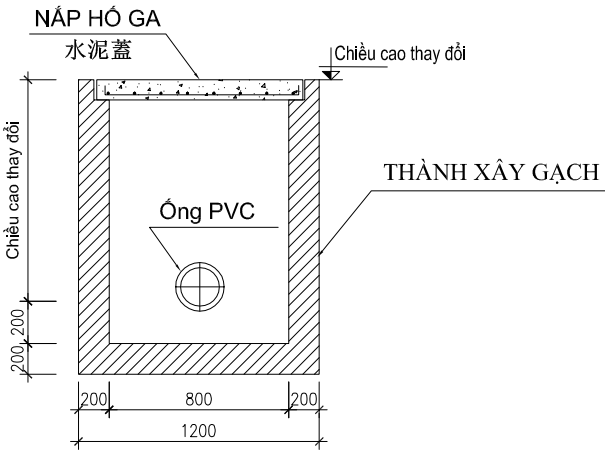
NGÀY - DATE : 05/2024

TT- 4

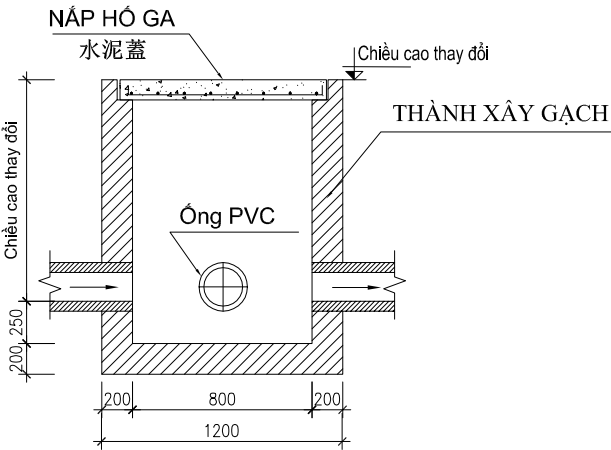


MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI

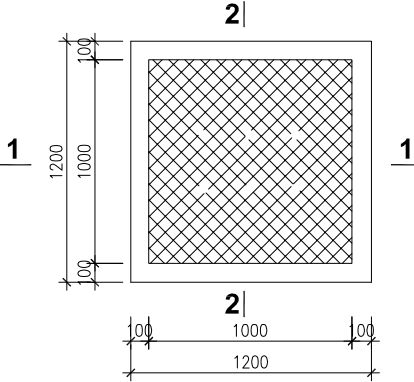
排水水平面



MẶT CẮT 1-1 剖面



MẶT CẮT 2-2 剖面



CHI TIẾT HỐ GA 陰井詳圖

* NOTE:
- Dimension in the drawings to be checked before construction
- Kích thước trên bản vẽ phải được kiểm tra và đối chiếu trước khi thi công

HIỆU CHỈNH VÀ HOÀN THÀNH
(REVISION AND COMPLETION DATE)

0	/ 2023
....	
....	

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH
(ISSUED FOR)

TRÌNH DUYỆT	☒ FOR APPROVAL
THẨM KẾ	☐ FOR INSPECTION
THI CÔNG	☐ FOR CONSTRUCTION
BẢO GIÁ	☐ FOR ESTIMATE
HOÀN CÔNG	☐ AS - BUILT

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT
(APPROVAL)

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR :

CÔNG TY TNHH JAYCEE
JAYCEE 责任有限公司

TỔNG GIÁM ĐỐC - GENERAL DIRECTOR :

THIẾT KẾ KIẾN TRÚC - MAIN ARCHITECT :

C.TY TNHH
TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG DEHOUSE
DEHOUSE CONSULTANT DESIGN CONSTRUCTION COMPANY LIMITED



ĐC: Đường số 3, KDC Phú Chính, Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

P. GIÁM ĐỐC - GENERAL DIRECTOR :

NGUYỄN ĐẮC VŨ

CHỦ NHIỆM
PROJECT MANAGER

KS. NGUYỄN NGỌC DỪNG

CHỦ TRƯ THIẾT KẾ KẾT CẤU
PRESIDED BY

KS. NGUYỄN NGỌC DỪNG

CHỦ TRƯ THIẾT KẾ KIẾN TRÚC
PRESIDED BY

KTS. TRẦN MINH ĐỨC

CHỦ TRƯ THIẾT KẾ BIÊN
PRESIDED BY

CHỦ TRƯ THIẾT KẾ MỘC
PRESIDED BY

VẼ
DRAWING

KS. NGUYỄN KHAI

VẼ
DRAWING

KTS. HUYNH CUONG

CÔNG TRÌNH - PROJECT :

NHÀ MÁY CỦA CÔNG TY TNHH JAYCEE

ĐỊA ĐIỂM MỐC: LÔ 31, CỤM A3, KINH ĐÔNG XÃI BỊ, X. TÂN HƯNG,
T.Đ. ĐÔNG XÃI, T. BÌNH PHƯỚC, VIỆT NAM

HẠNG MỤC - BUILDING ITEM :

TỔNG THỂ

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE :

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI 排水水平面

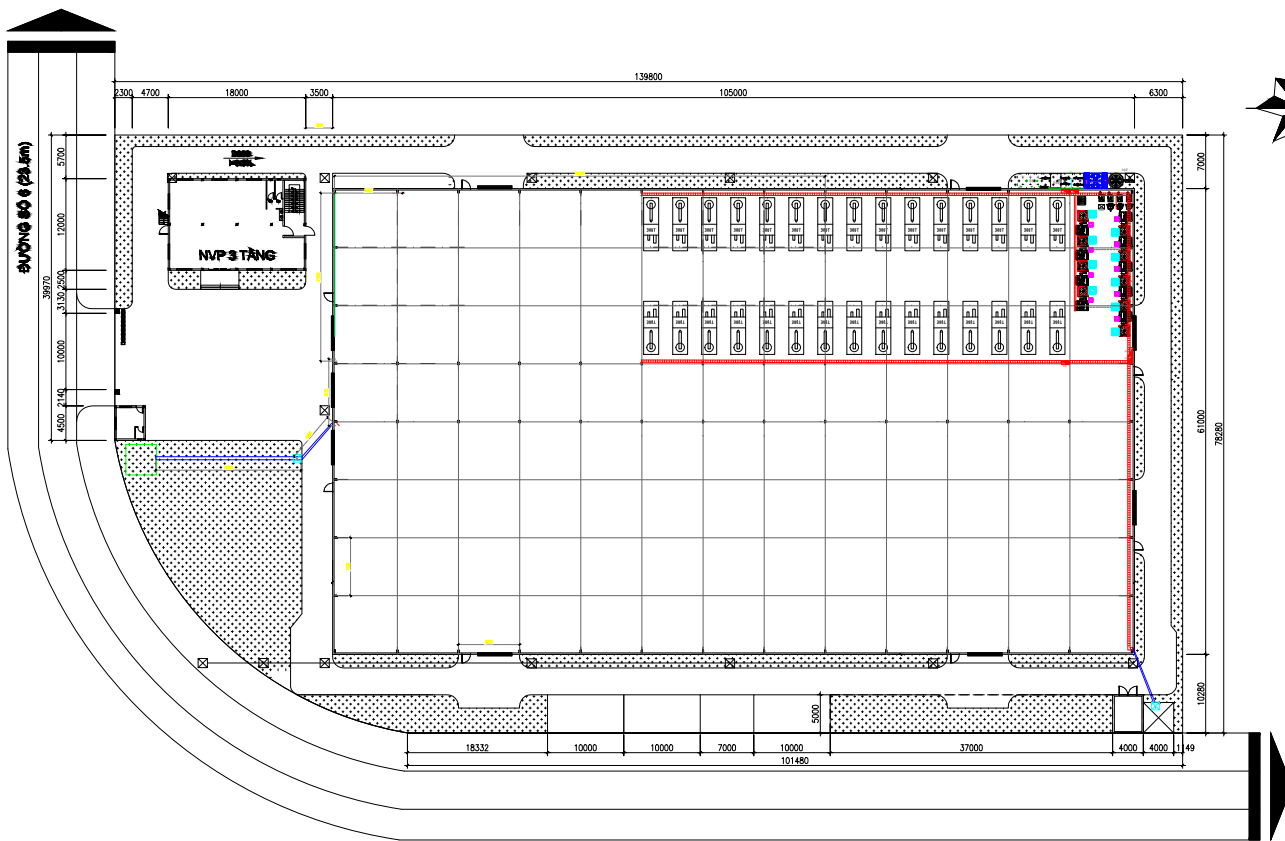
TỶ LỆ - SCALE :

LOẠI HỒ SƠ - ISSUED FOR :

T.K.T.C
CONSTRUCTION DESIGN

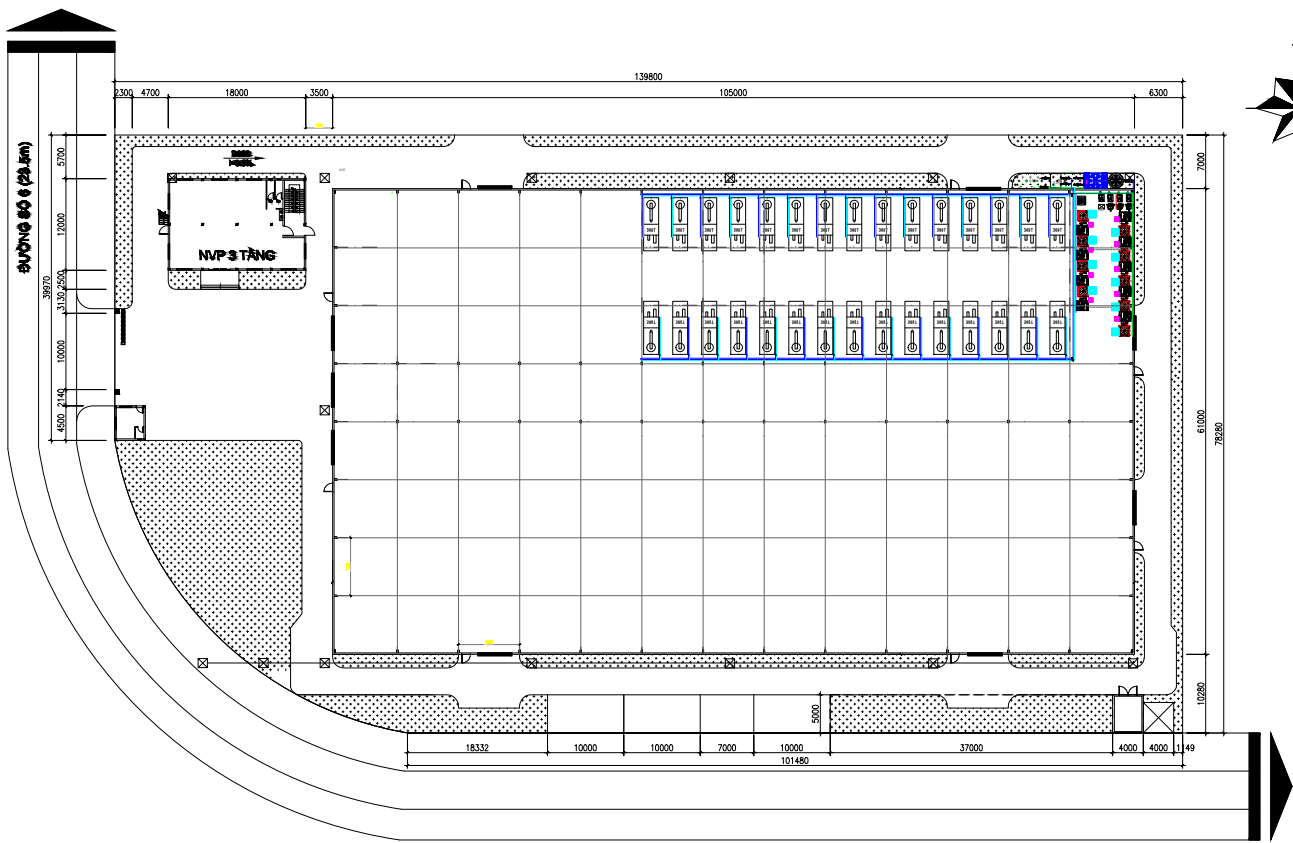
NGÀY - DATE : 05/2024

TT-5

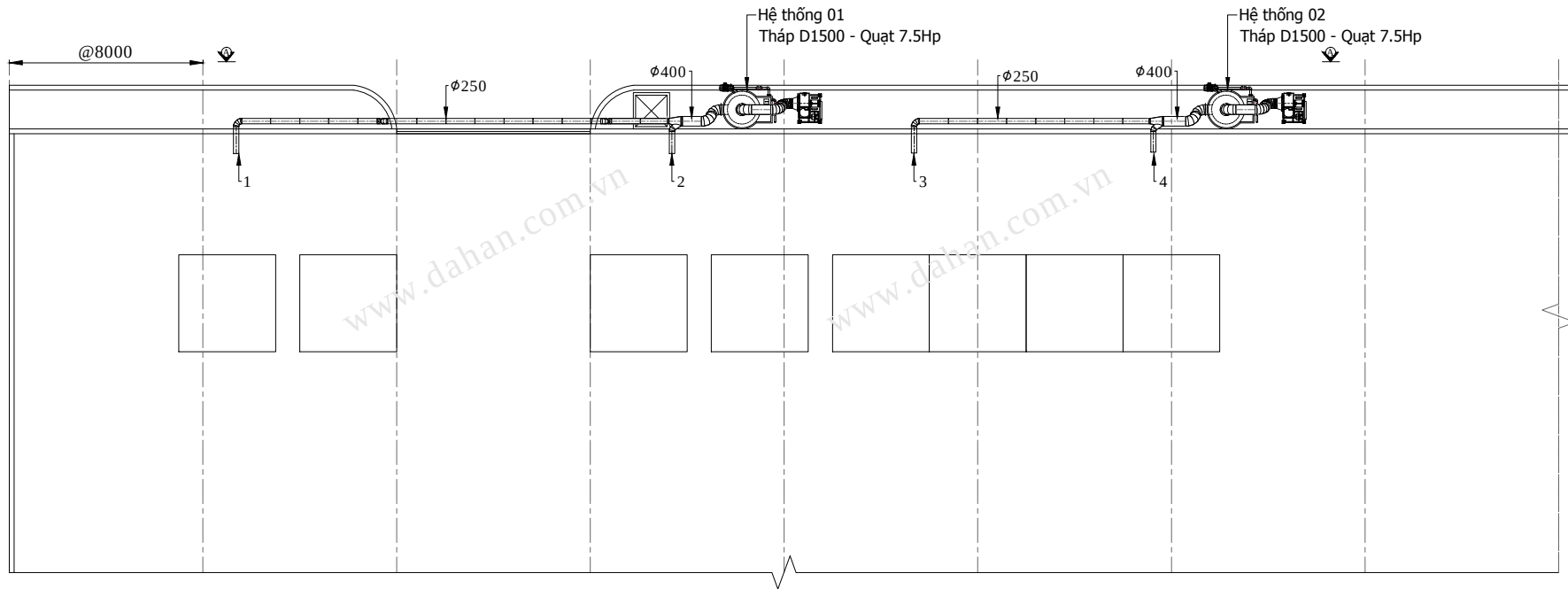


04	
03	
02	
01	I
007	HỖ DUNG GIỮ SUPPORT OF BEARING
008	CÔNG TRÌNH :
009	CHỦ ĐẦU TƯ :
永鴻機電工程責任有限公司  ĐƠN VỊ THIẾT KẾ VÀ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH ĐIỆN LỰC DESIGN AND CONSTRUCTION UNIT FOR ELECTRICAL ENGINEERING ĐƠN VỊ THIẾT KẾ VÀ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH ĐIỆN LỰC DESIGN AND CONSTRUCTION UNIT FOR ELECTRICAL ENGINEERING ĐƠN VỊ THIẾT KẾ VÀ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH ĐIỆN LỰC DESIGN AND CONSTRUCTION UNIT FOR ELECTRICAL ENGINEERING	
010	010
011	011
012	012
013	013
014	014
015	015
016	016
017	017
018	018
019	019
020	020
021	021
022	022
023	023
024	024
025	025
026	026
027	027
028	028
029	029
030	030
031	031
032	032
033	033
034	034
035	035
036	036
037	037
038	038
039	039
040	040
041	041
042	042
043	043
044	044
045	045
046	046
047	047
048	048
049	049
050	050
051	051
052	052
053	053
054	054
055	055
056	056
057	057
058	058
059	059
060	060
061	061
062	062
063	063
064	064
065	065
066	066
067	067
068	068
069	069
070	070
071	071
072	072
073	073
074	074
075	075
076	076
077	077
078	078
079	079
080	080
081	081
082	082
083	083
084	084
085	085
086	086
087	087
088	088
089	089
090	090
091	091
092	092
093	093
094	094
095	095
096	096
097	097
098	098
099	099
100	100

配电平面图



04	
03	
02	
01	I
017	HỖ DUNG GIỮ SUPPORT OF REFRIGERANT
CÔNG TRÌNH :	
CHỦ ĐẦU TƯ :	
永鴻機電工程責任有限公司  ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH MỸ ANH VIỆT NAM 45/40 NGUYỄN VĂN TRÙY, QUẬN 12, TP. HCM 0903 157 157 157 0903 157 157 157	
NAME YONG CHIEF DESIGNER NAME YONG	
DESIGN NAME YONG	
CHECKED NAME YONG	
16	OLD 05
DRAWING TITLE 冷冻水平面图	



MẶT BẰNG TỔNG THỂ

CHỦ ĐẦU TƯ :
OWNER

**CÔNG TY TNHH
e-long (VIỆT NAM)**

GIAI ĐOẠN THIẾT KẾ :
ISSUED FOR

☒ THIẾT KẾ SƠ BỘ
CONCEPT DESIGN
☐ THIẾT KẾ CHI TIẾT
EXECUTION DESIGN
☐ HIỆU CHỈNH
REVISED
☐ HOÀN CÔNG
REVISION

SỐ LẦN HIỆU CHỈNH REVISION SURST	01	02	03
NGÀY HIỆU CHỈNH DATE OF REVISION	00/00/00	00/00/00	00/00/00



DAHAN CO.,LTD

DUYỆT:
APPROVED

ĐẶNG VỸ BANG

THIẾT KẾ
DESIGNED

NGUYỄN HỮU THIÊN

VẼ :
DRAWN

NGUYỄN HỮU THIÊN

KIỂM TRA :
CHECKED

ĐẶNG VỸ BANG

DỰ ÁN:
PROJECT NAME

HỆ THỐNG HÚT BỤI

HẠNG MỤC:
ITEM

THÁP + QUẠT

TÊN BẢN VẼ:
DRAWING TITLE

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

TỶ LỆ :
SCALE
0/0

MÃ DỰ ÁN :
PROJECT NO.
...

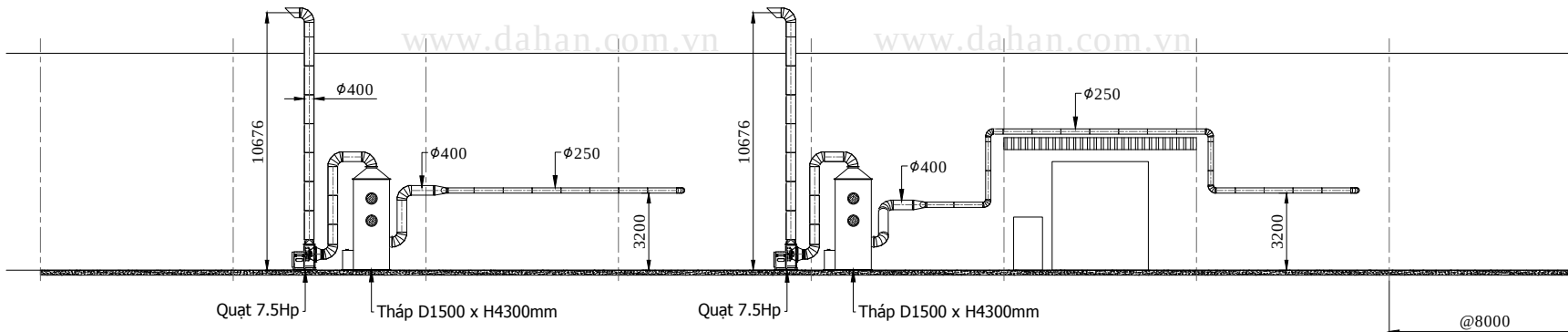
MÃ SỐ BẢN VẼ :
DRAWING NO.
SB-01

NGÀY :
DATE
10/2025

CTY TNHH TM-SX-DV ĐẠI HÀN

A5/2C NGUYỄN CỬU PHÚ, ẤP 1, TÂN KIẾN,
BÌNH CHÁNH, TP. HCM
ĐT : (84 - 8) 38771300
FAX : (84 - 4) 38771301
EMAIL: dahan@dahan.com.vn

ISO 9001:2008



MẶT ĐỨNG HỆ THỐNG
VIEW A-A

CHỦ ĐẦU TƯ :
OWNER

CÔNG TY TNHH
e-long (VIỆT NAM)

GIAI ĐOẠN THIẾT KẾ :
ISSUED FOR

☒ THIẾT KẾ SƠ BỘ
CONCEPT DESIGN ☐ THIẾT KẾ CHI TIẾT
EXECUTION DESIGN
☐ HIỆU CHỈNH
REVISED ☐ HOÀN CÔNG
REVISION

SỐ LẦN HIỆU CHỈNH REVISION SURTEL	01	02	03
NGÀY HIỆU CHỈNH DATE OF REVISION	00/00/00	00/00/00	00/00/00



DUYỆT:
APPROVED

ĐẶNG VỸ BANG

THIẾT KẾ
DESIGNED 
NGUYỄN HỮU THIÊN

VẼ :
DRAWN 
NGUYỄN HỮU THIÊN

KIỂM TRA :
CHECKED

ĐẶNG VỸ BANG

DỰ ÁN:
PROJECT NAME

HỆ THỐNG HÚT BỤI

HẠNG MỤC:
ITEM

THÁP + QUẠT

TÊN BẢN VẼ:
DRAWING TITLE

MẶT ĐỨNG HỆ THỐNG

TỶ LỆ :
SCALE
0/0

MÃ DỰ ÁN :
PROJECT NO.
...

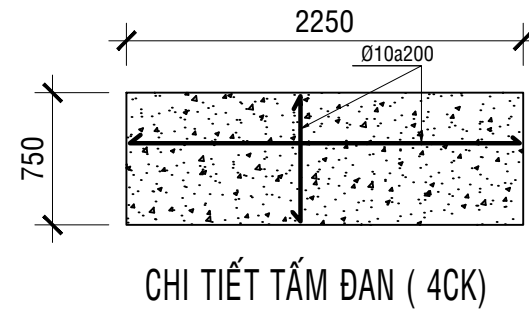
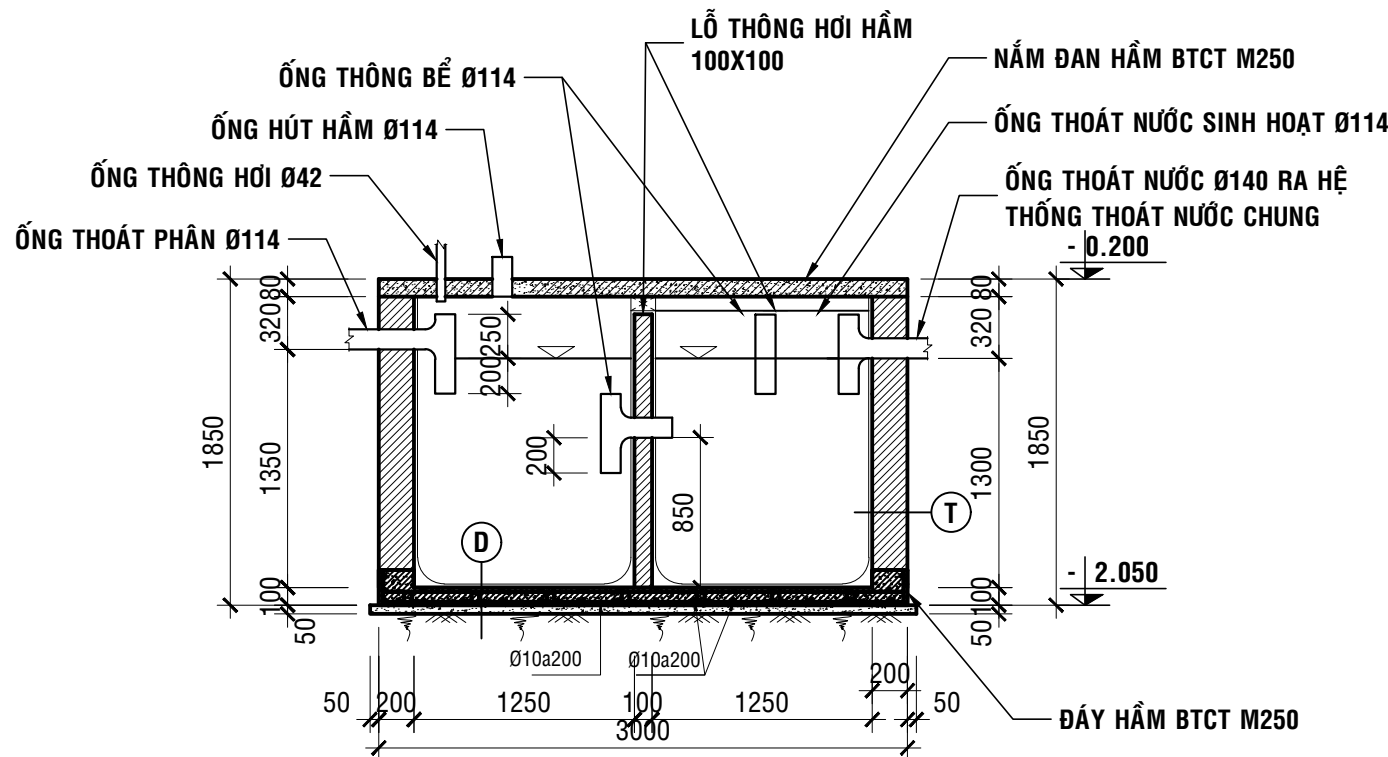
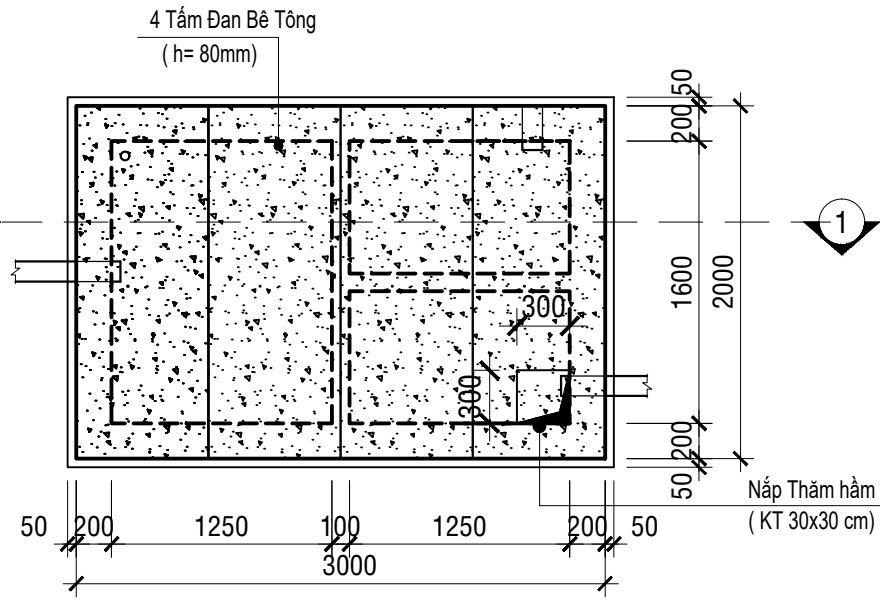
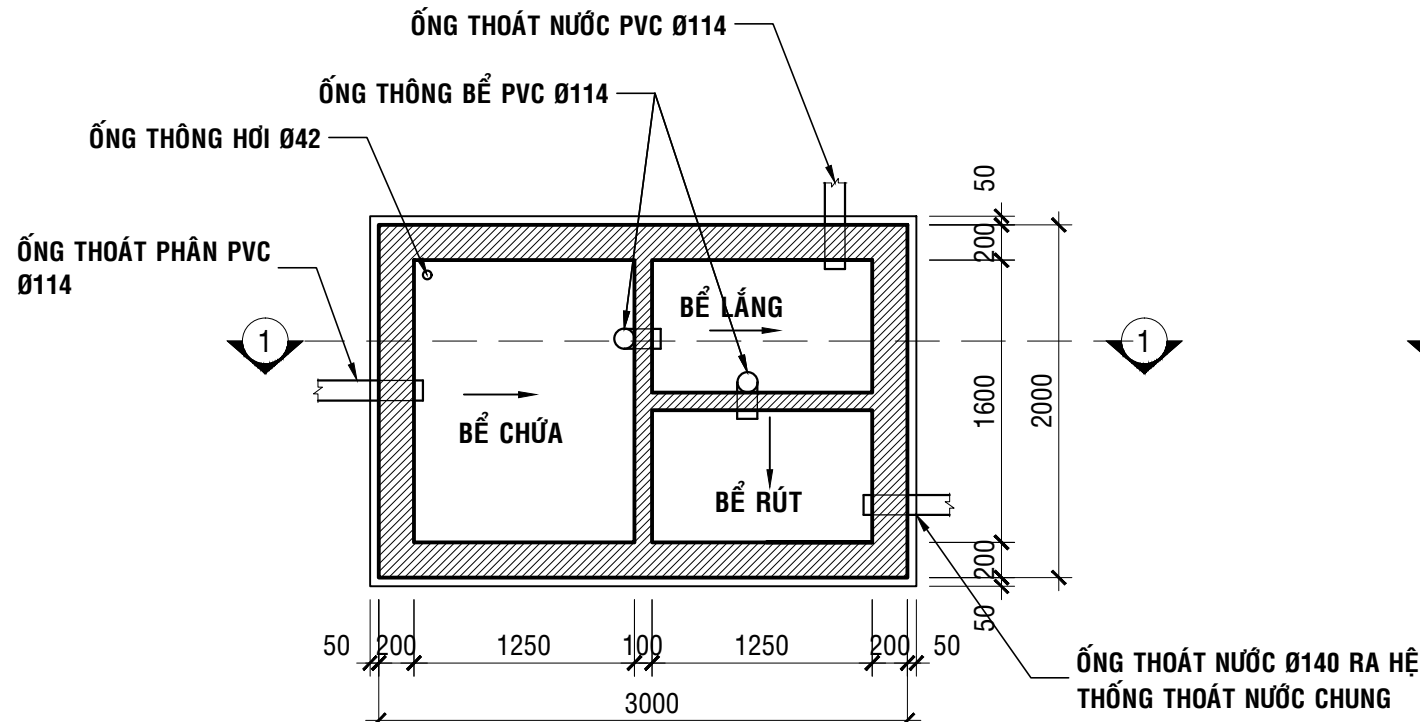
MÃ SỐ BẢN VẼ :
DRAWING NO.
SB-01

NGÀY :
DATE
10/2025

CTY TNHH TM-SX-DV ĐẠI HÀN

A5/2C NGUYỄN CỬU PHÚ, ẤP 1, TÂN KIẾN,
BÌNH CHÁNH, TP. HCM
ĐT : (84 - 8) 38771300
FAX : (84 - 4) 38771301
EMAIL: dahan@dahan.com.vn

ISO 9001:2008



- TRÁT VXM M75, LÁNG VXM CHỐNG THẤM
- TƯỜNG XÂY GẠCH ỐNG VXM 75
- LỚP ĐẤT TỰ NHIÊN



- LÁNG VXM CHỐNG THẤM
- LỚP BTCT ĐÁ 1X2 M250 DÀY 100
- LỚP BT LÓT ĐÁ 4x6 M100
- LỚP ĐẤT TỰ NHIÊN

Chủ Đầu Tư / 業主

CÔNG TY TNHH E-LONG (VIỆT NAM)

Đơn vị thiết kế và thi công:
/ 施工單位

Chủ Trì thiết kế/ 设计主管

Khai triển kiến trúc/ 建筑展开

Khai triển kết cấu/ 结构展开

Tên công trình/ 工程:

Hạng mục/ 项目:

Thiết kế sơ bộ/ 初步设计:

Thiết kế thi công/ 施工图设计:

X.P.X.D/ 建筑许可:

Tên bản vẽ/ 图纸:

Ngày/日期:

.../10/2025

Ký hiệu bản vẽ
/ 圖代號